

thời đại mới

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU & THẢO LUẬN

Số 22
tháng 8, 2011

Mục Lục

1. Hồ Bạch Thảo, *Trung Quốc từng nêu việc đánh chiếm An Nam để gây áp lực với các nước Đông Nam Á*..... 1
2. Hoàng Việt, *Một cái nhìn về chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông*..... 11
3. Ross Terrill, *Trung Quốc muốn gì?* 28
4. Aaron L. Friedberg, *Bá quyền với bản sắc Trung Quốc* 40
5. David Shambaugh, *Đối phó với một Trung Quốc mâu thuẫn* 53
6. Lê Vĩnh Trương, *Sức mạnh mềm của Việt Nam và ASEAN đối với Trung Quốc* 79
7. Phạm Hoàng Quân, *Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong phương chí Trung Hoa* 100
8. Nguyễn Trung, *Việt Nam và vấn đề sử dụng người tài trong giai đoạn hiện nay* 184

Trung Quốc từng nêu việc đánh chiếm An Nam để gây áp lực với các nước Đông Nam Á

Hồ Bạch Thảo

Tóm tắt: Bài viết này phân tích một số trích đoạn trong Minh Thực Lục để thấy rằng, vào khoảng đầu thế kỷ XV, nhà Minh ở Trung Quốc đã nhiều lần nêu việc đánh An Nam (Việt Nam) để đe dọa các nước Đông Nam Á khác.

Từ khóa: Minh Thực Lục, Lịch sử, Việt Nam, Trung Quốc, Đông Nam Á.

© 2011 Thời Đại Mới

Việt Nam và các nước vùng Đông Nam Á ở vào cái thế “môi hở răng lạnh”. “Cặp môi” Việt Nam hở, khiến “hàm răng” Đông Nam Á chịu lạnh như thế nào, đã được nhiều nhà nghiên cứu phân tích. Gần đây thái độ của Trung Quốc lại càng ngang ngược, bất chấp cả bằng chứng lịch sử và pháp luật quốc tế, tự tiện vẽ đường lưỡi bò 9 vạch, đòi hỏi đến 80% lãnh hải vùng biển Đông. Trong cuộc tranh chấp này, Việt Nam ở hoàn cảnh “đứng mũi chịu sào”, bị đe dọa nhiều nhất; nên những người lo xa ắt phải nghĩ đến về số phận các nước Đông Nam Á, một khi Việt Nam nằm trong gọng kìm Trung Quốc.

Hãy ôn lại thời kỳ đen tối nhất vào đầu thế kỷ thứ 15, nước An Nam [tên cũ của Việt Nam] bị thất bại trước cuộc xâm lăng của Trung Quốc. Ngày 10/5/1407 làm lễ dâng hiến tù binh gồm cha con Hồ Quý Ly và bày tôi tại kinh đô Trung Quốc; vua Minh Thái Tông [Thành Tổ] đích thân tham dự và ban bố bản tuyên cáo rằng nước An Nam bị đô hộ.

Cùng thời với cuộc xâm lăng An Nam, lần đầu tiên chiến hạm của Thái giám Trịnh Hòa làm chuyến hải hành thị uy tại vùng Đông Nam Á. Khi đến nước Trảo Oa [Java], thì nước này đang ở trong tình trạng nội chiến giữa 2 phe: Đông vương Trảo Oa và Tây vương Trảo Oa. Phe Tây vương Trảo Oa chiến thắng phe Đông vương. Gặp lúc quân của Trịnh Hòa đổ bộ lên phần đất của Đông vương bị phe Tây vương giết chết hơn 170 tên. Sau khi sự việc xảy ra, vào ngày 23/10/1407 Sứ thần Tây vương

Tráo Oa đến kinh đô nhà Minh để tạ tội. Vua Thái Tông giận dữ, đem việc cha con Hồ Quý Ly tại An Nam bị tiêu diệt ra để đe dọa, và cuối cùng đòi phải bồi thường một số vàng lớn đến 6 vạn lượng:

[226] Ngày 23 tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [23/10/1407]

Tây Vương Đô Mã Phán nước Tráo Oa sai sứ Á Liệt Gia Ân đến triều cống tạ tội. Trước đây Tây Vương Tráo Oa và Đông Vương Tráo Oa đánh nhau, phe Đông Vương Tráo Oa bị tiêu diệt. Lúc bấy giờ triều đình sai sứ đến các nước Phiên, đi qua phần đất trước đây Đông Vương cai trị; quan quân lên bờ mua bán, bị phe Tây Vương giết 170 người. Tây Vương biết được nên sợ hãi, đến nay sai người đến tạ tội.

Thiên tử sai sứ mang sắc dụ Đô Mã Phán rằng:

“Người vốn ở biển nam, làm tròn chức cống, Sứ giả qua lại biết lý lẽ đáp lại, Trẫm riêng khen điều đó. Mối đây bọn người cùng Đông Vương gây việc binh đao; khiến 170 người của Thiên triều sai đến đều chết, tội lỗi rành rành. Và lại người và Đông Vương đều được triều đình phong tước, nhưng vì sự tham giận, tự tiện tiêu diệt chiếm nước của Đông Vương, trái đạo trời nghịch mệnh, còn tội nào lớn hơn vậy! Sắp đem quân đi thảo phạt, thì người sai Á Liệt Gia Ân đến kinh khuyết chịu tội. Trẫm nghĩ người biết hối hận, nên dừng binh không tiến; nhưng nghĩ đến 170 người chết một cách oan uổng, thì làm sao bỏ qua được! Bởi vậy người phải nộp 6 vạn lượng vàng bồi thường tính mệnh người chết để chuộc tội, mới bảo hộ được đất đai và nhân dân của người. Nếu không tuân thì không thể tránh được mang quân đi hỏi tội; hãy xem sự việc tại An Nam để làm tấm gương soi!”

(**Minh Thực Lục** v. 11, tr. 997-998; Thái Tông q. 71, tr. 6a-6b)

Để tiện tham khảo thêm tư liệu, ngoài bản dịch Việt văn của chúng tôi được trích từ **Minh Thực Lục: Quan hệ Trung Quốc và Việt Nam**¹; xin đính kèm bản dịch Anh văn của Tiến sĩ Geoff Wade; nguồn từ **The Ming Shi Lu as a source for Southeast Asian history**, Asia Research Institute, National University of Singapore².

¹ Hồ Bạch Thảo, bản dịch “Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc Việt Nam”, NXB Hà Nội, Hà Nội, 2010.

² Bản dịch của Geoff Wade (<http://epress.nus.edu.sg/msl>):

Yong-le: Year 5, Month 9, Day 23

(23 Oct 1407)

| Record 553 of 3279 |

The envoy Ya-lie Jia-en and others whom had been sent by Du-ma-ban, the Western king of the country of Java, came to Court to admit guilt. Previously, the Western king had been involved in battle with the Eastern king and the

Sau vụ cưỡng bách nước Trảo Oa nạp vàng chưa được một tháng, vua nhà Minh bèn sai sứ mang văn thư đến trao cho vua nước Lão Qua, tiền thân nước Ai Lao hiện nay. Trong văn thư hài tội rằng Lão Qua đã ngầm giúp An Nam chống lại Trung Quốc. Căn cứ vào chính sử thực lục về cuộc chiến giữa Trung Quốc và An Nam, không đề cập đến sự kiện này; xét ra đây chỉ là cái cớ để nhà Minh bắt nước Lão Qua phải mau đến triều cống. Cũng như trường hợp đối với nước Trảo Oa nêu trên, việc “*sai tướng ra quân, thay trời thảo phạt An Nam*”, cũng được nêu lên để hù dọa:

[231] Ngày 8 tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [7/11/1407]

Sai sứ mang sắc dụ Tuyên ủy sứ Lão Qua Đào Tuyên Ngạt rằng:

“Ta từ khi lên ngôi đến nay, cai trị người xa xôi, không phân biệt kẻ này người khác, đều đối xử với một dạ chí thành; vì vậy 9 Di, 8 Man đều đến triều cống. Người nhận mệnh triều đình, đứng đầu coi giữ đất; mà mấy năm gần đây không lo sửa soạn chức cống, coi việc đó tự nhiên như không! Cha con giặc họ Lê tại An Nam, trái mệnh gây họa; thần và

Eastern king had been eliminated. At the time, the envoy who had been sent by the Court to the various fan countries was passing through where the Eastern king had ruled. The government troops went ashore to trade and 170 of them were killed by the troops of the Western king. When the Western king heard of this, he was frightened and at this time the envoy he had sent came to admit guilt. The Emperor sent an envoy with Imperial orders of instruction to Du-ma-ban. The orders read: "You reside in the Southern Ocean and have been able to to fulfil your tributary functions. Envoys have come and gone and they have been received and sent off with ceremony. I have been pleased with you. You have recently engaged in battle with the Eastern king and were involved in the killing of over 170 men who had been sent by the Court. There is no doubt as to your guilt. Both you and the Eastern king were enfeoffed by the Court. However, you acted on the basis of greed and anger and without authority eliminated him and occupied his land. You have acted against Heaven and violated orders. Is there anything more serious than this? Just as I was about to raise an army to punish you, Ya-lie Jia-en and the others whom you sent, came to Court and advised your admission of guilt. I have seen that you are capable of repenting your mistakes and I have thus leniently stopped the despatch of troops. But what of the 170 people who died innocently? You must immediately pay 60,000 liang of gold as compensation for their lives and to atone for your crime. In this way, you will be protecting your land and your people. Fail to comply and there will be no option but to despatch an army to punish your crime. What happened in Annam can serve as an example!"

Tai-zong: juan
71.6a-b

Zhong-yang Yan-jiu yuan Ming Shi-lu, volume 11, page
0997/98

người đều phần nộ; Trẫm sai tướng ra quân, thay trời thảo phạt, người đã không vì triều đình mà căm giận chúng, lại ngầm thông đồng giúp quân; gian dối như vậy, làm sao mà chạy tội được.

Ta muốn mang quân hỏi tội ngay, nhưng sợ tổn thương đến người dân vô tội, nên nay đặc sứ giả đến dụ người hãy mau hối lỗi xưa, ngõ hầu mưu đồ sự bảo toàn; nếu không thì trời trách, người phạt, hối sẽ không kịp nữa!”

(**Minh Thực Lục** v. 11, tr. 1001-1002; Thái Tông q. 72, tr. 1a-1b)

Xem bản dịch Anh văn³.

Sự đe dọa còn lan đến nước Tiêm La [Thái Lan]. Lúc này hầu như nhà Minh đóng vai trò cảnh sát quốc tế, hài tội Tiêm La bắt sứ giả nước Bành Hanh [Pahang], đoạt ấn tín và bản chế cáo của các nước Tô Môn Đạp Thứ [Samudera] và Mãn Thứ Gia [Melaka]; và không quên hù dọa

³ Bản dịch của Geoff Wade (<http://epress.nus.edu.sg/msl>):

Yong-le: Year 5, Month 10, Day 8

(7 Nov 1407)

| Record 560 of 3279 |

An envoy was sent with Imperial orders of instruction for Dao Xian-dai, the pacification superintendent of Laos. The orders read: "Since I became Emperor, I have comforted the distant peoples and have not differentiated between here and there. I have been perfectly sincere to all. Thus the nine yi and the eight man have all come to offer tribute. You received orders from the Court appointing you as the chieftain and defender of your region. However, in recent years, you have not come to Court to offer tribute. Why is this so? The Li bandits of Annam, both father and son, disobeyed Heaven and caused calamities. Both the spirits and men were angered and thus I ordered the generals to take an army and respectfully carry out Heaven's punishment. You were unwilling to take the Court's enemies as your own and instead have secretly colluded with Ji-li, and assisted him with troops and elephants. Having been so guileful and deceitful, how can punishment for your crimes be avoided? I wanted to despatch troops to punish your crimes, but was afraid that innocent people would be hurt. Thus, I am now sending a special envoy with orders of instruction for you. If you are able to repent your previous crimes, you will be able to ensure your security. If you do not do this, the punishments of Heaven and man will be forthcoming and at that time, it will be too late to repent."

Tai-zong: juan
72.1a-b

Zhong-yang Yan-jiu yuan Ming Shi-lu, volume 11, page
1001/02

về “ vết bánh xe đồ của cha con nhà họ Lê tại An Nam còn rõ ràng trước mắt, có thể lấy đồ mà soi”:

[233] Ngày 21 tháng 10 năm Vĩnh Lạc Thứ 5 [20/11/1407]

Quốc vương Tiêm La Chiêu Lộc Quần Ưng Đá La Đế Thứ sai bọn Sứ giả Nại Bà Tức Trục Sự Thế dâng biểu cống voi thuần, chim anh vũ, không tước; ban cho tiền giấy, y phục. Mệnh bộ Lễ ban cho Vương nước này lụa ý dệt kim, lụa là.

Trước đó nước Chiêm Thành sai sứ triều cống, lúc trở về gặp bão phiêu dạt đến nước Bành Hanh. Tiêm La cậy mạnh áp lực Bành Hanh bắt Sứ giả câu lưu, sự việc có kẻ báo cho triều đình biết. Vương các nước Tô Môn Đáp Thứ, Mãn Thứ Gia cũng sai người tố cáo Tiêm La cường bạo, sai lính đoạt ấn tín và bản chế cáo nhận từ triều đình; người trong nước kinh hãi vì không được sống yên ổn. Do đó ban sắc dụ Chiêu Lộc Quần Ưng Đá La Đế Thứ rằng:

“Chiêm Thành, Tô Môn Đáp Thứ, cùng nước người bình đẳng nhận mệnh của triều đình; sao người dám tự thị mạnh bắt Sứ giả đến triều đình, chiếm đoạt ấn và bản chế cáo. Đạo trời rành rành làm thiện được phúc, ác gặp tai họa; vết bánh xe đồ của cha con nhà họ Lê tại An Nam còn rõ ràng trước mắt, có thể lấy đồ mà soi. Hãy lập tức phóng thích ngay Sứ giả Chiêm Thành, cùng trả ấn, cáo cho Tô Môn Đáp Thứ, Mãn Thứ Gia. Từ nay phải an phận giữ lễ, hòa mục với lân bang, ngõ hầu hưởng được thái bình mãi mãi.”

(**Minh Thực Lục**, v. 11, tr. 1008-1009; q. 72, tr. 4b-5a)

Xem bản dịch Anh văn⁴.

⁴ Bản dịch của Geoff Wade (<http://epress.nus.edu.sg/msl>):

Yong-le: Year 5, Month 10, Day 21

(20 Nov 1407)

| Record 564 of 3279 |

The envoy Nai Po-lang-zhi-shi-ti and others, who had been sent by Zhao Lu-qun Ying-duo-luo-di-la, the king of the country of Siam, presented a memorial and offered tribute of trained elephants, parrots, peacocks and other products. Paper money, silks and clothing were conferred upon them. The Ministry of Rites was ordered to confer upon the king biao-li of patterned fine silks and silk gauzes interwoven with gold thread. Previously, the envoy from Champa, who had come to Court, was at sea returning home when strong winds blew his ship to the country of Pahang. Siam intimidated Pahang with a show of force and took away the Champa envoy. They detained him and did not send him back. News of this then reached the Court. The kings of the countries of Samudera and Melaka also sent people to complain that Siam had been overbearing and that it had sent troops to take away their seals and title patents which they had

Trong cuộc chiến tranh với An Nam [1406-1407], Chiêm Thành có công giúp nhà Minh, nên sau khi chiến thắng vua Thái Tông sai Thái Giám Vương Quý Thông mang tiền, lụa sang ban thưởng⁵. Đến lúc Chiêm Thành hợp tác với nhà Minh dẹp cuộc khởi nghĩa của Trần Quý Khoách tại An Nam, rồi chiếm lấy phủ Thăng Hoa; viên Thượng thư bộ binh xin mang quân đánh chiếm Chiêm Thành, nhưng vua nhà Minh cảm thấy mệt mỏi vì chiến tranh, nên chỉ răn đe “không chịu trả lại đất An Nam, thì hãy trông bánh xe đổ trước mắt, xem đó để làm răn!”:

[432] Ngày 13 tháng 11 năm Vĩnh Lạc thứ 13 [29/12/1415]

Thượng thư bộ Binh Trần Hiệp tâu rằng lúc triều đình mang binh dẹp giặc họ Lê cùng Trần Quý Khoách, Quốc vương nước Chiêm Thành Chiêm Ba Đích Lại tuy tuân triều mệnh mang binh sang trợ giúp; nhưng y âm mưu hai lòng, coi bọn chúng như mối với rặng để hòng nương dựa. Y trông chờ nhìn ngó tình hình, không tiến quân đúng hẹn, lúc đến Hóa Châu thì ra sức cướp bóc. Lại đưa vàng, vải vóc, voi trện tư cấp cho Quý Khoách, Khoách mang con gái họ Lê đem cho; còn dùng nạp cậu Quý Khoách là Trần Ông Đình, em của Đặng Dung là Đặng Đoàn cùng trai gái hơn 3 vạn người. Y xâm đoạt phủ Thăng Hoa gồm 4 châu 11 huyện, lại cướp bóc nhân dân, tội dưới Quý Khoách một bậc mà thôi. Phàm có tội phải trừng trị, xin phát binh chinh phạt.

Thiên tử cho rằng vừa bình định xong, dân mới được yên nghiệp, không nỡ mang quân đi đánh nước man di xa xôi. Chỉ sai sứ sang dụ Chiêm Ba Đích Lại rằng nước người từ lâu bị An Nam độc hại, mấy lần xin phát binh tiêu trừ, Trẫm đã mệnh đem quân bình định, chia nước này thành quận huyện. Người Lại, đáng cảm tạ ân đức, yên phận để giữ đất

received from the Court. They also noted that the people of their countries were scared and unable to live in peace. At this time, orders were conferred upon Zhao Lu-qun Ying-duo-luo-di-la, as follows: "Champa, Samudera, Melaka and you have all received the Court's orders. You stand as equals. Why have you, relying on force, detained their envoy to the Court and taken away their seals? The illustrious way of Heaven is to bring prosperity to the good and calamity to the evil. The Li bandits of Annam, both father and son, previously met disaster. You can take warning from that. Immediately return the Champa envoy and the seals and title patents conferred upon Melaka and Samudera. From now on you should look to your own affairs, maintain propriety, live in peace with your neighbours and protect your territory. In this way, you will long enjoy great peace."

Tai-zong: juan
72.4b-5a

Zhong-yang Yan-jiu yuan Ming Shi-lu, volume 11,
page 1008/09

⁵ Minh Thực Lục, Thái Tông, quyển 2, trang 7a.

phong, nếu ăn ở hai lòng trái đạo trời, không chăm sóc kẻ dưới, không chịu trả lại đất An Nam, thì hãy trông bánh xe đổ trước mắt, xem đó để làm răn!

(Minh Thực Lục v. 13, tr. 1900-1901; Thái Tông q. 170, tr.3b-4a)

Xem bản dịch Anh văn⁶.

Trong giai đoạn đầu cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi tại An Nam, Tổng binh quân Minh là Lý Bân ngờ rằng Lê Lợi trốn tại nước Lão Qua, nên đòi mang quân vượt biên giới lục soát. Viên Đầu mục Lão Qua xin quan quân Minh đừng vào biên cảnh, sẽ tự mang quân lục soát, nếu bắt được

⁶ Bản dịch của Geoff Wade (<http://epress.nus.edu.sg/msl>):

Yong-le: Year 13, Month 11, Day 28

(29 Dec 1415)

| Record 927 of 3279 |

The Minister of War Chen Qia advised as follows: "When the Court originally subdued the Li bandits and Chen Ji-kuo, although Zhan-ba Di-lai, the king of the country of Champa, obeyed the Court's orders and despatched troops in assistance, actually he secretly had divided loyalties. Wishing to rely on both sides, he constantly looked from one to the other and failed to attack in due time. When he did advance, he attacked Hua Subprefecture, and engaged in great violence and plunder. He also provided his "Gold and Silk" (金帛) war elephants to assist Ji-kuo and presented him with Li Cang's daughter. He further received Ji-kuo's uncle Chen Weng-ting, Deng Rong's younger brother Deng Duan and other men and women, totalling over 30,000 persons. In addition, he attacked four subprefectures and eleven counties under Sheng-hua Prefecture, drove the people away and engaged in plunder. His crimes are but one grade less serious than those of Ji-kuo himself. Those who commit crimes must be punished. It is requested that troops be despatched to punish him." As Jiao-zhi was at peace and the people had returned to their occupations, the Emperor could not bear to send troops against the distant yi. However, an envoy was sent to take the following Imperial orders of instruction to Zhan-ba Di-lai: "You long suffered under the poisonous influence and cruelty of Annam and repeatedly requested that troops be despatched to eliminate the evil. I thus ordered my armies to subdue them and to establish administrative divisions. You should take advantage of this peace, think about how fortunate you have been, look to your own affairs and protect the territory of your fief. If you secretly harbour dual loyalties, rebel against the Way of Heaven, do not soothe your people and do not return the territory you have invaded, the occurrences in Annam can serve as a warning as to what will happen to you!"

Tai-zong: juan
170.3b-4a

Zhong-yang Yan-jiu yuan Ming Shi-lu, volume 13,
page 1900/01

xin giao nạp. Sự việc tâu lên, vua Thái Tông không tin lời Lão Qua, và cho bắt viên Đầu mục đến Bắc Kinh tra hỏi như là một tội phạm:

[567] Ngày 11 tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 19 [7/10/1421]

Quan Tổng binh Giao Chỉ Phong Thành hầu Lý Bân tâu:

“Phản tặc Lê Lợi chạy trốn sang Lão Qua, ra lệnh cho quân truy bắt. Nhưng Lão Qua sai Đầu mục Lâm Kỳ Tức Cốc xin quan quân đừng vào biên cảnh, sẽ cho quân lính đi lục soát, nếu có Lê Lợi sẽ đem đến cửa quân. Từ đó đến nay đã lâu, không thấy tung tích Lê Lợi.”

Thiên tử xem tấu, nghi Lão Qua dấu giặc nên sắc dụ Bân đưa bọn Lâm Kỳ Tức Cốc đến Bắc Kinh để cật vấn. (Minh Thực Lục v. 14, tr. 2289-2290; q 241, tr. 1a-1b)

Xem bản dịch Anh văn⁷:

Tại An Nam, vào mùa xuân năm 1428, thời cuộc đã thay đổi. Sau khi đạo quân tiếp viện cuối cùng của quân Minh bị đánh tan, Thành sơn hầu Vương Thông trái qua bước đường cùng, không chờ lệnh vua, tự tiện rút quân về nước; An Nam dành được độc lập. Kể từ đó nhà Minh trở nên biết điều hơn, không còn đe dọa mang quân đi xâm chiếm các nước. Như việc Sứ thần Tiêm La mang sản vật đến triều cống Trung Quốc bị Chiêm Thành câu lưu tại cảng Qui Nhơn; cùng việc Sứ thần Trung Quốc trên đường đến các nước Đông Nam Á, bị bão dạt đến Chiêm Thành, cũng bị câu lưu. Trước hành vi coi thường Thiên triều, vua nhà Minh chỉ

⁷ Bản dịch của Geoff Wade (<http://epress.nus.edu.sg/msl>):

Yong-le: Year 19, Month 9, Day 11

(7 Oct 1421)

| Record 1121 of 3279 |

The Feng-cheng Marquis Li Bin, regional commander of Jiao-zhi, memorialized: "The rebellious bandit Li Li fled into Laos and I ordered the troops to pursue and apprehend him. However, Laos then sent the chieftains Lan Qi and Lang Gu to request that the Imperial troops not enter their territory. Thereupon, the troops were sent to conduct a search within the territory of Laos. It turned out that Li Li was there. Thus, the chieftains were sent to the general military headquarters. At this time Li Li has not appeared for quite a long period." The Emperor, on reading the memorial, suspected that Laos was concealing the bandit. Thus Imperial orders were sent to Bin requiring him to send Lan Qi and Lang Gu to Bei-jing for investigation.

Tai-zong: juan
241.1a-b

Zhong-yang Yan-jiu yuan Ming Shi-lu, volume 14,
page 2289/90

đưa lời khuyên răn mềm mỏng, chứ không còn hung hăng hăm dọa như trước:

[879] Ngày 25 tháng 5 Năm Chính Thống Thứ Nhất [9/6/1436]

Chánh phó Sứ Chiêm Thành bọn Bồ Sa Phạ Tề Các từ giả bộ rờng; mệnh ban sắc dụ Vương nước này rằng:

“Vương biết kính trời thờ người trên, từ xưa thời tổ tông ta lên ngôi cung kính với chức công; nay Trẫm mới nối ngôi Vương lại sai sứ triều công; thực đáng khen! Tuy nhiên gần đây Sứ thần nước Tiêm La tâu rằng vào năm Tuyên Đức thứ 4 [1429] nước này sai Sứ thần cùng với 100 người gồm cả đàn ông, đàn bà mang sản phẩm địa phương đáp thuyền đến công. Khi đến cảng Tân Châu [cảng Qui Nhơn] nước người, bị người trong nước câu lưu. Năm Tuyên Đức thứ 6 [1431] hơn 20 quan quân của triều đình đáp thuyền xuống Tây Dương, trên đường gặp bão dạt vào nước người, cũng bị câu lưu.

Khi sắc đến Vương hãy đem những người và phương vật của Tiêm La cùng số quan quân đi Tây Dương thả trở về ngay; để nhân dân mọi người ai cũng được đoàn tụ cùng cha mẹ vợ con; Vương cũng được trường tồn an lạc. Nếu không thì trời đất quỷ thần có chỗ không dung thứ; Vương nên hiểu rõ, để đáp ứng lòng hoài mong của Trẫm. Ban cho Vương cùng Vương phi nhung thêu hoa, gấm dệt kim tuyến, cùng lụa là, lụa đoạn các loại.”

Xem bản dịch Anh văn⁸.

⁸ Bản dịch của Geoff Wade (<http://epress.nus.edu.sg/msl>):

Zheng-tong: Year 1, Month 5, Day 25

(9 Jun 1436)

| Record 1685 of 3279 |

The chief envoy Bu-sha-pa Ji-ge, the deputy envoy and others from the country of Champa took leave of the Court. They were ordered to take Imperial orders of instruction for their king. The orders read: "You, king, have been capable in respecting Heaven and serving the superior. When my Imperial ancestors were on the throne, you respectfully fulfilled your tribute obligations and became increasingly reverent. I have now ascended the throne and you, king, have again sent an envoy to come to Court to offer tribute. This regard and diligence is highly commendable. Recently, an envoy from the country of Siam memorialized that in the fourth year of the Xuan-de reign (1429/30), their country sent an envoy with over 100 male and female fan attendants, and they set sail in a ship bearing the local products they were to offer in tribute. When they came to Xin-zhou Port in your country, they were detained by the people of your country. In the sixth year of the same reign (1431/32), when 20-plus government troops of those the Court had sent to the Western Ocean happened to meet strong winds and were blown in their ship to your country, they were

also detained. When these orders arrive, you, king, are to immediately release and send back all the Siamese people and local products originally detained as well as the government troops who had been sent to the Western Ocean. In this way, all these people will be able to fulfil their desire to be re-united with their fathers, mothers, wives and children, and you, king, will long enjoy peace. If you do not do this, Heaven and Earth and the ghosts and spirits will indeed find it intolerable. You, king, should note this well and accord with my cherished hopes!" In addition, decorated velvet brocades (粧花絨), ramie-silk, silk gauzes interwoven with gold thread, and variegated satins, as appropriate, were conferred upon the king and his consort.

Ying-zong: juan
17.9a-b

Zhong-yang Yan-jiu yuan Ming Shi-lu, volume 22,
page 0341/42

Một cái nhìn về chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông

Hoàng Việt

Tóm tắt: *Xem xét các chính sách của Trung Quốc đối với biển Đông cũng như phân tích các tuyên bố và hành động của Trung Quốc trong thời gian gần đây, thấy rằng: Trung Quốc luôn có tham vọng chiếm hữu biển Đông để làm bàn đạp chiến lược trong việc thực hiện tham vọng cường quốc biển. Tuy nhiên, với bối cảnh quốc tế mới, với sự lệ thuộc vào nguồn dầu mỏ nhập khẩu qua eo biển Malacca cũng như vị trí của Trung Quốc hiện nay, Trung Quốc khó có thể sử dụng vũ lực trong việc giải quyết tranh chấp tại biển Đông.*

Từ khóa: *Biển Đông, Trung Quốc, Việt Nam.*

© 2011 Thời Đại Mới

I. Giới thiệu

Tranh chấp biển Đông thời gian vừa qua lại trở nên hết sức căng thẳng, Đặc biệt với những sự kiện mới xảy ra gần đây như phía Việt Nam và Philippines đã tố cáo các hành động mang tính chất “gây hấn” của phía Trung Quốc như đe dọa các tàu của Philippines tại khu vực vùng đặc quyền kinh tế của Philippines vào hồi tháng 3/2011¹, cũng như cắt cáp của tàu Bình Minh 02 của Việt Nam ngày 26/5/2011², đe dọa cắt cáp tàu Viking 02 ngày 09/06/2011³ của Việt Nam, mặc dù các tàu này đều hoạt động trong vùng biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam theo các quy định của Công ước Luật biển của Liên Hợp Quốc năm 1982.

Tranh chấp biển Đông một lần nữa lại nóng lên trong các phiên nghị sự quốc tế trong năm như Hội nghị Shangrila hồi tháng 5 hay Hội nghị ARF tháng 7 vừa rồi.

¹ Ian Storey, China and the Philippines: Implications of the Reed Bank Incident, The Jamestown Foundation, 6/5/2011.

² Hà Nội phản bác lại Trung Quốc, BBC Tiếng Việt, 29/5/2011.

³ Tàu TQ lại 'phá cáp' của tàu Việt Nam thuê, BBC Tiếng Việt, 9/6/2011.

Trung Quốc là một bên quan trọng trong tranh chấp biển Đông, với vị thế là một cường quốc hàng đầu ở châu Á, các chính sách của Trung Quốc luôn ảnh hưởng rất lớn đến biển Đông, vì thế việc xem lại những sự việc xảy ra trong quá khứ để nhận xét về chính sách của Trung Quốc trong tranh chấp biển Đông, từ đó đưa những định hướng cho tương lai là một việc làm cần thiết.

Tìm hiểu về chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông là một vấn đề không đơn giản. Trong bài viết này, tác giả muốn đưa ra một cái nhìn từ ba hướng khác nhau để từ đó có thể đi đến một kết luận về chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông. Ba hướng nhìn đó là: Thứ nhất, Trung Quốc cần biển Đông tới mức nào?; Thứ hai, Trung Quốc đã sử dụng vũ lực trong các cuộc tranh chấp lãnh thổ trước đây ra sao?(Từ đó sẽ tìm câu trả lời cho câu hỏi Trung Quốc có khả năng sử dụng vũ lực trong tranh chấp biển Đông hay không); Thứ ba, Trung Quốc đã thể hiện thái độ của mình như thế nào qua những tuyên bố chính thức và qua các hành động gần đây?

II. Trung Quốc cần biển Đông đến mức nào?

Đối với người Trung Quốc, không có mục đích nào lớn lao hơn mục đích tạo lập và duy trì một đất nước Trung Quốc thống nhất, mạnh mẽ và đầy quyền lực chi phối trật tự thế giới⁴. Để có một nước Trung Quốc như vậy, phải có một chính quyền trung ương đủ mạnh, nền kinh tế quốc gia giàu có với một hệ thống quân sự hiện đại, từ đó mới có thể góp phần khẳng định vị thế lãnh đạo của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Để có thể giành được vị trí lãnh đạo trên trường quốc tế như vậy, biển và đại dương đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển trở thành siêu cường của Trung Quốc. Năm 2004, trong bài viết “Địa chiến lược biển và sự phát triển của Hải quân Trung Quốc ở đầu thế kỷ 21”⁵, một chiến lược gia Trung Quốc là Xu Qi đã tổng kết và chỉ ra 4 yếu tố then chốt về tầm quan trọng của biển trong chiến lược phát triển trở thành siêu cường của Trung Quốc, đó là: i) Mọi quan hệ mật thiết giữa biển và quyền lực quốc gia là nhân tố cần thiết mang tính chất sống còn trong sự thịnh vượng lâu dài đối với quốc gia; ii) Biển có một ảnh hưởng sâu sắc đến sự thịnh vượng và quyền lực của quốc gia; iii) Mọi quan hệ trực tiếp giữa vai trò địa lý quan trọng của không gian biển với an ninh quốc gia; iv) Xuyên suốt chiều dài lịch sử, cuộc chạy đua giữa

⁴ J. T Collins, Slow siege of Spratly Islands: China’s South China Sea Strategy, tr.13, <http://dodreports.com/pdf/ada389080.pdf>

⁵Xu Qi, Maritime Geostrategy and Development of The Chinese Navy in the early twenty-first century, Translated by Andrew S. Erickson and Lyle J. Goldstein, Naval War College Review, Autumn 2006, Vol. 59, No. 4, tr. 47-67.

các cường quốc luôn là những cuộc cạnh tranh giành quyền kiểm soát với các khu vực biển chiến lược trên thế giới.

Các nhà chiến lược Trung Quốc đã rất đề cao học thuyết của Alfred Thayer Mahan⁶, và quyết tâm xây dựng Trung Quốc sẽ trở thành cường quốc biển để rồi từ đó tiến tới trở thành siêu cường.

Để hiện thực hóa giấc mơ về sức mạnh biển của mình, trong một báo cáo công bố từ năm 1982⁷ bởi tướng Lư Hoa Thanh – Cựu Phó chủ tịch Quân ủy trung ương thì chiến lược biển của Trung Quốc bao gồm 3 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ năm 2000 đến năm 2010, Trung Quốc thiết lập sự kiểm soát tất cả các vùng nước trong chuỗi đảo thứ nhất nối liền từ Okinawa, Đài Loan và Philippines. Giai đoạn 2 từ 2010 đến 2020, Trung Quốc sẽ tìm cách thiết lập sự kiểm soát tất cả các vùng nước trong chuỗi đảo thứ 2, nối từ chuỗi đảo Ogasawara tới Guam và Indonesia. Giai đoạn cuối cùng, từ 2020 đến 2040, Trung Quốc sẽ thay thế Hoa Kỳ để thống trị toàn bộ Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, sử dụng các hàng không mẫu hạm để duy trì sức mạnh quân sự của mình trên biển.

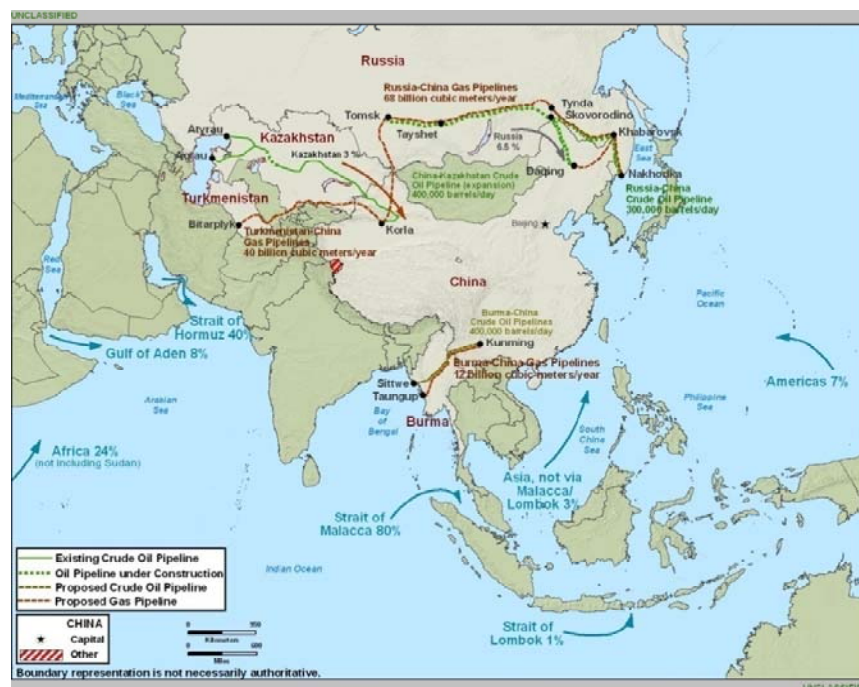
Trong chiến lược biển đầy tham vọng đó, biển Đông đóng một vai trò quan trọng, vì biển Đông nằm trong chuỗi đảo thứ nhất, và là vùng biển quan trọng chứa đựng nhiều tài nguyên cũng như có nhiều con đường hàng hải quốc tế quan trọng trên thế giới chạy ngang qua, và cũng có một vị trí như một vùng đệm trong chiến lược an ninh quốc gia của Trung Quốc⁸.

⁶ James Holmes and Toshi Yoshihara, Mao Zedong, Meet Alfred Thayer Mahan: Strategic Theory and Chinese Sea Power, Australian Defence Force Journal, Issue No. 171, 2006, tr. 32-50.

Theo Mahan, 3 “trụ cột” duy trì quyền lực biển của một quốc gia, chính là: Thương mại; Các đội tàu biển; và các hạm đội Hải quân.

⁷ Stacy A. Pedrozo, China’s Active Defence Strategy and its Regional Impact, tr. 2, www.uscc.gov/pressreleases/2011/11_01_19pr.pdf

⁸ Xem thêm Hoàng Việt, Giải pháp nào cho tranh chấp biển Đông?, Tạp chí Thời Đại Mới, số 19, 2010.



Hình 1: Các tuyến đường thương mại quan trọng của Trung Quốc trên biển. Nguồn: *Annual report to congress, Military Power of the People's Republic of China, 2010, Office of the Secretary of Defense, Department of Defence, United States of America, trang 21.*

Bối cảnh chiến lược quốc tế cũng như chính trị nội bộ Trung Quốc hiện nay khiến chính sách của Trung Quốc bị tác động rất lớn bởi các nhân tố liên quan đến kinh tế⁹.

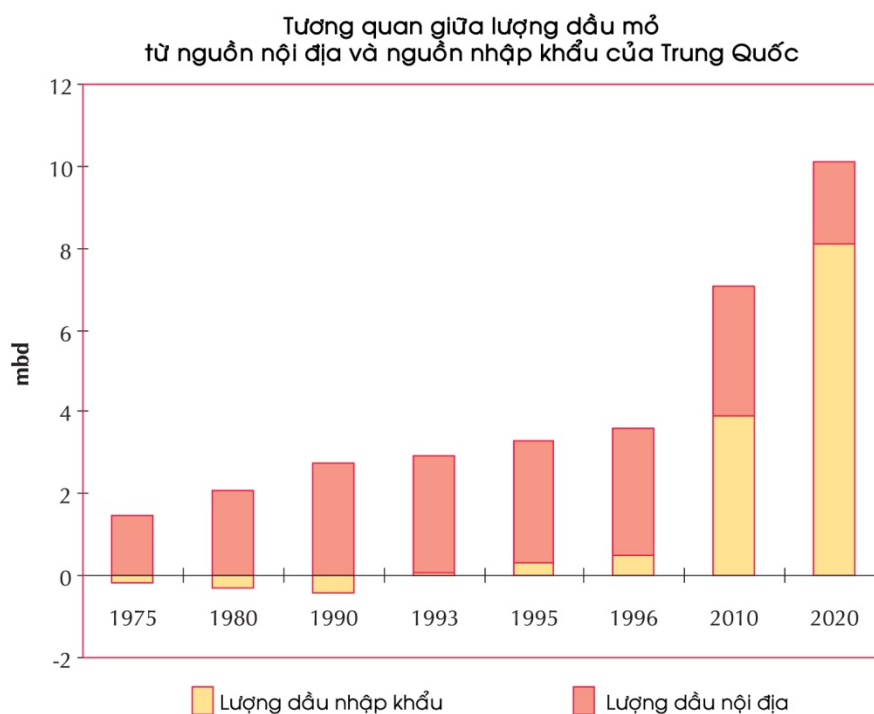
Thương mại biển là một phần đặc biệt quan trọng trong các hoạt động thương mại của Trung Quốc. Theo số liệu trong báo cáo Phát triển biển 2010 của Trung Quốc¹⁰, chỉ tính riêng năm 2008, thương mại đường biển chiếm 9,87% GDP của nước này, với tổng giá trị là gần 3 nghìn tỷ nhân dân tệ (khoảng 456 tỷ đôla Mỹ). Hơn nữa, khoảng 85% các hoạt động thương mại quốc tế của Trung Quốc đều vận chuyển qua đường biển.

Chính vì vậy, vai trò của biển đối với sự phát triển của Trung Quốc là rất lớn, trong đó tập trung đặc biệt vào lượng dầu mỏ nhập khẩu để duy trì mức tăng trưởng của nền kinh tế. Năm 2009, Trung Quốc đã nhập

⁹ Elinor Sloan, *China's Strategic Behaviour*, the Canadian Defence & Foreign Affairs Institute, tr. 2, www.cdfai.org/PDF/China%20Strategic%20Behaviour.pdf

¹⁰ Dean Cheng, *Sea Power and the Chinese State: China's Maritime Ambitions*, the Heritage Foundation, 11/7/2011.

khẩu trên 50% lượng dầu tiêu dùng và dự kiến con số này sẽ tăng lên khoảng 65% vào năm 2020¹¹. Phần lớn lượng dầu nhập khẩu đó là đến từ Trung Đông, bao gồm cả Iran và Ả-rập Xê-út, nên đòi hỏi sự lưu thông ổn định của các tàu chở dầu đến các cảng biển của Trung Quốc. Trên 80% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc phải đi qua eo biển Malacca, nằm trên biển Đông¹².



Hình 2: Thống kê về mức độ tiêu thụ dầu mỏ của Trung Quốc¹³.

Nhiều chuyên gia cho rằng, chiến lược quốc gia của Trung Quốc hiện nay là phải tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế¹⁴, vì chỉ có giữ được nền kinh tế tăng trưởng, mới là chỗ dựa vững chắc cho sự nắm quyền của Đảng Cộng sản trên đất nước hơn một tỷ dân số này.

¹¹Dean Cheng, như chú thích 7.

¹² Annual report to congress, Military Power of the People's Republic of China, 2009, Office of the Secretary of Defense, Department of Defence, United of States of America, tr. 4.

¹³ Nguồn: China's Worldwide Quest For Energy Security, International Energy Agency, <http://www.oecdchina.org/OECDpdf/china2000.pdf>, trang 22.

¹⁴ David M. Lampton, The Faces of Chinese Power, Foreign Affairs 86, no. 1 (January/February 2007), tr. 117.

Do đó, một vấn đề nảy sinh là một mặt Trung Quốc rất cần biển để thực hiện chiến lược phát triển của mình, nhưng mặt khác là quá trình phát triển hiện nay khiến Trung Quốc bị lệ thuộc rất nhiều vào biển, đặc biệt là sự an toàn cho các tuyến đường giao thông trên biển, trong đó có biển Đông.

III. Trung Quốc đã sử dụng vũ lực trong các tranh chấp lãnh thổ trước đây ra sao?

Để dự đoán về khả năng sử dụng sức mạnh quân sự của Trung Quốc trong tranh chấp biển Đông thì ta cần xem lại Trung Quốc đã sử dụng quân sự trong những trường hợp nào? Và vì sao?

Khi phân tích về lý do cũng như thời điểm mà một quốc gia sử dụng sức mạnh quân sự để giải quyết tranh chấp, nhiều học giả cho rằng đó là do vị thế của gia đó trong tranh chấp bị yếu đi. Sự yếu đi về vị thế này làm cho quốc gia cảm thấy mình sẽ không còn lợi thế trong cuộc “mặc cả quyền lực” trong giải quyết tranh chấp (bargaining power). Lợi thế trong mặc cả quyền lực được Fravel¹⁵ định nghĩa bao gồm: i) Diện tích lãnh thổ tranh chấp mà quốc gia thực chiếm; ii) Sức mạnh quân sự của quốc gia để có thể tiêu diệt lực lượng của đối phương trên vùng tranh chấp. Khi một quốc gia thấy rằng vị thế của đối phương trong tranh chấp ngày càng tăng lên, đồng nghĩa với việc vị thế của họ ngày càng suy giảm, thì rất có khả năng quốc gia đó sẽ tiến hành biện pháp quân sự để khôi phục vị thế của họ, thậm chí để gia tăng vị thế của mình, họ còn sử dụng biện pháp quân sự để có thể kiểm soát toàn bộ khu vực tranh chấp.

Theo thống kê của Fravel thì từ khi thành lập Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tới nay, Trung Quốc đã có 23 tranh chấp lãnh thổ với các quốc gia khác¹⁶, trong đó Trung Quốc đã sử dụng sức mạnh quân sự đối với 6 tranh chấp. Trong 6 tranh chấp này, Trung Quốc đã 16 lần sử dụng sức mạnh quân sự.

Fravel cũng nhận thấy rằng Trung Quốc luôn sử dụng biện pháp quân sự trong các tranh chấp lãnh thổ khi họ kiểm soát rất ít hoặc gần như không thực sự kiểm soát vùng đang tranh chấp¹⁷.

Đối với việc tranh chấp các hòn đảo ngoài khơi thì Trung Quốc luôn hướng đến việc bảo đảm cho sự hiện diện của họ trên các đảo hoặc đá dù

¹⁵ M. Taylor Fravel, Power Shifts and Escalation (Explaining China's Use of Force in Territorial Dispute), *International Security*, Vol. 32, No. 3 (Winter 2007/08), tr. 46.

¹⁶ Fravel, M. Taylor, Như chú thích 11, từ tr. 44-83.

¹⁷ Fravel, M. Taylor, tài liệu đã dẫn, tr. 47.

xa với đất liền nhưng lại có một vị trí chiến lược quan trọng hoặc có thể tạo ra những tiềm năng kinh tế nhất định.

Trong suốt các tranh chấp lãnh thổ của mình, Trung Quốc đã thể hiện hai tính chất quan trọng trong việc sử dụng sức mạnh gắn liền với việc các giá trị trong cuộc mặc cả đã bị suy giảm nhanh chóng từ phía đối phương.

Thứ nhất, trong các cuộc tranh chấp lãnh thổ đất liền, Trung Quốc sử dụng quân sự khi phải đối mặt với các lực lượng quân sự yếu hơn mình của đối thủ. Mặc dù khó đo lường sức mạnh quân sự của đối thủ một cách chính xác, nhưng quân đội Trung Quốc bao giờ cũng tỏ ra áp đảo hơn các lực lượng quân sự của các nước láng giềng tranh chấp. Không phải ngẫu nhiên mà trong các cuộc xung đột quân sự về lãnh thổ đất liền với Ấn Độ năm 1962, Liên Xô năm 1969, với Việt Nam năm 1979, Trung Quốc đã sử dụng sức mạnh quân sự. Trong những lần đó, Trung Quốc đã luôn áp dụng việc sử dụng quân sự trên đất liền với những đối thủ có sức mạnh quân sự yếu hơn mình.

Thứ hai, Trung Quốc luôn sử dụng vũ lực khi vị thế của họ trong các yêu sách lãnh thổ bị suy giảm, đặc biệt khi họ kiểm soát rất ít hoặc không thực sự đang kiểm soát lãnh thổ mà họ đang yêu sách. Trong các tranh chấp kiểu này, Trung Quốc đã cho thấy sự nhạy bén của họ trong nắm bắt các điểm mấu chốt trong việc tạo vị thế thuận lợi trong tranh chấp. Đối với Đài Loan chẳng hạn, Trung Quốc đã bắt đầu gây ra cuộc khủng hoảng trong 3 giai đoạn, năm 1954, 1958, và năm 1995- 96. Đối với các tranh chấp các đảo, đá trên biển Đông, Trung Quốc đã dùng sức mạnh quân sự chiếm đóng nhóm đảo phía Đông Hoàng Sa từ tay quân đội Việt Nam Cộng hòa năm 1974, chiếm đóng một số mỏm đá tại Trường Sa từ bên Việt Nam năm 1988, và giành quyền kiểm soát bãi Vành Khăn từ tay quân đội Philippines năm 1995.

Qua những cuộc xung đột này, chúng ta có thể thấy Trung Quốc đã dùng biện pháp quân sự để giành lấy lợi thế, kiểm soát vùng tranh chấp khi Trung Quốc đang ở thế bất lợi.

Cho đến năm 1949, Trung Quốc kiểm soát ít hơn một nửa trong số 4 quần đảo ngoài khơi, cũng như không kiểm soát được khu vực đảo Đài Loan. Trung Quốc đã phải đối đầu với sự thách thức thực sự của chính quyền Quốc Dân Đảng với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ cũng như trên các đảo ngoài khơi biển Đông và biển Hoa Đông.

Năm 1951, Trung Quốc đã chính thức đưa ra yêu sách về chủ quyền của họ đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nhưng bị từ chối, để sau này đã dẫn tới việc Trung Quốc dùng sức mạnh chiếm đoạt Hoàng Sa năm 1974. Trung Quốc đã thực hiện việc sử dụng vũ lực trong một bối cảnh khiến vị trí của họ trong tranh chấp đã bị suy giảm khi: i) Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã tích cực mở rộng sự có mặt của họ trên Hoàng

Sa; ii) và các lợi ích ngày càng tăng của biển khơi, đặc biệt là tài nguyên dầu mỏ, khi thế giới đang bước vào cuộc khủng hoảng dầu mỏ những năm 1970.

Vị thế của Trung Quốc đã ngày càng suy giảm khi Việt Nam Cộng hòa mở rộng sự có mặt trên Hoàng Sa, vì thế Trung Quốc đã quyết định sử dụng vũ lực để đoạt lấy tiên cơ, và kết quả là Trung Quốc đã chiếm giữ toàn bộ Hoàng Sa.

Quần đảo Hoàng Sa gồm hai nhóm đảo chính, nhóm Nguyệt Thiềm (Crescen) nằm ở phía Tây Nam quần đảo, nhóm An Vĩnh (Amphitrite) nằm ở phía Đông Bắc. Năm 1956 quân đội Trung Quốc đã chiếm đảo Phú Lâm (Woody)¹⁸ thuộc nhóm An Vĩnh (Amphitrite). Trước đó, quân đội Pháp đã chiếm đảo Hoàng Sa (Pattle) thuộc nhóm Nguyệt Thiềm (Crescen), rồi đến năm 1956, quân đội Việt Nam Cộng hòa đã thay chân Pháp kiểm soát đảo này¹⁹.

Trung Quốc, khi nhìn thấy những lợi ích của các vùng biển này, đã quyết định phải kiểm soát được tất cả các đảo thuộc Hoàng Sa, vì trước đó, khoảng giữa những năm 1950, các đoàn tàu thương mại của Trung Quốc đã cần thiết phải đi qua vùng biển cạnh khu vực nhóm đảo Nguyệt Thiềm (Crescen). Tuy nhiên, năm 1959, quân đội Việt Nam Cộng hòa đã tăng cường kiểm soát chặt chẽ các đảo này, buộc các ngư dân Trung Quốc phải tránh xa khu vực nhóm đảo Nguyệt Thiềm (Crescen) này. Tuy Việt Nam Cộng hòa không tỏ ra có hành động đe dọa nào đối với Trung Quốc tại nhóm đảo An Vĩnh (Amphitrite), với ý định mỗi bên sẽ kiểm soát các khu vực biển thuộc xung quanh nhóm đảo mà họ đang kiểm soát, nhưng các hành động này của Việt Nam Cộng hòa đã làm suy giảm lợi thế của Trung Quốc và vì thế Trung Quốc đã sử dụng quân sự để phục hồi lại vị thế lợi ích của mình tại đây.

Vào đầu những năm 1970, các lợi ích từ tài nguyên biển trên biển Đông trở nên rất quan trọng, đặc biệt tại các khu vực mà các bên tranh chấp. Năm 1970, Philippines hoàn thành việc khảo sát địa chấn tại các vùng nước này, và năm 1971 bắt đầu tiến hành khoan thăm dò²⁰. Việt Nam Cộng hòa cũng bắt đầu việc khai thác nguồn dầu khí ngoài khơi, và tháng 7 năm 1973 Sài Gòn đã ký kết 8 hợp đồng khoan thăm dò tại những nơi được cho là có nhiều dầu mỏ²¹. Tháng 1 và tháng 3 năm 1973, Việt Nam Cộng hòa cũng đã tiến hành khảo sát địa chấn tại khu vực

¹⁸ Monique Chemillier- Gendreau, *Sovereignty over Paracel and Spratly Islands*, Kluwer Law International, 2000, tr. 43.

¹⁹ Monique Chemillier Gendreau, như chú thích 17, tr. 43.

²⁰ Marwyn S. Samuel, *Contest for the South China Sea*, New York: Methuen, 1982, tr. 90.

²¹ Marwyn S. Samuel, như chú thích 19, tr. 98-99.

xung quanh nhóm đảo Nguyệt Thiềm²². Tháng 12 năm 1973, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng công bố cho thấy triển vọng của các giếng dầu ở ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ, phía bắc của quần đảo Hoàng Sa.

Với những giá trị kinh tế của các nhóm đảo ngoài khơi ngày càng gia tăng, các quốc gia khác cũng bắt đầu giành lấy những cấu trúc tại Hoàng Sa, Trường Sa, ở những nơi mà Trung Quốc hoàn toàn không có sự hiện diện nào. Để củng cố cho các yêu sách của mình, Philippines đã chiếm 5 đảo và đá tại Trường Sa trong khoảng thời gian từ năm 1970 đến năm 1971²³. Đây là lần đầu tiên Philippines có sự hiện diện tại vùng lãnh thổ tranh chấp này.

Tháng 9 năm 1973²⁴, Việt Nam Cộng hòa tuyên bố sáp nhập quần đảo Trường Sa vào địa bàn tỉnh Phước Tuy.

Các hành động của các quốc gia này chỉ trong chưa đầy 3 năm đã đẩy Trung Quốc vào thế bất lợi trong tranh chấp này.

Để đáp lại những hành động đó, Trung Quốc quyết định mở rộng sự hiện diện của mình trên những hòn đảo ngoài khơi biển Đông, nơi có ít sự trợ giúp của các lực lượng hải quân. Trung Quốc đã sử dụng các ngư dân để gia tăng sự hiện diện của họ trên vùng biển nhóm Nguyệt Thiềm (Crescen) từ năm 1973²⁵.

Ngày 9/1/1974, các ngư dân Trung Quốc từ đảo Hữu Nhật (Robert) áp sát tới gần đảo Hoàng Sa (Pattle) – nơi mà Việt Nam Cộng hòa đang đóng quân trên đó. Ngày 11/1, Ngoại trưởng Trung Quốc công khai thách thức Tuyên bố tháng 9 năm 1973 của Việt Nam Cộng hòa.

Giữa tháng 1 năm 1974, các tình huống đối đầu trở nên căng thẳng hơn. Tiếp theo các tuyên bố của Bắc Kinh, Sài Gòn gửi thêm một số tàu chiến tới khu vực nhóm đảo Nguyệt Thiềm (Crescen), trục xuất các ngư dân Trung Quốc ra khỏi khu vực này. Từ đó đã dẫn tới sự kiện ngày 19-20/1/1974, mà sau đó Trung Quốc đã giành được quyền kiểm soát trên toàn bộ quần đảo Hoàng Sa bằng sức mạnh quân sự của mình.

Một trường hợp điển hình khác trong việc sử dụng sức mạnh quân sự của Trung Quốc là cuộc phục kích đối với lực lượng biên phòng Liên Xô trên đảo Zhenbao (Damanskii) trên sông Ussuri ngày 2/3/1969²⁶.

²² Hàn Chấn Hoa (Chủ biên) (Bản dịch tiếng Việt), Ngã Quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên, Đông Phương xuất bản xã, 1998, tr. 676.

²³ Fravel, M. Taylor, tài liệu đã dẫn, tr. 74.

²⁴ Monique Chemillier- Genedreau, tài liệu đã dẫn, tr. 44.

²⁵ Fravel, M. Taylor, tài liệu đã dẫn, tr. 75.

²⁶ Thomas W. Robinson, The Sino – Soviet Border Dispute: Background, Development and The March 1969 Clashes, The American Political Science Review, Vol. 66, No. 4 (Dec, 1972), từ tr. 1175 – 1202.

Trung Quốc đã bắt đầu tranh chấp với Liên Xô về đảo này từ đầu những năm 1950. Sau khi những cuộc đối thoại năm 1964 bị thất bại, cả hai bên bắt đầu tăng cường lực lượng canh phòng tại khu vực tranh chấp này. Trung Quốc thấy rằng các hành động của bên Liên Xô như tăng cường các lực lượng quân sự địa phương đã làm vị trí của Trung Quốc trong tranh chấp bị suy giảm. Và sức mạnh của quân đội Liên Xô ở đây cũng bị suy giảm khi phải chia đều cho hai khu vực là vùng Viễn Đông Nga và Mông Cổ. Sau sự kiện quân đội Xô Viết can thiệp vào Czechoslovakia tháng 8 năm 1968, Trung Quốc lo ngại việc Liên Xô sẽ dùng quân đội để can thiệp vào Trung Quốc sau sự kiện Đại Cách mạng văn hóa. Nhận thấy sức mạnh quân sự của Liên Xô tại khu vực này bị suy giảm, đồng thời để ngăn ngừa việc Liên Xô sẽ can thiệp quân sự vào Trung Quốc, nên Trung Quốc đã chủ động phục kích tấn công quân đội Liên Xô.

Một trường hợp tiếp theo nữa là trường hợp năm 1988, Trung Quốc đã chiếm 6 điểm trong khu vực Trường Sa sau khi sử dụng quân đội tấn công Việt Nam. Trong sự kiện này, Trung Quốc đã tìm cách khuấy động sự căng thẳng của Việt Nam, kết quả là Trung Quốc từ chỗ không có gì đã chiếm được 6 điểm tại Trường Sa.

Những năm 1970, vì Trung Quốc chưa có đủ các chiến hạm để thực hiện những cuộc chiến tầm xa, nên khi Trung Quốc chiếm Hoàng Sa, Trung Quốc chưa thể chiếm những đảo tại Trường Sa được. Cùng thời gian đó, vị thế của Trung Quốc trong yêu sách của Trung Quốc đã bị suy giảm khi Việt Nam, Philippines, và Malaysia đã có mặt trên vùng biển này, trong khi Trung Quốc chưa có bất kỳ sự hiện diện nào trên khu vực này. Đây chính là lý do mà Trung Quốc đã ra tay ở Trường Sa.

Lý do mà Trung Quốc tiếp tục dùng sức mạnh quân sự để chiếm bãi Vành Khăn năm 1995 là do Mỹ mới rút khỏi các căn cứ quân sự ở Philippines, đẩy khu vực này trong trạng thái “chân không quyền lực”. Đây là dịp tốt để Trung Quốc gia tăng sự hiện diện của họ ở Trường Sa, điều này khiến Trung Quốc tiếp tục khẳng định vị thế của họ trong cuộc mặc cả quyền lực trên biển Đông.

Trong cuộc chiến tranh biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 1979, mục đích lớn của Trung Quốc là để ngăn chặn ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Liên Xô tại khu vực Đông Nam Á.

Sự gia tăng vị thế là mô tả rõ nhất lý do vì sao và khi nào Trung Quốc sử dụng vũ lực trong tranh chấp lãnh thổ. Trung Quốc đã cho thấy sự nhạy bén của họ khi vị thế của họ trong tranh chấp bị sụt giảm, đặc biệt khi gặp một đối thủ không mạnh hoặc khi họ kiểm soát rất ít hoặc gần như chưa kiểm soát phần lãnh thổ đang tranh chấp.

IV. Thấy gì qua các Tuyên bố chính thức và các hành động của Trung Quốc gần đây

Chỉ tính trong hai năm gần đây, Trung Quốc đã cho thấy các lập trường về yêu sách của họ đối với biển Đông, thể hiện qua 3 bản Công hàm gửi tới Liên Hợp Quốc.

Năm 2009 là năm mà theo quy định của Công ước, các quốc gia ven biển phải đệ trình các báo cáo về thêm lục địa mở rộng²⁷ của mình lên Ủy ban ranh giới thêm lục địa của Liên Hợp Quốc (viết tắt là CLCS). Ngày 06/05 Việt Nam và Malaysia có trình lên CLCS một Báo cáo chung về thêm lục địa mở rộng của hai nước²⁸, cùng khi đó, Việt Nam cũng gửi một Báo cáo riêng của mình lên CLCS²⁹.

Ngày 07/05/2009, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã gửi Công hàm phản đối đối với Báo cáo chung về thêm lục địa mở rộng của Việt Nam³⁰ và Malaysia cũng như Báo cáo về thêm lục địa mở rộng của riêng Việt Nam³¹, trong hai Công hàm phản đối này có kèm theo một bản đồ có hình “đường lưỡi bò”.

Ngày 11/5/2009, Trung Quốc gửi lên Liên Hợp Quốc bản “Báo cáo về thêm lục địa mở rộng ngoài 200 hải lý của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”³². Bản báo cáo này yêu cầu xem xét mở rộng thêm lục địa ngoài 200 hải lý tại khu vực biển Hoa Đông.

Ngày 5/4/2011, Philippines gửi một Công hàm lên Liên Hợp Quốc để phản đối “đường lưỡi bò” của Trung Quốc: “...yêu sách của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về “các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển” (được đính kèm với Công hàm số CML/17/2009 và Công hàm số CML/18/2009) đã được nói trên ở đây, bên ngoài các

²⁷ Ngày 13/09/2009 là hạn chót các quốc gia phải nộp Báo cáo về thêm lục địa mở rộng của quốc gia mình lên CLCS.

²⁸ Malaysia-CHXHCN Việt Nam, Báo cáo chung lên Ủy ban Ranh giới Thêm lục địa theo điều 76.8 UNCLOS liên quan đến vùng biển phía Nam, Báo cáo tóm tắt, 5/2009.

²⁹ CHXHCN Việt Nam, Báo cáo lên Ủy ban Ranh giới Thêm lục địa theo điều 76.8 UNCLOS, Báo cáo riêng liên quan đến Thêm lục địa mở rộng của Việt Nam: vùng biển phía Bắc (VNM-N), Tóm tắt Báo cáo, 4/2009.

³⁰ CHND Trung Hoa, Công hàm gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc, New York, 7/5/2009, CML/17/2009.

³¹ CHND Trung Quốc, Công hàm gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc, New York, 7/5/2009, CML/18/2009.

³²http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/preliminary/chn2009preliminaryinformation_english.pdf

cấu trúc địa chất của KIG, “các vùng nước liên quan” này không có cơ sở nào trong luật quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật biển năm 1982”³³.

Ngày 14/4/2011 Trung Quốc đã gửi công hàm phản đối lại Công hàm ngày 05/04/2011 của Philippines³⁴.

Trong 2 Công hàm CML/17 và CML/18, Trung Quốc đã cho rằng “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa (biển Đông) và có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển”³⁵.

Sau này các phát ngôn của các quan chức Trung Quốc về biển Đông cũng sử dụng tương tự các lời lẽ trong các Công hàm này³⁶.

Gửi kèm theo hai công hàm này là một bản đồ gây nhiều tranh cãi, đó là bản đồ có hình “đường lưỡi bò”. Những ý kiến về xuất xứ và quan điểm pháp lý đối với “đường lưỡi bò” này còn rất khác nhau. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên Trung Quốc gửi Công hàm có bản đồ này trước cộng đồng quốc tế, mặc dù cho đến nay, Trung Quốc vẫn chưa hề giải thích quy chế pháp lý liên quan đến “đường lưỡi bò” này.

³³ 11-00494, No. 000228,

http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/phl_re_chn_2011.pdf..

³⁴ CML8/2011, New York, 14/4/2011.

http://southchinaseastudies.org/en/database-on-south-china-sea-study/doc_details/53-chinese-note-verbale-cml82011-to-the-united-nations-

³⁵ Xem tại chú thích 29, 30, đoạn 2.

³⁶ Foreign Ministry Spokesperson Qin Gang’s Remarks on Malaysian Prime Minister Claiming Sovereignty Over the Danwan Reef, Ministry of Foreign Affairs of the People’s Republic of China, March 6, 2009, www.fmprc.gov.cn/eng/xwfw/s2510/2535/t541186.htm;

Foreign Ministry Spokesperson Jiang Yu’s Regular Press Conference on January 24, 2008, Ministry of Foreign Affairs of the People’s Republic of China, January 25, 2008, www.fmprc.gov.cn/eng/xwfw/s2510/2511/t402972.htm;

Ministry of Foreign Affairs of the People’s Republic of China, The Issue of South China Sea, June 2000, www.fas.org/news/china/2000/china-000600.htm;

Mingjiang Li, Reconciling Assertiveness and Cooperation? China’s Changing Approach to the South China Sea Dispute, *Security Challenges*, vol. 6, no. 2 (Winter 2010), 49-68, www.securitychallenges.org.au/ArticlePDFs/vol6no2Mingjiang.pdf;

Jianming Shen, China’s Sovereignty over the South China Sea Islands: A Historical Perspective, *Chinese Journal of International Law*, no. 1 (2002), <http://chinesejil.oxfordjournals.org/content/1/1/94.full.pdf>.

Trong bản “Báo cáo về thêm lục địa mở rộng” tại khu vực biển Hoa Đông, Trung Quốc lại khẳng định: “Trung Quốc bảo lưu quyền thiết lập các báo cáo về ranh giới ngoài của thêm lục địa mở rộng vượt quá 200 hải lý trên biển Hoa Đông và các khu vực biển khác”³⁷. Trong văn bản này, Trung Quốc có đính kèm 4 bản đồ và các bản mô tả chi tiết địa lý trên biển Hoa Đông. Tuy nhiên, trong văn bản này lập lờ nhắc đến việc bảo lưu quyền của Trung Quốc trong việc đệ trình các yêu sách tương tự “trên các vùng biển khác”. Có lẽ trong đó bao gồm cả biển Đông chăng? hay là cả vùng biển phía ngoài đảo Hải Nam và tỉnh Quảng Châu vốn không còn là vùng biển đang tranh chấp.

Bản Công hàm ngày 14/4/2011 của Trung Quốc gần như nhắc lại nội dung của hai Công hàm năm 2009, nhưng có sử dụng nhiều ngôn ngữ chi tiết hơn. Vì vậy, nó dường như rõ ràng hơn các văn bản trước đó của Trung Quốc đã từng đệ trình lên Liên Hợp Quốc. Nhưng như một nhà nghiên cứu nhận định “Trung Quốc lần đầu tiên đã kết hợp quy chế pháp lý giữa các đảo với khái niệm lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa trong luật biển”³⁸.

Với các văn bản trên đây, Trung Quốc đã cho thấy sự quyết đoán ngày càng gia tăng đối với các yêu sách biển của họ ví dụ như khẳng định ‘chủ quyền không thể tranh cãi’ trong 2 công hàm, rồi gửi kèm 2 công hàm bản đồ có “đường lưỡi bò”, đồng thời khẳng định mình có quyền mở rộng thêm lục địa tại biển Hoa Đông cũng như trên các vùng biển khác. Điều đó chứng tỏ thái độ quyết đoán của Trung Quốc đối với các yêu sách biển ngày càng gia tăng và thậm chí còn cho thấy Trung Quốc đang có xu hướng mở rộng thêm phạm vi của các yêu sách.

Tuy nhiên, các ngôn từ trong văn bản này của Trung Quốc cho thấy không có gì khác biệt gì nhiều so với những tuyên bố đơn phương của Trung Quốc trước đây. Những văn bản này chủ yếu là để đáp lại yêu cầu về thời hạn cho việc trình báo cáo về thêm lục địa mở rộng lên Ủy ban ranh giới thêm lục địa Liên Hợp Quốc hoặc là để phản đối các tuyên bố của các quốc gia khác. Công hàm CML/17 để phản đối Báo cáo chung về thêm lục địa mở rộng của Malaysia và Việt Nam, Công hàm CML/18 phản đối Báo cáo về thêm lục địa mở rộng của riêng Việt Nam. Báo cáo sơ bộ là để công khai yêu sách đối với biển Hoa Đông, đáp ứng yêu cầu

³⁷ Xem tại

http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/preliminary/chn2009preliminaryinformation_english.pdf, đoạn 10.

³⁸ Robert Beckman, Islands or Rocks? Evolving Dispute in South China Sea, RSIS Commentary no. 75/2011, May 10, 2011, www.rsis.edu.sg/publications/Perspective/RSIS0752011.pdf;

Nguyễn Hồng Thao, Cuộc chiến pháp lý mới về đường lưỡi bò ở biển Đông, Hội thảo quốc gia về Biển Đông lần thứ hai, Hà Nội 4/2011.

về thời hạn cuối của LHQ. Công hàm ngày 14/4/2011 là để phản đối Công hàm ngày 05/04/2011 của Philippines.

Hầu hết những từ ngữ trong hai công hàm ngày 08/05/2009 đều lặp lại các phát ngôn trước đây của chính phủ Trung Quốc, ví dụ đoạn đầu tiên “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa và các vùng nước kế cận...” như một điệp khúc đã được Trung Quốc lặp đi lại kể từ những năm 1970.

Tuy nhiên, đoạn thứ hai trong hai công hàm này có nhắc “bao gồm quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển” thì lại không có trong các tuyên bố trước đây của Trung Quốc, cho dù văn bản này có quả quyết rằng các quan điểm trong các công hàm này “phù hợp với các tuyên bố trước đó của chính phủ Trung Quốc” và “được sự thừa nhận rộng rãi của cộng đồng quốc tế”.

Tuy rằng văn bản này có sử dụng các thuật ngữ được nhắc tới trong UNCLOS nhưng trong cụm từ “chủ quyền không thể tranh cãi” thì cho thấy Trung Quốc dường như chỉ yêu sách chủ quyền đối với các đảo ở biển Đông, nhưng với cụm từ “bao gồm cả quyền chủ quyền” thì dường như Trung Quốc lại muốn nhắc tới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Trong Công hàm ngày 14/4/2011 thì Trung Quốc khẳng định rằng các đảo ở Trường Sa có đầy đủ lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Quan điểm của Việt Nam và các nước ASEAN³⁹ trong tranh chấp dường như cho rằng các đảo ở Trường Sa khó đáp ứng được yêu cầu của Điều 121 UNCLOS. Hầu hết các đảo thuộc Trường Sa đều khó đáp ứng được yêu cầu “thích hợp cho cuộc sống của con người hoặc có một đời sống kinh tế riêng” nên chỉ được coi là đá theo khoản 3 Điều 121 UNCLOS. Và vì thế nó cũng không thể có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được.

Những quan điểm này trong Công hàm ngày 14/4 lại chống lại quan điểm cũng trong một Công hàm khác của Trung Quốc ngày 06/02/2009⁴⁰ khi cho rằng đá Okinotorishima (nằm trên biển Hoa Đông) không thể coi là đảo theo Điều 121 UNCLOS, và không thể có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa xung quanh Okinotorishima.

Thêm nữa, mặc dù Trung Quốc có kèm theo bản đồ có “đường lưỡi bò” trong hai Công hàm tháng 5/2009, nhưng Trung Quốc cũng vẫn

³⁹ Centre For International Law, National University of Singapore, 16-17 June 2011, tr. 10-11.

⁴⁰

http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/jpn08/chn_6feb09_e.pdf

không xác định rõ Trung Quốc muốn yêu sách gì đối với “đường lưỡi bò” đó.

Khi xem xét các chính sách của Trung Quốc đối với biển Đông, Mark J. Valencia đã nhận xét là: tăng cường sức mạnh của Hải quân; mở rộng và bành trướng sự hiện diện thực tế của Trung Quốc tại các khu vực tranh chấp, do vậy hợp thức hóa việc chiếm đóng của họ; thu hút các công ty dầu khí phương Tây đến thăm dò khai thác tại các vùng tranh chấp; khẳng định đòi thương lượng song phương với từng quốc gia tham gia tranh chấp⁴¹.

Đặc biệt đối với khu vực Trường Sa, Trung Quốc áp dụng chính sách 3 không để giải quyết vấn đề Trường Sa: Không xác định rõ ràng các yêu sách; không giải quyết đa phương; và không quốc tế hóa tranh chấp, loại trừ sự tham gia của các quốc gia bên ngoài⁴², đặc biệt là Hoa Kỳ.

Vài năm trở lại đây, khác với những tuyên bố, những hành động của Trung Quốc lại cho thấy một gương mặt khác, những sự kiện nổi bật đó là:

1. Trung Quốc đơn phương ra lệnh cấm đánh bắt cá ở biển Đông. Lệnh cấm đánh bắt cá này đã được Trung Quốc đơn phương công bố từ năm 1999. Lệnh cấm đánh bắt cá này của Trung Quốc mới đầu không áp dụng đối với các tàu đánh cá nước ngoài. Tuy nhiên, kể từ 2009 trở lại đây, rất nhiều tàu đánh cá Việt Nam và các ngư dân đã bị lực lượng hải giám Trung Quốc bắt bớ, đòi tiền chuộc hoặc đâm chìm. Gần đây, lực lượng hải giám còn cất cặp thăm dò của tàu Việt Nam khi đang hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý.
2. Trung Quốc ra sức sử dụng một mặt là đe dọa biện pháp quân sự, mặt khác kết hợp các biện pháp chính trị và kinh tế để gây sức ép buộc các quốc gia khác không được khai thác trên các vùng biển thuộc đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của họ. Tuy nhiên, Trung Quốc lại gia tăng các hoạt động thăm dò khai thác, cũng như các cuộc tập trận lớn trên vùng biển này. Các hoạt động này của phía Trung Quốc ngày càng gia tăng như một nỗ lực để hỗ trợ cho các yêu sách của họ.

V. Kết luận

Với 3 góc nhìn như trên, chúng ta nhận thấy:

⁴¹ Mark J. Valencia, Jon M. Vandyke and Noel A. Ludwig, “Sharing the Resources of the South China Sea”, Martinus Nijhoff Publisher, 1997, tr. 77.

⁴² Mark J. Valencia et al, như chú thích 35, tr. 77.

Tham vọng phát triển của Trung Quốc rất lớn. Họ luôn khát khao thực hiện “giấc mơ Trung Quốc” là phải vượt lên Hoa Kỳ, trở thành cường quốc số 1 trên thế giới, thực hiện tư tưởng “bình thiên hạ” hay thống trị thế giới. Trong chiến lược phát triển đó của họ, biển là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với Trung Quốc, đặc biệt là biển Đông với nhiều nguồn tài nguyên, các tuyến đường thương mại biển quan trọng và cả yếu tố an ninh quốc gia. Tuy nhiên, quá trình phát triển của họ lại trở nên lệ thuộc rất nhiều vào biển, đặc biệt là các con đường vận tải biển chiến lược mà eo biển Malacca là một ví dụ.

Trong quá khứ, đối với các tranh chấp lãnh thổ của mình, Trung Quốc chỉ sử dụng vũ lực trong một số trường hợp. Các trường hợp mà Trung Quốc sử dụng biện pháp quân sự đó là khi: i) Trung Quốc nắm chắc phần thắng trong trận chiến, trước một đối thủ có lực lượng quân sự tại vùng tranh chấp đó yếu hơn hẳn họ; ii) Khi vị trí của Trung Quốc tại các tranh chấp đó ở thế yếu, đặc biệt là khi Trung Quốc ít kiểm soát hoặc gần như không kiểm soát lãnh thổ tranh chấp đó, Trung Quốc có xu hướng sử dụng vũ lực để giành lấy ưu thế vượt trội trước các đối thủ. Hiện nay, xu hướng mà Trung Quốc sử dụng vũ lực trong tranh chấp biển Đông là không nhiều, bởi vì vị trí của Trung Quốc trong tranh chấp hiện nay không hề bị suy yếu, từ chỗ thực sự không có hiện diện nào tại Hoàng Sa, Trường Sa thì nay Trung Quốc đã chiếm giữ toàn bộ Hoàng Sa, một phần của Trường Sa. Thêm nữa, sự phát triển kinh tế Trung Quốc bị lệ thuộc vào các nguồn dầu mỏ nhập khẩu đi qua biển Đông, vì vậy, nếu Trung Quốc dùng vũ lực, con đường vận tải dầu mỏ trên biển Đông sẽ có nguy cơ bị phong tỏa. Nếu là như vậy, Trung Quốc sẽ gặp khó khăn trong giữ mức tăng trưởng kinh tế, không giữ được tăng trưởng kinh tế, Đảng Cộng sản Trung Quốc khó giữ được vị trí cầm quyền như hiện nay.

Tuy nhiên, qua các tuyên bố của Trung Quốc cũng như các hành động quyết đoán ngày càng gia tăng của họ gần đây, có thể thấy chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông. Đó chính là việc dùng sự đe dọa quân sự, sử dụng các sức ép kinh tế, chính trị kết hợp với các hoạt động nhằm hỗ trợ cho các yêu sách của họ trên biển Đông. Họ muốn không dùng sức mạnh quân sự nhưng vẫn có thể đạt được mục tiêu độc chiếm được biển Đông. Báo cáo về an ninh Trung Quốc năm 2011 của Học Viện nghiên cứu quốc phòng của Nhật Bản đã cho hay, Trung Quốc đang tiến hành ba cuộc chiến nằm ngoài cuộc chiến quân sự. Ba cuộc chiến đó là: cuộc chiến truyền thông; cuộc chiến tâm lý và cuộc chiến luật pháp⁴³. Chính sách này của họ luôn là nhất quán và xuyên suốt, tuy họ trình bày với thế giới hết sức mập mờ, có thể lúc vận dụng

⁴³ National Institute for Defense Studies, Japan, NIDS China Security Report, 3/2011, tr. 10.

UNCLOS, lúc vận dụng yêu sách “đường lưỡi bò” chủ yếu để duy trì được lợi ích của họ trên biển Đông.

Trung Quốc muốn gì?*

Ross Terrill[†]

Đại học Harvard, Mỹ

Khi Trung Quốc lần đầu tiên làm Mỹ tò mò vào cuối thế kỷ 18, chúng ta muốn trà và lụa của họ. Các nhà truyền giáo Mỹ và các thương nhân đến Quảng Châu và các cảng khác chẳng bận tâm nghĩ xem Trung Quốc có thể muốn gì ở chúng ta - chỉ là phúc âm Kitô giáo, đồ tiêu dùng lật vặt và thuốc lá, dường như họ cho là như vậy. Trong nhiều năm kể từ khi ấy đến nay, người Mỹ ít có dịp để cân nhắc lại câu hỏi này. Khuôn mẫu lịch sử là nước Mỹ ảnh hưởng đến Trung Quốc, và động lực không ngang bằng đó đạt đến cao điểm trong liên minh với chính phủ Quốc Dân Đảng khắp khênh của Tưởng Giới Thạch chống các cường quốc phát xít trong Thế Chiến thứ II. Trong những năm 1940, người ta nghĩ rằng ước vọng Trung Quốc đơn giản chỉ là hồi phục từ ách thống trị của Nhật, sự nghèo đói, mất đoàn kết, và tham nhũng.

Khi “Trung Quốc của chúng ta” (chính quyền Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch) bị tan thành khối vào cuối thập niên 1940, và những người Cộng Sản chiếm lấy Bắc Kinh, thì Trung Quốc trở thành một Kẻ Khác. Trong những năm gay gắt sau chiến thắng của Mao Trạch Đông vào năm 1949, Trung Quốc đã vượt ra ngoài vùng ảnh hưởng của chúng ta. Nhưng chúng ta vẫn biết Trung Quốc muốn gì: Mao đã cảnh báo rằng ông sẽ “nghiêng về một phía,” và ngay sau đó ông ta tuyên bố, “Liên Xô hôm nay là ngày mai của Trung Quốc.” Chúng ta là “bọn đế quốc”, và Mao chống lại chúng ta.

* Phòng dịch bài “What does China Want?”, Wilson Quarterly, Mùa thu 2005.

[†] Ross Terrill, chuyên gia nghiên cứu ở Trung tâm Nghiên cứu Đông Á Fairbank thuộc Đại học Harvard, là tác giả cuốn *Mao (1999)*, *Trung Quốc trong Thời đại của chúng ta (1992)*, và *Bà Mao (2000)*. Cuốn sách gần đây nhất của ông, *Đế chế Trung Hoa mới*, được giải của Los Angeles Times Book năm 2004.

Sau khi Moscow và Bắc Kinh xích mích vào đầu những năm 1960 và chiến tranh Việt Nam leo thang sau đó trong cùng thập kỷ, thì những mong muốn của Trung Quốc trở nên phức tạp hơn. Trong cái gọi là Cách mạng Văn hóa của những năm 1960, những lĩnh vực Mao Trạch Đông quan tâm có vẻ phi lý đối với Mỹ, cũng như đối với Moscow và hầu hết các nước trên thế giới. Tuy nhiên, vào năm 1971 Bắc Kinh cho Tổng thống Richard Nixon thấy là họ muốn nghiêng về phía Mỹ để giúp một nước Mỹ mà họ cho là yếu đi đối trọng với sự nổi lên của Liên Xô.

Ngày nay, một lần nữa, các mục tiêu của Trung Quốc trở nên khó nhận ra, nhưng sự hiểu biết các mục tiêu này lại bức xúc hơn bao giờ hết. Sau khi Liên Xô tan rã vào năm 1991 và sự lan tràn của dân chủ trên khắp thế giới, Trung Quốc là một hiện tượng khó hiểu: thành công kinh tế dưới một chế độ cộng sản. Thế giới biết rõ Hoa Kỳ bênh vực cái gì: đó là thị trường tự do và dân chủ ở bất cứ nơi nào có thể. Và cũng biết Osama bin Laden muốn cái gì: đó là sự khôi phục thần quyền của các giáo chủ đạo Hồi. Mục tiêu của Trung Quốc thì không rõ ràng như thế. Người Trung Quốc nghĩ đến tiền, trong thời hậu Mao, hậu Liên Xô, muốn gì? Câu hỏi này làm nhiều người Mỹ thắc mắc - và âu lo.

Mặc dù ảnh hưởng của Trung Quốc đã lên cao trong những năm qua, Bắc Kinh vẫn còn xu hướng cư xử theo kiểu phản ứng, thay vì theo đuổi những mục tiêu rõ rệt, ngoài biên giới của họ. (Nhân mạnh của người dịch: Bài này được xuất bản năm 2005.) Điều này làm một số người an lòng, họ cho rằng Trung Quốc là một cường quốc thận trọng, thậm chí bảo thủ. Và, trong mức độ nào đó, quốc gia ấy quả là vậy. Song đây không phải là trọn câu chuyện. Thật ra, Bắc Kinh chỉ cư xử kiểu phòng thủ trong ba khía cạnh cơ bản: *Một là*, họ tự thấy mình như đang hồi phục từ tình trạng lạc hậu kinh tế; *hai là*, họ đối phó, trong sự nản lòng thâm lặng, với sự yếu đuối của họ so với sức mạnh của Mỹ, và *ba là*, họ tham gia vào nhiều tổ chức quốc tế chỉ với mục đích hạn hẹp là để ngăn ngừa chương trình nghị sự của các tổ chức này gây phiền toái cho Trung Quốc. Cách hành xử phòng thủ này có thể cho ấn tượng rằng Bắc Kinh có sự lưỡng lự: liệu nên tìm cách trở về vị trí đứng đầu châu Á như thời đế quốc trước đây, thuở “Vương quốc Trung tâm”, hoặc nên tham gia cái mà những người không phải Trung Quốc gọi là “cộng đồng quốc tế.” Tất nhiên, có thể chỉ đơn giản là Trung Quốc đang chơi trò chờ thời, che giấu những ý đồ mà hiện nay dường như quá khó thực hiện.

Không giống như Mỹ hay tuyên bố ầm ĩ các mục tiêu của họ, Trung Quốc có vẻ muốn giữ các ý định của họ trong bọc kín. Nếu bạn đọc các bài phát biểu của chủ tịch Hồ Cẩm Đào, cũng là lãnh đạo Đảng Cộng sản và là người đứng đầu quân đội, hoặc những phát biểu của người tiền nhiệm của ông là Giang Trạch Dân, thì “hòa bình và phát triển” dường như là mục tiêu của chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Cụm từ này đưa thông tin nhưng cũng đánh lạc hướng. Hòa bình và phát triển là phương tiện chứ không phải là cứu cánh cho chính sách đối ngoại của

Bắc Kinh. Nói rằng chúng là mục tiêu của Trung Quốc thì cũng như nói rằng mục tiêu ngày mai của Hồ Cẩm Đào là sẽ mặc quần và đánh răng.

Trong thế giới ngày nay, Trung Quốc là khác thường vì họ vừa một phần là đế chế và một phần là quốc gia hiện đại. Một nhà nước đảng trị theo chủ nghĩa Mác-Lênin hiện đại hóa đã được thiết lập trên một truyền thống cai trị thành công rất lâu đời và tinh thần đế quốc nằm trong truyền thống ấy. Đặc tính này kéo dài đế chế chuyên quyền vào một kỷ nguyên mà các đế chế thường là đa quốc gia. Đáng kinh ngạc là Cộng sản Trung Quốc thừa kế biên giới của đế chế nhà Thanh vào thời điểm cực đại, bao gồm Tây Tạng, nam Mông Cổ, và tây Hồi có thời từng là Đông Turkestan. Song, một Trung Quốc hiện đại hóa đang bị giằng co: Nên tiếp tục đế chế vì vinh quang của Trung Quốc? Hay là theo một nền chính trị hậu đế quốc tự nhiên nảy sinh từ xã hội và nền kinh tế mới như hình ảnh của Thượng Hải, Quảng Châu, và Bắc Kinh hiện nay?

Lực thúc đẩy chuyển hóa Vương quốc Trung tâm ngày xưa thành một bá quyền không dựa trên đạo lý Nho giáo nhưng trên quyền lực kinh tế, là vẫn còn, nhưng gặp hai lực phản. Một là, đến một lúc nào đó, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước về kinh tế và văn hóa trên thế giới sẽ đụng đến tác phong gia trưởng chính trị. Hai là, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, và các cường quốc khác có thể sẽ không cho phép có một tân-Vương quốc Trung tâm như thế.

Vì Trung Quốc là một nhà nước độc tài, ta không thể biết người dân Trung Quốc muốn gì. Ta lại càng khó định hướng tương lai nền văn minh Trung Quốc, chẳng hạn khó thể nói rằng nó sẽ “đụng độ” với đạo Hồi hoặc với nền văn minh phương Tây hay không. Chúng ta có thể trả lời câu hỏi về các mục tiêu của Trung Quốc chỉ dựa theo các hành động của nhà nước độc đảng Bắc Kinh hiện nay. Chính ông “kỹ sư” làm nên Ủy ban thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đang tìm kiếm điều gì cho Trung Quốc? Chúng ta có thể nhận ra sáu mục tiêu trong hành động của họ.



Trung Quốc theo đuổi một chính sách đối ngoại nhằm tối đa hóa sự ổn định trong nước. Điều này cũng đúng với nhiều quốc gia khác, nhưng với Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc (CHNDTQ) thì tầm quan trọng của nó rất cao hơn. Bắc Kinh hậu-1949 ít khi xem việc kiểm soát nhân dân của họ là việc dễ dàng, cũng như việc này đã không được coi là dễ dàng bởi các nhà cầm quyền Trung Quốc qua 150 năm bị nước ngoài chèn ép và những khó khăn trong nước đánh dấu sự suy tàn của triều đại nhà Thanh. Từ buổi đầu của CHNDTQ cho đến nay, Bắc Kinh luôn cảnh giác việc bị mất khả năng kiểm soát các vùng xa xôi.

Ba tỉnh lớn nhất của Trung Quốc, Tân Cương, Tây Tạng và Nội Mông về mặt lịch sử không phải lãnh thổ Trung Quốc, và người dân địa phương ở đó khác biệt về tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, và cách sống điển hình so với người Hán. Đối phó với các nhóm dân thiểu số có thể thích độc lập hơn là thích bị Trung Quốc thống trị đã khiến Bắc Kinh phải dùng đến các biện pháp nửa thực dân. Ở Tây Tạng, giáo dục đại học chỉ dành cho các những ai nói tiếng Hoa, cả vùng phía tây rộng lớn của Trung Quốc đều theo giờ Bắc Kinh, và dân số Hồi giáo Duy Ngô Nhĩ (Uyghur) ở Tân Cương đã được cố ý làm loãng ra bằng biện pháp nhập cư nội bộ của Trung Quốc, đó chỉ là vài ví dụ. Ngoài ra, luận điệu của ĐCSTQ như là nguồn mạch của sự thật cũng như của quyền lực tạo ra nhiều khu vực cấm tình thân phải được theo dõi sát. Bất kỳ khác biệt nào về triết lý cũng bị xem, có hoặc không có biện minh, như là một mối đe dọa chính trị đối với ĐCSTQ. Chế độ này tin bạn với tiền của bạn chứ không tin bạn với đầu óc của bạn.

Năm 1998, trong một chuyến thăm Nhật Bản, Giang Trạch Dân đã đọc 20 bài diễn văn gây sừng sốt về Thế Chiến thứ II. Trưởng thư ký nội các Nhật Bản cuối cùng đã nản lòng mà nói rằng “chẳng phải những lỗi lầm ấy đều đã ở sau lưng chúng ta rồi sao?”. Nhưng tội lỗi của Nhật Bản trong quá khứ sẽ không bao giờ “ở đằng sau chúng ta” cả, khi nào mà nhà nước đế quốc ở Bắc Kinh còn cảm thấy nhu cầu chứng tỏ sự chính đáng của họ với người dân Trung Quốc bằng cách hét to “bọn quân phiệt Nhật!”. Những bất an kiểu này định hình chính sách ngoại giao của Trung Quốc. Vì vậy, những giao dịch với Nam Á là nhằm mục đích làm suy yếu mối liên kết giữa Tây Tạng và chính phủ Tây Tạng lưu vong ở Ấn Độ -- tương tự, nhiều giao dịch với Trung Á là nhằm làm giảm hy vọng ly khai của người Duy Ngô Nhĩ (Uyghur) ở Tân Cương. Cũng chính mục tiêu kiểm soát trong nước đã chi phối chính sách của Trung Quốc đối với Mông Cổ, Hàn Quốc, Thái Lan và các nước láng giềng khác. Tóm lại, CHNĐTQ là một bán đế chế đa dạng, với nhiều cư dân có các liên hệ chủng tộc, tôn giáo, hoặc lịch sử với các dân tộc nằm ngay bên kia biên giới của Trung Quốc. Và CHNĐTQ là một chế độ chuyên chế mà, dường như để đối phó với những ác mộng mà họ gây cho họ, cư xử giống như những người cai trị sợ hãi người dân của chính họ.

Như thế, mục tiêu đầu tiên của Trung Quốc là sự ổn định nội bộ.

Mục tiêu thứ hai của chính sách ngoại giao của Bắc Kinh là duy trì tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Khi chủ nghĩa Mác phai nhạt dần và không có triết lý công cộng chính thức nào thay thế nó thì một mức sống được nâng cao và niềm tự hào quốc gia đã chính đáng hóa một chế độ không bao giờ phải đối mặt với bầu cử. Những thành tựu kinh tế trong phần tư thế kỷ kể từ khi Đặng Tiểu Bình cầm quyền lãnh đạo trong thời kỳ hậu-Mao chắc chắn là đáng được giữ gìn. Nền kinh tế đã tăng gấp bốn lần về kích cỡ, và tốc độ tăng trưởng hàng năm vẫn tiếp tục ở mức 8-9% (theo số liệu của chính phủ). Ngoại thương nói chung đã tăng gấp 10;

gần đây, khối lượng giao thương với nước ngoài đã tăng lên 25% mỗi năm. Sự tăng trưởng kinh tế hậu-Mao được đẩy mạnh bởi vốn nước ngoài, và các khu vực đô thị ven biển được hưởng lợi nhiều nhất từ thương mại, công nghệ và kỹ năng quản lý mà đầu tư này mang lại. Nông dân đã khá hơn trong những đợt cải cách đầu tiên, nhưng sau đó thì đã bị tụt lại phía sau cư dân thành phố một cách thê thảm, chỉ vào khoảng 15% nông dân được hưởng những thứ thường có trong cuộc sống của tầng lớp trung lưu hiện đại: điện thoại di động, truy cập internet, xe hơi, sở hữu nhà, và du lịch ra nước ngoài.

Bắc Kinh đang cẩn thận hoạch định một chính sách đối ngoại để duy trì tăng trưởng kinh tế, nhằm bảo toàn tính chính đáng của chế độ. Đó là lý do khiến Trung Quốc đã phải chấp nhận các đòi hỏi khắt khe của Mỹ và những nước khác để được gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới vào năm 2001, cũng do đó mà Trung Quốc có những hành động tung hứng tương đối minh bạch về tỉ giá giữa nhân dân tệ và đô la, và cũng do đó có sự tự kiềm chế của Trung Quốc trong tháng sáu vừa qua khi Úc cho phép một nhà ngoại giao đào thoát của Trung Quốc được quy chế thường trú tại Úc. (Trung Quốc ngày càng phụ thuộc vào khí thiên nhiên hóa lỏng, than đá, và quặng sắt của Úc.) Chắc chắn một phần để tránh thiệt hại cho lượng xuất khẩu khổng lồ của Trung Quốc sang thị trường Mỹ mà Bắc Kinh đã đình chỉ các vụ thử tên lửa khiêu khích tổ chức ngoài bờ biển của Đài Loan nhằm biểu lộ sự không hài lòng của Trung Quốc đối với một ứng cử viên ủng hộ độc lập trong cuộc bầu cử tổng thống của hòn đảo này năm 1996. (Tổng thống Bill Clinton đã phái hai tàu sân bay đến vùng lân cận.) Và vào năm 2001, sau một vụ va chạm giữa các máy bay quân sự của Mỹ và của Trung Quốc gần đảo Hải Nam, Bắc Kinh đột ngột ngưng những lời to tiếng “chống bá quyền” ban đầu của họ và trao trả toàn bộ nhân viên phi hành Mỹ - một lần nữa để bảo vệ mối quan hệ song phương cốt lõi cần cho việc đẩy mạnh hiện đại hóa kinh tế của Trung Quốc.

Mục tiêu thứ ba của chính sách đối ngoại của Bắc Kinh là duy trì một môi trường hòa bình trong vị trí địa lý phức tạp của Trung Quốc. CHNĐTQ là nước duy nhất trên thế giới phải đối phó với 14 nước láng giềng tiếp giáp, bảy trong số đó chia sẻ đường biên giới dài hơn 600 dặm, và bốn nước khác gần bên bờ biển quá dài của Trung Quốc. Trong 30 năm đầu của chế độ, CHNĐTQ đã tiến hành chiến tranh với tất cả năm nước cạnh bên sườn của họ. Trong chiến tranh Triều Tiên, họ phải chịu thiệt hại với hơn một triệu thương vong. Trung Quốc đã đánh nhau với Ấn Độ vào năm 1959 và 1962. Họ đã gửi 320.000 cán bộ kỹ thuật và bộ đội phòng không giúp Hồ Chí Minh giành chiến thắng trong chiến tranh Việt Nam. Năm 1969, hai nước xem là xã hội chủ nghĩa anh em là Moscow và Bắc Kinh đã vung kiếm đánh nhau ở sông Amur và Ussuri phía đông bắc. Trong năm 1979, Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình tấn công Việt Nam để “dạy cho Hà Nội một bài học”.

Đáng khen cho Trung Quốc và đáng làm cho các nước châu Á nhe nhúm, vào những năm 1980 Bắc Kinh đã theo đuổi một chính sách đối ngoại mới của “những nụ cười về mọi phía”, mà họ gọi là một “chính sách hòa bình và độc lập.” Không tiến hành thêm chiến tranh sau năm 1979, Bắc Kinh nhanh chóng làm dịu các mối quan hệ với Liên Xô, hàn gắn hàng rào bị vỡ với Indonesia, bất ngờ công nhận Hàn Quốc và nhét khăn vào cổ họng giận dữ của Bắc Triều Tiên, thiết lập và chia sẻ nhiệm vụ người canh công với Moscow ở Trung Á, tham gia sinh hoạt các tổ chức quốc tế hàng tháng, và cuối cùng trở nên dính chặt với Hoa Kỳ (ngoại trừ trong mối quan hệ quân sự) hơn bất cứ lúc nào trong lịch sử Trung Quốc. Trong một sự thay đổi rất nổi bật từ những cái đã là đúng đối với hầu hết lịch sử của CHNDTQ, Bắc Kinh ngày nay không có kẻ thù.

Sự thận trọng chờ thời vẫn đang tiếp tục. Trong các cuộc đàm phán sáu bên đang diễn ra hiện nay (Bài này đăng năm 2005 - Người dịch) về bán đảo Triều Tiên, Bắc Kinh với kiểu cách mập mờ, đang theo đuổi một chính sách (không nằm trong lợi ích của Mỹ) gìn giữ hòa bình bằng cách bám vào tình trạng hiện hữu. Một đất nước Triều Tiên bị chia cắt, dù vẫn tiếp tục với những quay cuồng sồn tọc gáy trong chính sách của Bình Nhưỡng, sẽ tốt cho Trung Quốc hơn là một Triều Tiên thống nhất với định hướng khó tiên đoán. Ở Trung Á cũng vậy, Bắc Kinh chỉ chọn “các cuộc đàm phán” về phân định cắm mốc biên giới và về các vấn đề “ly khai” đùng đẩy các vấn đề xuống dưới thảm và duy trì nguyên trạng.

Khi bước sang thế kỷ 21 thì rõ ràng là Bắc Kinh đã không còn theo chính sách “những nụ cười về mọi phía”, họ đổi sang đặt định nền móng cho một phiên bản Trung Quốc của Học thuyết Monroe ở Đông Á. Mục tiêu thứ tư này của Trung Quốc tất nhiên là không được nói ra. Trung Quốc cố thay thế Mỹ trong vai trò gây ảnh hưởng chính yếu ở Đông Á. Thật không may, các dự án do Washington cầm đầu ở Afghanistan và Iraq có thể đã làm cho chính quyền của Tổng thống Bush và công chúng Mỹ quên đi ý sự chuẩn bị mà Bắc Kinh đang tiến hành cho sự thống trị trong tương lai. Đáng lẽ Mỹ phải chú tâm sát sao tới những động thái này.

Mục tiêu thứ tư dựa vào uy tín lên cao của Trung Quốc do không bị xáo trộn bởi hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998, và vào sự thành công kinh tế trong hai thập kỷ của nước này. Cụ thể hơn, dù vẫn là tiêu cực, chủ đích của Trung Quốc trở nên khá rõ ràng. Trên một ít vấn đề toàn cầu mà các lợi ích Trung Quốc và Mỹ trùng hợp, hoặc Bắc Kinh không thể chống lại một cách có hiệu quả chính sách của Mỹ, thì hoặc họ sẽ đi theo Mỹ, hoặc “bỏ phiếu vắng mặt”, hoặc phản đối Washington một cách yếu ớt. Nhưng ở châu Á, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang làm nhiều thứ để làm nãn lòng và loại Mỹ ra ngoài. Họ tìm cách chèn một cây nêm giữa Nhật Bản và Mỹ trong mọi cơ hội. Họ thì thầm trong tai Australia rằng sẽ tốt cho Canberra hơn nếu chỉ nhìn Châu

Á chứ không nhìn qua bên kia Thái Bình Dương. Trong tháng mười hai (năm 2005, chú thích của người dịch), một cột mốc quan trọng là ở hội nghị thượng đỉnh Đông Á họp tại Malaysia mà không có đại diện của Mỹ, một phần vì áp lực của Trung Quốc. Bắc Kinh coi hội nghị thượng đỉnh này như một bước tiến tới hình thành một tổ chức khu vực Đông Á không bao gồm Mỹ.

Trên diễn trường Đông Nam Á, có thể nghe không nhầm lẫn khúc dạo đầu một Học thuyết Monroe Trung Quốc ở Myanmar và ở nhiều nước khác. Myanmar nhận được viện trợ đáng kể của Trung Quốc, bao gồm cả kinh phí cho các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng. Các nhà lãnh đạo Myanmar lo ngại việc Hán hóa ở miền bắc Myanmar, nơi mà người gốc Hán sống và buôn bán. Nhưng cũng giống như nước Myanmar chũu hầu ngày xưa phải triều cống cho thiên triều Trung Quốc trong nhiều thế kỷ, những nụ cười với Bắc Kinh là một chính sách bảo hiểm cho Myanmar. Kết quả là Myanmar đã bước vào vòng ảnh hưởng của Trung Quốc như Lào hiện nay. Thái Lan và thậm chí Malaysia có thể là các ứng viên trong tương lai.

Trong khi ấy, Bắc Kinh vun quén một nhận thức về Trung Quốc như một nước ngang bằng với Mỹ - mục tiêu quý giá thứ năm. Hãy xem chuyến viếng thăm Mỹ của Giang Trạch Dân năm 1997. Từ *New York Times* tường thuật “Các nhà đàm phán Mỹ chuẩn bị cho chuyến thăm nói rằng họ bối rối về cách mà các đối tác Trung Quốc của họ dường như tỏ ra coi trọng quá mức các chi tiết về nghi thức và biểu tượng.” Những thứ này bao gồm kích thước và màu sắc của thảm, vị trí trong các bức ảnh sẽ chụp của ông Giang, của biểu tượng Veritas của Đại học Harvard và chuông Tự Do của Philadelphia, và kiểu dáng và mẫu mã các cà vạt của Giang Trạch Dân và Tổng thống Clinton sẽ mang. Tất cả các chi tiết đó đã được dàn dựng để làm nổi thêm hình ảnh Trung Quốc là ngang hàng với Mỹ. Sau chuyến viếng thăm, một xã luận của tờ (New York) Times chắc đã làm phẫn khởi Bắc Kinh: “[Ông Giang] đã dùng sự xuất hiện của ông với ông Clinton để tự thể hiện mình như một chính khách có thể gặp gỡ một cách ngang hàng với nhà lãnh đạo của quốc gia giàu nhất và mạnh nhất thế giới.”

Năm sau đó, Clinton đi Trung Quốc, và Bắc Kinh cũng lặp lại bài bản tương tự cố đánh ra cú đấm vượt quá hạng cân của mình. Đàm phán quyết liệt để cho Clinton không ghé qua Nhật trên đường đi - một cách để cho thấy đó chính là chuyến thăm Trung Quốc chứ không phải nước nào khác - và kéo dài chuyến thăm này thành tám ngày để nó có thể hơn bảy ngày lịch sử mà Nixon đã dành ở Trung Quốc vào năm 1972. Trong một bài phát biểu mật sau chuyến thăm này, Thủ tướng Trung Quốc bày tỏ sự hài lòng rằng Clinton “không dừng chân tại Nhật Bản trên đường đến Trung Quốc... với kết quả là Nhật Bản đã bị mất mặt.” Báo chí chính thức Trung Quốc chớp ngay lấy bất kỳ mảnh bình luận từ bên ngoài Trung Quốc cho rằng Clinton và Giang Trạch Dân đã gặp nhau như hai

lãnh đạo ngang bằng. Họ tuyên bố rằng “hai nhà lãnh đạo cùng với nhau” (quên đi châu Âu, Nhật Bản, và Ấn Độ) đã làm Châu Á “ổn định hơn” và “thế giới hòa bình hơn”.

Mục tiêu thứ sáu của chính sách ngoại giao Trung Quốc là “lấy lại” những vùng lãnh thổ mà Bắc Kinh cho là theo đúng lẽ thì thuộc về CHNDTQ. Danh sách các vùng lãnh thổ mà họ cho là như vậy gồm từ những khu vực mà họ công khai tuyên bố là của họ cho đến những khu vực mà họ bí mật hi vọng sẽ có ngày chiếm đoạt. Danh sách ấy gồm Đài Loan và một số lớn các đảo trong vùng biển Hoàng Hải, biển Nam Trung Hoa (Biển Đông), và Biển Đông Trung Hoa. Trong trường hợp Đài Loan, Bắc Kinh đang chờ đợi một thời cơ kết hợp diễn biến thuận lợi (theo Bắc Kinh) trong chính trị nội bộ Đài Loan, sự mệt mỏi của Mỹ do căng thẳng hỗ trợ Đài Loan, khả năng lớn hơn của Trung Quốc vận chuyển binh lính và trang thiết bị nhanh chóng vượt qua eo biển Đài Loan rộng 100 dặm, và một Nhật Bản dễ uốn theo mong muốn của Trung Quốc hơn hiện nay. Trong trường hợp quần đảo Trường Sa, trải dài qua các tuyến đường biển rất quan trọng ở Đông Nam Á và có yêu sách chủ quyền từng phần của sáu quốc gia, Bắc Kinh đang chờ đợi đủ năng lực hải quân để “khôi phục lại” quyền kiểm soát các đảo về cơ bản là không có người ở nhưng giàu dầu mỏ và các nguồn tài nguyên khác này. Không ít người Việt Nam, Hàn Quốc, Thái Lan, và Ấn Độ cũng dự kiến rằng Trung Quốc, khi có thể, sẽ đưa ra đòi hỏi chủ quyền đối với một số phần của lãnh thổ của họ có lần thuộc Trung Quốc khi xưa.

Về khát vọng của Trung Quốc đối với vùng lãnh thổ trên sườn phía bắc của họ, Mao đã nói điều này vào năm 1964: “Khu vực phía đông của hồ Baikal là của chúng ta đã trở thành lãnh thổ của Nga khoảng 100 năm trước đây và kể từ đó Vladivostok, Khabarovsk, Kamchatka, và các khu vực khác cũng là lãnh thổ của Liên Xô. Chúng ta chưa đưa ra chứng cứ của chúng ta về danh sách này. Chúng ta có thể đưa ra chứng cứ khi đúng lúc.” Đến năm 1973, Mao kéo dài thêm danh sách các vùng lãnh thổ ông cảm thấy đã bị Moscow đánh cắp. Trong một cuộc trò chuyện về các chủ đề khác với Ngoại trưởng Henry Kissinger, đột nhiên ông than phiền “Liên bang Xô viết đã xẻo bớt của Trung Quốc một triệu rưỡi kilomet vuông.” Trong những năm 1960 và 1970, cũng đảng Cộng sản hiện cầm quyền ở Bắc Kinh đã tuyên bố nhiều phần của Kazakhstan, Tajikistan và Kyrgyzstan ngày nay là các bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc. Nếu sự nắm giữ của Nga đối với vùng Viễn Đông yếu đi, và sự qua lại của người Trung Quốc sống và buôn bán trong các khu vực biên giới tiếp tục, Trung Quốc có thể “đưa ra chứng cứ chủ quyền” đối với một phần của Siberia.



Chẳng phải lúc nào một cường quốc đang lên cũng đạt được mục tiêu của mình. Đối với các quốc gia chuyên chế thời hiện đại, những thành công của họ hầu hết đều ngắn ngủi. Các mục tiêu của cả ba cường quốc phát xít gây ra Chiến tranh thế giới II, đã đột ngột bị đập tắt năm 1945, và các mục tiêu đối ngoại của khối Xô Viết cũng đã biến mất không còn dấu vết sau năm 1991. Tôi tin rằng Trung Quốc có sẽ đạt được sáu mục tiêu của chính sách đối ngoại của họ hay không là tùy thuộc vào hệ thống chính trị của họ và vào phản ứng của các cường quốc khác sẽ là thế nàđối với những tham vọng của nước ấy.

Màn kịch trong tương lai cận kề của Trung Quốc có thể sẽ diễn ra chẳng phải trong quan hệ đối ngoại nhưng ở trong nước: Đòi hỏi của của giới trung lưu đối với quyền sở hữu, sự bất mãn ở nông thôn, Internet, 150 triệu người thất nghiệp lang thang giữa làng mạc và thành phố, và một dân số thịnh lĩnã lão hóa đang gây ra những căng thẳng tài chính và xã hội, sẽ kịch tính hoá một số những mâu thuẫn của “chủ nghĩa Lenin thị trường.” Đi một đường trong kinh tế và một đường khác trong chính trị gây ra khó khăn trong việc đi tới một điểm đích quy định. Cách thức mà Trung Quốc giải quyết các mâu thuẫn giữa chính trị và kinh tế của họ sẽ xác định mức độ mạnh mẽ như thế nào vai trò mà họ sẽ giữ trên thế giới.

Sự trỗi dậy hiện nay của Trung Quốc, giống như sự nổi lên của Đức và Nhật cuối thế kỷ 19, thể hiện cao vọng, lòng bất bình, và chủ nghĩa dân tộc cao độ. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của các quốc gia có nhiều hậu quả khác nhau. Chẳng hạn Vương quốc Anh cuối cùng chấp nhận một cách bình thản sự trỗi dậy của Mỹ ở Tây bán cầu. Ngược lại, sự trỗi dậy của Đức và Nhật Bản kết thúc bằng hai cuộc chiến tranh thế giới và sự hủy diệt hệ thống chính trị ở hai nước này - thay thế bằng các chính thể hoàn toàn mới và cách hành xử quốc tế hoàn toàn mới. Dân chủ, chứ không phải những đặc điểm văn minh hoặc bất kỳ sự khác biệt to lớn về tầm mức kinh tế quốc gia hiện nay so với những năm 1930, là lý do Đức và Nhật Bản đã trở thành cường quốc hành xử đàng hoàng trong thời đại chúng ta. Dù có ảnh hưởng to lớn, cả hai đều không là mối đe dọa cho các nước khác như trước đây. Vai trò tương lai của Trung Quốc trên thế giới sẽ được định đoạt phần lớn bởi những gì xảy ra với hệ thống chính trị lỗi thời của nước này trong hai thập kỷ sắp đến

Đôi khi ta quên rằng bất cứ ở đâu, khi nào, việc thăng được lên vị trí bá chủ mới luôn luôn cần ba yếu tố: *Một là* ý muốn trở thành số một của cường quốc đang lên, *hai là* khả năng đạt được mục tiêu đó, và *ba là* sự chấp nhận cường quốc ấy về phía những nước chịu ảnh hưởng. Bắc Kinh có ý muốn. Khả năng thì chưa rõ là có vượt ngoài tầm của họ hay không. Nhưng liệu những nước ngoài Trung Quốc có chấp nhận họ chẳng?

Đông Á vẫn còn giữ kỷ ức về Vương triều Trung tâm (Trung Quốc). Mỗi người Việt Nam và Hàn Quốc đều biết thái độ ngạo mạn lâu đời của

triều đình Trung Quốc đối với các nước láng giềng. Tốt hoặc xấu, khoảng 60 triệu người Hoa đang cư trú ở Đông Á bên ngoài CHNDTQ, nhắc nhở Indonesia, Philippines, Malaysia, và các nước chủ nhà khác về sự ưu việt của văn minh Trung Quốc trong khu vực; trong một số trường hợp, tình trạng sống chung vẫn còn căng thẳng. Một nửa dân số Đài Loan chống đối thẳng thừng ý định của Bắc Kinh “tái lập” sự cai trị hòn đảo của họ, theo các cuộc thăm dò; trong một cuộc khảo sát năm 2002, 38% coi mình như là người Đài Loan, 8% như người Hoa, 50% như là cả hai.

Trung Quốc đã qua nhiều thập kỷ tự xưng là nạn nhân: “bị cạo khọt giống như một quả dưa” sau chiến tranh Nha phiến, bị bắt nạt bởi các “đế quốc” phương Tây, vân vân.... Thành công ban đầu của họ như một nước bá quyền sẽ nhanh chóng đặt ra những vấn đề về diện mạo của họ cũng như nhiều hậu quả thực tế. Trung Quốc sẽ phát giác, như Mỹ đã đau đớn phát giác, rằng một chúa tể mới lên của rừng xanh sẽ bị các vết cắn của những con thú khác vừa bị đẩy ra ngoài. Một nước Nhật nhìn thấy Trung Quốc ánh Mỹ - một đồng minh chính của Nhật, một nước mà ưu thế hàng đầu trong khu vực Đông Á đã khiến Nhật kềm chế trong sáu thập kỷ - chắc chắn sẽ thách thức Trung Quốc. Một lần nữa, như trong năm thập kỷ sau năm 1894, Trung Quốc và Nhật Bản sẽ giành giật nhau - và có thể đánh nhau - để kiểm soát khu vực này.

Một Trung Quốc chuyên chế - lo lắng về khả năng kiểm soát chính người Trung Quốc và không nắm giữ một cách thoải mái bán đế quốc “phi Hán” ngay chính trong lãnh thổ của họ - sẽ có thể thiếu sự hấp dẫn đạo đức để lãnh đạo châu Á. Có thể lý luận rằng đế quốc Trung Quốc xưa, trong nhiều thế kỷ đã qua, là một thế lực ổn định, nhưng trong thế kỷ 21, bất kỳ một động thái nào của Trung Quốc nhằm mở rộng đế quốc của họ, hoặc chỉ để tiếp tục dài lâu các lĩnh vực đa quốc gia hiện tại của họ, có lẽ khả năng gây bất ổn.

Ở Liên Xô, đã có một liên hệ chặt chẽ giữa “đế quốc” và “chuyên chính cộng sản”. Ở Trung Quốc cũng có một gắn kết tương tự. Cũng như Nga, Trung Quốc là một mảnh đất rộng không có một đế quốc nhưng là một đế quốc. Sự tan rã của Liên Xô kết thúc Chiến tranh Lạnh cũng như làm nứt vỡ sự độc quyền chính trị của Đảng Cộng sản ở Moscow. Điều Zbigniew Brzezinski nói về Moscow cũng đúng cho cả Bắc Kinh: “Nga có thể là một đế quốc hay một nền dân chủ, nhưng không thể là cả hai.”

Moscow, dưới áp lực, đang xác định lại những lợi ích quốc gia của họ, khi họ để lại sau lưng nhiều thập kỷ là đế quốc cộng sản. Trung Quốc hầu như mới chập chững bắt đầu tiến trình này. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải tự hỏi xem họ có thể cai trị suông sẽ một xã hội khác biệt với Trung Quốc như Đài Loan ngày nay hay không. Họ có thể nên cân nhắc liệu để cho Tây Tạng như là một nhà nước liên kết với Trung Quốc - chắc chắn là dưới cái bóng của Trung Quốc, nhưng có chủ quyền - có thể

là tốt hơn so với sự căng thẳng dai dẳng giữa Lhasa và Bắc Kinh như nay hay không. Những câu hỏi này chưa được nêu ra bởi vì Trung Quốc vẫn còn trong quá trình chuyển đổi từ đế quốc cộng sản sang quốc gia hiện đại, và còn bị giằng co giữa những gì họ muốn và những gì họ thực sự cần. Các huyền thoại quốc gia (một “Trung Quốc nạn nhân”) đúng là lý thú; nhưng sự mời gọi của lợi ích quốc gia (một “Trung Quốc thịnh vượng”) có vẻ hấp dẫn hơn.

Còn nhiều vấn đề nữa về khả năng của Trung Quốc trở thành một bá quyền toàn cầu. Bắc Kinh hiện nay không thể phóng sức mạnh của họ ra xa; trong thảm họa sóng thần tháng 12 năm 2004 họ đã không thể làm như vậy, ngay cả tới Nam và Đông Nam Á. Nhiều vấn đề chắc chắn sẽ phát sinh ở châu Phi và châu Mỹ La tinh, bắt đầu với ngôn ngữ và bao gồm cả chủng tộc và tôn giáo rồi văn hóa, nếu Trung Quốc tìm cách để có tác động ở những khu vực mà châu Âu và Mỹ đã có ảnh hưởng. Ngoài ra còn nhiều nghi ngờ rằng liệu Trung Quốc có đủ trang bị về mặt triết lý cho sự thống trị thế giới theo cách mà nước Anh đã từng hưởng qua sức mạnh trên biển, hoặc theo cách Mỹ hiện đang hưởng dựa trên các giao dịch kinh doanh, sức mạnh quân sự, văn hóa đại chúng, và những ý niệm về thị trường tự do và dân chủ. Ý thức về sức mạnh của chủ nghĩa Mao chắc chắn là mạnh mẽ, giống như ý thức về “sứ mệnh” của người Anh-Mỹ phát xuất từ đạo Tin Lành. Nhưng, nếu không có sự bén nhọn của chủ nghĩa cộng sản thì chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc thiếu một thông điệp cho thế giới. Nước Mỹ dưới thời Tổng thống George W. Bush rõ ràng là có một thông điệp, ngay khi nó hầu như không thuyết phục được ai không phải là Mỹ. CHNDTQ hiện nay chẳng có thông điệp nào, nhưng rất chuyên tâm trong việc kiểm soát trong nước và tham vọng có một bầu ảnh hưởng.

Tôi nói về Trung Quốc như một nước có tham vọng. Nhưng có sẽ tốt hơn cho Trung Quốc nếu họ là một cường quốc bảo thủ? Mỗi mệnh đề đều có những người nhiệt tình ủng hộ, nhưng cả hai có một mối quan hệ âm dương. Các yêu sách bành trướng của Bắc Kinh thì ai cũng thấy rõ ràng và là độc nhất trong các cường quốc ngày nay. Tuy nhiên, chế độ Bắc Kinh, tuy là chế độ độc tài, là một chế độ độc tài có lý trí. Họ biết đếm các con số. Họ thường kiên nhẫn trong việc thực hiện các mục tiêu của mình. Được trang bị với một lực lượng nòng cốt ngày càng nhiều quan chức trẻ, được đào tạo bài bản, Bắc Kinh ngày nay không như các triều đình nhà Minh và nhà Thanh xưa, lừa mị chính mình bằng những hư cấu đẹp đẽ để che giấu sự cách biệt giữa thực tế và thế giới quan ưa thích của Trung Quốc. Tóm lại, Trung Quốc là một cường quốc đầy tham vọng, nếu phải chạm mặt với sức mạnh đối kháng, sẽ hành động thận trọng trong chiến lược dài hạn của họ. Họ biết chắc có một danh sách đáng nể gồm các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ ... có nhiều lý do để từ chối cho Trung Quốc cơ hội làm Vương quốc Trung tâm của thế kỷ 21. Trung Quốc không phải là yếu như họ dường như thế

khi còn là “một con bệnh của Châu Á.” Quốc gia này có thể cũng không mạnh mẽ một cách bền vững như họ có vẻ hiện nay đối với những người sợ hãi hay chiêm ngưỡng họ.

© Bản dịch Thời Đại Mới

Bá quyền với bản sắc Trung Quốc*

Aaron L. Friedberg[†]

Đại học Princeton, Mỹ

Hoa Kỳ và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc bị dính vào nhau trong một cuộc tranh chấp thâm lắng nhưng ngày càng mạnh mẽ nhằm giành quyền lực và ảnh hưởng, không chỉ ở châu Á mà còn khắp thế giới. Mặc dù những gì mà nhiều nhà bình luận nghiêm chỉnh và đầy thiện chí có vẻ tin, sự kinh địch đang nảy sinh giữa Mỹ và Trung Quốc không chỉ là hậu quả của những ngộ nhận hay chính sách sai lầm, đằng sau chúng là những lực phát xuất từ cấu trúc đang chuyển biến của hệ thống quốc tế và từ chính sự khác biệt của thể chế chính trị ở hai nước này.

Trong suốt lịch sử, quan hệ giữa các nước đang chế ngự và các nước đang vươn lên không bao giờ là dễ dàng – và thường là dữ dội. Những nước hiện là cường quốc thì có khuynh hướng xem mình là cảnh vệ một trật tự quốc tế mà họ đã có công sáng lập và nhờ nó mà họ đang tiếp tục hưởng lợi. Mặt khác, những cường quốc đang vươn lên thì cảm thấy bị kiềm hãm, thậm chí bị lừa bịp, bởi tình trạng hiện hữu; họ đấu tranh chống lại tình trạng ấy để giành lấy cái mà họ cho rằng đúng ra là của họ. Thực vậy, câu chuyện này, với những ngụ ý kiểu Shakespeare về trẻ và già, vững mạnh và suy tàn, là thứ chuyện cổ xưa nhất trong lịch sử còn ghi lại của loài người. Ngay từ thế kỷ 5 trước công nguyên nhà sử học vĩ đại người Hy Lạp Thucydides bắt đầu nghiên cứu về cuộc chiến tranh Peloponnesia với nhận xét tương chừng như đơn giản rằng nguyên nhân sâu xa nhất, thực nhất, của chiến tranh này là “sự lớn lên của sức mạnh Athena và sự sợ hãi mà nó gây cho Sparta”.

Sự thật rằng quan hệ Mỹ-Trung là quan hệ cạnh tranh thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Song hai nước này không phải là hai cường quốc bất kỳ: Từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ là nước giàu nhất và mạnh nhất thế giới; Trung Quốc, khác thế, là quốc gia mà khả năng là tăng lên nhanh nhất. Mỹ vẫn còn là “số một”, nhưng Trung Quốc đang nhanh chóng thu ngắn khoảng cách giữa họ và Mỹ. Hậu quả của sự cạnh tranh

* Phỏng dịch bài “*Hegemony with Chinese characteristics*”, National Interest, tháng 7-8, 2011, tr. 18-27.

[†] Giáo sư khoa Chính trị và Các Vấn đề Quốc tế.

này không thể là hệ trọng hơn, và đặc biệt là đầy tiềm năng đưa đến xung đột.

Ít nhất là dưới mắt các cường quốc hiện chế ngự, các nước đang lên có xu hướng là những kẻ gây rối. Khi khả năng của một nước gia tăng thì, nói chung, các lãnh đạo của nước ấy xác định lợi ích của họ một cách rộng rãi hơn, và muốn có ảnh hưởng nhiều hơn đối với những gì xảy ra xung quanh họ. Điều này có nghĩa là, thông thường, những nước đang lên không chỉ mưu đồ bảo vệ biên giới của họ mà còn muốn vượt ra ngoài biên giới ấy, có những biện pháp cần thiết để đảm bảo tiếp cận các thị trường, vật liệu và các đường giao thông, để bảo vệ công dân của họ đang làm việc xa nhà, bảo vệ các bạn bè và đồng minh nước ngoài của họ; để truyền bá các tôn giáo và ý thức hệ của họ; và để có những gì mà họ xem là quyền lợi chính đáng của họ trong những vấn đề khu vực và ở cả thế giới.

Khi các nước đang trỗi lên bắt đầu mạnh dạn lên tiếng, họ thường cảm thấy phải thách thức các đường biên giới cố hữu, các thiết chế quốc tế và hệ thống tôn ti trật tự uy tín đã được sắp xếp khi họ còn tương đối yếu. Tương tự Nhật Bản cuối thế kỷ mười chín, hay Đức ở bước ngoặt sang thế kỷ hai mươi, các cường quốc mới nổi muốn tìm chỗ đứng dưới mặt trời. Tất nhiên điều này đặt họ đối đầu với các cường quốc hiện ngự trị – cái gọi là các nước *status quo* (đang có) – vốn là những nhà kiến trúc, những kẻ thừa hưởng chủ yếu, và những người bảo vệ chính của bất kỳ hệ thống quốc tế hiện hữu nào.

Những cọ sát phát sinh từ đó giữa các lợi ích của hai bên rất ít khi được giải quyết một cách hòa bình. Nhận thấy mối đe dọa đang lớn lên đối với vị thế của họ, các cường quốc hiện có ưu thế (hay một liên minh của các nước có địa vị ấy theo thực tế - *status quo*) đôi khi tấn công và hủy diệt một đối thủ trước khi đối thủ này có thể lớn lên và đủ mạnh để thành một nguy cơ. Vài cường quốc khác – mong tránh chiến tranh – đã theo một chính sách ngược lại: cố gắng xoa dịu những nước có khả năng thách thức mình, họ tìm cách thỏa mãn những đòi hỏi và tham vọng của nước ấy và tìm cách đưa các nước ấy vào trật tự quốc tế hiện hữu một cách hòa bình.

Tuy nhiên, dù có chân thành đến mấy, những cố gắng này hầu như luôn luôn kết thúc trong thất bại. Đôi khi, lý do rõ ràng là vì những đòi hỏi của quốc gia đang lên. Như nước Đức của Adolf Hitler, một kẻ xâm lược có thể có những tham vọng quá lớn, đến mức các nước trong trật tự hiện hữu (*status quo*) không thể đáp ứng mà không thực tế trở thành kẻ phục tùng hay đưa dân tộc họ vào chỗ tự sát. Ngay khi những đòi hỏi của các nước đang lên là không quá lớn, các nước đang có ưu thế cũng thường rất khó chấp nhận nhượng bộ, do đó làm bùng thêm ngọn lửa oán giận và thất vọng của nước đang lên, hoặc quá hăm hờ nhượng bộ, thì lại bồi dưỡng tham vọng của các nước này, khiến các đòi hỏi leo thang theo

đường tròn ốc. Các chính sách nhượng bộ để xoa dịu mà thắng lợi có thể hiểu được về mặt lý thuyết, nhưng việc thực hiện chúng trong thực tế là rất khó khăn. Đó là lý do tại sao những thời kỳ chuyển tiếp – khi một cường quốc đang lên bắt đầu vượt các nước trước kia là vượt trội – đã luôn luôn được đánh dấu bằng chiến tranh.

•

Dù họ cẩn thận không nói thẳng, các nhà cầm quyền hiện nay của Trung Quốc có vẻ đang cố xây dựng quốc gia họ như cường quốc nổi trội ở Đông Á, và có lẽ cả châu Á nói chung. Mục đích là làm cho Trung Quốc thành nước mạnh nhất và có ảnh hưởng nhất trong vùng, một nước có khả năng ngăn chặn các cuộc tấn công và các mối đe dọa; giải quyết các tranh chấp lãnh thổ theo sở thích của Trung Quốc; ép buộc hoặc thuyết phục các nước khác chấp nhận những ý muốn của Trung Quốc trên những vấn đề từ thương mại và đầu tư đến liên minh và thỏa thuận căn cứ cho nước thứ ba, sự đối xử với Hoa kiều; và, ít nhất trong vài trường hợp, gây ảnh hưởng đến bản chất và thành phần chính phủ của các nước láng giềng. Bắc Kinh có thể không tìm cách chinh phục hay trực tiếp kiểm soát về mặt vật chất những nước xung quanh Trung Quốc, nhưng, chắc chắn là họ muốn thực hiện một dạng bá quyền khu vực, dù họ luôn luôn phủ nhận điều này.

Trung Quốc không là quốc gia duy nhất có những tham vọng như vậy. Xuyên suốt lịch sử, bao giờ cũng có một tương quan chặt chẽ giữa một bên là sự tăng trưởng của cải nhanh chóng và sức mạnh tiềm năng của một nước, vùng địa lý của những quyền lợi của nước ấy, cường độ và sự đa dạng của những đe dọa đã biết đối với những lợi ích, và bên kia là mong muốn tăng cường các khả năng quân sự và dùng ảnh hưởng lớn hơn để bảo vệ chúng. Chính sự tăng trưởng có xu hướng khuyến khích bành trướng, mà bành trướng thì sẽ dẫn đến mất an ninh, và mất an ninh thì càng tăng thêm ước muốn có nhiều quyền lực hơn nữa. Mẫu hình này được thiết lập rất rõ trong thời trung cổ. Khi nhìn lại các thế kỷ mười chín và hai mươi, Samuel Huntington thấy rằng mọi cường quốc lớn khác, Anh và Pháp, Đức và Nhật, Mỹ và Liên xô, đã gắn liền với sự bành trướng, yêu sách ra bên ngoài, và chủ nghĩa đế quốc trùng khớp với hoặc tiếp ngay theo sau những năm công nghiệp hóa và tăng trưởng kinh tế nhanh chóng.

Đối với Trung Quốc, Huntington kết luận “không có lý do gì để nghĩ rằng việc có được sức mạnh quân sự và kinh tế không có những tác động tương tự” lên các chính sách của nước này.

Tất nhiên, cách hành xử trong quá khứ của các nước khác chỉ có tính gợi ý, khó là một chỉ dẫn chắc chắn đến tương lai. Chỉ vì các cường quốc khác đã cư xử cách nào đó không nhất thiết có nghĩa là Trung Quốc sẽ làm như vậy. Có lẽ, trong một thế giới mà thị trường là toàn cầu và có vũ khí hạt nhân, những nỗi lo sợ và tham vọng thúc đẩy các cường quốc nổi

lên trước đây không còn mạnh mẽ như xưa. Có lẽ các lãnh đạo Trung Quốc đã học được từ lịch sử rằng những cường quốc mới nổi thường khuấy lên những bất mãn và chống đối.

Nhưng Trung Quốc không phải là một cường quốc mới nổi bất kỳ nào, và lịch sử của họ cho thêm một lý do để tin rằng họ sẽ tìm một hình thức ưu thắng nào đó trong khu vực. Trung Quốc là một dân tộc có một quá khứ lâu dài và tự hào như là một trung tâm chủ đạo của văn minh Đông Á. Gần đây hơn, quốc gia này cũng có một kinh nghiệm ít vang hơn về sự đổ hộ và nhục nhã trong tay ngoại xâm. Như một số nhà sử học gần đây đã vạch rõ, Trung Quốc không chỉ “nổi lên” mà còn *trở về* cái địa vị vượt trội trong khu vực mà có thời nó đã giữ, điều mà các lãnh đạo và nhiều người trong nhân dân của họ vẫn nghĩ là đương nhiên và thích đáng. Cái mong muốn phục hồi hệ thống lấy Hán làm trung tâm có thể nhất quán với điều mà nhà báo Martin Jacques mô tả như một giả định phổ biến về phần người Trung Quốc, rằng địa vị tự nhiên của họ nằm ở trung tâm Đông Á, rằng nền văn minh của họ không ai trong khu vực sánh nổi, và rằng cái địa vị xứng đáng của họ mà lịch sử ban cho, sẽ được khôi phục vào một thời điểm nào đó trong tương lai.

Học giả bảo thủ Diêm Học Thông (Yan Xuetong) đặt vấn đề một cách ngắn gọn: Nhân dân Trung Quốc tự hào về quá khứ vinh quang của đất nước mình và tin rằng việc Trung Quốc rời khỏi địa vị ưu việt là “một sai lầm lịch sử mà họ nên sửa chữa.” Nếu có điều gì là đúng thì đó chính là cái “thể kỷ nhục nhã” mà Trung Quốc bạc nhược và dễ bị tổn thương càng làm cho việc theo đuổi quyền lực của họ thêm cấp bách. Với một dân tộc có một lịch sử như của Trung Quốc, việc giành lại một địa vị quyền lực vô địch không được xem một cách đơn giản là vấn đề tự hào mà đúng hơn như một điều kiện tiên quyết thiết yếu để tiếp tục tăng trưởng, an ninh và, rất có thể, sự sống còn.

•

Những mẫu hình ngấm ngấm của chính trị quyền lực như thế đang đẩy Mỹ và Trung Quốc vào chỗ nghi kỵ và tranh đua, nếu không nhất thiết là đến xung đột công khai. Nhưng câu chuyện này không chỉ có thế. Không như khẳng định của một số người theo chủ nghĩa thực tế, các vấn đề tự tương hệ ít nhất cũng quan trọng như vấn đề quyền lực trong việc quyết định tiến trình của các quan hệ giữa các quốc gia. Sự kiện Mỹ là một nền dân chủ tự do trong khi Trung Quốc vẫn còn là một chế độ toàn trị là một sức đẩy thêm rất mạnh cho sự tranh đua, một chương ngại cho những quan hệ ổn định và hợp tác, và tự nó là một nguồn gốc của thù địch và nghi ngờ lẫn nhau.

Quan hệ giữa các xã hội dân chủ và không dân chủ luôn được thực hiện trong cái mà nhà chính trị học Michael Doyle mô tả là một “bầu không khí hiềm nghi”, phần nào vì “nhận thức của các nước tự do rằng

các nước không tự do luôn ở trong một tình trạng xâm lược gây hấn chống lại chính nhân dân của họ.” Các nước dân chủ, nói ngắn gọn, xem các nước không dân chủ là ít chính đáng hơn bởi lẽ những nước sau này không có sự đồng ý mà dân chúng của họ được tự do tỏ bày. Đơn giản là, trong thâm tâm, phần lớn các công dân ở những nước dân chủ không tin rằng tất cả mọi quốc gia đều được tạo ra một cách bình đẳng, hoặc là mọi quốc gia đều đáng được kính trọng như nhau, bất kể quốc gia ấy được cai trị như thế nào.

Nhìn dưới ánh sáng này, những tranh cãi Mỹ - Trung Quốc về những vấn đề như kiểm duyệt và tự do tôn giáo không chỉ gây khó chịu ngoài mặt -- những khó chịu có thể hóa giải hoặc rũ bỏ. Trái lại, chúng là triệu chứng của những khó khăn sâu hơn. Đối với đa số người Mỹ, sự vi phạm nhân quyền của Trung Quốc không chỉ tự nó đã là sai trái, nó còn là dấu hiệu mạnh mẽ của bản chất tởm gớm về đạo đức của chế độ Bắc Kinh. Trong khi Mỹ có thể giao dịch với một chính phủ như vậy ít ra về một số vấn đề, khả năng có một quan hệ nồng ấm, tin cậy nhau, là xa vời, ấy là nói nhẹ nhất.

Các xã hội dân chủ cũng có xu hướng xem các xã hội không dân chủ là, tự căn bản, không đáng tin và có khuynh hướng, một cách nguy hiểm, xâm lăng các nước khác. Vì những hành động của các nước không dân chủ được che phủ trong bí mật, những mưu toan, và toàn bộ thực lực quân sự của những nước này rất khó được nhận biết. Trong những năm gần đây, các quan chức Mỹ đã thúc ép đối tác Trung Quốc của họ phải minh bạch hơn về các chương trình quốc phòng, nhưng ít có hy vọng những yêu cầu này sẽ được đáp ứng theo bất kỳ cách nào có ý nghĩa. Thậm chí, nếu Bắc Kinh bỗng nhiên công bố ồ ạt những thông tin và những con số, thì các nhà phân tích Mỹ cũng sẽ nhìn chúng với thái độ nghi ngờ sâu sắc, sẫm soi các dữ liệu ấy để tìm ra những dấu hiệu dối trá và đánh lạc hướng. Và họ làm thế là đúng; chính phủ Trung Quốc tập quyền và kiểm soát ngặt nghèo được đặt vào ưu thế tốt hơn nhiều để làm những âm mưu như vậy, so với đối tác Mỹ của nó, vốn phân quyền, công khai và hay để lộ bí mật.

Khả năng bảo mật của các chính quyền không dân chủ cũng cho phép các quốc gia này dễ sử dụng vũ lực mà không báo trước. Từ năm 1949, các nhà cầm quyền Trung Quốc đã bộc lộ một thiên hướng đặc biệt về tấn công bất ngờ và đánh lừa. (Hãy nghĩ đến việc Bắc Kinh lao vào Chiến tranh Triều Tiên tháng Chạp năm 1950, hay cuộc tấn công Ấn Độ của họ vào tháng Mười 1962). Khuynh hướng này có thể đã bắt rễ sâu trong văn hóa chiến lược Trung Quốc từ thời Tôn Tử, nhưng nó cũng hoàn toàn nhất quán với tính cách của chính sách đối nội hiện nay của nước này. Thật ra, hầu hết các nhà phân tích Mỹ quan ngại về bản chất chuyên chế của chính phủ Trung Quốc nhiều hơn là về văn hóa của Trung Quốc. Nếu Trung Quốc là một xã hội dân chủ, có lẽ nền tảng văn hóa xã hội sâu xa của hành vi chiến lược và chính trị của nó có thể không

khác nay là máy, nhưng các nhà lập định kế hoạch của Mỹ có thể đỡ lo lắng hơn nhiều vì khả năng một nước Trung Quốc như thế có thể liều lĩnh thử một đòn tấn công như sét đánh trên các lực lượng và các căn cứ Mỹ ở tây Thái Bình Dương sẽ rất thấp hơn.

Những nỗi lo xâm lược như thế còn gia tăng bởi nhận định rằng chính cái lo lắng về sự thiếu tính chính đáng trong nội bộ có thể khiến các nước không dân chủ sẽ lái sự thất vọng và bất bình của dân chúng sang các kẻ thù bên ngoài. Chẳng hạn một số nhà quan sát phương Tây lo ngại rằng nếu nền kinh tế Trung Quốc suy sụp, nhà cầm quyền Trung Quốc có thể đổ lỗi cho nước ngoài, thậm chí nguy tạo khủng hoảng với Đài Loan, Nhật Bản hoặc Mỹ để huy động dân của họ và chuyển sự tức giận của dân chúng sang một hướng khác. Dù chủ đích của Bắc Kinh thật sự là sao đi nữa, những cuộc đối đầu như thế có thể dễ dàng leo thang khỏi tầm kiểm soát. Chẳng phải là lãnh đạo các nước dân chủ không bao giờ bị cám dỗ phiêu lưu quân sự ở nước ngoài. Tuy nhiên, vì hậu quả đối với họ là thấp hơn nhiều (bị bỏ phiếu bất tín nhiệm chứ không phải bị lật đổ và vào tù, hoặc xấu hơn nữa), ít có khả năng là họ sẽ mạo hiểm đến mức cực độ để bám giữ quyền lực của mình.

Sự nghi kỵ giữa Washington và Bắc Kinh không phải một chiều - và với lý do dễ hiểu. Các nhà cầm quyền hiện nay của Trung Quốc không coi mình là lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới như trước đây, nhưng họ vẫn tin rằng họ đang dính vào một cuộc đấu tranh ý thức hệ, mặc dù trong cuộc đấu tranh ấy, cho đến gần đây họ đã hầu như hoàn toàn ở thế tự vệ. Trong khi họ xem những tuyên bố của Washington rằng Mỹ quan ngại về nhân quyền và các quyền tự do cá nhân là khá mỉa mai và có tính cơ hội, các nhà lãnh đạo Trung Quốc không nghi ngờ gì rằng Mỹ được thực tình thúc đẩy bởi hùng khí ý thức hệ. Nhìn từ Bắc Kinh, Washington là một cường quốc nguy hiểm, thánh chiến, phóng khoáng, hầu như có tính đế quốc, một quốc gia không nghi yên chừng nào mà nó chưa thể áp đặt các quan điểm và lối sống của nó lên toàn hành tinh. Ai chưa nắm được nhu cầu này của Mỹ chỉ cần đọc những diễn văn của các quan chức Mỹ với những lời hứa hẹn mở rộng tầm ảnh hưởng của dân chủ và tẩy sạch thế giới khỏi bạo quyền.

Thật ra, chính vì ý thức hệ mà Mỹ có khuynh hướng nghi ngờ và thù địch Trung Quốc nhiều hơn là chỉ vì các lý do chiến lược, ý thức hệ cũng có xu hướng làm tăng ở Washington ý muốn sẵn sàng trợ giúp các quốc gia dân chủ khác khi những quốc gia dân chủ này cảm thấy bị đe dọa bởi quyền lực Trung Quốc, ngay cả khi sự trợ giúp này không phải là những gì mà những tính toán chính trị thực dụng thuần túy về những lợi ích của nó có vẻ đòi hỏi. Chính vì lẽ đó, không thể giải thích được sự giúp đỡ kiên trì - thật ra là đang sâu đậm hơn - cho Đài Loan trong những năm 1990 nếu không tham chiếu sự kiện là hòn đảo này đã phát triển từ một thành trì chuyên chế của phe chống cộng thành một nền dân chủ tự do. Bỏ đi những liên hệ cuối cùng của Mỹ với Đài Loan sẽ gỡ bỏ nguồn gây

xích mích chủ yếu với Trung Quốc và một nguyên nhân tiềm tàng của chiến tranh. Một động thái như thế thậm chí vẫn có thể hiểu được nếu Đài Loan vẫn còn hiện ra trong mắt nhiều người Mỹ -- như nó đã hiện ra trong những năm 1970 -- như một nền độc tài tham nhũng và trấn áp. Nhưng sự kiện là Đài Loan ngày nay được coi như nền dân chủ chân chính (nếu không hoàn thiện) sẽ khiến Washington rất khó có khi nào tự ý bỏ rơi nó.

Sau khi nhìn thấy cách Mỹ đánh quy Liên Xô bằng sự kết hợp giữa đối đầu bên ngoài và lật đổ bên trong, từ cuối Chiến tranh Lạnh các nhà chiến lược Trung Quốc đã sợ rằng Washington có ý định làm như thế với họ. Niềm tin này làm méo mó nhận thức của Bắc Kinh hầu như về mọi khía cạnh của chính sách Mỹ đối với Trung Quốc, từ nhiệt tình giao hảo kinh tế đến những cố gắng cố vũ sự phát triển hệ thống pháp luật của Trung Quốc. Niềm tin ấy cũng định hướng sự đánh giá của lãnh đạo Trung Quốc về những hoạt động của Mỹ khắp châu Á, những hoạt động mà Bắc Kinh tin là nhằm bao vây Trung Quốc bằng những nước dân chủ ủng hộ Mỹ, và điều đó tiêm nhiễm vào các chính sách của Trung Quốc chống lại ảnh hưởng ấy.

Với sự nổi lên của Trung Quốc trên vũ đài thế giới, nước này trở thành nguồn cảm hứng và hỗ trợ vật chất cho các nhà độc tài đang bị khó khăn ở Trung Đông, châu Phi và châu Mỹ Latin, cũng như châu Á -- những người cầm cự cuối cùng của các chế độ phản dân chủ, những người đã được cho là trên đường rơi vào đống rác của lịch sử sau khi Liên Xô sụp đổ. Người Mỹ có thể tin từ lâu rằng điều kiện cần của tăng trưởng là quyền tự do chọn lựa trong lãnh vực kinh tế (điều được giả định là sẽ tất yếu mở rộng tự do chính trị), nhưng, ít nhất là hiện tại, Trung Hoa lục địa đã pha trộn thành công một nền cai trị độc tài với kinh tế thị trường. Nếu nước này đi đến chỗ được coi như đưa ra một mô hình phát triển thay thế (cho mô hình của Mỹ -- Người dịch) thì sự tiếp tục tăng trưởng của Trung Quốc dưới sự cai trị chuyên chế có thể làm phức tạp và làm chậm lại những cố gắng từ lâu của Mỹ nhằm khuyến khích truyền bá các thiết chế chính trị tự do khắp thế giới.

Nỗi lo sợ rằng Mỹ mưu toan thay đổi chế độ cũng có một vai trò ngày càng quan trọng trong việc hoạch định chính sách của Trung Quốc đối với các nước ở những vùng khác trên thế giới. Nếu Mỹ có thể làm áp lực và có lẽ hạ bệ các lãnh đạo hiện nay ở Venezuela, Zimbabwe và Iran, nó có thể trở nên táo bạo hơn trong cố gắng làm cái gì đó tương tự với Trung Quốc. Bằng cách giúp cho những chế độ này sống còn, Bắc Kinh có được bạn bè và đồng minh cho những cuộc đấu tương lai, làm yếu đi cái nhận thức rằng dân chủ đang trên đường tiến tới và làm chệch một số năng lực phi thường của Mỹ khỏi chính Trung Quốc. Những cố gắng của Washington làm cô lập, ép buộc và có thể làm xói mòn những nhà nước chuyên chế “hoang đàng” (như Iran và Bắc Triều Tiên) đã bị làm cho phức tạp nếu không nói là thất bại, bởi sự sốt sắng của Bắc Kinh gắn kết

với chúng. Đồng thời, tất nhiên, những hành động của Trung Quốc cũng làm gia tăng mối lo ngại ở Washington về những động cơ và những dự định của nó, bằng cách đổ thêm dầu vào ngọn lửa tranh đua.

•

Có thể là, trong vị trí địa chính trị của Bắc Kinh, bất kỳ một cường quốc nào đang trỗi lên cũng muốn có ảnh hưởng đáng kể trong khu vực kề cận với nước ấy. Cũng có thể là, với lịch sử của họ, và cho dù họ được cai trị như thế nào, Trung Quốc cũng đặc biệt quan tâm đến việc tự khẳng định mình và việc được lắng giềng thừa nhận là đứng đầu giữa những kẻ ngang hàng. Nhưng cuối cùng thì chính đặc điểm chính trị nội bộ Trung Quốc là yếu tố quyết định chính xác cách Trung Quốc định nghĩa những mục tiêu của họ đối với thế giới bên ngoài, và phương cách theo đuổi mục tiêu ấy của họ

Như Ross Terrill của Trung tâm Fairbank Đại học Harvard nhận xét, khi chúng ta nói về các ý định hay chiến lược “của Trung Quốc”, sự thật là chúng ta đang nói về các mục tiêu và kế hoạch của các lãnh đạo chớp bu hiện nay của nước này mà, như ông mô tả, là “chín ông kỹ sư làm thành Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng Sản Trung Quốc.” (Ross Terrill, “*What does China Want?*”, *Wilson Quarterly*. Mùa thu 2005). Tất cả những gì chúng ta biết về những người này cho thấy rằng họ được thúc đẩy trên hết bởi niềm tin của họ về sự cần thiết duy trì sự cầm quyền của Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Theo một nghĩa nào đó, điều này hoàn toàn là vì lợi ích của chính họ. Những lãnh đạo hiện nay và gia đình họ được hưởng những đặc quyền và những cơ hội mà những người khác trong xã hội Trung Quốc không có được; những đặc quyền và cơ hội này xuất phát từ chính sự gần gũi của họ với cội nguồn của quyền lực chính trị. Sự kết thúc nhiều thập kỷ ngự trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ có những hậu quả lập tức, đau đớn và có lẽ bi thảm đối với những người đang có địa vị chớp bu của hệ thống. Những ngôi sao đang lên hy vọng một ngày nào đó sẽ chiếm những vị trí này và ngay cả những quan chức nhỏ với những tham vọng khiêm tốn có lẽ cũng tính toán như vậy. Sự hội tụ quyền lợi cá nhân và một cảm giác chung số phận đem đến cho nhà nước-đảng này một sự dính kết mà nó sẽ không có nếu tình thế là khác hơn. Các đảng viên biết rằng nếu họ không đoàn kết với nhau họ rất có thể gặp nguy hiểm riêng rẽ - và điều hiểu biết này thấm nhiễm cách suy nghĩ của họ đối với mọi vấn đề mà họ đương đầu.

Nhưng động cơ để Đảng Cộng Sản Trung Quốc tiếp tục nắm giữ quyền hành không chỉ có gốc rễ trong lợi ích bản thân. Giới lãnh đạo của Đảng thành thực tin rằng Đảng đã có những thành tựu vẻ vang trong quá khứ và ở sự cần thiết không thể thiếu được của Đảng trong tương lai. Dù gì thì chính Đảng Cộng sản Trung Quốc đã giải cứu Trung Quốc khỏi ngoại xâm, đã đưa nước này ra khỏi một thế kỷ bị áp bức và nhục nhã,

nâng Trung Quốc lên hàng những đại cường trên thế giới. Trong con mắt của những lãnh đạo của nước này, và một bộ phận nhân dân Trung Quốc, những thành tựu này tự bản thân chúng đã cho Đảng Cộng Sản Trung Quốc thẩm quyền đạo đức duy nhất và chính đáng hóa sự cai trị của Đảng.

Nhìn về tương lai, các quan chức Đảng tin rằng chỉ có họ là đang đứng giữa một bên là tiếp tục ổn định, thịnh vượng, tiến bộ và vươn lên tầm vĩ đại không thể chặn lại, và một bên là quay lại với hỗn loạn và bạc nhược. Như một phân tích của hồ sơ cá nhân bí mật bị rò rỉ của “thể hệ thứ tư” các lãnh đạo Trung Quốc hiện nay (với Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, và Giang Trạch Dân là ba thế hệ lãnh đạo đầu) của các nhà Trung Quốc học Andrew Nathan và Bruce Gilley cho thấy, về vấn đề này, không có dấu hiệu bất đồng hay nghi ngờ gì trong nội bộ Đảng. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, các đồng nhiệm của ông và những người có khả năng kế tục ông thấy rõ nhiều thách thức cả trong lẫn ngoài mà họ đang đối diện, nhưng họ tin rằng họ, và chỉ có họ, mới có thể tìm ra giải pháp cần thiết để giữ cho đất nước của họ tiến lên và làm cho quốc gia này giành lại được số phận của nó. Quả thật, họ tin rằng chính tâm cỡ và sự phức tạp của những vấn đề đang đối diện với Trung Quốc là lý do khiến sự tiếp tục cầm quyền của họ là tuyệt đối cần thiết.

Ước muốn của Đảng tiếp tục cầm quyền định hình mọi khía cạnh của chính sách quốc gia. Về mặt đối ngoại, điều ấy có nghĩa là mục đích tối hậu của Bắc Kinh là “làm cho thế giới an toàn cho chủ nghĩa chuyên chế” hay ít nhất để tiếp tục chế độ độc đảng ở Trung Quốc. Trong nhiều thập kỷ gần đây, sự tập trung chú ý vào an toàn của chế độ đã dẫn đến, trước hết, việc duy trì những điều kiện quốc tế cần thiết để tiếp tục tăng trưởng kinh tế. Khả năng của Đảng trong việc nhanh chóng nâng cao thu nhập và phúc lợi cá nhân là thành tựu thật nhất trong ba mươi năm qua và là nguồn gốc của những đòi hỏi mạnh nhất của Đảng rằng nhân dân Trung Quốc phải biết ơn và trung thành với Đảng. Đồng nghiệp Thomas Christensen của tôi ở Princeton lập luận rằng, tăng trưởng kinh tế “tạo ra sự thỏa mãn và xao lãng của dân chúng, và, do đó thu được sự ủng hộ trong nước đối với Đảng (hay ít nhất cũng làm giảm sự tích cực chống đối)” Tăng trưởng còn tạo ra thu nhập mà chính phủ có thể dùng để “mua chuộc đối lập và tài trợ cho những địa phương nghèo và các vùng dân tộc thiểu số để cố gắng ngăn ngừa những cuộc nổi dậy có bạo lực.”

Với một nước Trung Quốc đang trở nên giàu và mạnh hơn, sự theo đuổi an ninh của quốc gia này cũng đã dẫn họ tìm cách tăng cường kiểm soát thế giới bên ngoài. Sự “đẩy ra ngoài” này có động lực cả công lẫn thủ. Là người cai quản sự vĩ đại của dân tộc, Đảng có trách nhiệm đưa Trung Quốc trở về địa vị đúng của nước này ở trung tâm châu Á. Sự tôn trọng rõ ràng của những nước khác đối với Trung Quốc là bằng chứng thành công của chế độ về mặt này và gia tăng tính chính đáng của chế độ đối với nhân dân Trung Quốc. Đặc biệt, nếu tăng trưởng kinh tế có thể

vấp ngã, thì sự “đứng lên” trước kẻ thù truyền thống và giải quyết vấn đề Đài Loan và các cuộc tranh chấp khác theo quan điểm của Bắc Kinh để trở thành những phần quan trọng trong chiến lược của Đảng Cộng Sản Trung Quốc nhằm duy trì quyền lực của họ. Các lãnh đạo Trung Quốc tin rằng đất nước họ càng tỏ ra mạnh về mặt đối ngoại, thì chế độ của họ càng mạnh trong nước.

Ngược lại, nếu đối ngoại Trung Quốc có vẻ bạc nhược hoặc nhận thức phổ biến rằng nước này đã bị thua thiệt hay bị khinh bỉ, thì có thể là cực kỳ nguy hiểm đối với triển vọng tiếp tục cầm quyền của Đảng. Những lo lắng ngấm ngấm về tính chính đáng của Đảng khiến chế độ nhạy cảm hơn với sự khinh rẽ và thất bại, và càng khiến họ kiên quyết hơn trong việc ngăn chặn những thử thách và tránh thất bại. Sự bảo đảm tốt nhất chống lại những nguy cơ như thế đối với Trung Quốc là tích lũy một ưu thế sức mạnh áp đảo trong khu vực láng giềng của nước này.

Hơn nữa, sự cực kỳ nhạy cảm của Đảng Cộng Sản Trung Quốc đối với cái mà Đảng coi là “chủ nghĩa ly khai” là hậu quả trực tiếp của việc họ tin rằng họ phải duy trì kiểm soát tập trung ở mọi nơi mọi lúc. Vì thế, yêu sách tăng tự trị ở Tây Tạng và Tân Cương được xem như mối đe dọa “chết người” đối với sự thống nhất quốc gia và như vậy là đối với sự tiếp tục cầm quyền của Đảng. Chế độ này tin rằng nếu họ buông lơi dù chỉ một chút sự nắm chặt của họ thì cả nước sẽ vỡ tung. Các lãnh đạo Trung Quốc thấy cần phát triển đủ sức mạnh để ngăn chặn các nước láng giềng của họ cung cấp viện trợ và nhu yếu cho các nhóm ly khai và sẽ tạo ra những khả năng để can thiệp trực tiếp nhằm ngăn chặn chúng, nếu điều đó trở nên cần thiết.

Ngay khi Đảng mạnh hơn và, trong vài khía cạnh, tự tin hơn, họ vẫn tiếp tục lo sợ sự ô nhiễm tư tưởng. Các nước dễ bảo và đồng tâm nằm dọc theo biên giới của Trung Quốc có khả năng giúp Bắc Kinh đối phó với nguy cơ này rất nhiều hơn những quốc gia dân chủ phóng khoáng có quan hệ chặt chẽ với phương Tây. Mong muốn ngăn chặn “diễn biến hòa bình” trong nước cho chế độ một lý do thuyết phục hơn để muốn định hướng sự phát triển chính trị của các láng giềng của Trung Quốc.

Tóm lại: không phải những người cầm quyền hiện nay ở Trung Quốc mưu cầu ưu thế cho quốc gia của họ chỉ vì họ là lãnh đạo của một cường quốc đang lên, hay đơn giản vì họ là người Trung Quốc. Mong muốn thống trị và kiểm soát của họ, phần lớn, là một phó sản của loại hệ thống chính trị mà họ đang cầm đầu. Một Trung Quốc mạnh, dân chủ tự do, chắc chắn cũng sẽ tìm một vai trò lãnh đạo trong khu vực của nó và có lẽ một quyền phủ quyết trên thực tế đối với những sự phát triển mà quốc gia này cho là đi ngược những lợi ích của họ. Tuy nhiên, một chế độ (dân chủ tự do) như thế cũng sẽ ít sợ mất ổn định trong nước, ít cảm thấy bị đe dọa bởi sự hiện diện của các nước láng giềng dân chủ, và cũng có xu

hướng tìm ủng hộ của dân chúng trong nước qua sự chế ngự và lệ thuộc của những nước khác.

•

Dù không phải ai cũng tin như thế, nhưng, cuối cùng, một nước Trung Quốc dân chủ hơn sẽ đem đến một môi trường hòa bình hơn, khó có chiến tranh hơn, ở châu Á. Theo quan điểm của nhiều người theo chủ nghĩa thực tế, những cải cách nội bộ sẽ chỉ làm cho Bắc Kinh phồn thịnh hơn, hùng cường hơn và vì vậy là một đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ hơn mà không làm nước này chệch khỏi ý muốn thống trị Đông Á và giải quyết những tranh cãi với một số láng giềng của nó. Có một sự thật chắc chắn rằng ngay cả nếu trong dài hạn, Trung Quốc trở thành một nền dân chủ hòa bình và ổn định đi nữa thì cuộc chuyển đổi của nó cũng sẽ đầy chông gai. Việc mở cửa hệ thống chính trị của đất nước cho những bất đồng và tranh luận để đưa một yếu tố bất ổn vào chính sách đối ngoại của nó khi các tiếng nói khác được nghe và các lãnh đạo đầy tham vọng tranh giành nhau sự ủng hộ của dân chúng. Như một nhà quan sát, nhà kinh tế học David Hale buồn bã chỉ ra: “Một Trung Quốc chuyên chế có thể dễ dàng đoán trước. Một Trung Quốc mở cửa và dân chủ hơn có thể sinh ra những bất trắc mới trong cả chính sách đối nội và các quan hệ quốc tế.”

Chủ nghĩa dân tộc, có lẽ dưới dạng độc hại và hung hăng nhất của nó, là một nhân tố có thể đóng vai trò nổi bật trong việc định hướng chính sách ngoại giao của một Trung Quốc (Middle Kingdom – vương quốc ở giữa) tự do hóa. Nhờ có sự lan tràn của mạng lưới Internet và nói lỏng kiểm chế trên ít nhất một số dạng biểu hiện chính trị của “lòng yêu nước”, chế độ hiện nay đã thấy mình là đối tượng phê phán bất cứ khi nào nó giữ lập trường mà một số “cư dân mạng” cho là dễ dãi quá đáng đối với Nhật Bản, Đài Loan và Mỹ. Bắc Kinh lâu lâu lại tìm cách khuấy động tình cảm yêu nước, nhưng, sợ rằng cơn giận dữ đối với các nước ngoài cũng có thể dễ dàng quay trở lại chống lại đảng, chế độ cũng đã hết sức giữ gìn những cơn cuồng nhiệt của quần chúng trong vòng kiểm soát. Một chính phủ được bầu ra một cách dân chủ có thể ít rụt rè hơn nhiều. Nhà khoa học chính trị Fei Ling Wang cho rằng một chế độ hậu cộng sản thực tế sẽ mạnh hơn trong việc đòi chủ quyền đối với Đài Loan, Tây Tạng và Biển Nam Trung Quốc. Như ông giải thích:

Một chế độ “dân chủ” ở Bắc Kinh, thoát khỏi những nỗi lo lắng làm suy nhược về sự sống còn của chính nó nhưng chắc chắn sẽ bị lôi kéo bởi những tình cảm của dân chúng, có thể làm cho cường quốc Trung Quốc đang lên thành một sức mạnh quả quyết, nôn nóng, tham chiến và hung hăng hơn, ít nhất trong thời kỳ bất ổn leo nhanh lên vị trí của một cường quốc đẳng cấp thế giới.

Điều cuối cùng là then chốt. Ngay cả những người tin tưởng nhất vào những tác động làm hòa dịu của quá trình dân chủ hóa cũng nhìn nhận khả năng của một cuộc chuyển đổi hỗn loạn. Trong tác phẩm Tương lai Dân chủ của Trung Quốc (*China's Democratic Future*), Bruce Gilley thừa nhận rằng các cuộc cách mạng dân chủ trong các nước khác thường dẫn đến bùng nổ các cuộc xâm lược nước ngoài, và ông nhận xét rằng từ đầu thế kỷ hai mươi, phong trào ủng hộ dân chủ ở Trung Quốc cũng có tính dân tộc chủ nghĩa cao độ. Dù có những tiền lệ này, Gilley tiên đoán rằng sau một quãng cách có lẽ một thập kỷ, một nước được chuyển đổi sẽ yên hàn đi vào những mối quan hệ hợp tác và ổn định hơn với Mỹ cũng như với các nước dân chủ láng giềng của nó.

Tất nhiên một kết quả như thế không hề là chắc chắn, và phụ thuộc vào những sự kiện và những tương tác khó biết trước và thậm chí khó kiểm soát. Nếu những va chạm ban đầu giữa một nền dân chủ non trẻ và những đối tác được thiết lập tốt hơn của nó bị xử lý tồi dẫn đến một cuộc xung đột vũ trang thật sự, lịch sử có thể xoay sang những hướng rất khác và ít hứa hẹn hơn nhiều [so với] nếu chúng được giải quyết thỏa đáng. Tuy nhiên, giả sử cuộc chuyển đổi có thể được dẫn hướng không gây ra thảm họa, có đầy đủ lý do để tin rằng các quan hệ sẽ được cải thiện với thời gian. Một người Trung Quốc ủng hộ cải cách chính trị, Liu Junning, đã tổng kết tóm tắt rõ ràng các viễn cảnh. Trong khi một nước Trung Quốc “dân tộc chủ nghĩa và độc tài” sẽ là một mối đe dọa đang hiện hình,” thì một nước Trung Quốc dân chủ, tự do cuối cùng sẽ chứng tỏ là một “đối tác xây dựng.”

Kỳ vọng này xuất phát không phải chỉ từ sự viễn mơ. Khi các giá trị và các thiết chế của dân chủ tự do có được một nền móng vững chắc, sẽ bắt đầu có cuộc tranh biện công khai và có ý nghĩa chính trị và cuộc tranh đua thật sự giữa các mục tiêu quốc gia và sự phân phối tài nguyên của đất nước. Các nhà lãnh đạo có tham vọng và những người tạo dư luận lưu tâm đến uy tín, danh dự, quyền lực và thanh toán nợ nần sẽ phải cạnh tranh với những người khác, nhấn mạnh đến tính ưu việt của sự ổn định quốc tế, hợp tác, hòa giải và thúc đẩy tăng tiến phúc lợi xã hội. Những yêu cầu của quân đội và những liên minh công nghiệp của nó sẽ có những đòi hỏi, ít nhất đến một mức độ nào đó, bởi các nhóm muốn chi tiêu nhiều hơn vào giáo dục y tế và chăm sóc người già. Phiên bản dân tộc chủ nghĩa thái quá và quyết đoán của lịch sử Trung Quốc và những nổi bất bình của nó sẽ bị thách thức bởi những quan điểm thừa nhận sự có tội của chế độ cũ trong việc đàn áp các dân tộc thiểu số và từ chối tìm kiếm sự dàn xếp trên các vấn đề chủ quyền. Một giàn lãnh đạo bị ám ảnh với sự sống còn của chính nó và với những mối đe dọa từ các cường quốc bên ngoài sẽ được thay thế bởi một chính phủ vững vàng trong tính chính đáng của nó và không có lý do gì để sợ rằng các nền dân chủ trên thế giới đang tìm cách bao vây và lật đổ nó.

Một nước Trung Quốc dân chủ có thể sẽ thấy dễ dàng sống hòa thuận với Nhật Bản, Ấn Độ, và Nam Triều Tiên, cùng nhiều nước khác. Sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau cuối cùng lớn lên giữa các nước dân chủ và xua tan nỗi sợ rằng người ta sẽ dùng sức mạnh chống lại nhau, sẽ làm tăng lợi thế của việc đạt được những dàn xếp thông qua thương lượng đối với những tranh chấp về biên giới, biển đảo và các nguồn tài nguyên. Một chính phủ dân chủ ở Bắc Kinh cũng sẽ đồng ý với một cơ hội tốt hơn để đạt được một giải pháp hai bên cùng chấp nhận cho sự xa cách sáu mươi năm với Đài Loan. Trái với những nhà cầm quyền Đảng Cộng Sản Trung Quốc hiện nay, một chế độ ở lục địa được dân bầu sẽ có thấy các cuộc xung đột ít có lợi cho họ hơn, chế độ ấy sẽ có nhiều khả năng bày tỏ sự tôn trọng đối với một chính phủ dân chủ khác được ưa thích hơn, và chế độ ấy cũng sẽ hấp dẫn hơn đối với nhân dân Đài Loan như một đối tác trong một số kiểu bố trí liên bang có thể sẽ thỏa mãn những mong muốn và xoa dịu những nỗi sợ hãi của cả hai bên.

Chừng nào mà Trung Quốc còn được cai trị như hiện nay, thì sự lớn lên của sức mạnh của quốc gia này còn đặt một thách thức sâu xa lên các quyền lợi của Mỹ. Nếu Mỹ muốn ngăn chặn xâm lược, ngăn cản áp bức và duy trì một trật tự mở, đa phương, thì Washington và các nước bạn và đồng minh của Mỹ sẽ phải hành động tích cực hơn, và hợp tác chặt chẽ hơn, để duy trì sự cân bằng thuận lợi của sức mạnh trong khu vực. Trong dài hạn, Mỹ có thể học cách sống với một nước Trung Quốc dân chủ như một cường quốc vượt trội ở Đông Á, như nước Anh đã đi đến chấp nhận Mỹ như một cường quốc vượt trội ở Tây Bán cầu. Từ nay đến ngày đó, Washington và Bắc Kinh sẽ vẫn còn bị hãm trong một cuộc đấu tranh ngày càng mãnh liệt để giành ngôi bá chủ ở châu Á.

© Bản dịch Thời Đại Mới

Đôi phó với một Trung Quốc mâu thuẫn*

David Shambaugh[#]

Giáo sư Đại học George Washington Mỹ

2009-2010 sẽ được nhớ đến như những năm mà Trung Quốc đã trở nên khó cho thế giới đối phó, khi Bắc Kinh biểu lộ cách hành xử ngày càng cứng rắn và hung hăng với nhiều nước láng giềng châu Á, cũng như với Mỹ và Liên minh châu Âu. Ngay cả những quan hệ của họ ở châu Phi và Mỹ - La tinh cũng trở nên khá căng thẳng, làm trầm trọng thêm sự suy giảm hình ảnh của họ khắp thế giới từ năm 2007⁽¹⁾. Hành vi khó chịu của Bắc Kinh khiến nhiều nhà quan sát phân vân: sự cứng rắn mới ấy sẽ kéo dài bao lâu. Đó là một xu hướng tạm thời hay lâu dài? Nếu đó là một sự chuyển hướng lâu dài và trong chính bản chất của Trung Quốc thiên về hướng kiên quyết và kiêu căng hơn thì các quốc gia khác nên đáp ứng ra sao?

Cái mà thế giới đang chứng kiến trong dáng dấp mới của Trung Quốc một phần là sản phẩm của một cuộc tranh luận nội bộ kịch liệt đang diễn ra, và biểu thị một sự đồng thuận đang có giữa các thành phần tương đối khá bảo thủ và thành phần dân tộc chủ nghĩa ở chỗ cả hai đều muốn chính sách của Trung Quốc phải cứng rắn hơn, và Trung Quốc phải tung sức mạnh ra xung quanh một cách có chọn lọc. Mặc dù hiện tại

* Phòng dịch bài “*Coping with a Conflicted China*”, Washington Quarterly, Mùa Đông 2011.

[#] David Shambaugh là Giáo sư Khoa học Chính trị và các Vấn đề Quốc tế, và Giám đốc Chương trình về Chính sách của Trung Quốc tại Đại học George Washington, đồng thời cũng là thành viên không thường trực về Chính sách đối ngoại của Viện Brookings. Bài viết này dựa trên các kết quả nghiên cứu của chương trình “Cách nhìn thế giới của các Cường quốc có tham vọng” của Trung tâm Sigur về Châu Á học tại Đại học George Washington.

¹ Xem “Views of China’s Influence”, World Public Opinion.org, January 2009, <http://www.worldpublicopinion.org/pipa/images/feb09/BBCevals/BBCevals2.htm>; and “Global Views of United States Improve While Other Countries Decline,” BBC News, April 18, 2010, <http://news.bbc.co.uk/2/shared/bsp/hi/pdfs/160410bbcwspoll.pdf>.

dường như có một sự thoả thuận trong nước, Trung Quốc vẫn còn là một cường quốc đang trỗi dậy bị tự giàng xé sâu sắc, với một số “nhân thân” (identity) quốc tế cạnh tranh nhau. Chưa bao giờ lại có nhiều tiếng nói và diễn viên tham gia vào một tiến trình hoạch định chính sách đối ngoại phức tạp như nay². Vì thế, chính sách đối ngoại của Trung Quốc thường tỏ ra có nhiều “chỗ nhần” khác nhau và trái ngược nhau. Hiểu được các “nhân thân” đang cạnh tranh với nhau này là vô cùng cần thiết để dự đoán hành vi ngày càng mâu thuẫn và đa chiều của Bắc Kinh sẽ như thế nào trên sân khấu thế giới. Mỗi định hướng sẽ có những hàm ý khác nhau đối với chính sách của Mỹ và các quốc gia khác.

Tranh luận rộng rãi trong một môi trường bị kèm hãm

Không nước nào có những tranh luận nội bộ rộng rãi, rôm rả, và đa dạng về vai trò của nước ấy như một cường quốc đang trỗi dậy như những tranh luận ở Trung Quốc trong thập kỷ vừa qua. Các câu lạc bộ chính thức, bán chính thức và không chính thức ở Trung Quốc, tất cả đều sôi nổi tranh luận về những cơ hội, những nguy cơ, những rủi ro, và những trách nhiệm của một cường quốc chính yếu³. Tất nhiên, vẫn còn một bộ phận trong quan điểm của nhà nước thậm chí phủ nhận Trung Quốc là một cường quốc chính, lý luận rằng quốc gia này vẫn còn là một nước (xã hội chủ nghĩa) *đang phát triển*. Một nhóm quan điểm đáng kể khác phủ nhận Trung Quốc là một cường quốc *toàn cầu*, cho rằng Trung Quốc giới lắm cũng chỉ là một cường quốc trong khu vực. Dù các “nhân thân” quen thuộc này tiếp tục được phân giải trong các diễn từ và văn kiện chính thức của nhà nước, đa số những cuộc tranh luận gần đây ở Trung Quốc nhìn nhận rằng nước này là một cường quốc chính yếu, hoặc ít nhất cũng rõ ràng là đang trên đường trở thành một cường quốc chính yếu. Do đó, tranh luận trong những năm gần đây đã chuyển sang vấn đề: Trung Quốc sẽ là cường quốc chính yếu *loại nào*.

Rất ít, nếu có, quốc gia nào khác (đang là cường quốc chính yếu hoặc muốn trở thành cường quốc) có những tranh luận về chính quốc gia ấy như đang diễn ra ở Trung Quốc. Thậm chí có một loạt sách “Làm thế

² Về vấn đề này, xem Linda Jakobson and Dean Knox, “New Foreign Policy Actors in China,” SIPRI Policy Paper, no. 26 (Stockholm: Stockholm International Peace Research Institute, 2010), <http://books.sipri.org/files/PP/SIPRI26.pdf>.

³ Cho một đánh giá mới đây, xem Zhu Liqun, “China’s Foreign Policy Debates,” Chaillot Papers (Paris: Institute for Security Studies European Union, September 2010); cho một đánh giá trước đây, xem Daniel Lynch, “Chinese Thinking on the Future of International Relations: Realism as the Ti, Rationalism as the Yong?,” *The China Quarterly* 197 (March 2009): tr. 87 — 107.

nào” được xuất bản ở Trung Quốc về cách trở thành một đại cường⁴. Dù phần lớn các cuộc tranh luận như thế diễn ra trong các cộng đồng chính sách và học thuật bán chính thức, chúng cũng lan ra xã hội khoáng đại qua sự kiện đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc (CCTV – TV mạch kín) chiếu loạt phim tư liệu 12-phần “Nước lớn trỗi dậy” (*Đại quốc quật khởi*), phát hình nhiều lần, và được hàng trăm triệu người Trung Quốc theo dõi. Bộ phim này mô tả những điều kiện đưa các đại cường hiện đại khác (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Pháp, Anh, Đức, Nga, Liên Xô, Nhật Bản và Mỹ) trỗi lên, với mục đích xác định bối cảnh sự trỗi dậy của chính Trung Quốc và rút ra những kinh nghiệm từ lịch sử. Mặc dù bộ phim này tập trung chủ yếu vào các điều kiện đã đưa đến trỗi dậy (và suy vong) của các đại cường, chủ đề của đoạn kết tập cuối cùng của bộ phim là làm thế nào để tránh “cái bẫy bất đối xứng” thường tái diễn giữa một cường quốc chủ yếu đã hình thành và cường quốc mới bắt đầu trỗi dậy, khi mà “cường quốc mới” thách thức vị trí bá quyền của “cường quốc đương vị” trong hệ thống quốc tế, gây căng thẳng, cạnh tranh, xung đột, thậm chí chiến tranh⁵. Loạt phim CCTV này được phát hình sau khi các học giả trình bày một loạt bài giảng về chủ đề này cho Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc trong những năm 2005-2006. Như vậy, trong những năm gần đây, quần chúng lần giới tinh hoa Trung Quốc đều lưu tâm đến dự kiến các tình huống khó xử của một cường quốc đang lên.

Dù môi trường trí thức bị kèm kẹp phần nào bởi những hạn chế mà các cơ quan tuyên truyền áp đặt, tranh luận về nhân thân quốc tế của Trung Quốc vẫn rất sôi nổi và đa dạng, mở ra các cửa sổ hệ trọng cho ta thấy lối suy nghĩ của người Trung Quốc về những nước khác, về khu vực, về các vấn đề quốc tế, và đặc biệt là về vai trò đang chuyển biến của chính Trung Quốc như một cường quốc mới nổi trong các vấn đề của thế giới. Quan trọng nhất, nó cho thấy nhiều nhân thân đa dạng, đôi khi mâu thuẫn nhau, hiện hữu trong thế giới quan của người Trung Quốc, nó cũng cho thấy các quan điểm kinh chống nhau về vai trò của Trung Quốc trên thế giới. Trung Quốc hiện tại không có một nhân thân quốc tế duy nhất, mà là một loạt nhân thân cạnh tranh nhau.

Tìm biết nội dung và bề rộng của cuộc tranh luận tư tưởng bên trong Trung Quốc như thế là điều then chốt để thấu hiểu những gì mà chính người Trung Quốc đang trăn trở, khi quốc gia của họ được đưa nhanh vào đấu trường quốc tế. Rõ ràng là Trung Quốc thiếu chuẩn bị cho địa vị quốc tế mới của họ, và sự mau chóng trỗi dậy của nước này đã đến nhanh

⁴ Xem, chẳng hạn, Tiết Dũng, *Chăm ma dạng tổ đại quốc?* [How to be a Great Power] (Bắc Kinh: Trung tín xuất bản xã, 2009); và Đỗ Đức Phú, *Đại Quốc pháp tắc* [The Rules for Great Nations] (Bắc Kinh: Trung Quốc Hoa kiều xuất bản xã, 2009).

⁵ Xem thêm Robert Gilpin, *War and Change in Global Politics* (Cambridge: Cambridge University Press, 1983).

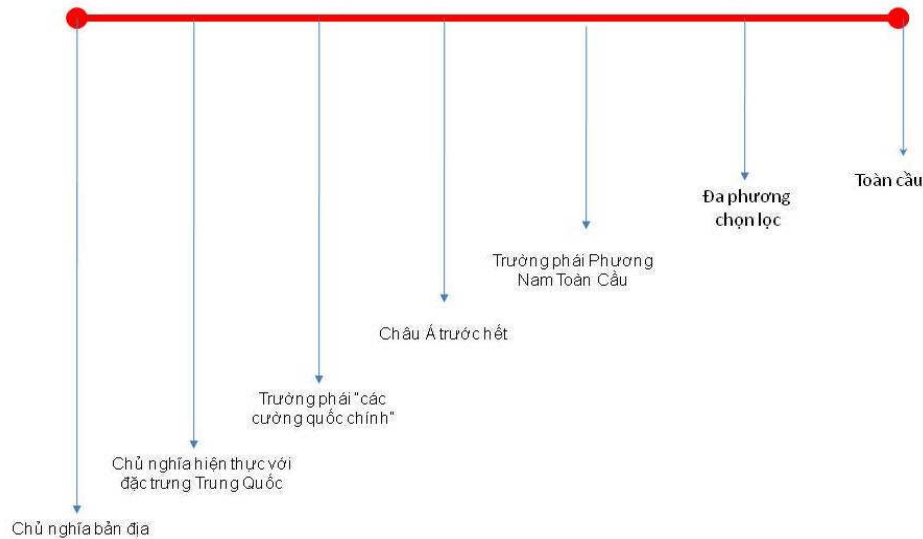
hơn dự kiến. Đối với người Trung Quốc, quả là bỡ ngỡ khi phải thành lĩnh đối mặt với một loạt câu hỏi hoàn toàn mới và với những đòi hỏi từ bên ngoài về vị thế quốc tế, vai trò, và trách nhiệm của quốc gia của họ. Vậy, các chuyên gia ngoại vụ của Trung Quốc nhìn thế giới và vai trò ngày hôm nay của Trung Quốc trong đó như thế nào?

Phân loại các thảo luận về nhân thân quốc tế của Trung Quốc

Dễ thấy rõ là có nhiều trường phái, nhiều “khuyh hướng” tư tưởng và phân tích khác nhau, trong những tranh luận ở Trung Quốc⁶. Mặc dù, về phương diện trí thức, những trường phái này là dị biệt, nhưng sẽ là sai lầm nếu xem chúng như không có chỗ nào giống nhau, đôi khi chúng trái ngược nhau, nhưng đôi khi cũng bổ túc cho nhau. Hơn nữa, cá nhân các học giả chuyên về quan hệ quốc tế và các quan chức ở Trung Quốc thường là các nhà tư tưởng “không câu nệ” (eclectic) ở chỗ, dù cảm rở sâu chắc ở một trường phái nào đó, họ vẫn thường đưa ra các quan điểm thuộc các trường phái khác. Họ chấp nhận sự phức tạp của nhận thức. Ta cũng thấy rằng các nhóm tư tưởng không tương quan với các tổ chức. Mặc dù sẽ thuận tiện nếu có thể dán nhãn một tổ chức này là theo “chủ nghĩa hiện thực” hoặc tổ chức kia là có tư duy “toàn cầu”, nhưng không đơn giản như vậy. Các trường phái tư tưởng đan chéo nhau trong các tổ chức.

Một hậu quả của những nhân thân quốc tế cạnh tranh nhau là: chính sách đối ngoại của Trung Quốc phản ánh nhiều thành tố cùng lúc. Điều này được thể hiện trong các chính sách chính thức của các nhóm *đại quốc thị quan kiện* (cường quốc là chìa khoá), *chu biên thị thủ yếu* (khu vực xung quanh là quan trọng hàng đầu), *phát triển trung quốc gia thị cơ sở* (các nước đang phát triển là nền tảng), và *đa biên thị trọng yếu vũ đài* (các diễn đàn đa phương là sàn diễn quan trọng). Mặc dù đây là những định hướng chính sách khác nhau rõ rệt, chúng không nhất thiết loại trừ lẫn nhau. Qua sự đọc và trao đổi của tác giả (bài này) với cộng đồng (các nhà nghiên cứu Trung Quốc về) quan hệ quốc tế, hiển hiện bảy quan điểm khác hẳn nhau. Bảy quan điểm này có thể xếp dọc theo một phổ (spectrum, như quang phổ -- Chú thích của người dịch), từ đây gọi là “phổ tư tưởng”. “Phổ” này trải dài từ khuyh hướng “biệt lập” ở cực trái, đến khuyh hướng hoàn toàn tham gia vào sự quản trị toàn cầu ở cực phải. Giữa hai thái cực ấy là những trường phái tư tưởng khác, từ khá “thực tế” đến khá “phóng khoáng” (liberal)

⁶ Tốt hơn nên nghĩ các nhóm này như “các xu hướng phân tích” hơn là các trường phái tư tưởng cứng nhắc. Công trình đi đầu về “phân tích khuyh hướng” là của H. Gordon Skilling and William Griffiths, *Interest Groups in Soviet Politics* (Princeton: Princeton University Press, 1973).



1. Chủ nghĩa Bản địa (Nativism)

Ở một cực của “phổ trường phái” là “chủ nghĩa bản địa”. Phái này gồm những người có tư tưởng dân túy, bài ngoại, dân tộc, và Mác-xít. Họ ngờ vực thế giới bên ngoài, mong muốn quốc gia tự chủ, nghi ngờ các tổ chức quốc tế, và cho rằng Trung Quốc không nên năng động trên thế giới. Họ kịch liệt chỉ trích phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Nhóm này mang nặng định hướng Mác-xít truyền thống. Những người có tư tưởng bản địa cấu thành một liên minh lỏng lẻo có chân trong nhiều tổ chức; thực ra một số trong những người cổ vũ hàng đầu của trường phái này hoạt động như các chuyên gia độc lập. Trong chừng mực mà họ có một tổ chức trụ sở, nhiều người làm việc trong các viện nghiên cứu thuộc Trung ương Đảng có liên hệ đến lịch sử và tư tưởng hệ của Đảng, và trong Học viện Chủ nghĩa Mác của Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS: Chinese Academy of Social Sciences).

Những người theo chủ nghĩa bản địa là anh em sinh đôi của “cánh tả mới” (tân tả phái) trong các cuộc tranh luận về chính sách nội bộ của Trung Quốc. Cả hai đều tin rằng chính sách “cải tổ và mở cửa” trong 30 năm qua của Trung Quốc đã phải trả giá bằng sự nguyên vẹn (integrity) của chủ nghĩa xã hội, sự bào mòn văn hoá Trung Quốc bởi những ảnh hưởng tiêu cực ngoại lai, và làm thiệt hại chủ quyền và quyền tự quyết của Trung Quốc trong các vấn đề thế giới. Họ tin rằng nếu không bao giờ mở cửa với thế giới thì Trung Quốc sẽ không mất đi những yếu tố này. Theo họ, cải cách trong nước chắc chắn sẽ dẫn đến sự phục hồi chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc, và “diễn biến hoà bình” - chính sách theo đó phương Tây nỗ lực biến đổi Trung Quốc một cách hoà bình để làm suy yếu sự thống trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc – đang trở thành mối đe

doạ chính trong nước. Về mặt này, các cuộc “cách mạng màu” ở Ukraine và Trung Á đã gây ra mối quan ngại sâu sắc đối với những người theo chủ nghĩa bản địa. Vì vậy, họ ủng hộ cho ưu tiên chính của chính sách phải là để chống diễn biến hoà bình và đóng cửa Trung Quốc lại.

Các ví dụ sớm về dòng tư tưởng này xuất hiện trong những năm 1990 với trường phái “Trung Quốc có thể nói không” (*Trung Quốc khả dĩ thuyết bất*). Biểu hiện gần đây hơn là sự bùng phát trong các cuốn sách phổ biến có thể được mô tả như là “văn học bất mãn”: *Trung Quốc không sung sướng* (*Trung Quốc bất cao hưng*), *Ở Trung Quốc ai không sung sướng?* (*Thuyền tại Trung Quốc bất cao hưng*) và *Tại sao Trung Quốc không sung sướng?* (*Trung Quốc vì thập yếu bất cao hưng*)⁷. Nhóm sau này bao gồm một số tác giả đã đóng góp cho quyển *Trung Quốc có thể nói không*.

Đối với những vấn đề quốc tế, những người theo chủ nghĩa bản địa tin rằng hệ thống quốc tế là bất công và có lợi hơn cho các nước giàu để quốc chủ nghĩa. Vì vậy, họ cho rằng các nước đang phát triển không thể xoá nghèo chỉ bằng lao động cực nhọc – cần một sự thay đổi cơ bản trong trật tự thế giới để bắt buộc phải có một sự tái phân bố thu nhập và các nguồn lực từ Bắc tới Nam. Về vấn đề này, họ có cùng quan điểm với trường phái “phương Nam toàn cầu” (xem dưới đây). Là những người Mác-xít – Lênin-nít lão luyện, những người theo chủ nghĩa bản địa cũng lập luận rằng “toàn cầu hoá” thực tế là một quá trình quốc tế hoá tư bản, tương tự như mô tả của Lênin về chủ nghĩa đế quốc⁸.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2010 đã củng cố thêm dòng tư tưởng này, với nhiều người cho rằng “chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước” (“state-monopoly capitalism” - *quốc gia lũng đoạn tư bản chủ nghĩa*) đã cuối cùng đưa kinh tế thế giới đến bờ vực của thảm họa, y như tiên đoán của Lênin năm 1917. Phương Ninh (Fang Ning), Giám đốc Học viện Khoa học Chính trị CASS, cho rằng khởi điểm của hiện tượng này thực ra là từ chiến tranh Iraq năm 2003, đánh dấu sự xuất hiện một kỷ nguyên của “chủ nghĩa đế quốc mới”. Đối với Phương Ninh và những người khác, cuộc chiến này cho thấy kỷ nguyên “hoà bình và

⁷ Vương Hiểu Đông và các cộng sự, *Trung Quốc bất cao hưng* [China is Unhappy] (Bắc Kinh: Giang Tô nhân dân xuất bản xã, 2009); và Hạ Hùng Phi, *Trung Quốc vì thập yếu bất cao hưng?* [Why is China Unhappy?] (Bắc Kinh: Thế giới tri thức xuất bản xã, 2009).

⁸ Trương Văn Mộc, “Thế giới lịch sử trung đích cường quốc chi lộ, dữ trung quốc đích tuyển trạch” [Con đường của các cường quốc lớn in lịch sử thế giới và sự lựa chọn của Trung Quốc], trong *Chiến lược & tham tác* [Strategy and Exploration], ed. Quách Thụ Dũng (Bắc Kinh: Thế giới tri thức xuất bản xã, 2008), tr. 33, 54.

phát triển” mà Đặng Tiểu Bình khởi xướng đã kết thúc⁹. Chính sách đối ngoại của chính quyền George W. Bush đã dẫn đến sự hồi sinh các nghiên cứu về quan hệ quốc tế trên tinh thần chủ nghĩa Marx – hay chính xác hơn là chủ nghĩa tân Lênin – và một số bài báo và sách về “chủ nghĩa đế quốc mới”¹⁰. Mặc dù chúng nhai lại phần lớn các phân tích từ những năm 1980⁽¹¹⁾, những nghiên cứu mới này đi xa hơn trong việc mổ xẻ cả sự phát triển mới trong “chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước” lẫn trật tự quốc tế. Các tác giả này cũng cáo buộc chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ là quá đổi mềm yếu, và cho rằng “quan hệ đối tác chiến lược Trung-Mỹ” là một ảo tưởng. Những người theo chủ nghĩa bản địa bao gồm các thành phần cực siêu (hyper) dân tộc chủ nghĩa và những phần tử chống Mỹ dữ dội (mặc dù không đến mức thoá mạ như thấy trên Internet Trung Quốc).

2. Chủ nghĩa hiện thực với đặc trưng Trung Quốc

Những người theo “hiện thực chủ nghĩa” ở Trung Quốc là nhóm có ưu thế trong tranh luận về các quan hệ quốc tế và vai trò toàn cầu hiện nay (nếu không là vĩnh viễn) của Trung Quốc. Cội rễ của chủ nghĩa hiện thực là đã có sâu trong thế giới quan của giới trí thức Trung Quốc trong nhiều thế kỷ¹², ngay cả trong thời xã hội chủ nghĩa của quốc gia này. Những người Trung Quốc theo chủ nghĩa hiện thực lấy nhà nước-quốc gia làm đơn vị phân tích cốt lõi, xem chủ quyền quốc gia là tối thượng, và bác bỏ những lập luận cho rằng các vấn đề “liên quốc gia” (transnational) là xuyên qua biên giới. Giống như những người theo chủ nghĩa hiện thực ở những nơi khác, họ có xu hướng xem môi trường quốc tế là vô chủ và không thể đoán trước được, do đó cho rằng quan trọng hơn cả là xây dựng một nhà nước hùng mạnh để có thể vạch một hành trình theo cách riêng của mình trên thế giới và cưỡng lại những sức ép bên ngoài.

⁹ Phương Ninh, “Tân đế quốc chủ nghĩa chiến lược & Trung Quốc đích chiến lược tuyên trạch” [The New Imperialism and China’s Strategic Choice], trong *Chiến lược giảng toạ* [Lectures on Strategy], ed. Quách Thụ Dũng (Bắc Kinh: Peking University Press, 2006), tr. 132—133.

¹⁰ Xem Vương Kính Tùng, *Đế quốc chủ nghĩa lịch sử đích tối hậu giai đoạn: Đương đại đế quốc chủ nghĩa đích hình thành hoà phát triển xu thế* [Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tốt cùng của lịch sử: Các xu hướng hình thành và phát triển của chủ nghĩa đế quốc đương đại] (Bắc Kinh: Xã hội khoa học văn trích xuất bản xã, 2008).

¹¹ Xem David Shambaugh, *Beautiful Imperialist: China Perceives America, 1972—1990* (Princeton: Princeton University Press, 1990).

¹² Xem Alastair Iain Johnston, *Cultural Realism: Strategic Culture and Grand Strategy in Chinese Culture* (Princeton: Princeton University Press, 1998).

Những người theo chủ nghĩa hiện thực ở Trung Quốc có thể được chia thành các phe “công” và “thủ”, cũng như “cứng” và “mềm”. Mỗi phe đều tin rằng nhà nước phải bồi đắp sức mạnh riêng của mình, cái phân biệt giữa phe này và phe khác là về mục đích mà nhà nước sử dụng sức mạnh ấy. Những người chủ nghĩa hiện thực “quyền lực cứng” lập luận rằng đó là để tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia (*tổng hợp quốc lực*) - đặc biệt là về quân sự và kinh tế - trong khi chủ nghĩa hiện thực “quyền lực mềm” thì nhấn mạnh ngoại giao và sức mạnh văn hoá. Những người theo chủ nghĩa hiện thực “công” thì cho rằng Trung Quốc nên sử dụng ảnh hưởng quân sự, kinh tế và ngoại giao mà Trung Quốc vừa tạo lập cốt là để ép buộc các nước khác hướng về những mục tiêu mà Trung Quốc mong muốn. Họ tin rằng quyền lực sẽ không đáng giá bao nhiêu nếu không được sử dụng. Trong cách suy nghĩ của họ, Trung Quốc nên, chẳng hạn, dùng đòn bẩy công trái phiếu của chính phủ Mỹ (mà Trung Quốc có trong tay) để buộc Washington ngừng bán vũ khí cho Đài Loan, hoặc trừng phạt những công ty lớn của Mỹ bán vũ khí cho Đài Bắc. Họ muốn Trung Quốc thiết lập một sự hiện diện quân sự (đặc biệt là hải quân) rộng hơn nhiều ở Tây Thái Bình Dương nhằm buộc Mỹ chấm dứt các hoạt động gần bờ biển của Trung Quốc. Những người chủ nghĩa hiện thực “thủ” đồng ý rằng Trung Quốc nên có quân đội hùng cường, nhưng họ cho rằng nên giữ “thuốc súng khô” và sử dụng nó chủ yếu để ngăn chặn sự xâm lược và độc lập của Đài Loan.

Thảo luận với những người chủ nghĩa hiện thực cho thấy một sự thất vọng nào đó: họ muốn Trung Quốc sử dụng sức mạnh mới phát của quốc gia này, nhưng cảm thấy bị kèm hãm trong việc ấy. Một người đã nói: “Khi tư thế của Trung Quốc ở nước ngoài tăng lên, đầu tư và lợi ích của chúng ta ở nước ngoài sẽ tăng theo. Chúng ta cần suy nghĩ làm sao để bảo vệ công dân, đầu tư và lợi ích của chúng ta. Một cách là hành xử như một nước đế quốc với các chính sách pháo hạm – nhưng với lịch sử đã qua của chúng ta, điều này là không khả thi”¹³.

Cũng có một yếu tố “trả thù” nào đó trong suy nghĩ của họ. Rất nhiều người chủ nghĩa hiện thực ôm giữ một cảm giác sâu sắc về sự bị đối đãi bất công trong thời gian bạc nhược lâu dài của Trung Quốc. Họ tin rằng bây giờ Trung Quốc là hùng cường thì quốc gia này phải trả đũa những nước đã sai trái với Trung Quốc trong quá khứ. Trần Đình Lập, Hiệu trưởng Trường Nghiên cứu Quốc tế tại Đại học Phục Đán, Thượng Hải và là một chuyên gia an ninh hàng đầu, giải thích rằng “trong 10-20 năm, Trung Quốc sẽ là một nước xuất khẩu lớn về công nghệ cao – Trung Quốc có thể áp đặt những hạn chế có tính trừng phạt lên những nước

¹³ Scholar at China Reform Forum, interview with author, Beijing, January 20, 2010.

trước đây áp đặt các hạn chế ấy lên chúng ta!”¹⁴. Trong một dịp khác, ông Lập khẳng định rằng “Trung Quốc là một cường quốc lớn, chúng ta có thể xử lý một đối một với bất cứ quốc gia nào khác. Không ai có thể cố lãnh đạo chúng ta, không ai được quyền bảo chúng ta phải làm gì”¹⁵.

Ta có thể thấy những người theo chủ nghĩa hiện thực khắp trong quân đội và trong một số trường đại học và các nhóm chuyên gia. Hiện đang lan tràn các tạp chí và sách của Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA) với ngôn từ của chủ nghĩa hiện thực cứng. Một số học giả dân sự, chẳng hạn như Diêm Học Thông của Đại học Thanh Hoa và Chương Nhụy Trang của Đại học Nam Khai (cả hai đều là nghiên cứu sinh tiến sĩ của nhà chủ nghĩa hiện thực hàng đầu Mỹ là Kenneth Waltz ở Đại học California, Berkeley), tự xưng là những người kiên định theo chủ nghĩa hiện thực. Ông Thông giữ một lập trường điều hâu trên nhiều vấn đề. Đối với ông, “trỗi dậy hoà bình” là một chủ thuyết nguy hiểm bởi vì nó đưa cho các đối thủ tiềm năng (trong đó có Đài Loan) thông điệp rằng Trung Quốc sẽ không hành động một cách quyết liệt để bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích của Trung Quốc. Trong quá khứ, ông Thông đã lập luận rằng Trung Quốc cần dựa vào sự sử dụng vũ lực khi cần thiết, và không do dự, để phản ứng lại động thái Đài Loan về hướng độc lập trên luật pháp¹⁶. Quyển *Trung Quốc trỗi dậy* của ông Thông năm 1997 là một tuyên ngôn để xây dựng và sử dụng quyền lực cứng và toàn diện của Trung Quốc¹⁷.

Đối với Chương Nhụy Trang, quan điểm “phát triển hoà bình”, cùng với “thế giới đa cực” và các chủ đề “quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Trung Quốc”, là tiêu biểu của những ý tưởng sai lầm, đánh giá không đúng tình hình quốc tế và có thể đưa đến những lỗi lầm về chính sách cho Trung Quốc. Ông Trang biện minh cho một chính sách quyết đoán hơn nhiều đối với Mỹ, nói rằng “Mỹ đã làm tổn hại lợi ích của Trung Quốc trong một thời gian dài. Trung Quốc nên *không thoả mãn*, không phải là thoả mãn, với tình trạng hiện nay của quan hệ Mỹ -Trung. Đó không phải là một mối quan hệ trong điều kiện tốt. Nếu Trung Quốc không phản đối Mỹ, Mỹ sẽ không tôn trọng lợi ích của Trung Quốc và

¹⁴ Shen Dingli (Trần Đình Lập), presentation at the New Zealand Institute of International Affairs, June 28, 2010.

¹⁵ Shen Dingli (Trần Đình Lập), trình bày tại Hội nghị bàn tròn với các chuyên gia đối ngoại về Trung Quốc, Wellington, New Zealand, June 29, 2010.

¹⁶ Yan Xuetong (Diêm Học Thông), “An Analysis of the Advantages and Disadvantages of Containing Legal Taiwan Independence by Force,” *Strategy and Management* 3 (2004): tr. 1-5.

¹⁷ Diêm Học Thông, *Trung Quốc quật khởi* (Thiên Tân: Nhân dân xuất bản xã, 1997).

Trung Quốc sẽ trở thành con rối của Mỹ”¹⁸. Ông Thông cũng cho rằng đa cực là một quan điểm quá lạc quan về trật tự sau Chiến tranh Lạnh, đánh giá thấp những thách thức khó khăn mà Trung Quốc phải đối mặt từ bá quyền Mỹ, và làm suy yếu sự cảnh giác của Trung Quốc¹⁹.

Về các phương diện này, những người theo chủ nghĩa hiện thực là những kẻ bi quan về môi trường bên ngoài Trung Quốc, quan hệ với Đài Loan, và Mỹ. Trên hết, họ có một định nghĩa hẹp và tự quy chiếu đến lợi ích quốc gia Trung Quốc, bác bỏ các khái niệm và các chính sách toàn cầu hoá, những thử thách xuyên quốc gia, và quản trị thế giới. Những người ủng hộ chủ nghĩa hiện thực của Trung Quốc có xu hướng lập luận (như người theo chủ nghĩa bản địa) rằng nỗ lực của phương Tây để lôi kéo Trung Quốc tham gia nhiều hơn vào quản lý và quản trị thế giới là một cái bẫy nguy hiểm nhằm trói Trung Quốc lại, tận dụng tài nguyên của Trung Quốc đến mức cạn kiệt, và làm chậm sự phát triển của nước này. Tuy nhiên, chủ nghĩa hiện thực không phải là một trường phái theo chủ nghĩa cô lập - nó chỉ đơn giản lập luận cho một định nghĩa cứng rắn về lợi ích quốc gia của chỉ Trung Quốc và việc bảo vệ các lợi ích quốc gia của nước này.

3. Trường phái “Các Cường Quốc Chính”

Một nhóm có thể được nhận diện như là trường phái “các cường quốc chính”. Những thành viên của nhóm này có xu hướng cho rằng Trung Quốc cần tập trung ngoại giao của mình trong việc điều tiết các mối quan hệ của Trung Quốc với các cường quốc lớn trên thế giới và các khối – Mỹ, Nga, có thể là Liên minh châu Âu – trong khi chú ý tương đối ít hơn đến các nước đang phát triển hoặc chủ nghĩa đa phương: “*Đại quốc thị thủ yếu*” (các cường quốc có tầm quan trọng hàng đầu) là khẩu hiệu của họ. Không ngạc nhiên, các học giả thuộc trường phái này là chuyên gia về Mỹ, Nga, và Liên minh châu Âu. Điều thú vị là những nhà phân tích này không xem Ấn Độ, Nhật Bản, hoặc Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) là “cường quốc”, mặc dù họ chắc chắn xem Trung Quốc là một cường quốc.

Trường phái này lập luận rằng không có quan hệ mật thiết và ổn định với các cường quốc thì sẽ bất lợi cho một loạt các lợi ích của Trung Quốc và sẽ làm phức tạp thêm các mối quan hệ khác của Trung Quốc trong khu vực. Cuộc vận động hiện đại hoá của Trung Quốc rõ ràng là

¹⁸ Chương Nhụy Trang, phát biểu tại hội nghị ở ĐH Trung Sơn, Quảng Châu, May 7, 2010.

¹⁹ Chương Nhụy Trang, “Chonggu Zhongguo waijiao suo chu zhi guoji huanjingheping yu fazhan bingfei dangdai shijie zhuti” [Reassessing the International Environment of China’s Foreign Affairs - Peace and Development are Not the Main Theme of Today’s World], *Strategy and Management* 1 (2001), tr. 20 —30.

một trong những lý do cho định hướng của trường phái này – các cường quốc phương Tây (Mỹ và Liên minh châu Âu) là nguồn chính của các công nghệ tiên tiến cũng như vốn và đầu tư. Nga là một trường hợp riêng biệt, nhưng quốc gia này được xem như một nhà cung cấp lớn về các nguồn năng lượng và thiết bị quân sự, một nơi để đầu tư, và quan yếu đối với an ninh quốc gia của Trung Quốc. Các nhà phân tích trong nhóm này thường xác định quan hệ Trung-Mỹ là “chìa khoá của chìa khoá”, do đó lập luận rằng việc duy trì mối quan hệ hài hoà với Washington nên là ưu tiên hàng đầu trong ngoại giao Trung Quốc. Hầu hết các thành viên của trường phái này thuộc cộng đồng Hoa Kỳ học của Trung Quốc, những cá nhân, chẳng hạn như Vương Tập Tư (Đại học Bắc Kinh), Kim Xán Vinh (Đại học Nhân dân), Ngô Tâm Bá (Đại học Phục Đán), và Thôi Lý Như (Viện Quan hệ Quốc tế Đương đại Trung Quốc). Nhóm này đã chiếm ưu thế trong nhiệm kỳ chủ tịch Trung Quốc của Giang Trạch Dân, trong thời gian này ông Giang đã theo thực hành một chính sách “Mỹ - trước hết”; tuy nhiên ảnh hưởng của nhóm này yếu đi trong thời Hồ Cẩm Đào, người theo một chính sách đối ngoại đa dạng hơn.

Tuy nhiên vài người trong trường phái này tin rằng chính sách đối ngoại của Trung Quốc nên chú ý nhiều đến Nga. Phan Duy của Đại học Bắc Kinh nhìn thấy Mỹ như là một ngõ cụt đối với Trung Quốc và nói rằng tìm kiếm một quan hệ đối tác chiến lược Trung-Mỹ là mơ tưởng, bất lợi nhiều hơn có lợi²⁰. Phan Duy và các nhà tư tưởng có cùng suy nghĩ cho rằng chính sách đối ngoại của Trung Quốc phải được điều chỉnh và hướng tới một mối quan hệ chặt chẽ hơn với Moscow. Những người chỉ trích này đòi hỏi một chính sách cứng rắn hơn đối với Mỹ (do đó chia sẻ quan điểm với các người theo chủ nghĩa bản địa và chủ nghĩa hiện thực). Như chủ nghĩa bản địa và chủ nghĩa hiện thực, họ cũng hoài nghi các dòng tư tưởng do Đặng Tiểu Bình khởi xướng và đã được áp dụng trong 30 năm qua, tức là đặt trọng tâm vào mở cửa với các cường quốc phát triển ở phương Tây²¹.

Cho đến vài năm trước đây, một nhóm của trường phái này còn cho rằng Trung Quốc nên coi trọng Liên minh châu Âu (EU) trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc, bởi vì EU là một trụ cột quan trọng trong một thế giới đa cực, nhưng tiếng nói của nhóm này đã biến mất từ năm 2008 với sự vô tổ chức ở Brussels và sự bất lực trong chính sách đối ngoại và an ninh của EU. Các nhà phân tích Trung Quốc đã bị thất vọng và trở nên vỡ mộng và gạt bỏ EU, sau khi đã hi vọng trong một thời gian

²⁰ Xem Phan Duy, “Đã đàm hoà bình diễn biến” [Again Discussing Peaceful Rise], http://www.360doc.com/content/07/0831/17/41440_708164.shtml; và Phan Duy, “Địa cầu thượng tòng lai một phát sinh quá hoà bình quật khởi giá chủng sự” [Chưa bao giờ có chuyện “trỗi dậy trong hoà bình” trong quá khứ thế giới], http://www.360doc.com/content/09/1102/17/346405_828157.shtml.

²¹ Scholar, interview with author, Beijing, March 25, 2010.

dài rằng EU sẽ trở thành một “cường quốc mới nổi lên” (*tân hưng đại quốc*) trong các vấn đề thế giới.

Mặc dù các học giả và các nhà bình luận còn tranh luận về sự khôn ngoan của “định hướng cường quốc chính”, họ chỉ ra rằng phần lớn các lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc, và các nhà hoạch định chính sách, là thực dụng về nhu cầu và lợi ích quốc gia của Trung Quốc và do đó vẫn còn chấp nhận một định hướng cường quốc chính. Logic của họ là sẽ là quá tốn kém để Trung Quốc có quan hệ căng thẳng với bất kỳ cường quốc nào trong ba cường quốc nói trên. Tuy nhiên, rõ ràng là đã có một sự “tái định hướng” tách khỏi cách tập trung “độc chiếm” vào Mỹ (như đã được thực hành trong thời Giang Trạch Dân) hướng tới một chính sách cân bằng hơn và toàn cầu hơn thời Hồ Cẩm Đào.

4. Châu Á trước hết

Có một nhóm nằm giữa “phổ trường phái” biện hộ cho sự tập trung ngoại giao của Trung Quốc nhằm vào vùng ngoại vi kế cận của nước này và các láng giềng châu Á. Trường phái “châu Á trước hết” tin rằng nếu vùng xung quanh Trung Quốc không ổn định thì đó sẽ là một trở ngại chính cho sự phát triển của đất nước họ và an ninh quốc gia. Do đó ưu tiên nên được đặt vào việc xây dựng các quan hệ và một môi trường ổn định khắp xung quanh ngoại vi của Trung Quốc. Như một học giả nói, “Mỗi cường quốc phải bảo vệ sân sau của chính mình”²². Trong bối cảnh này, các học giả Trung Quốc thảo luận các xu hướng khu vực (regional trends) khác nhau, gồm cả kiến trúc đa phương đang biến đổi trong khu vực, vai trò của Mỹ, vai trò của Ấn Độ, vấn đề Bắc Triều Tiên, vai trò của ASEAN, các vấn đề an ninh phi truyền thống và các chủ đề châu Á khác. Những thảo luận này diễn ra mà không có sự chia tách đáng kể và phân dòng tranh luận. Không ngạc nhiên, trường phái này gồm phần lớn là các chuyên gia châu Á (và không phải những người nghiên cứu về các phần khác của thế giới hay quan hệ quốc tế).

Trường phái “Châu Á trước hết” lúc đầu có tác động đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc vào cuối những năm 1990. Sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 và “Cuộc tranh luận về hoà bình và phát triển” năm 1999 (với kết luận rằng Trung Quốc đã quá thụ động đối với vùng ngoại vi của họ), Trung Quốc bắt đầu coi trọng ngoại giao với các nước xung quanh (*chu biên ngoại giao*) rất nhiều hơn nữa²³. Bắc Kinh bắt đầu một thời kỳ chủ động lâu dài của ngoại giao và hợp tác khu vực

²² Xem Vương Dật Chu, *Trung Quốc Ngoại giao tân cao địa* [Chính sách Ngoại giao của Trung Quốc] (Bắc Kinh: China Academy of Social Science Press, 2008, tr.7.

²³ Xem David Shambaugh, “China Engages Asia: Reshaping the Regional Order,” *International Security* 29, no. 3 (Winter 2004/2005): tr. 64 —99.

với khẩu hiệu “xây dựng láng giềng tốt, làm cho các nước láng giềng thịnh vượng, và làm cho họ cảm thấy an toàn” (*mục lân, phúc lân, an lân*). Chiến lược “châu Á trước hết” đạt được nhiều kết quả trong hơn một thập kỷ sau năm 1997, khi Trung Quốc tìm cách để cải thiện vượt bậc và ổn định các mối quan hệ khắp xung quanh ngoại vi của họ. Tuy nhiên, từ năm 2009, nhiều căng thẳng khác nhau đã xuất hiện giữa Trung Quốc và các nước láng giềng trong khu vực khi Bắc Kinh chuyển sang một giọng điệu và tư thế quyết đoán hơn, đôi khi hiếu chiến và hách dịch. Va chạm tăng lên với ASEAN về biển Đông và về việc xây dựng thể chế khu vực đa phương, căng thẳng gắt hơn với Ấn Độ trong tranh chấp lãnh thổ và chính trị, cãi cọ với Nhật tháng 9 năm 2010 về vụ thuyền đánh cá xâm nhập vào vùng biển tranh chấp, và làm xấu hơn quan hệ Trung-Hàn sau sự cố Cheonan, tất cả đã làm căng thẳng quan hệ của Bắc Kinh với các nước láng giềng. Những căng thẳng mới xảy ra này đã làm tổn hại đáng kể hình ảnh của Trung Quốc trong khu vực và đã làm mất đi khá nhiều những quan hệ tích cực đã được xây dựng trong thập kỷ trước đó.

Những người thúc đẩy “chủ nghĩa khu vực đa phương” và xây dựng cộng đồng Đông Á, như một việc khác với một chiến lược nhắm nhiều hơn vào (cá thể từng) quốc gia, là một phân nhóm quan trọng của trường phái “Châu Á trước hết”. Những cá nhân này là những người theo “chủ thuyết tạo dựng (constructivism) với đặc trưng Trung Quốc” lấy cảm hứng (về mặt tri thức) từ “chủ thuyết tạo dựng về quan hệ quốc tế” ở nước ngoài. Họ chú trọng cách hành xử quy chuẩn, thay vì luật pháp quốc tế, và thúc đẩy việc thể chế hoá cách hành xử hợp tác và tập thể. Giáo sư Tần Á Thanh của Đại học Ngoại giao Trung Quốc và Trương Uẩn Lĩnh của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS) là tiên phong trong phong trào này, và đã từng góp phần đáng kể vào việc xây dựng chủ thuyết thể chế hoá khu vực ở châu Á, và gia tăng sự tham gia của Trung Quốc trong các tổ chức như thế.

Những người chú trọng mối quan hệ của Trung Quốc trong khu vực châu Á không phải hoàn toàn không để ý đến các quan hệ với các vùng hoặc quốc gia khác; đối với họ đó là vấn đề về cân bằng. Họ lập luận ủng hộ việc không xem thường châu Á so với các cường quốc hay các quan hệ của Trung Quốc với thế giới đang phát triển.

5. Trường phái Phương Nam toàn cầu

Trường phái “Phương Nam toàn cầu” (Global South) tin rằng nhân thân quốc tế và trách nhiệm chính của Trung Quốc là nằm trong thế giới của các nước đang phát triển. Quan điểm của nhóm này có nhiều liên hệ với việc, từ lâu, Trung Quốc tự coi mình là một quốc gia đang phát triển (*phát triển trung quốc gia*). Các thành viên của trường phái này lập luận rằng Trung Quốc nên đặt ưu tiên cho những nước đang phát triển nào mà lâu năm đã là đối tác và khách hàng của Trung Quốc; tối thiểu, những tác

giả này lập luận, Trung Quốc nên có một chính sách đối ngoại cân bằng hơn, để ý đến những nước này, và ủng hộ lợi ích của những nước ấy. Chủ thuyết này được bộc lộ qua việc Trung Quốc hỗ trợ mạnh mẽ các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc, Diễn đàn về Hợp tác Trung Quốc-Châu Phi (FOCAC), việc cải tổ của các tổ chức tài chính quốc tế, các lợi ích của các nước đang phát triển trong G-20, đưa ra các chương trình “viện trợ không ràng buộc” và giảm nợ, và đặt gánh nặng về sự biến đổi khí hậu lên các nước phát triển.

Trong cộng đồng (nghiên cứu về) các quan hệ quốc tế ở Trung Quốc, luôn có một sự căng thẳng giữa những người mà công việc nghiên cứu tập trung vào các nước phát triển phương Bắc và những người nghiên cứu các nước phương Nam. Từ những năm 1990, nhóm các nhà phân tích Trung Quốc về phương Nam ngày càng nhận thấy sự khác biệt và phân hoá xảy ra trong thế giới đang phát triển. Họ nhận ra rằng các nước đang phát triển có thể được phân ra làm nhiều loại khác nhau, và thường rất khó gom những nước này lại với nhau một cách đơn giản. Các nước đang phát triển có thể duy trì quan hệ tốt, bình thường, hoặc (trong một số trường hợp) thù địch với Trung Quốc. Mặc dù hợp tác giữa Trung Quốc và các nước này nói chung là tốt, nhiều va chạm mới cũng đang lộ ra.

Về mặt kinh tế, các nhà phân tích của trường phái này cho rằng các nước đang phát triển đã tách ra làm ba nhóm. Nhóm thứ nhất là các nền kinh tế “công nghiệp hoá mới”, như Brazil, Chile, Nam Phi, Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ. Nhóm thứ hai là các nước đang phát triển có thu nhập trung bình như Mexico hoặc Thái Lan, với GDP bình quân đầu người xê xích giữa \$800 và \$7.000. Nhóm thứ ba là các nước kém phát triển (thường ở vùng cận Sahara châu Phi và Nam Á). Vì sự khác biệt giữa các nước là khá đáng kể, các nhà phân tích này cho rằng Trung Quốc cần thiết lập nhiều chính sách nhắm riêng đến ít nhất là ba nhóm nước đang phát triển khác nhau này, thay vì một tiếp cận chung chung²⁴. Tuy nhiên, đối với những người ủng hộ trường phái tư tưởng này, Trung Quốc nên tiếp tục xem mình như là một nước đang phát triển, và vì thế bắt buộc phải hợp tác với các nước đang phát triển vì sự phát triển chung và những lập trường quốc tế chung, ngay cả sau khi Trung Quốc đã lên được vị thế một cường quốc toàn cầu²⁵.

²⁴ Du Tân Thiên “Trung quốc ứng cải biến kì đối phát triển trung quốc gia chiến lược [Trung Quốc phải thay đổi chiến lược đối với các nước đang phát triển], *Strategy and Management* 3 (2003): tr. 40-45.

²⁵ Hoàn Cầu, ed., *Bách vấn Trung Quốc vị lai: Trung Quốc tinh anh đối thoại toàn cầu [Một trăm câu hỏi về tương lai Trung Quốc: Đối thoại với các phần tử tinh hoa]* (Bắc kinh: Tân Hoa Xã, 2009), tr. 12.

Theo quan điểm này, Trung Quốc cần tiếp tục cách nhìn tự thân và sự đoàn kết Nam-Nam, vì đường lối ấy sẽ đem lại sự ủng hộ ngoại giao không thể thiếu để Trung Quốc kháng cự phương Tây về các vấn đề như Tây Tạng, Đài Loan, nhân quyền, thay đổi khí hậu, vv. Không ngạc nhiên, trường phái này là một cổ động viên trung kiên cho nhóm Brazil-Nga-Ấn Độ-Trung Quốc (BRIC: Brazil Russia India China), và cũng ủng hộ mạnh mẽ G-20 như một công cụ để phân phối lại quyền lực và nguồn lực từ Bắc qua Nam. Theo những cách này, Trung Quốc là một cường quốc xét lại, không là cường quốc hiện trạng.

6. Chủ thuyết “đa phương chọn lọc”

Đi về phía bên phải của “phổ trường phái” (xem hình), trường phái “đa phương chọn lọc” (selective multilateralism) tin rằng Trung Quốc nên mở rộng dần dần sự tham gia toàn cầu của quốc gia này, nhưng có chọn lọc, và chỉ trong những vấn đề liên hệ trực tiếp đến lợi ích an ninh quốc gia của Trung Quốc. Trường phái này có nhiều biến thể và nhiều phe nhỏ. Một phe thì lý luận rằng Trung Quốc chỉ nên tham gia vào các hoạt động được Liên Hiệp Quốc ủy nhiệm, một phe khác thì cho rằng Trung Quốc chỉ nên tham gia vào khu vực xung quanh lãnh thổ của mình và không ra quá xa, một phe khác nữa thì tin rằng Trung Quốc không nên tự hạn chế việc tham gia vào các hoạt động đa quốc gia (khác với đa phương) cùng với các cường quốc lớn khác.

Nội bộ trường phái này cũng có nhiều tranh luận rất sôi nổi về vấn đề cai quản thế giới. Nhiều người đặt câu hỏi liệu Trung Quốc có nghĩa vụ và khả năng đóng góp không. Nhiều người chỉ đơn giản cho rằng Trung Quốc chưa sẵn sàng và không có khả năng tham gia toàn diện vào việc quản trị thế giới. Một chuyên gia hàng đầu thẳng thừng khẳng định: “Trung Quốc thậm chí chưa thể quản lý chính mình thì làm sao có thể quản lý thế giới?”²⁶. Nhiều người rất nghi ngờ việc hoạt động quá nhiều ở nước ngoài. Hầu hết các nhà phân tích Trung Quốc tin (và có sự đồng thuận của tất cả các trường phái về điều này) rằng toàn bộ khái niệm “cai quản thế giới” là cái bẫy mà phương Tây giăng ra để làm suy yếu chủ quyền của Trung Quốc và dụ dỗ nước này vào một loạt các vương bận ở nước ngoài không ăn nhằm gì đến Trung Quốc²⁷. Có một nhận định rộng rãi rằng Mỹ và EU kêu gọi Trung Quốc là “cường quốc có trách nhiệm” (*phụ trách nhiệm đích đại quốc*) hoặc “cổ đông quốc tế có trách nhiệm” chỉ là mưu mẹo mới nhất để ghìm lại và làm suy yếu quyền lực của Trung Quốc. Như một quan chức đã nói: “Trong những năm 1980, các bạn [Mỹ] đã cố phá hoại chúng tôi về chính trị, trong những năm 1990, các bạn đã cố kềm chế chúng tôi về chiến lược, trong thập kỷ này, các

²⁶ Scholar, interview with author, Quảng Châu, May 7, 2010.

²⁷ Xem, chẳng hạn, phát biểu của Trần Hàm Hi, Đại học Quảng Đông – khoa Đối ngoại tại hội nghị ở ĐH Trung Sơn, Quảng Châu, May 8, 2010.

bạn đang cố đẩy chúng tôi làm quá sức của mình về mặt quốc tế”²⁸. Một học giả khác nhận định “quản trị thế giới là một khái niệm phương Tây. Phương Tây nhấn mạnh ‘quản trị’, trong khi Trung Quốc đặt nặng chiều kích ‘toàn cầu’. Chúng tôi quan tâm nhiều đến sự bình đẳng trong tham gia hơn là đến quản trị.” Đây là điều mà Trung Quốc muốn nói qua cụm từ “dân chủ quốc tế.” Không những nhiều người xem quản trị thế giới như một cái bẫy cho Trung Quốc, họ còn đặt câu hỏi về khái niệm “cường quốc có trách nhiệm”. Một nhà phân tích la to: “Trách nhiệm với ai? Theo chuẩn mực của ai? Của Mỹ? Không đời nào!”²⁹

Dù nghi ngờ, những người phái “đa phương chọn lọc” tin rằng Trung Quốc cần làm nhiều hơn để đóng góp vào việc quản trị thế giới, tương xứng với vị thế và quyền lực mới phát của quốc gia này, nhưng làm điều đó một cách có chọn lựa. Nhánh “đa phương chọn lọc” này cho rằng Trung Quốc cần tiếp tục tuân thủ các chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình năm 1989 để “duy trì dáng vẻ thấp, che giấu cái rực rỡ, không cần dẫn đầu, nhưng làm một số điều gì đó” (*thao quang dưỡng hối, bất đưng đầu, hữu sở tác vi*). Châm ngôn của Đặng Tiểu Bình đã thu hút nhiều sự chú ý ở phương Tây như là một kế hoạch phác thảo để che giấu sự phát triển sức mạnh của Trung Quốc. Hơn 20 năm sau đó, quy tắc của Đặng Tiểu Bình vẫn còn tiếp tục gây tranh cãi căng thẳng giữa các chuyên gia về quan hệ quốc tế ở Trung Quốc, khi các học giả và các quan chức đấu vật nhau về câu hỏi: Chính xác, Trung Quốc nên hoạt động đến mức độ nào trên sân khấu thế giới. Một học giả nói, “Ở cấp độ chiến lược, tất cả mọi người đều đồng ý là chúng ta nên tiếp tục tuân theo quan niệm *thao quang dưỡng hối* của Đặng Tiểu Bình, nhưng về mặt chiến thuật có nhiều quan điểm khác nhau. Một số người nghĩ rằng Trung Quốc là chỉ biết phản ứng, trong khi những người khác nghĩ rằng Trung Quốc nên chủ động hơn”³⁰. Một số học giả khác đã thách thức tính thích ứng hiện nay của các quan điểm của Đặng Tiểu Bình, và cho rằng các quan điểm của họ Đặng đã lỗi thời và không phù hợp với vị thế quốc tế mới có của Trung Quốc. Họ lập luận rằng Trung Quốc nên “làm nhiều điều hơn” (*đa sự tác vi*), trong khi một số học giả khác lại cho rằng Trung Quốc nên “không làm gì cả” (*vô sự tác vi*). Chẳng hạn, đầu những năm 2000 Hiệp Tự Thành của Đại học Bắc Kinh lập luận rằng quan niệm *thao quang dưỡng hối* là quá mơ hồ để có thể dùng như một chiến lược toàn diện, hoặc một chiến lược lớn, cho Trung Quốc; đối với nhiều người nước ngoài quan niệm này ám chỉ một ý đồ nham hiểm. Theo học giả này, một kế hoạch tốt hơn cho Trung Quốc là cải thiện tính minh bạch của quốc gia này chứ không phải che giấu khả năng của Trung Quốc. Những

²⁸ Communist Party official, interview with author, Beijing, July 7, 2010.

²⁹ Scholar at CICIR, interview with author, Beijing, April 19, 2010.

³⁰ Kim Xán Vinh, phỏng vấn với tác giả, Đại học Nhân dân, January 29, 2010

người khác phản biện, cho rằng sự mơ hồ mới đích xác là chiến lược khôn ngoan nhất cho Trung Quốc ở giai đoạn phát triển hiện nay. Tuy nhiên, sự đồng thuận chủ đạo vẫn cho rằng cụm từ này vẫn là một nguyên tắc chỉ đạo chiến lược thích hợp cho ngoại giao Trung Quốc.

Tại cuộc họp thường niên năm 2010 của Hội Quan hệ Quốc tế Trung Quốc tại Lan Châu, các đại biểu thảo luận sôi nổi xung quanh vấn đề liệu mô thức này có tiếp tục hiệu quả không, và kết luận rằng nó vẫn còn là một hướng dẫn tốt cho ngoại giao Trung Quốc. Theo kết quả của kết luận vĩ mô này, các đại biểu đưa ra chín khuyến nghị chính sách chủ yếu khác: không đối đầu với Hoa Kỳ, không thách thức hệ thống quốc tế nói chung, không dùng hệ tư tưởng để chỉ đạo chính sách đối ngoại, không là kẻ đứng đầu của “phe chống phương Tây”; không tranh chấp với phần lớn các nước, ngay cả khi Trung Quốc đúng; học cách thoả hiệp và nhượng bộ, và học cách chơi trò lợi ích hỗ tương; không nhượng bộ những lợi ích cốt lõi của Trung Quốc liên quan tới thống nhất đất nước; cung cấp “hàng công cộng” (public goods) trong các khu vực cần thiết của vấn đề quốc tế; và thay đổi hình ảnh quốc tế của Trung Quốc bằng cách tận dụng các sự kiện quan trọng trên thế giới³¹.

Một chiến lược như vậy phù hợp với chính sách ngoại giao cốt lõi của Trung Quốc trong suốt thời gian sau năm 1978. Như Chủ tịch Viện Quan hệ Quốc tế Đương đại Trung Quốc (CICIR: Chinese Institute of Contemporary International Relations) Thôi Lý Như giải thích: “Trong khoảng 30 năm qua, ngoại giao của Trung Quốc có tính phòng thủ và thụ động trong hầu hết mọi lĩnh vực – chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã được thực hiện các thoả hiệp, tránh đối đầu, tìm kiếm những điểm tương đồng chung, và dè chừng các khác biệt. Nhưng một quốc gia yếu ớt thì không có chính sách đối ngoại, vì vậy chúng ta tìm cách xây dựng đất nước của chúng ta thế nào để củng cố ngoại giao của chúng ta”³².

Liên quan đến quản trị thế giới, các học giả Trung Quốc cũng sử dụng thuật ngữ chủ nghĩa đa phương (*đa biên chủ nghĩa*), nhưng với một quan niệm rất khác với quan niệm thường được sử dụng ở phương Tây. Như ghi nhận của một học giả: “Đối với Trung Quốc, chủ nghĩa đa phương là một *công cụ* và *chiến thuật*, không là một cơ chế liên chính phủ hoặc sự xếp đặt có tính tổ chức. Trung Quốc cũng lo ngại rằng chủ nghĩa đa phương là một công cụ để các nước khác kiềm chế Trung Quốc. Từ những năm 1990, Trung Quốc đã sử dụng chủ nghĩa đa phương để giải quyết những vấn đề song phương - về mặt này các cuộc họp đa

³¹ “Trung Quốc Quốc tế Quan hệ Học Hội 2010 niên niên hội tại Lan Châu” [China’s International Relations Society 2010 Annual Meeting in Lanzhou Review], Ngoại giao bình luận 4 (2010): tr. 157.

³² CICIR Chủ tịch Thôi Lý Như, trình bày tại hội nghị về “Sáu mươi năm chính sách đối ngoại Trung Quốc” tại ĐH Phú Đán, Thượng Hải, October 21, 2009.

phương là một sàn diễn (vũ đài) hữu ích để thương lượng song phương. Nhưng chúng tôi vẫn không thoả mái với chủ nghĩa đa phương, và thích chủ nghĩa song phương và đa cực hơn”³³.

Quan điểm chính thức về quản trị thế giới theo Bộ trưởng Ngoại giao Dương Khiết Trì là:

*Một Trung Quốc phát triển hơn sẽ thực hiện nhiều trách nhiệm quốc tế hơn và sẽ không bao giờ theo đuổi những lợi ích làm thiệt hại nước khác. Chúng tôi biết rõ rằng trong thế giới tùy thuộc lẫn nhau này, tương lai của Trung Quốc liên quan chặt chẽ với thế giới. Lợi ích riêng của chúng tôi và lợi ích của những nước khác sẽ được phục vụ cách tốt nhất khi chúng ta làm việc cùng nhau để mở rộng lợi ích chung, chia sẻ trách nhiệm, và tìm kiếm những kết quả mà các bên đều thắng (win-win). Chính vì vậy trong khi tập trung vào sự phát triển của chính mình, Trung Quốc đang đảm trách ngày càng nhiều hơn các trách nhiệm quốc tế tương xứng với sức mạnh và vị thế của mình*³⁴.

Trong bối cảnh cuộc tranh luận rôm rả này về quản trị thế giới, trường phái “đa phương chọn lọc” thường tránh tăng gia việc can dự toàn cầu của Trung Quốc, nhưng nhìn nhận rằng Trung Quốc phải được thấy như là đang góp phần quản trị thế giới. Góp phần quản trị thế giới là một *chiến thuật*, không phải là một *triết lý*. Những người ủng hộ phái này không phải là những người theo thuyết Thể chế phóng khoáng (liberal institutionalists), nói đúng hơn thì họ có vẻ là một phiên bản quốc tế của những người chủ nghĩa hiện thực. Chủ nghĩa đa phương chọn lọc cảnh giác với các vương bận ngoài nước, nhưng thừa nhận rằng Trung Quốc không nên bị xem là người đi xe không trả tiền (free riders) trong cộng đồng quốc tế. Trên thực tế, chủ nghĩa đa phương chọn lọc có xu hướng không ủng hộ chủ nghĩa đa phương nói cách ngắn gọn, theo nghĩa các thể chế quốc tế, vì những người ủng hộ chủ nghĩa đa phương chọn lọc sẽ thoả mái hơn khi làm việc trong các nhóm gồm một số ít quốc gia, hợp lại chỉ để giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó. Lập trường này của họ phản ánh sự khó chịu nói chung của Trung Quốc đối với các tổ chức, định chế thế giới, bởi lẽ những tổ chức và định chế này có khả năng hạn chế sự độc lập và quyền tự do hành động của Trung Quốc.

Như vậy, trường phái “đa phương chọn lọc” tán thành việc Trung Quốc tham gia nhiều hơn vào các hoạt động gìn giữ hoà bình Liên Hiệp Quốc (Trung Quốc hiện có 2 155 nhân viên gìn giữ hoà bình điều động trong 11 trong số 19 hoạt động toàn cầu hiện nay của LHQ), góp phần cứu trợ các thiên tai (sóng thần Đông Nam Á 2004, động đất Pakistan

³³ Tổng Tân Ninh, phát biểu tại hội nghị ở ĐH Nhân dân, Bắc Kinh, May 3, 2010.

³⁴ Dương Khiết Trì, “A Changing China in a Changing World” (speech, Munich Security Conference, February 5, 2010).

2005, bão ở Việt Nam 2007, động đất Haiti 2010, động đất Chile 2010), chống cướp biển quốc tế ở Vịnh Aden, và tham gia ngoại giao về các vấn đề Bắc Triều Tiên và hạt nhân Iran, nhưng họ tránh can dự sâu hơn ở các khu vực nhạy cảm và nhiều rủi ro như Iraq và Afghanistan. Và họ hầu như bác bỏ toàn bộ chương trình nghị sự an ninh xuyên quốc gia phi truyền thống. Vẫn còn là một tâm lý miễn cưỡng mạnh mẽ đối với việc tham gia vào các hoạt động an ninh quốc tế vì các lý do nhân đạo.

7. Chủ nghĩa toàn cầu

Ở đầu cuối cùng của “phổ trường phái” là trường phái “toàn cầu” (Globalism). Những người theo trường phái này có xu hướng tin rằng Trung Quốc phải chèn vai gánh vác trách nhiệm để giải quyết một loạt vấn đề quản trị thế giới tương xứng với tầm vóc, sức mạnh, và ảnh hưởng của Trung Quốc. Trường phái này là tương đương với các trường phái “chủ nghĩa thể chế phóng khoáng” (liberal institutionalism) ở phương Tây. Ở Trung Quốc, đây là một nhóm rất “không câu nệ” (eclectic) bao gồm các cá nhân môn đồ của “trường phái tạo dựng” (constructivism) lẫn “trường phái Anh” (English school) về quan hệ quốc tế. Về mặt triết lý, những người ủng hộ có xu hướng nghiêng về chủ nghĩa nhân đạo, ủng hộ toàn cầu hoá, ít đặt nặng vấn đề chủ quyền quốc gia, và tin rằng những thách thức xuyên quốc gia đòi hỏi quan hệ đối tác xuyên quốc gia. Họ quan tâm đến quyền lực mềm – không phải cứng – và đặt niềm tin vào ngoại giao và quan hệ đối tác liên khu vực. Họ ủng hộ và tin tưởng nhiều hơn vào các *thể chế* đa phương hơn là những người đa phương chọn lọc.

Trường phái “toàn cầu” nghĩ rằng, với sự trỗi dậy toàn cầu của mình, Trung Quốc có phận sự đóng góp nhiều hơn nữa vào việc quản trị thế giới và hành xử như một cường quốc có trách nhiệm (*phụ trách nhiệm đích đại quốc*) trên trường quốc tế. Về bản chất, những người “toàn cầu” là những người theo chủ nghĩa “thể chế tùy thuộc nhau” (interdependence institutionalism), những người chấp nhận toàn cầu hoá và chủ thuyết xuyên quốc gia như là nền tảng phân tích của họ. Cũng như các đối tác phương Tây của họ, những người này nhìn nhận rằng trong thời đại toàn cầu hoá, chủ quyền có những giới hạn của nó khi các thử thách “phi truyền thống” thường xuyên vượt qua các biên giới chủ quyền và phải được đối phó theo cách thức đa phương. Do đó, phần lớn phân tích của họ tập trung vào những vấn đề như an ninh phi truyền thống chẳng hạn như an ninh con người, an ninh kinh tế, chống khủng bố, y tế công cộng, tội phạm có tổ chức, buôn lậu, tấn công trên mạng, cướp biển, v.v... Thật thú vị là có một cộng đồng đang lớn mạnh bên trong quân đội Trung Quốc cũng nghiên cứu các chủ đề này, được mô tả một cách hoa mỹ là “các hoạt động quân sự không chiến tranh”.

Những người “toàn cầu” là người mạnh mẽ ủng hộ Liên Hiệp Quốc và vai trò tích cực của Trung Quốc trong Hội đồng Bảo an. Họ cũng là

những người ủng hộ mạnh mẽ sự tham gia của Trung Quốc trong các nhóm ngoại giao khu vực trên toàn thế giới. Trung Quốc tham gia một cách chính yếu vào việc khởi xuất sự hình thành của các nhóm đối thoại mới, như Diễn đàn về Hợp tác Trung Quốc-Châu Phi, Diễn đàn hợp tác Trung Quốc-Á Rập, và Diễn đàn Đông Á-Mỹ Latin, và đã trở thành một quan sát viên hoặc thành viên chính thức của nhiều nhóm đối thoại đang có. Ở Mỹ La tinh, Trung Quốc đã tổ chức 17 vòng đối thoại với tập đoàn Rio và đã thành lập một cơ chế đối thoại với các nhóm thị trường chung Mercosur, Cộng đồng Caribbé, và Hội nghị châu Mỹ La tinh cùng với những tổ chức khác.

Những người “toàn cầu” thu hút những bạn đồng sàng khá lạ. Chẳng hạn, Diêm Học Thông nhà chủ nghĩa hiện thực nổi bật, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quốc tế tại Đại học Thanh Hoa, tin rằng Trung Quốc cần can dự nhiều hơn nữa vào các tổ chức quốc tế và nên tung sức mạnh của mình ra xung quanh, tương xứng với tư thế toàn cầu mới của mình.

Những người “toàn cầu” cũng tỏ ra ham chuộng quyền lực mềm. Dòng tư tưởng này có xu hướng cho rằng, từ nền văn hoá và triết lý truyền thống của Trung Quốc, quốc gia này có nhiều thứ để đóng góp vào các chuẩn mực quốc tế. Môn Hồng Hoa (Men Honghua) của Trường Đảng Trung ương (và Cao đẳng Quản trị Thanh Hải), “khoa trưởng” của những nghiên cứu quyền lực mềm ở Trung Quốc, lập luận rằng bốn giá trị then chốt tư tưởng của Khổng Mạnh là đặc biệt thích hợp: *hoà* (hoà hợp), *đức* (đạo đức); *lễ* (lễ nghi), và *nhân* (nhân từ)³⁵.

Mặc dù những người theo chủ nghĩa toàn cầu tiếp tục có một tiếng nói trong công chúng nhưng âm hưởng của họ đã giảm đi đáng kể. Đến cuối năm 2009 và sang năm 2010, nhóm này dường như bị lu mờ cả trong Bộ Ngoại giao lẫn giới học thuật, khi sự mất lòng tin về quản trị thế giới tăng trên toàn “phổ tư tưởng” và Trung Quốc bắt đầu theo đuổi một chính sách toàn cầu có nhiều màu sắc chủ nghĩa hiện thực và quan tâm tới chính mình hơn.

Những điều rút ra cho chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc

Trên đây là phân loại các ý kiến của giới tinh hoa ở Trung Quốc ngày nay về vai trò quốc tế của nước này. Sự kiện Trung Quốc có một cuộc tranh luận đa dạng như thế cho thấy rằng nước này có nhiều nhân thân quốc tế và một nhân cách phân liệt (schizophrenic personality). Tranh luận này cũng không nói gì về hàng triệu cư dân mạng của Trung Quốc đang rất lớn giọng, chủ động, và nằm trọn trong phe *chủ nghĩa bản địa* trong không gian mạng. Chính phủ Trung Quốc là khá nhạy cảm với

³⁵ Môn Hồng Hoa, phỏng vấn với tác giả, Bắc Kinh, May 2, 2010

phần công luận này, vì phần lớn là dân tộc chủ nghĩa cực đoan và chỉ trích chính phủ là “yếu” hoặc “mềm” khi đối mặt với các sức ép và sự nhục mạ của nước ngoài. Các quan chức Bộ Ngoại giao nhanh nhẩu vạch ra rằng đây là một đám đông mà họ phải liên tục dò chừng, phản ứng, và cố gắng để kiểm soát. Chủ nghĩa dân tộc đại chúng này chỉ càng củng cố thêm trọng tâm của phe chủ nghĩa bản địa - chủ nghĩa hiện thực trong giới tinh hoa.

Từ các trường phái này, riêng rẽ hay gộp chung, có thể rút ra nhiều bài học về chính sách. Về từng trường phái, điều quan trọng là nhận ra rằng tiếng nói của *chủ nghĩa bản địa* là có, và rằng những cảm tính dân tộc chủ nghĩa đang gia tăng, nhưng không nên phóng đại ảnh hưởng của chúng. Chúng tạo ra “nhiều sấm nhưng ít mưa” (*lôi thanh đả, vũ điểm thiếu*), theo một câu tục ngữ Trung Quốc cổ đại. Mặc dù Mỹ nên nhạy cảm để không đối kháng và kích động các thành phần này trong nền chính trị Trung Quốc, thực sự thì Mỹ cũng không làm được gì nhiều để dim sự bài ngoại này xuống, vì nó có động lực chính trong xã hội Trung Quốc.

Chủ nghĩa hiện thực có ảnh hưởng phần lớn đến ý kiến của giới ưu tú và là trọng tâm trong các cuộc tranh luận của Trung Quốc ngày nay, với những hậu quả được bàn luận dưới đây.

Trường phái *các cường quốc chính yếu* là con ách chủ bài cho Mỹ. Mỹ vẫn có tính sống còn đối với các lợi ích quốc gia của Trung Quốc qua một loạt vấn đề, từ tăng trưởng kinh tế đến ổn định chính trị, an ninh khu vực, Đài Loan. Trung Quốc không cần, và không tìm kiếm một mối quan hệ thù địch với Mỹ. May mắn thay, phần lớn những người ủng hộ trường phái này là quan chức chính phủ, dường như bao gồm cả chính Chủ tịch Hồ Cẩm Đào³⁶. Mặc dù họ có thể ngờ vực và không thích nước Mỹ, những quan chức này đủ thực dụng để nhận ra tầm quan trọng có tính trung tâm của Mỹ đối với nhiều ưu tiên trong nội bộ Trung Quốc, cũng như những ưu tiên của Trung Quốc trong khu vực và toàn cầu.

Trong khi đó, những người gắn bó với thuyết *châu Á trước hết* có rất nhiều việc phải làm. Các quan hệ khu vực của Trung Quốc - từ Nhật Bản và Hàn Quốc cho đến ASEAN và Ấn Độ - đã bị va đập trong những tháng gần đây. Đây có thể là tin tốt cho nước Mỹ, vì chính quyền Obama đã làm việc cật lực để tăng cường quan hệ của Washington xung quanh toàn vùng ngoại vi của Trung Quốc³⁷.

³⁶ Senior Foreign Ministry official, phỏng vấn với tác giả, Bắc Kinh, July 6, 2010.

³⁷ Xem Edward Wong, “China’s Disputes in Asia Buttress U.S. Influence,” International Herald Tribune, September 22, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/09/23/world/asia/23china.html>.

Đối với các trường phái *toàn cầu phương Nam*, Washington cần nhận ra trò chơi mà Bắc Kinh đang chơi rất khéo léo. Sự có mặt của Trung Quốc ở châu Phi vượt xa Mỹ, là rộng lớn hơn trên lục địa Âu Á, và đang gia tăng ở Trung Đông và Mỹ La Tinh. Washington cần nhận ra rằng có một cuộc cạnh tranh đang chớm nở với Trung Quốc về ảnh hưởng toàn cầu, và nên tăng cường sự hiện diện và ngoại giao của mình trên toàn thế giới để cạnh tranh với Bắc Kinh trong các “khu vực ở giữa” và với “những quốc gia trung cường” (không là đại cường nhưng cũng không là nhỏ bé). Ngoài ra, Washington đã lôi kéo Bắc Kinh tham gia vào một loạt các cuộc đối thoại khu vực trực tiếp qua “vòng chiến lược” (strategic track) Đối thoại chiến lược và kinh tế Mỹ-Trung Quốc (SAED), song những cuộc đối thoại này cần phải được đào sâu thêm và tăng tần số. Chúng là diễn đàn quan trọng để cả hai bên biểu lộ các lợi ích của mỗi bên, sự công bằng, các chính sách, và các ưu tiên. Cũng sẽ là hữu ích để thiết lập một loạt các cuộc đối thoại “vòng II” chuyên sâu giữa các chuyên gia khu vực từ cả hai nước. Cuối cùng, Mỹ cần phải nhận thức các chương trình nghị sự phân phối lại và xét lại mà Bắc Kinh đang theo đuổi trong các tổ chức quốc tế như G-20 và qua việc hình thành các nhóm như BRIC.

Liên quan đến trường phái *đa phương chọn lọc*, Mỹ phải hiểu rằng trường phái này đang thúc đẩy cho một sự tham gia có tính tự lợi, tính chiến thuật, và tính chọn lọc trong sự quản trị thế giới. Trung Quốc không chia sẻ nhiều lắm các tiền đề về trật tự tự do toàn cầu, mặc dù nước này đã được hưởng lợi lớn từ trật tự ấy³⁸. Mặc dù điều này vẫn cho phép, chẳng hạn, một sự hợp tác Trung-Mỹ, hạn chế nhưng hữu ích, trong vấn đề các chương trình hạt nhân của Bắc Triều Tiên và Iran, Washington không nên ngây thơ về động lực và sự hoài nghi tổng quát liên quan đến quản trị thế giới của Bắc Kinh. Trung Quốc sẽ tự tham gia vào các vấn đề quốc tế *chỉ khi* nó có lợi cho Trung Quốc, hơn là vì bất kỳ cam kết triết lý rộng lớn nào (bất kể quan hệ “anh em” Nam-Nam của Trung Quốc).

Cuối cùng, dù chẳng may, Washington phải nhìn nhận rằng chủ thuyết *toàn cầu* đã thua trong cuộc tranh luận bên trong Trung Quốc và tiếng nói của chủ thuyết này đã đi vào im lặng từ năm 2008. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Mỹ (cũng như Liên minh châu Âu và những nước khác) nên ngưng thúc giục Trung Quốc phải chen vai gánh trách nhiệm quốc tế lớn hơn và đóng góp vào (cái mà các nhà kinh tế gọi là)

³⁸ Xem John Ikenberry, “The Rise of China and the Future of the West: Can the Liberal System Survive?,” *Foreign Affairs* 87, no. 1 (January/February 2008), <http://www.foreignaffairs.com/articles/63042/g-john-ikenberry/the-rise-of-china-and-the-futureof-the-west>.

“hàng công cộng”³⁹ toàn cầu trong khi công khai nhắc nhở cộng đồng toàn cầu mức độ ít oi mà Trung Quốc thực sự đang đóng góp (so với tầm cỡ và sức mạnh của quốc gia này). Ví dụ, có 48 quốc gia được điều động như một phần của Lực lượng Hỗ trợ An ninh Quốc tế (ISAF) tại Afghanistan, nhưng Trung Quốc không nằm trong số đó. Trung Quốc chỉ đứng thứ 14 như một nước đóng góp cho các hoạt động gìn giữ hoà bình Liên Hợp Quốc (mặc dù là thành viên đầu tiên trong số các thành viên thường trực Hội đồng Bảo an). Trung Quốc có nền kinh tế quốc dân lớn thứ hai thế giới, nhưng không nằm trong 10 nước đóng góp hàng đầu cho ngân sách hàng năm của Liên Hợp Quốc. Trung Quốc chủ yếu tiếp tục “đi xe miễn phí” và chỉ đóng góp cho quản trị thế giới vừa đủ mức cần thiết để đánh lạc hướng những lời chỉ trích của phương Tây. Mặc dù có thể chỉ làm Trung Quốc nghi ngờ thêm, phương Tây vẫn nên tiếp tục thúc giục Bắc Kinh nhiều hơn, và công khai vạch trần những đóng góp nhỏ bé của Trung Quốc, nhưng cũng nên hạ thấp kỳ vọng của mình về những gì có thể trông mong từ một nhà nước chỉ tự quan tâm hạn hẹp đến chính mình⁴⁰. Tuy nhiên, Washington chắc chắn nên mời gọi sự hợp tác “đa quốc gia có chọn lọc” của Bắc Kinh về các vấn đề có dính líu đến lợi ích của Trung Quốc.

Gặp chúng với nhau, những trường phái tư tưởng này cũng có những hàm ý cho chính sách. Cộng đồng quốc tế phải hiểu rằng nhân thân quốc tế của Trung Quốc là không cố định. Nó dễ biến chuyển, là một tiến trình còn đang tiếp diễn, và được tranh luận không ngừng. Như vậy, Mỹ và những nước khác có thể tạo ảnh hưởng đến các cuộc tranh luận đang diễn ra (cũng như kết quả về chính sách) thông qua cả hành động lẫn lời nói, cả tiêu cực lẫn tích cực. Lời nói mạnh bạo và hành động cứng rắn của Mỹ có thể có một tác dụng gia tăng lên Trung Quốc, tạo ra cách hành xử hung hăng hơn, phá rối hơn, từ Bắc Kinh, vì sẽ có nhiều tiếng nói trong nước đẩy chính phủ kiên quyết chống lại Washington. Tuy nhiên, các phát biểu và khuyến khích có tính hoà hoãn hơn để Trung Quốc hành động như “một cổ đông quốc tế có trách nhiệm” và trở nên tham gia sâu rộng hơn vào việc quản trị thế giới cũng

³⁹ Chú thích của người dịch: Tức là loại hàng hoá mà mọi người đều hưởng lợi, và sự hưởng lợi của người này không làm giảm mức lợi cho người khác.

⁴⁰ Xem Elizabeth C. Economy and Adam Segal, “The G-2 Mirage: Why the United States and China Are Not Ready to Upgrade Ties,” *Foreign Affairs* 88, no. 3 (May/June 2009), <http://www.foreignaffairs.com/articles/64946/elizabeth-c-economy-and-adam-segal/the-g-2-mirage>; Gregory Chin and Ramesh Thakur, “Will China Change the Rules of the Global Order?,” *The Washington Quarterly* 33, no. 4 (October 2010), http://www.twq.com/10october/docs/10oct_Chin_Thakur.pdf; and David Shambaugh, “Beijing: A Global Leader with ‘China First’ Policy,” *Yale Global Online*, June 29, 2010, <http://yaleglobal.yale.edu/content/beijing-global-leader-china-first-policy>.

sẽ làm trầm trọng thêm sự ngờ vực của Trung Quốc và không có khả năng đem đến các kết quả như dự định. Do đó, Washington và phương Tây bị vướng vào một câu hỏi thật sự hóc búa: cứng rắn với Trung Quốc sẽ có khả năng làm Trung Quốc cứng rắn hơn trong phản ứng của họ, nhưng hoà hoãn sẽ chỉ làm tăng định hướng tự quan tâm “Trung Quốc trước hết” của những người theo chủ nghĩa hiện thực.

Tương thích Chủ nghĩa hiện thực Trung Quốc với Chủ nghĩa hiện thực Mỹ?

Như bài này đã vạch ra, hiện nay trọng tâm của “phổ tư tưởng” Trung Quốc không nằm ở giữa hoặc về phía “đa phương chọn lọc”/“toàn cầu” của phổ. Đúng hơn, nó nằm phía cuối bên trái, neo ở khối chủ nghĩa hiện thực nhưng với sức kéo mạnh mẽ từ khối chủ nghĩa bản địa và với ảnh hưởng yếu hơn từ các trường phái cường quốc lớn và phương Nam toàn cầu. Các quan chức chính phủ trong Bộ Ngoại giao, Ban Quốc tế của Trung ương Đảng và Văn phòng Ngoại giao nằm giữa (một cách thực dụng) hai trường phái “Cường quốc Chính yếu” và “phương Nam toàn cầu”, nhưng họ phải đáp ứng tiếng nói của nhóm bản địa và chủ nghĩa hiện thực trong xã hội, quân đội, và Đảng Cộng sản.

Những gì thế giới nhìn thấy ở Trung Quốc từ năm 2009 là một quốc gia ngày càng nghiêng về chủ nghĩa hiện thực, chỉ quan tâm đến chính mình một cách hạn hẹp, tìm cách tối đa hoá quyền lực toàn diện của nước họ. Sự phục hồi nhanh chóng của Trung Quốc từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhu cầu tiêu thụ năng lượng gia tăng, chủ nghĩa dân tộc trở dậy, một sự chuyên tiếp lãnh đạo mờ mờ, và việc mất lòng tin vào chính quyền Obama theo sau quyết định của Tổng thống Obama tiếp đứ Đạt Lai Lạt Ma tại Nhà Trắng 2010 và bán 6 tỉ USD vũ khí cho Đài Loan đã đổ dầu vào xu hướng này. Cách hành xử đối ngoại ấy được phản chiếu trong cuộc tranh luận trong nước của Trung Quốc.

Tư thế chủ nghĩa hiện thực của Trung Quốc rơi ngay vào tay các phe chủ nghĩa hiện thực và bảo thủ ở Mỹ, những phe có xu hướng xem Trung Quốc như một cường quốc quân sự đang lên, một cường quốc kinh tế trọng thương, một cường quốc quyết đoán hơn trong khu vực, nhưng là một đối tác ít hợp tác toàn cầu. Ngay cả những nhà phân tích Mỹ có xu hướng xem Trung Quốc với một cách nhìn hoà dịu hơn, những người đã từng hi vọng một Trung Quốc “trưởng thành” trên sân khấu quốc tế sẽ có tinh thần hợp tác hơn, tính chất “quốc tế” (internationalist) hơn, cũng ngày càng vỡ mộng bởi cách hành xử gần đây của Bắc Kinh. Nhưng các chuyên gia về Trung Quốc không nên hoàn toàn ngạc nhiên bởi cách hành xử như thế, vì nó chỉ phản ánh quan tâm duy nhất trong sáu thập kỷ của Đảng Cộng sản, chính phủ, quân đội, và xã hội Trung Quốc là tăng cường toàn diện bản thân Trung Quốc và trở thành một siêu cường trên thế giới.

Chỉ cần nhìn thoạt qua thì điều này gợi ý ngay rằng Mỹ phải đối phó với một Trung Quốc theo chủ nghĩa hiện thực với các phương pháp của chủ nghĩa hiện thực: bằng cách điều động ra xa (nước Mỹ) một thể quân sự hùng mạnh ở Tây Thái Bình Dương, “lập hàng rào chiến lược” với các liên minh đã củng cố và quan hệ đối tác an ninh xung quanh khắp các vùng ngoại vi của Trung Quốc, sử dụng đòn bẩy của các chính sách kinh tế và thương mại cứng rắn, tận dụng sức mạnh Mỹ và các công cụ ngoại giao, và giảm bớt kỳ vọng vào sự hợp tác của Trung Quốc về các vấn đề toàn cầu.

Có một logic nào đó và nhiều cảm dỗ để đương đầu với Trung Quốc theo những cách nói trên. Nhưng một đáp ứng kiểu chủ nghĩa hiện thực sẽ chỉ đóng góp vào một chu kỳ “tác động - phản ứng” vô tận, thêm dầu vào lửa trong tình trạng lưỡng nan về an ninh tiếp tục tồn tại trong quan hệ Mỹ-Trung, và có thể tạo ra một quan hệ thù địch mà không bên nào cần hoặc muốn. Các chính sách cứng rắn của Mỹ sẽ chỉ làm mạnh thêm chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc, gia tăng sự ương ngạnh của Trung Quốc, thậm chí hướng Bắc Kinh tập trung vào việc xây dựng quyền lực cứng của họ nhiều hơn, và làm cho sự hợp tác với Trung Quốc về các vấn đề quốc tế ngày càng khó khăn. Một vài yếu tố, chẳng hạn như duy trì mạnh mẽ các đồng minh và quan hệ đối tác liên minh của Mỹ ở châu Á, là thận trọng một cách khôn ngoan, nhưng nếu “việc xây dựng hàng rào chiến lược” đòi hỏi một sự bung ra quá nhiều về quân sự, nó có thể phản tác dụng. Các chính sách kinh tế khó khăn cũng có một ý nghĩa nào đó, đặc biệt là khi Chính phủ Mỹ cong mình về phía sau để cố vỗ về Bắc Kinh nâng cao giá đồng tiền của mình và hạ thấp các rào cản thương mại và đầu tư. Nhưng các hành động mạnh mẽ của Mỹ sẽ gặp các hành động chống trả của Trung Quốc, và cả hai bên có thể vô tình rơi vào một cuộc chiến tranh thương mại rất dễ dàng. Thay vì buông mình vào thế đáp ứng mặc định có tính chủ nghĩa hiện thực đối với Trung Quốc, Washington cần phải tinh khôn hơn và hoạch định một chiến lược phức tạp hơn⁴¹.

Cuộc tranh luận sôi nổi ở Trung Quốc về vai trò quốc tế của nước này sẽ tiếp tục chuyển biến. Khi như vậy, nước này có nhiều khả năng sẽ trở nên ít đa dạng, và phân cực nhiều hơn, vì quan điểm chủ nghĩa hiện thực / chủ nghĩa bản địa có thể cứng thêm. Một sự cố nào đó cũng có thể ảnh hưởng lớn đến cuộc tranh luận, chẳng hạn như nếu một đại sứ quán Trung Quốc bị chiếm giữ, hoặc một số lớn công nhân bị sát hại, hoặc một tàu hải quân Trung Quốc bị tấn công. Tuy nhiên trong tương lai gần, cộng đồng quốc tế nên dự kiến một sự đa dạng về tiếng nói và về những người ủng hộ chính sách, trong lúc cách hành xử của

⁴¹ Xem David Shambaugh, “A New China Requires a New U.S. Strategy,” *Current History* 109 (September 2010): tr. 219—226.

Trung Quốc có vẻ thiếu nhất quán, và phát những tín hiệu mâu thuẫn, nhưng với tính chất mà chủ nghĩa hiện thực là ưu thế, và gây khó khăn

© Bản dịch Thời Đại Mới

Sức mạnh mềm của Việt Nam và ASEAN đối với Trung Quốc

Lê Vĩnh Trương

Tóm tắt: Để ASEAN có thể giữ vững độc lập đồng thời duy trì quan hệ hòa bình với Trung Quốc, cần có nhiều phương cách tổng hợp. Các yếu tố dòng chính như ngoại giao, khả năng phòng thủ, sức mạnh kinh tế là hiển nhiên, song những yếu tố khác tuy có thể khó nhận ra nhưng cũng không kém quan trọng. Ngoài các trụ cột như kinh tế, chính trị, quân sự, còn một yếu tố tổng hợp mà người Việt đã vận dụng trong phát triển kinh tế và xây dựng đất nước. Đó là sức mạnh mềm, vốn vẫn có mặt tại các phương diện của đời sống đất nước. Theo Joseph Nye, giáo sư Mỹ, sức mạnh mềm được biết đến gồm ba trụ cột là văn hóa, giá trị và thể chế (định hướng). Sức mạnh mềm có mặt trong nhiều phương diện của các quan hệ Việt Nam với bên ngoài. Chúng tôi xin xét từng phương diện một có tham chiếu đến sức mạnh mềm.

Từ khóa: Sức mạnh mềm, Việt Nam, ASEAN, Trung Quốc.

© 2011 Thời Đại Mới

I. Tổng quan về sức mạnh mềm

Sức mạnh mềm có ba trụ cột văn hóa, giá trị, định hướng (thể chế và phương hướng) ứng với lịch sử, các giá trị hiện tại và sự dân bước đến tương lai của một dân tộc trong hình thành và phát triển, trong lao động và chiến đấu giữ nước.¹

“Sức mạnh mềm cũng là một dạng quyền lực; nếu không hợp nhất được sức mạnh mềm vào chiến lược quốc gia sẽ là một sai lầm nghiêm trọng.” Joseph Nye người đúc kết lại quyền lực mềm mại, nhu chế cương, nhuệnh khắc ngành, đã nhấn mạnh tầm quan trọng phải phát triển sức mạnh mềm và liên kết yếu tố này với các yếu tố truyền thống trong chiến lược quốc gia của Mỹ.

¹ Lời bạt tại bản dịch cuốn Soft Power, Tạp chí Tia Sáng điện tử, ngày 17/7/2011.

Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào cũng đã nhắc đến yếu tố sức mạnh mềm trong văn kiện đại hội đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17². Trung Quốc tập trung hướng sức mạnh mềm đến Đông Á, Châu Phi và Châu Mỹ La tinh. Ngoài hàng loạt viện trợ, hiệp định thương mại và đầu tư cũng như cam kết đầu tư, ở cả ba khu vực trên, Trung Quốc tích cực tuyên truyền văn hóa, ẩm thực, xiếc, múa truyền thống, phim ảnh và thảo dược. Họ đã xây dựng được 128 viện Khổng Giáo trên toàn thế giới và có kế hoạch xây thêm hàng trăm viện nữa nhằm truyền bá văn hóa và ngôn ngữ Trung Quốc³.

Trong khi những tài sản của quyền lực cứng như quyền điều động quân đội hoàn toàn thuộc nhà nước để bảo vệ lợi ích công cộng, những tài sản khác của chung quốc gia như dầu khí, tài nguyên, công xưởng, máy bay dân dụng... có thể được chuyển giao cho sự kiểm soát tập thể trong tình hình khẩn cấp. Trái lại, nhiều nguồn lực của quyền lực mềm gần như tách riêng khỏi nhà nước và chỉ đóng góp một phần khi được huy động. Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, văn hoá đại chúng Mỹ thường đối đầu với các chính sách nhà nước. Nếu cuộc chiến của chính giới là nhân danh tự do, thì các cuộc phản chiến cũng đã trưng ra tính chất cởi mở của nền dân chủ Mỹ và là chất xúc tác hàn gắn quan hệ Việt Mỹ những năm sau.

Sức mạnh mềm có mặt tại nhiều thực thể và phương diện đa dạng của quan hệ quốc gia và khu vực.

II. Sức mạnh mềm Việt Nam

Định nghĩa

Trong công cuộc bảo vệ chủ quyền hiện nay, Việt Nam và ASEAN đang đứng trước những thử thách lớn không chỉ liên quan biển Đông, sông Mê Kông, thâm hụt thương mại, hoang phí tài nguyên mà còn liên quan đến hàng loạt vấn đề thuộc kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa. Những nhà làm chính sách của Việt Nam thường nhắc đến sức mạnh tổng hợp của dân tộc và thời đại khi xử lý các mối quan hệ, giải quyết các vấn đề, vượt qua các thách thức và tận dụng các cơ hội.

Một trong những thành tố của sức mạnh tổng hợp được sử dụng trong suốt lịch sử là sự khoan thư sức dân, ý niệm mạnh mẽ về chính nghĩa, nhu thắng cương, số ít khắc chế số nhiều, và đức hiếu sinh, mở đường sống cho đối phương. Đây là sức mạnh mềm. Người Việt đã sử

² Joseph Nye, Trung Quốc dùng võ thuật "Hoa Kỳ yếu thế", Tuần Việt Nam, ngày 19/1/2011.

³ Bảo Châu, *Trung Quốc với việc triển khai "Sức mạnh mềm"*, www.vietbao.vn, ngày 3/8/2011.

dựng một dạng thức sức mạnh mềm trong dựng nước và giữ nước một cách tự nhiên.

Bao hàm

Sự kết hợp và truyền bá có chủ đích văn hóa, văn học (dân gian, truyền khẩu, chữ Nôm, chữ Hán, thơ văn hiện đại), nghệ thuật, khoa học, tập quán, tôn giáo của dân tộc Việt có khả năng ảnh hưởng đến những dân tộc và quốc gia khác. Sự quyến rũ của vẻ đẹp tinh thần, của hành vi ứng xử cao thượng làm các khách thể phải tôn trọng và đổi thay cho chọn lựa khác.

Các tôn giáo đến Việt Nam, được Việt hóa và thành một phần đời sống của xứ sở, nâng dậy tâm hồn chị ngã em nâng, nhẹ nhàng như mái đình cây đa của tín ngưỡng dân gian, của tự tình dân tộc. Những tôn giáo Việt hóa này đã trở thành nơi tĩnh tâm, chiêm nghiệm nhân quả, là chốn trú ngụ tâm linh, hồn thiêng sông núi Việt. Phật giáo Việt Nam còn có thiên phái Trúc Lâm và vị vua Phật phi thường Tây chinh Bắc chiến "một tác đất tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay kẻ khác", rồi sau đó rũ bỏ tất cả để hoằng dương Phật pháp, trong triết lý giản dị "đồng tọa bất đồng san"⁴.

Việt võ đạo, trà đạo, âm nhạc dân tộc (ca trù, quan họ, cải lương), âm nhạc hiện đại, hội họa, trang phục, y học dân tộc, khoa học quân sự, tinh thần hương ước, các môn vật lý, toán học (các môn thường có giải quốc tế), sự cơ động chống thiên tai, địch họa... là những mắc xích văn hóa làm gia tăng sức hấp dẫn của lịch sử kiến quốc và vệ quốc của người Việt.

Ẩm thực Việt Nam giàu dinh dưỡng, nhiều rau quả, khoáng chất, chất đạm phù hợp khẩu vị và trào lưu giữ sức khỏe có thể là một đại diện âm thầm cho sức mạnh mềm.

Sức mạnh mềm Việt Nam nằm ở những hoạt động có định hướng và thể chế hóa trong các góc độ văn hóa, du lịch, thể thao, nhân văn, minh bạch, dân chủ, văn minh. Ngành du lịch với các kết hợp MICE⁵, hành trình khám phá những con đường dân tộc, nhân chủng học, bảo tồn bảo tàng, duy trì các thắng tích, các cổ đồ, các thánh địa và lễ hội gắn với đức tin như La Vang, Mỹ Sơn, chùa Hương, đền Hùng, đền Tân Viên cũng là những thể mạnh. Du khách sẽ truyền miệng về chất lượng phục vụ và nhân số người đến Việt Nam, đó chính là những sứ giả mạnh mẽ cho quyền lực mềm Việt Nam. Âm nhạc Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Văn Cao, truyện Kiều, nhạc võ Tây Sơn, các lễ hội sau vụ mùa đều có thể kết

⁴ Đạt Ma Khế Định, *Những nét siêu thoát của Phật Hoàng Trần Nhân Tông*, thuongchieu.net, ngày 4/11/2008.

⁵ Meetings, Incentives, Conventions and Exhibitions (Hội họp, Xúc tiến đầu tư, Hội nghị và Triển lãm).

hợp với các tour du lịch, các gói sản phẩm văn hóa đa dạng của Bắc, Trung và Nam bộ.

Quan trọng không kém là giảm thiểu và triệt tiêu những hành vi vô ý thức đối với các hoạt động này vốn luôn góp phần hủy hoại hình ảnh Việt Nam. Chúng là các bệnh quản lý khoán, buôn thần thánh, cao ngạo, quan liêu, vô cảm, những lạm, lãng phí tài nguyên quốc gia và môi sinh thế giới.

Trước cách ứng xử của Trung Quốc và tuyên bố về đường chữ U kỳ dị, trong thế tự vệ chính nghĩa của mình, Việt Nam sở hữu một sức mạnh mềm của những người con dân anh hùng bất khuất, cùng nắm tay nhau coi nhẹ cái chết vì tổ quốc (Hoàng Sa 1974, Trường Sa 1988)⁶. Hình ảnh trang nghiêm, khí tiết và ngoan cường của các liệt sĩ Việt Nam có ảnh hưởng tích cực đến tinh thần công dân của các nước ASEAN và cộng đồng thế giới: một điểm nhấn của sức mạnh mềm Việt Nam. Không khác hình ảnh chính khí của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, sức mạnh mềm nằm ở tinh thần chiến đấu, bất luận bại thành⁷. Cố nhiên, tinh thần nghĩa khí tạo nên sức mạnh mềm ấy vẫn cần có một sức mạnh cứng tổng hợp thành một sức mạnh thông minh để chiến thắng trở ngại.

Thành tích xóa đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, sự tương trợ giúp sức đến trường, các chương trình vệ sinh, tiêm chủng, nước sạch, xóa cầu khi, cầu tôm nông thôn, và các chương trình vì dân khác cần nhân rộng và có thể ứng dụng hữu ích cho các nước ASEAN.

III. Các ảnh hưởng tiêu cực đến sức mạnh mềm

Các sự thật có tác động giảm sức mạnh mềm của nước, làm giảm sự quý mến dành cho quốc gia như lạm phát sân golf, đền bù đất đai không minh bạch, trấn áp đình công, tham nhũng, tổ chức an sinh và xã hội còn kém, lạm dụng quyền hạn của giới hành pháp Việt Nam cần được chấn chỉnh nhằm nâng cao thiện chí nhân quyền và hòa nhập với thế giới hiện đại.

Tinh thần hàng xóm được đẩy lên cao độ sẽ trở thành óc cục bộ địa phương; lối ứng xử cố để đẹp mặt nhau sẽ loại trừ óc phê phán; tập quán nông nghiệp khiến người dân thiên về hoạt động lối mòn và hụt hẫng trước làn gió công nghiệp và đô thị hóa. Những cư dân nông thôn bước vào đời sống thành thị một cách thiếu chuẩn bị sẽ tạo ra nhiều áp lực cho mình và cho cộng đồng, cũng không phải không ảnh hưởng đến sức mạnh mềm.

⁶ Hải chiến Trường Sa 1988, www.youtube.com, ngày 3/5/2011.

⁷ Kháng chiến chống Pháp, <http://nguyentl.free.fr>

Các ngành nghề khoa học hiện đại, khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, cùng với luồng nhân lực và chất xám trong và ngoài nước cũng có những bất cập và nghịch lý trong khai thác. Ốc phản biện bị hạn chế do sức ỳ phong kiến, do tư duy bao cấp cũng là hệ quả của bệnh thành tích trong giáo dục. Hạn chế tranh luận cũng dẫn đến nghèo tương tượng, tự giới hạn suy nghĩ, từ đó trói buộc trong hành động. Đó cũng là điểm yếu của khoa học Việt Nam nói chung.

Với ý thức sâu sắc về phương diện này, các vấn đề làm suy giảm sức mạnh mềm của Việt Nam phải được phân tích và điều chỉnh nghiêm túc. Các nhà làm chính sách và các cơ quan tư vấn chiến lược không nên né tránh, đơn giản hóa hay nói giảm về các vấn đề này mà cần giải quyết thông qua cải cách hệ thống và tiếp nhận phản biện, không nên tự cho là đủ với những thành tích về giảm đói nghèo, hay tăng trưởng kinh tế.

Điều chỉnh và tương tác

Những điểm yếu cần được nhìn nhận, những khuyết tật cần được điều chỉnh và điều trị nhằm nuôi dưỡng nội lực và thu hút hợp tác bên ngoài một cách nghiêm túc nhất. Những điểm tích cực cần sự hệ thống hóa và hướng ngoại từ giới quản lý đến đại chúng. Với sức mạnh mềm, Việt Nam sẽ làm gia tăng và thu hút đồng minh đồng thời hạn chế và trung hòa những đối thủ tiềm ẩn.

Sức thu hút này tranh thủ niềm tin và nhận thức của cộng đồng quốc tế và giúp tiếng nói ủng hộ Việt Nam trong những thế cờ chuyển đổi của lịch sử. Saddam Hussein không có vũ khí hủy diệt hàng loạt nhưng vẫn không ngăn cản được Mỹ năm 2003, vì ông không có một mặt trận chống lý lẽ WMD từ diễn đàn quốc tế. Việt Nam sẽ vô hiệu được sự công kích từ Trung Quốc bằng chứng minh liên tục và hiệu quả với thế giới rằng chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam và rằng biển Đông là của nhân loại chứ không của riêng một nước nào.

Dù vậy, tuyệt đối hóa sức mạnh mềm là đầu kia của cực đoan. Nicolo Machiavelli cho rằng nên để thiên hạ sợ mình hơn là quý mình. Nhưng theo Joseph Nye, có được cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm và vận dụng thành sức mạnh thông minh là tối ưu.

IV. Sức mạnh mềm ASEAN

Được thành lập từ 1967, các quốc gia ASEAN là những quốc gia hình thành lâu đời dựa trên nền văn minh lúa nước, một số là du mục, du canh và chịu ảnh hưởng lớn từ các nền văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Hồi Giáo và sau này là văn minh phương Tây. Những quốc gia cổ đại tại Đông Nam Á có thời kỳ đã lên đến con số hơn hai mươi nước liên tục hợp rồi tan, tan rồi hợp, không khác gì đế chế Trung Hoa thời chiến quốc, rồi ngũ đại thập quốc. Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và cách

trở bởi biển Đông khiến khu vực này phát triển riêng các đặc sắc của mình mãi đến thế kỷ 16 khi các đoàn thương thuyền và thực dân đã “mở rộng” giao lưu, và phần nào bổ sung cho các ảnh hưởng của Trung Quốc, Ấn Độ ở khu vực.

Phần lớn là những nước giành độc lập từ tay thực dân phương Tây từ sau thế chiến thứ hai, các quốc gia ASEAN có một sự cảnh giới ngấm và giữ cân bằng với các thế lực lớn vốn luôn tìm cách gây ảnh hưởng tại khu vực. (Quan hệ Mỹ- Philippines trước và sau khi Mỹ rút khỏi vịnh Subic, quan hệ Việt - Mỹ trước và sau 1975, quan hệ Campuchia- Trung Quốc trước và sau thời kỳ Khmer Đỏ). ASEAN luôn tham gia vào tiến trình phát triển của cộng đồng quốc tế song song với sự quan ngại thường trực đối với các thế lực lớn. Khai sinh vào những năm khốc liệt của chiến tranh Việt Nam (8/8/1967) như một tấm phen che chắn làn sóng xích hóa, sau đó khối này mở rộng đối với các quốc gia Đông Dương vào cuối thập kỷ 1990, một lần nữa trong một thể hợp quần gây sức mạnh, nâng giá trị của mình trong bàn cờ quốc tế. Tuy nhiên, sự liên kết này có lúc như đi vô định do ở trọng lượng các vấn đề nặng tính quốc gia- sự ích kỷ cục bộ, dẫn đến thua thiệt cho sức mạnh chung cả khối nếu không có hiểu biết và hành động đúng mức, đúng lúc. Có thể lấy một ví dụ: Philippines đã phản đối hồ sơ chung Việt Nam-Malaysia vào 2009, tự tách rời khỏi những nước nhỏ như Việt Nam, Malaysia, Brunei trong cuộc tranh chấp chung và sau đó đã nhận chịu sự áp chế gia tăng của Trung Quốc, trước khi tỉnh thức và điều chỉnh phương lược năm 2011.

Với tổng diện tích chiếm 3%, dân số chiếm gần 9% thế giới và, nếu xem như một nền kinh tế, tổng GDP đứng thứ 9 thế giới, ASEAN có vị trí quan trọng về mặt kinh tế, văn hóa, địa chính trị trên diễn đàn quốc tế.

Bản về sức mạnh mềm, ASEAN có đặc điểm của một vùng châu Á có lịch sử, văn minh, ngôn ngữ đa dạng cùng các mối giao lưu hiền hòa, đa văn hóa, đa tôn giáo, từ Hindu, Phật, Lão, Hồi giáo, Thiên chúa giáo đến bái vật giáo, thờ cúng tổ tiên..vân vân. Trước thế kỷ 16, ảnh hưởng Trung Hoa và Ấn Độ là khá lớn. Tuy nhiên “ảnh hưởng của Ấn Độ, khác với ảnh hưởng của Trung Quốc-không có tác động chính trị- trong quá trình được các xã hội bản xứ ở Đông Nam Á hấp thụ, nó đã bị biến đổi nhiều, như ảnh hưởng của Hy Lạp cổ ở Tây Âu.”⁸ Dẫu vậy, các xung đột tiềm ẩn luôn song hành với những cuộc hiệp sinh hàng ngàn năm qua. Văn hóa, nhân văn, địa lý, lịch sử, âm thực, khí hậu, thiên nhiên, cự ly, ngành nghề mưu sinh gắn với biển đảo đã tạo nên sự khác biệt của một vùng đất tuy gần gũi nhưng không đồng hóa với văn minh Trung, Ấn. Sự đa dạng văn hóa xuyên suốt thời gian có cả sự giao thoa của kiến trúc, ngôn ngữ, nghệ thuật, cả ẩm thực từ bản địa và từ phương Tây mang đến.

⁸ D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia 1997, tr. 24.

Sự hợp lực và giao lưu của các nước nhỏ Đông Nam Á đã từng diễn ra trong triều đại vua Kertanagara; vị vua cuối cùng của nước Singosari (Java, Indonesia) đã có kế hoạch xây dựng một liên bang Indonesia, liên minh với Champa và Sumatra để chống lại Hốt Tất Liệt trước khi bị lật đổ năm 1293⁹. Tuy nhiên chưa thấy nói đến liên minh nào giữa Đại Việt với các nước Đông Nam Á trước và sau trận thắng Nguyên Mông lần 3 (1288). Có vẻ như người Việt chưa quen liên minh với các nước xung quanh từ Champa, Lâm Ấp, Lào, Khmer, Phù Nam.. mà thiên về khơi dậy nội lực và đoàn kết với các dân tộc anh em Tây Nùng... trên đất Việt Nam khi phải chiến đấu. Liên kết của Nguyễn Ánh và Xiêm năm 1785 là một quan hệ hiếm hoi, nhưng đã bị Tây Sơn kết thúc. Rộng hơn thì thấy gần đây có khối ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia đoàn kết chống Pháp đến 1954 và sau đó là những chuyển hướng. Theo D.G.E. Hall, Ấn Độ đã từng thiết lập hội Đại Ấn Độ năm 1926 để xác nhận các vùng ảnh hưởng của mình, song hội này đã giải tán sau các phản đối của các nước Đông Nam Á. Lịch sử vẫn có dịp quay lại trên những lối cũ có tuổi ngót ngàn năm: Trung Quốc của những năm 1407 cũng dương uy xâm chiếm Việt Nam để răn đe các nước Đông Nam Á!¹⁰

Trong giấc mơ về một cuộc thoát Trung triệt để, người Việt có thể hỏi liệu việc chọn Nho Giáo thay cho Phật Giáo làm nền tảng văn hóa sau khi nhà Minh đã phá hoại gần như toàn bộ văn hóa Việt- sức mạnh mềm- phải chăng là một sai lầm của Lê Lợi và Nguyễn Trãi ở thế kỷ 15.¹¹

Nét độc đáo tạo nên giá trị. Sự năng động của hiện tại và tư thế bước phải dẫn thân giải quyết vấn đề sau khi Trung Quốc tăng cường lấn chiếm biển Đông cũng là một hình ảnh tích cực của ASEAN. Tương tự như Tây Tạng sau khi bị xâm chiếm thì được thế giới biết đến nhiều và sức mạnh mềm của Mật Tông, của Đạt Lai Lạt Ma trở nên nổi tiếng thế giới.

Sức mạnh mềm của ASEAN còn nằm ở định hướng và thể chế mà khối này đã kết thành bao nhiêu năm qua. Các chính thể, chính phủ mọc lên và giải tán, các nhà lãnh đạo lên nắm quyền và rời quyền lực. Bất luận mức độ vì dân, vì cộng đồng ASEAN của họ ít hay nhiều, các văn bản họ ký kết thường là thể hiện ý chí chính đáng của toàn dân ASEAN. Dù có các cân nhắc cần trọng với tình hình Pret Vihia, sông Mê Kông, thiết quân luật Myanmar hay Biển Đông, khi lãnh đạo tương tác cùng 9 bên đồng nhiệm, hẳn nhiên các ý kiến và hành động có tính xây dựng

⁹ D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia 1997, tr. 139.

¹⁰ Hồ Bạch Thảo, *Trung Quốc từng nêu việc đánh chiếm An Nam để gây áp lực với các nước Đông Nam Á*, Hội thảo Mùa hè 2011, Singapore, 20-21/8/2011.

¹¹ Phan Cẩm Thượng, *Văn minh vật chất của người Việt*, NXB Tri thức, 2010, tr. 590.

nhất sẽ được hướng đến. DOC 2002, và tương lai là COC hay những nỗ lực nâng dậy hòa bình, phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa, bổ túc năng lực phòng thủ trong các năm 2011 là những hình ảnh tích cực với thế giới. Khi ngôn từ được gieo trồng chính đáng thì sẽ có quả hành động theo sau. Những động thái gần đây của ASEAN (sau 26/05/2011) như ra nghị quyết ASEAN 7 kêu gọi không sử dụng vũ lực, ASEAN (cùng Trung Quốc) thông qua quy tắc hướng dẫn thực thi DOC tại ARF Bali (21/7/2011), rồi lời kêu gọi của Indonesia và Mỹ một cách mạnh mẽ trong các chương trình nghị sự về Biển Đông, tăng đa phương ngoại giao đã gia tăng uy tín của ASEAN đáng kể.

Đầu vậy, ASEAN vẫn cần phải học sức mạnh mềm của một Trung Quốc cần cù lao động, một Châu Âu khoan dung và tự do, một nước Mỹ năng động, những nhà sư Thái Lan, những trẻ em Hy Lạp góp tiền cứu nguy nên kinh tế suy thoái, những gia đình Nhật gói tiết kiệm với lãi suất băng 0% để giúp nước, giúp cộng đồng khi lâm vào cảnh khó khăn.

Ngoại giao

Tận dụng các *thể chế*, hội nghị, các diễn đàn khu vực một cách bền bỉ và khôn khéo. Các hội nghị cấp cao (người đứng đầu chính phủ và các bộ trưởng), hội nghị ngoại trưởng, bộ trưởng quốc phòng, các sinh hoạt giao lưu giữa không quân¹², hải quân, quân y¹³, các đoàn nghị sĩ các nước ASEAN cần được chú trọng để phổ biến chính sách ngoại giao và đối nội của Việt Nam đến 9 nước ASEAN còn lại. Trong các hội nghị này sẽ có nhiều đồng nhiệm, quan sát viên và cả giới thông tấn các nước liên quan như Nga, Nhật, Mỹ, Ấn Độ, Úc, Hàn Quốc, Trung Quốc. Do vậy, nếu tận dụng được các thể chế này để biến thành các diễn đàn PR cho hình ảnh Việt Nam, tranh thủ thêm bạn bè quốc tế, vạch trần những nội dung sai trái của những thể lực tiêu cực thì sẽ là những cuộc chinh phục nhân tâm bên ngoài biên giới quốc gia. Ngoài việc tiết kiệm tài chính cho đất nước- ít tốn kém hơn khi tổ chức trong nước, các hoạt động này cũng chính là những cơ hội để rèn luyện đội ngũ lãnh đạo hiểu biết về thể chế, các cơ chế hợp tác ASEAN và đa phương khác. Đương nhiên các chuyên gia ngoại giao này cần hội đủ đạo đức và năng lực giải quyết vấn đề.

Định hướng chính xác là nhằm phát triển một nền ngoại giao mềm dẻo có thể hạn chế ngộ nhận, hạ nhiệt cục đoman và bảo đảm độc lập tự chủ của đất nước và ASEAN. Các vận động ngoại giao mềm dẻo mà

¹² Đức Phú, *Không quân các nước ASEAN hỗ trợ hoạt động nhân đạo*, www.baodientu.chinhphu.vn.

¹³ *Tăng cường giao lưu, hợp tác Quân y các nước ASEAN*, www.baolangson.vn, ngày 28/5/2011.

ương quyết, giữ vững những nguyên tắc và tối đa hóa lợi ích, tối thiểu hóa tổn thất.

Định hướng “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước” cần điều chỉnh cơ bản vì định hướng này sẽ đánh đồng những quốc gia có bề dày hữu nghị với những nước sơ giao, làm lãng phí quốc lực, khiến các đại diện văn hóa ngoại giao bị mơ hồ, sa vào bệnh mộng lung và phi thực tế. Định nghĩa đồng chí cũng cần phải có sự chuẩn xác lịch sử. Cần cần nhắc mức độ các đảng viên cộng sản Trung Quốc, Nga, Nhật, Pháp, Ý... tôn trọng tinh thần quốc tế, sự thật khách quan và tự trọng dân tộc của nền ngoại giao Việt Nam trước những thách thức và thay đổi toàn cầu. Biện biệt rõ các phạm trù này cũng chính là trang bị cho các nhà ngoại giao Việt Nam (cũng là những con người xã hội) vũ khí lý luận, niềm tin và sự khôn khéo trong đấu tranh ngoại giao mà vẫn tôn trọng lý tưởng xã hội của các tổ chức đứng trước các vấn đề dân tộc và thế giới.

Tại thời điểm tàu Bình Minh 02 bị bắt cóc, khi cả nước hướng về và cần sự tập trung cao của các nhà làm chính sách thì lại có thông tin về sự cố nhân viên ngoại giao tổ chức buôn lậu¹⁴. Những chi tiết nhỏ sẽ làm hỏng uy tín lớn và làm suy yếu sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Ngoại giao nhân dân là một bộ phận không thể tách rời ngoại giao quốc gia vì ngoại giao nhân dân hỗ trợ cho ngoại giao chính thức, có lúc phát ngôn thay cho đất nước, hợp lực cho sức mạnh mềm. Trung Quốc đã cam kết và ký kết những gì, nhân dân ASEAN cần biết để thông tin và tác động đến người dân Trung Quốc. Trong các thông tin tuyên truyền gần đây, theo các diễn giả trên CCTV thì DOC 2002 chính là văn bản do Trung Quốc đề xuất, bảo vệ và tôn trọng¹⁵, dù thực chất thì các văn bản này do chính Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei khởi xướng. Các thông tin này cũng tuyên bố các nước Việt Nam và Philippines là những nước đã phá vỡ những ký kết này. Như vậy, trách nhiệm của giới chức ngoại giao và truyền thông của Việt Nam là đưa đến cho nhân dân ASEAN và thế giới những sự thật khách quan đã và sẽ diễn ra.

Những khái niệm triết lý và chính trị hòa bình của Trung Quốc như “xã hội hài hòa”, “thiên hạ vi công”, “mục lân”, “cầu đồng tồn dị” cần được vận dụng và phổ biến để nhân dân ASEAN có thể tác động lại nhân dân Trung Quốc. Lưu ý những lời lẽ khẩu Phật tâm xà của nhà cầm quyền Trung Quốc, và sử dụng những lời tốt miệng Phật của họ để ràng buộc họ, hạn chế leo thang vũ lực.

Đĩ nhiên, các tác nhân và đối tượng của ngoại giao nhân dân hướng Trung hoặc hướng ASEAN có những khác biệt nhất định và cần được nghiên cứu thật thấu đáo.

¹⁴ *Ngoại giao VN dính đường dây buôn lậu xe?*, BBC Tiếng Việt, ngày 1/6/2011.

¹⁵ *Việt Nam Khiêu Khích Trung Quốc?*, www.youtube.com, ngày 7/7/2011.

Có thể tham khảo các cách thức nâng cao vị thế ngoại giao nhân dân kết hợp ngoại giao nhà nước của Philippines. Chính phủ Philippines đã tích cực đưa ra nhiều đề xuất giải quyết hòa bình các xung đột từ đưa tranh chấp ra trước Tòa án quốc tế đến sáng kiến ký Bộ Luật ứng xử Philippines-Trung Quốc tháng 8/1995, rồi đồng tác giả với Việt Nam dự thảo Bộ luật ứng xử ASEAN-Trung Quốc 1999-2002, ký kết Tuyên bố ASEAN-Trung Quốc về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông 2002, chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học Việt Nam-Philippines JOMRSE... Sơ suất đáng tiếc của Philippines năm 2004 và 2009 đã được rút kinh nghiệm và sửa sai kịp thời¹⁶.

Ngoại giao kênh hai, một gạch nối giữa ngoại giao chính thức và ngoại giao nhân dân cũng có vị trí quan yếu không kém. Nước đi đầu trong vận động kênh hai là Indonesia. Cần có những phân tích để nâng cao sức mạnh của kênh hai. Từ 1990 đến 2010, với sự điều phối của Giáo Sư Hasjim Djalal, Indonesia đã chủ trì tổng cộng 29 trong số 57 cuộc hội thảo kênh hai¹⁷. Đây là kênh đàm phán phi chính thức, không thuộc phạm vi của giới chức các nước mà chỉ nhằm mục đích chia sẻ thông tin, xây dựng lòng tin của các học giả và giới nghiên cứu, tạo điều kiện mở xẻ sâu hơn về các vấn đề biển Đông mà không bị ràng buộc đối với những cam kết chính thức.

Những cuộc hội thảo này liên quan đến rất nhiều đề tài khoa học và được quy hoạch thành từng bộ phận, từng phiên như TWG (Technical working group- hội thảo nhóm làm việc kỹ thuật), SNSC (Safe navigation, shipping and communication-An toàn hàng hải, vận chuyển và liên lạc), MEP (marine ecology protection- bảo vệ môi trường biển), RA (đánh giá tài nguyên), LM (các vấn đề pháp lý), MSR (nghiên cứu khoa học biển), HDI (dữ liệu thủy văn và trao đổi thông tin)...

Hoạt động năng động của Indonesia và các nhà tổ chức khác về sau đã góp phần vào tinh thần nghiên cứu khoa học nội ASEAN và mời gọi tất cả các bên liên quan cùng tham gia. Tiếng nói của giới khoa học vì cộng đồng sẽ có thể tác động tích cực trở lại với giới làm chính sách, điều chỉnh hành vi, xây dựng lòng tin và tránh leo thang đối với những xung đột khu vực.

Nỗ lực của Indonesia đã tạo điều kiện cho các nhà khoa học Đài Loan vốn vẫn chưa tiếp cận được với các hội nghị chính thức, được tham gia và theo dõi tình hình. Trong tư cách thành viên ASEAN và là bên có liên quan địa lý, Indonesia cũng đã giúp các nước gia nhập ASEAN về sau như Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar được tiếp cận với các đề

¹⁶ Dương Danh Huy, *Tranh cãi Biển Đông và sai lầm của Phillipines*, Tuần Việt Nam, 2/7/2011.

¹⁷ Yan Hei Song, *Các dự án đa dạng sinh học ở Biển Đông*, Hội Thảo Quốc Tế về Biển Đông tại Tp. Hồ Chí Minh, 11-12/11/2010.

tài khoa học và môi trường và rút ngắn khoảng cách với các quốc gia liên quan khác ở khu vực.

Những sự kiện này ghi nhận công lao của ASEAN nói chung và nỗ lực của Indonesia như một quốc gia hòa hiếu và có trách nhiệm với cộng đồng châu Á.

Việt Nam hoạt động mạnh trên các tương tác kênh hai với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (PACCOM), song vẫn còn chênh lệch giữa tiềm năng và độ cơ động trong các giải pháp tranh thủ ASEAN về những vấn đề biên Đông.

Đáng lưu ý rằng trên các phương tiện truyền thông kênh hai, Trung Quốc kêu gọi Đài Loan thống nhất lập trường nhưng vẫn giữ vị thế 2 thực thể để tăng lợi thế số đông khi đàm phán về tranh chấp biển Đông với ASEAN. Do vậy, ASEAN cũng có thể sử dụng lợi thế số đông để hạn chế các nỗ lực song phương hóa các vấn đề quốc tế và tranh chấp hóa các khu vực không tranh chấp của Trung Quốc.¹⁸

Làm đa dạng hơn nữa các hoạt động ngoại giao trong thông tin, văn hóa, giao lưu không chỉ giới hạn ở giới ngoại giao hoặc các nhà làm chính sách. Thậm chí, khuynh hướng hành động an toàn của chính giới ở những thời điểm cấp bách, khi cần trao đổi nhanh chóng, thẳng thắn để tháo bết tắc cũng là một nhược điểm. Do vậy ngoại giao nhân dân, ngoại giao kênh hai, trao đổi truyền thông cần liên tục thực hiện. Phó Giáo Sư Danilo A. Arao đã đề nghị giới truyền thông không nên tiếp cận các nhà chính trị khi có biến động vì sẽ khó tìm được thông tin cần thiết từ phía họ. Thay vì vậy, liên lạc với giới nghiên cứu thời gian này sẽ làm rõ vấn đề từ đó có những tác động chính xác đến các chính phủ để hạn chế xung đột và duy trì hòa bình.

Kinh tế

Kinh tế hay “kinh bang tế thế”, “thảm đạm kinh dinh”¹⁹ (chăm chỉ làm ăn kinh doanh) hướng về con người, là một hoạt động theo lẽ tự nhiên, mang tinh thần nhân bản, nhân đạo chủ nghĩa. Trao đổi thương mại và dịch vụ giữa Việt Nam và ASEAN là nhằm phục vụ cộng đồng ASEAN và thế giới. Hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước, cá nhân nhằm nuôi sống và thăng tiến giá trị con người, giảm khoảng cách giàu nghèo, giảm sự lệ thuộc vào những thế lực độc quyền, nhóm lợi ích. Về kinh tế, Việt Nam hội nhập vào các lộ trình của AFTA diễn ra vào cuối

¹⁸ *Việt Nam Khiêu Khích Trung Quốc?*, www.youtube.com, ngày 7/7/2011.

¹⁹ Nguyễn Ngọc, *Nỗi niềm Biên Đông*, www.viet-studies.info.

thập kỷ 1990 như mở ra một cửa mới và sau đó bước vào không gian toàn cầu bằng gia nhập WTO năm 2006.

Tham gia và phát triển nền kinh tế mở AFTA để tiến đến một khối thị trường chung như hoài bão của những lãnh đạo ASEAN đi trước có cả thuận lợi và cả thách thức đối với kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, việc có đường biên giới và trao đổi mậu dịch với Trung Quốc khá lớn cũng làm bớt đi tổng lượng trao đổi với ASEAN. Quan hệ đối tác và địa lý đặc thù của Việt Nam và Trung Quốc cũng tạo những tác động và hệ quả không tích cực như đối với khai khoáng bauxite, tỷ lệ trúng thầu của Trung Quốc, đối với các tài nguyên khác như rừng, sông Mê Kông, sông Hồng, lao động mượn danh du lịch... Tỷ lệ lao động nhập cư dĩ nhiên ảnh hưởng đến các cơ hội của các nước ASEAN. Nền kinh tế thân hữu (cronyism), hệ quả của kinh tế thị trường có điều tiết và sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước cũng góp phần đến các quyết định đầu tư hay tham gia thị trường của doanh giới ASEAN²⁰. Ngoài ra, tham nhũng, sự quan liêu, cơ sở hạ tầng yếu kém làm gia tăng chi phí ảo cũng ảnh hưởng đến quyết định làm ăn của giới doanh nghiệp.

Tăng cường hợp tác kinh tế nội khối luôn là đề tài của các hội nghị thượng đỉnh ASEAN và AEM và kinh tế luôn dẫn đầu trong các chính sách, đường hướng. Các chính phủ sẽ phải rà soát lại việc thực hiện AFTA, miễn giảm thuế, gia tăng thương mại nội khối, khuyến khích các hoạt động giao lưu văn hóa, khoa học, giáo dục, nghiên cứu, du lịch, thể thao trong nội bộ ASEAN như các hình thức kích cầu tiêu dùng và trao đổi hàng hóa, dịch vụ cho nhau.

Theo thông tin của Hải quan Việt Nam, tốc độ tăng trưởng thương mại và hàng hóa của các thành viên ASEAN năm 2010 là khá cao. Indonesia với mức tăng 38% (trị giá 290 tỷ USD); Lào tăng 36% (khoảng 3 tỷ USD), Thái Lan tăng 32% (trị giá 378 tỷ USD), Philippines tăng 30% (trị giá 110 tỷ USD) Malaysia và Singapore cùng tăng 29% (trị giá tương ứng là 364 tỷ USD và 663 tỷ USD) trong khi đó tốc độ tăng của Việt Nam chỉ đạt 23,6%. Tốc độ tăng trưởng chậm đã làm tỷ trọng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tổng kim ngạch của khối ASEAN giảm từ mức 8,16% năm 2009 xuống còn 7,84% trong năm 2010. Số liệu thống kê của WTO cũng cho thấy Singapore là nhà xuất nhập khẩu lớn nhất trong khu vực ASEAN, bỏ xa các nước Thái Lan và Malaysia xếp ở vị trí thứ 2 và thứ 3.

Tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2010 là 26,4% tuy nhiên mức tăng trưởng xuất khẩu này chỉ cao hơn so với Campuchia, ngang bằng với mức tăng của Malaysia và thấp hơn tốc độ tăng của tất cả

²⁰ Phạm Chi Lan, Nguyễn Đình Cung, Trương Đình Tuyển, Trần Đình Thiên, *Bàn tròn VTV1*, ngày 18/7/2011.

các nước ASEAN. So với năm 2009, thứ hạng xuất khẩu của Việt Nam trong khối ASEAN vẫn không được cải thiện, giữ nguyên vị trí thứ 5 nhưng ở cấp độ toàn cầu thì thứ hạng của Việt Nam được đẩy lên 2 bậc, xếp thứ 39 trên toàn thế giới.

Xét về tỷ trọng trong nội khối ASEAN, tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam giảm từ 6,95% trong năm 2009 xuống còn 6,86% trong năm 2010. Trong khi đó, ở cấp độ toàn cầu, tỷ trọng hàng xuất khẩu của Việt Nam lại tăng nhẹ từ mức 0,45 lên 0,47% trong năm 2010.

Trong năm 2010, tổng trị giá nhập khẩu của Việt Nam tăng 21%, chỉ cao hơn mức tăng nhập khẩu của Myanmar và thấp hơn tăng trưởng của tất cả các nước ASEAN khác. Tuy nhiên, nhập khẩu của Việt Nam vẫn tiếp tục giữ vị trí thứ 5 trong nội khối ASEAN.

Cũng như xuất khẩu, ở cấp độ toàn cầu thứ hạng của Việt Nam xét theo tổng trị giá nhập khẩu cũng được nâng lên 2 bậc, xếp thứ 39 trên toàn thế giới và chiếm 0,55% tổng kim ngạch nhập khẩu toàn cầu.²¹

Những chi tiết nêu trên cho thấy sự sôi động trong trao đổi hàng hóa và dịch vụ nội vùng ASEAN và trong xuất nhập khẩu nội vùng, Việt Nam vẫn còn đất để phát triển. Riêng phần nhập khẩu trong nội bộ ASEAN, Việt Nam vẫn chiếm thứ hạng thấp so với Singapore, Thái Lan, Malaysia. Nếu gia tăng phần nhập và xuất từ các nước ASEAN, Việt Nam sẽ bớt lệ thuộc vào các nền kinh tế khác, gia tăng vị thế của Việt Nam trong ASEAN.

Quân sự

Các hoạt động *ngoại giao quân sự* của các nước gần đây đã tạo hình ảnh thân thiện, xây dựng lòng tin giữa quân đội các nước khác và các nước ASEAN với nhau, từ đó có thể hạn chế nguy cơ xung đột. Ngoại giao quân sự cũng để tìm hiểu đối phương khi có sự biến bản chuyển thành thù. Đây là nghệ thuật quân sự ứng dụng theo từng giai đoạn. Những hoạt động như giao lưu thể thao và văn hóa giữa các lực lượng quân đội hữu hảo cũng góp phần hạ nhiệt các hiểu nhầm, xây dựng lòng tin của lực lượng vũ trang các nước ASEAN.

Các cuộc *tập trận*²² gần đây của Việt Nam với các nước trong đó có ASEAN là cần thiết để xây dựng lòng tin, trao đổi kinh nghiệm, truy tìm

²¹ Tào Thị Hải, *Trong năm 2010, xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam xếp thứ hạng 38 trên phạm vi toàn cầu*, <http://www.customs.gov.vn>, ngày 18/7/2011.

²² VN, Mỹ và nhiều nước khác tham gia cuộc thao dượt duy trì hòa bình, www.vovnews.com, ngày 10/6/2011.

quân nhân hay thiết bị mất tích, tẩy rửa chất độc dioxin... là hữu ích đối với một quân đội chính quy, hiện đại và sẵn sàng bảo vệ tổ quốc.

Sẽ là những hình ảnh đẹp cho sức mạnh mềm Việt Nam khi các quân nhân Việt thường xuyên duy trì một lực lượng *cứu nạn cứu hộ* sẵn lòng ứng cứu giúp sức cho các nước ASEAN (và cả ngoài ASEAN) trong hoàn cảnh thiên tai hay tai nạn vượt quá sức huy động tức thì của nước sở tại. Vấn đề ở đây là cần có sự quyết đoán từ cấp lãnh đạo. Hình ảnh đất nước Việt Nam sẽ đẹp, cao thượng với các hoạt động có ý nghĩa này.

Các tuyên bố chung gần đây của ngoại giao Việt Nam và các nước đã có bản về Việt Nam sẽ tham gia các lực lượng *giữ gìn hòa bình* trên thế giới. Khi ASEAN cần sự giúp đỡ về phương diện này, việc Việt Nam gửi quân đội làm công tác giữ gìn hòa bình cũng là hành động nhân đạo và là tập luyện thực tế để ứng phó khi cần thiết.

Truyền thông

Một *thực trạng* đáng lưu ý, giả định Việt Nam và Trung Quốc có xung đột thì các bên sẽ quan ngại theo cách cả hai bên cùng thiếu kiểm chế. Tệ hơn, Việt Nam có thể là đồng minh ý thức hệ của Trung Quốc nên các nước sẽ giải quyết các mối quan hệ liên quan dựa trên tiền giả định này. Sự mù mờ rằng Việt Nam vẫn là vùng đất có chiến tranh vẫn còn đó. Ngoài ra, một bộ phận lớn nhân dân và chính giới Trung Quốc có cái nhìn không tích cực về Việt Nam²³ (85% đồng ý tấn công Việt Nam). Bởi lẽ chính nghĩa của Việt Nam chưa được người Việt diễn giải đủ rõ ràng cho nhân dân Trung Quốc. Thậm chí trước đây, một bộ phận người Việt trong và ngoài nước vẫn còn ngại bàn về chủ quyền của Việt Nam tại Trường Sa và Hoàng Sa. Các hành động nhân đạo trên biển như tàu Việt Nam cứu ngư dân Trung Quốc mắc nạn vì thời tiết chỉ được nhắc đến trên báo Việt Nam. Để hướng đến một mối quan hệ hòa bình, các câu chuyện tàu Trung Quốc cứu ngư dân Việt Nam và tàu Việt Nam cứu ngư dân Trung Quốc cần được tuyên dương rộng rãi. Dù trong thực tế, nhà cầm quyền Trung Quốc cư xử thô bạo với ngư dân Việt xảy ra gần như hàng tháng kể từ tháng 1/2005. Những sự việc cần bị lên án nghiêm khắc đến cộng đồng quốc tế qua kênh ngoại giao và truyền thông. Việt Nam và các nước ASEAN như Philippines, Malaysia, Brunei sẽ ở thế khó nếu không gỡ được bài toán thông tin này trước nhân dân Trung Quốc và quốc tế.

Xúc tiến tuyên truyền về thực trạng Biển Đông cho nhân dân ASEAN và nhân dân Trung Quốc một cách liên tục, bền bỉ, tôn trọng

²³ 85% dân Trung Quốc muốn ĐẬP Việt Nam, <http://hoangsa.org>, ngày 25/6/2011.

lịch sử và chủ quyền Việt nam- ASEAN và tôn trọng luật pháp quốc tế chính là sức mạnh mềm bảo vệ hòa bình. Chính giới Trung Quốc đang gán Việt Nam, Philippines là bên khiêu khích và luôn tuyên truyền ngụy tạo rằng các cuộc chiến 1974, 1979, 1988 là do Việt Nam gây ra!

Thông qua các cuộc quấy phá và vu khống vừa qua (từ 2005 đến các vụ Bình Minh 02, Viking II, Cỏ Rong), Trung Quốc nỗ lực lấn dần và đồng thời làm mờ ảo cuộc điện, hướng đến hủy hoại sức mạnh mềm của Việt Nam và Philippines bằng sức áp đảo truyền thông của họ. Đây là cuộc khủng bố cần gây tiếng vang hơn là gây tiếng nổ (nhiều người theo dõi hơn là nhiều người bị tổn thương), đánh đồng người gây hấn và người bị gây hấn. Đê ASEAN có một cái nhìn khách quan, các cơ cấu, thể chế đối thoại như ASEAN Summit, ADM, AEM, JMM, ASC, SOM, SEOM, luôn cần có một tiểu ban sẵn sàng các thông cáo báo chí để Việt Nam liên tục cập nhật tình hình ra ngoài thế giới. Truyền thông Việt-ASEAN vẫn chưa đáp trả cân bằng với hệ thống truyền thông lớn mạnh của Trung Quốc. Song gần đây các báo Diplomat, Manila Times cũng đã đưa tin về thái độ vi phạm pháp luật của Trung Quốc khá nhiều.

Hãy thử *so sánh sức mạnh truyền thông* giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Trung Quốc đã gia tăng xuất bản từ 42 tờ báo vào năm 1968 lên đến 382 tờ vào 1980 và hơn 2200 tờ báo vào 2011. Theo như một thống kê chính thức, Trung Quốc còn có hơn 7000 đầu tạp chí và tập san trong 2011. Lượng phát hành của báo và tạp chí đã gia tăng gấp 4 lần từ giữa những năm 1960 đến năm 1987 là 310 triệu. Phần lớn các bài trên báo Global Times, và các clips quay lại TV từ IPheng đã đưa lên youtube các ý kiến sai lệch Biển Đông là của Trung Quốc! Một số các ấn phẩm chính thức của Trung Quốc như Global Times, Huanqiu in bằng tiếng Anh và tiếng Hoa được soạn thảo, quảng bá lâu dài, kiên trì cho quan điểm của Trung Quốc từ nhiều năm qua. Chỉ có một vài ý kiến từ truyền thông Trung Quốc phê phán đường lối bò, chưa được ASEAN tận dụng.²⁴ Theo thiếu tướng Lê Văn Cương, truyền thông ra ngoài của Trung Quốc đã lên tục tô hồng cho các chính sách của mình trong thời gian từ 2001 đến 2011²⁵.

Các kênh tiếng Anh của Trung Quốc quảng bá thái độ yêu hòa bình và nhân nhện của Trung Quốc tại biển Đông một cách kiên trì, với các thông điệp từ các trí thức sõi tiếng Anh đến nhân dân thế giới mô tả thái độ hữu nghị của Trung Quốc. Trung Quốc khẳng định chỉ tiến hành

²⁴ Học giả Hồng Kông chỉ trích đường chữ U và lập trường Biển Đông của Trung Quốc, Nghiên Cứu Biển Đông, 21/7/2011.

²⁵ 'Nếu dùng hải quân, Việt Nam sẽ mắc mưu Trung Quốc', Vnexpress.net, ngày 13/6/2011.

chiến tranh khi vào thế cùng như tại các cuộc chiến Triều Tiên 1953 và Việt Nam 1979²⁶!

Việt Nam có hơn 600 ấn phẩm trong nước và các chương trình truyền thanh và truyền hình từ ít lâu trước giai đoạn 1991 (năm bình thường hóa quan hệ). Các sản phẩm truyền thông này tôn trọng quan hệ Việt Trung để hướng tới tương lai. Qua kiểm tra, chúng tôi nhận thấy các ấn phẩm tiếng Anh và tiếng Hoa của Việt Nam ra thế giới (trước ngày 26/05/2011) là hoàn toàn ôn hòa, nhẫn nhịn với quan hệ Trung Việt, trong khi truyền thông và báo chí, tư liệu Trung Quốc thì đã chuyển đổi cách nhìn từ sau năm 1979 đến nay.²⁷ Có thể giải thích đó là vì Trung Quốc cần gây áp lực đối với Việt Nam trong vấn đề Campuchia, phục hồi tinh thần dân tộc sau sự kiện Thiên An Môn và chuyển hướng dư luận ra ngoài. Các nhà văn Trung Quốc cũng không ít người đi theo hướng mô tả cuộc chiến 1979-1989 như một cuộc chiến bảo vệ tổ quốc!²⁸ Từ sau 2005, các phản ứng về thái độ cứng rắn gia tăng của Trung Quốc với ngư dân Việt Nam cũng được diễn đạt bình thường trên các báo trong nước, vì Việt Nam cần hòa bình. Dù sao, hòa bình hoàn toàn khác với vẻ ngoài hòa bình nhưng phải nhẫn nhịn với bạo lực gia tăng.

Việc ASEAN/Việt Nam chưa quan tâm đúng mức *sức mạnh mềm truyền thông* sẽ khiến hạn chế cơ hội cải thiện hình ảnh và tìm kiếm ủng hộ quốc tế nhằm ngăn chặn bạo động từ trước. Điều nguy hiểm là nếu Trung Quốc chọn bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, chiến tranh sẽ tự hợp thức hoá sự tồn tại của nó. Quay lại chiến tranh Iraq, theo Joseph Nye: “ Ngay cả khi không đối đầu trực tiếp với sức mạnh quân sự của một siêu cường, các nước nhỏ mong rằng họ có thể cản trở Hoa Kỳ bằng cách làm cho Hoa Kỳ phải tốn kém nhiều hơn khi sử dụng quyền lực cứng. Cho dù không thể ngăn cản Hoa Kỳ phát động chiến tranh, nhưng bằng cách làm cho Hoa Kỳ mất tính hợp pháp thông qua nghị quyết thứ hai của Hội Đồng Bảo An, họ đã làm cho cuộc chiến tranh này tốn kém hơn.”²⁹ Bài học nước lớn nước nhỏ này đáng để ASEAN tham khảo. Tuy vậy, tại ví dụ này, nước lớn Mỹ vẫn còn cơ hội để tu chỉnh sức mạnh mềm còn Saddam Hussein- tháp cô bé miệng- thì không.

Sức mạnh mềm của truyền thông, bởi bị bỏ sót, xao nhãng hay triển khai kém, sẽ phải sắp hàng sau nhiều yếu tố khác và dẫn đến thất bại.

²⁶ *Việt Nam Khiêu Khích Trung Quốc?*, www.youtube.com, ngày 7/7/2011.

²⁷ Mậu Lân, *Mười Năm cuộc chiến Trung Việt*, NXB Tổng Cục 2.

²⁸ Mạc Ngôn, *Ma Chiến Hữu*, NXB Văn học, 2008.

²⁹ Joseph S.Nye Jr , *Soft Power*, tr.26: “*Even without directly countering the superpower’s military power, the weaker states hoped to deter the U.S. by making it more costly for us to use our hard power...they certainly made it more expensive*”.

Trong thế giới ngày nay, tất cả ba nguồn lực – quân sự, kinh tế và nguồn lực mềm - vẫn phù hợp ở các mức độ khác nhau trong các mối quan hệ khác nhau.

Văn hóa, thể thao

Hàng năm các nước ASEAN và các nước châu Á có tổ chức các giải đấu bóng đá như AFC Cup và SEA Games (xen kẽ hai năm một lần), Para Seagames cũng như tham dự các giải đấu khác như vòng loại World Cup, Asian Cup. Tại các cuộc tranh tài Đông Nam Á, các nước ASEAN, đặc biệt là các nước chủ nhà sẽ có dịp đưa ra những hình ảnh về đất nước, văn hóa, con người, trang phục truyền thống và thông điệp hòa bình, hợp tác giàu ý nghĩa.

Những lễ hội, festival tại các đô thị và cố đô lớn của ASEAN như Huế, Hạ Long, Tuần Châu, Chiangmai, Bangkok, nghìn năm Thăng Long, Hoa Hậu thế giới tại Nha Trang, Duyên dáng Việt Nam... nhằm xúc tiến du lịch, thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa nhân dân các nước cũng diễn ra liên tục. Song báo giới trong nước đã lên tiếng chỉ trích nhiều lễ hội diễn ra lầy đờ, thiếu chuẩn bị, không kế hoạch, tệ hơn là tiêu tiền vào những hạng mục phi văn hóa và bất chấp các bạn ASEAN và thế giới cần hiểu thêm về văn hóa, lịch sử của nước chủ trì.

Các lễ mừng năm mới của Thái Lan như Songkha, mừng năm mới và lúa mới của Campuchia như Đền-ta (tháng 4 hàng năm), Óc-ôm-bóc (tháng 11 hàng năm) cho thấy du khách đến các nơi này gia tăng đột biến vào các mùa lễ hội.

Đây là một sự phối hợp tiếp cận thị trường của các hãng hàng không, các chuỗi khách sạn, các công ty du lịch vốn nhanh nhạy trong nắm bắt các cơ hội thương mại. Về phía nhà quản lý, không chỉ Việt Nam mà các cơ quan xúc tiến du lịch ASEAN (trừ Thái Lan và Singapore) vẫn chưa tiếp cận tận dụng các cơ hội này. Tổng Cục du lịch Việt Nam cần có một kế hoạch xây dựng hình ảnh Việt Nam thông qua các chương trình và liên tục gửi các đoàn nghệ thuật trong trang phục và nhạc cụ dân tộc, nhạc cụ hiện đại sang các nước bạn nhân các dịp lễ này và tiến hành phục vụ.

Văn hóa phi vật thể và những hiện vật, di chỉ, di vật khảo cổ cần được quan tâm và bảo tồn đúng mức. Những vật thể thể hiện đời sống dân tộc qua bốn ngàn năm dựng và giữ nước chính là cuốn biên niên sử vĩ đại chứa những điều kỳ thú và có sức hấp dẫn lớn đối với giới khoa học và nhân dân thế giới.

Môi trường

Nơi đâu có vấn đề thì sẽ có giải pháp và phía đứng ra giải quyết sẽ nhận được sức mạnh mềm. Trong lần ghé Hà Nội năm 2010, Joseph Nye cho rằng Việt Nam nên đi đầu trong bảo vệ môi trường và vận dụng sự hiệu quả của công tác này làm mũi nhọn sức mạnh mềm.

Những thách thức chung về biến đổi khí hậu, nỗ lực bảo vệ sông Mê Kông, an ninh biển Đông Nam Á, ngăn chặn khủng bố, ứng phó sự cố tràn dầu, giảm thiểu đánh bắt thủy hải sản bằng chất nổ, bảo vệ rừng, an toàn vệ sinh thực phẩm, xử lý chất thải công nghiệp, ô nhiễm tiếng ồn, xử lý bùn bauxite...vv, sẽ là một khối lượng việc to lớn cho giới chức ASEAN.

Phát huy ý thức, kiến thức và ý chí để giải quyết các vấn đề này, sự phối hợp nghiêm túc giữa các chính phủ, giới khoa học và nhân dân ASEAN và những tổ chức môi trường thế giới. Các mâu thuẫn giữa tính nhân loại và chủ quyền quốc gia khi phối hợp giải quyết các công việc môi trường thường xuyên xảy ra. Các tổ chức độc lập hay thuộc LHQ như WWF, Greenpeace, FAO, OECD, GEF, UNEP là những bên có chuyên môn và cam kết cao tác động mạnh đến ý thức cộng đồng. Những trở ngại sẽ là các nhóm lợi ích, các chính quyền địa phương cục bộ, doanh nghiệp thiếu tinh thần bảo vệ môi trường và thậm chí đó là các cường quốc bất chấp lợi ích lâu dài của cộng đồng ASEAN. Nhà nước và công dân ASEAN, các khoa học gia và nhà hoạt động phải thấy rõ tầm quan trọng của môi trường. Đó là mái nhà chung để sinh tồn và là một lợi khí chống lại sức mạnh cứng và mềm của ngoại địch.

Nghiên cứu khoa học

Các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học hải dương, tầng địa chất có thể được gia tăng theo các cấp độ nhà nước, liên đại học, trao đổi sinh viên, học giả. Những đề tài có thể làm xích lại gần nhau và chia sẻ kinh nghiệm khoa học như khoa học về sinh thái, môi trường, hải dương học, ứng phó tràn dầu, sự cố thiên tai sẽ được quan tâm đặc biệt. Tận dụng tác động đến và từ các nhà khoa học có uy tín trên thế giới cũng là một cách để ASEAN phát huy môi trường học thuật của mình.

Các chương trình nghiên cứu hải dương của Việt Nam và Philippines (JOMSRE) đã tiếp diễn làm nhiều kỳ cho thấy việc hợp tác không lúc nào là không thể. Tiếng nói của khoa học, của sự thật khách quan và của nhận thức chung về quyền của nhân loại trước tài nguyên nhân loại sẽ góp phần đẩy lùi những khuynh hướng gây hấn dân tộc chủ nghĩa, bất chấp luật pháp quốc tế.

Việc mời các giáo sư đến trao đổi học thuật hoặc giảng dạy trong các nước ASEAN theo dạng VEF đối với các học giả Mỹ gần đây cũng

như việc trao đổi sinh viên giữa các đại học trong ASEAN sẽ góp phần nâng cao hiểu biết khoa học cũng như hiểu biết về văn hóa, dân tộc học và tôn trọng các khác biệt.

Tái định vị và củng cố ASEAN

Lịch sử ASEAN cho thấy đây là một liên kết thiên về hợp tác kinh tế và lòng lẽo trong liên kết xã hội do từng nước có một hệ thống giá trị khác nhau về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, địa lý, lịch sử, ý thức hệ... Những khác biệt này được san lấp bớt nhờ vào ý thức chính trị cao, nhờ những nỗ lực chung và nguyên tắc đồng thuận phát biểu. Nghịch lý ở chỗ nguyên tắc đồng thuận này bảo đảm cho các nước ASEAN không gian hành động riêng biệt song cũng mở cửa cho các tác động bên ngoài khỏi từ những cường quốc muốn thủ lợi riêng. Myanmar được Việt Nam hậu thuẫn vào ASEAN để gia tăng sự tôn trọng khác biệt ở các chế độ xã hội, song nước này có khuynh hướng thân Trung Quốc và do vậy phá vỡ những ý tưởng bảo vệ môi sinh sông Mê Kông hoặc đồng thuận trong bảo vệ hòa bình biển Đông.

Đương nhiên không thể có một khối ASEAN thống nhất tuyệt đối, song các nước có cùng quan tâm đến biển Đông, sông Mê Kông, chiến lược Chuối Ngọc Trai, bất bình đẳng thương mại có thể có những đồng thuận trong phát biểu, từ đó sẽ có thể hạn chế sức mạnh lấn ép của Trung Quốc. Tuyên bố chung 7 nước ASEAN³⁰, các phát biểu tại Hội nghị Tư lệnh Hải Quân ASEAN gần đây là một bằng chứng cho sức mạnh đoàn kết của ASEAN trước mối quan tâm chung đó là biển Đông trước cơn nguy chiến tranh. Toàn thể ASEAN sẽ không hy sinh vì lợi ích của một vài quốc gia đứng mũi trong các tranh chấp riêng rẽ, nhưng bản thân ASEAN sẽ là một sức mạnh mềm với sự đồng thuận của mình trước lợi ích chung như hòa bình, ổn định hay môi sinh khu vực.

Lịch sử của các cuộc chiến lớn cho thấy, các cường quốc trước khi gây chiến cũng sử dụng hiệu quả chiến thuật chia để trị hay hòa hoãn để tiến như Hiệp ước Molotov-Ribbentrop 23/08/1939, Hiệp ước München 23/09/1938, Hiệp ước Xô Trung 1950 rồi Hiệp định Geneve 1954, song nhân loại cũng không ngăn được thế chiến thứ hai, cuộc đối đầu Xô Trung với cao điểm 1969 và cuộc chiến Việt Nam thương tích triền miên.

Các chính trị gia hiện thực (realistic) của ASEAN không thể hoàn toàn trông chờ vào DOC, COC hay bất kỳ hiệp ước hữu nghị, gói viện trợ, sự trấn an từ nước lớn nào để bỏ ngõ phòng thủ về ngoại giao, chính trị, chủ quyền và quân sự, bởi hình ảnh UNCLOS 1982 bị coi thường đã

³⁰ Phan Lê, *7 nước ASEAN ra lời kêu gọi chung về Biển Đông*, Vnexpress.net, ngày 19/6/2011.

hiển nhiên trước mắt. ASEAN thấu hiểu cách lần chiếm ru ngủ đầy toan tính của Trung Quốc: quấy phá nhẹ dần tăng cao, trong hội nghị tuyên bố hữu hảo, trên biển triển khai tàu chiến dưới dạng ngư chính, tuyên truyền xâm sâu rộng với nhân dân Trung Quốc...

Ra đời năm 1967 với định hướng và tôn chỉ đoàn kết hành động, trưởng thành năm 1997 với sự chèo chống qua cơn bão tài chính, ngày hôm nay 2011, ASEAN có dịp tái định vị chính mình trước những thách thức lớn hơn, phức tạp hơn. ASEAN tái định vị trong bàn cờ chung, Việt Nam cần tái định vị trong ASEAN và trên trường quốc tế một cách từng quyền nhất để bảo đảm cho khối này và Việt Nam tối ưu hóa những lợi ích tương đồng và tối thiểu hóa những bất lợi nội tại và ngoại lai. Đó là vấn đề phải giải quyết cho trí thức và nhân dân Việt Nam hiện nay.

V. Kết luận

Nhận thức rõ và thực hiện xây dựng sức mạnh mềm trên cấp độ nhà nước, giới ngoại giao, doanh nghiệp, học thuật và nhân dân ASEAN là vấn đề cấp bách vì đây là công cụ hòa bình để bảo vệ hòa bình và phù hợp với nguồn lực của ASEAN và Việt Nam. Liên tục cập nhật thông tin sẽ có được tinh thần và toàn lực ASEAN để ứng phó thích hợp trước tình hình biến chuyển phức tạp và khó lường như giai đoạn 2011.

Để khép lại đề tài, xin trích dẫn Joseph Nye khi ông được hỏi cách nào để nhà làm chính sách học được sức mạnh mềm: “Mọi chính trị gia cần nhớ ban đầu ông đã vươn được tới vị trí đó bằng cách nào. Một ứng viên trẻ chạy đua vào Quốc hội hay bất cứ ai quan tâm tới chính trị chỉ đạt được điều đó bằng quyền lực mềm. Họ không thể buộc ai đó bỏ phiếu cho mình. Họ cần thuyết phục được những cử tri tiềm năng của mình, họ cần phải tiến hành gây quỹ, họ phải là các ứng viên hấp dẫn. Dân chủ là môi trường tốt nhất để học về quyền lực mềm.”³¹

Tầm quan trọng của sức mạnh mềm cần được hỗ trợ bởi truyền thông tích cực và kiên trì đến khắp thế giới và cần tìm ra các tác động từ ngoài ASEAN trở lại. Có được sự tác động ngược lại về khoa học, văn hóa, nghệ thuật, ứng xử, bảo vệ môi trường, an toàn sinh quyển từ các nước trên thế giới, sức mạnh mềm của ASEAN và Việt Nam sẽ bảo đảm một vũ khí khoan dung và văn minh để làm đối trọng với sức mạnh cứng và bạo lực không chỉ đến từ Trung Quốc mà thôi.

Lời cảm ơn

Cảm ơn TS Trần Hữu Dũng, TS Ngô Vĩnh Long, TS Giáp Văn Dương đã tạo điều kiện. Cảm ơn anh Nguyễn Anh Tuấn đã gợi ý nghiên

³¹ Cha đề thuyết “Sức mạnh mềm đến Việt Nam, www.mait.vn, ngày 7/1/2011.

cứu Sức mạnh mềm. Xin cảm ơn các bạn Võ Trung Hiếu, Nguyễn Phan Xuân Thủy, Phạm Ngọc Nam và Trần Vinh Dự đã giúp đỡ hoàn thành bài viết.

Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong phương chí Trung Hoa

Phạm Hoàng Quân

Tóm tắt: *Khảo luận này bước đầu đặt vấn đề nghiên cứu có hệ thống các sách Phương chí, một loại hình trữ tác quan trọng trong thư tịch cổ Trung Hoa, bao gồm Nhất thống chí, Tinh chí và Địa phương chí. Phương chí nói chung là loại sách lịch sử địa lý tự nhiên và nhân văn chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về núi sông, biển cả, hải đảo, thiên văn khí hậu, đường sá thủy bộ, thành trì, các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, các dữ liệu về kinh tế, văn hoá, xã hội và nhân vật...*

Các thống kê trong và ngoài Trung Hoa cho thấy Phương chí cổ hiện còn khoảng nửa triệu quyển, ngành Phương chí học đã hình thành vài mươi năm. Khảo luận này căn cứ vào các biên chép thuộc không gian cực nam Trung Hoa để khảo sát cương vực địa lý và sự quản lý hành chính phía các nơi phía đông nam tỉnh Quảng Đông và vùng biển đảo phía nam Quỳnh Châu (Hải Nam).

Kết quả khảo sát nguồn tư liệu phương chí cho thấy, trong khoảng hơn ngàn năm, các nhà nước quân chủ từ thời Đường đến Thanh chỉ giới hạn cương vực biển phía nam đến khoảng 18 độ vĩ bắc, thuộc địa bàn châu Nhai, việc quản lý hành chính và quân sự đến các đảo ngoài khơi cách trị sở châu Nhai khoảng 10 km.

Từ khóa: Phương chí, Nhất thống chí, Tinh chí, Địa phương chí, Việt Nam, Trung Quốc, Biển Đông.

© 2011 Thời Đại Mới

1. Đề dẫn

Chủ đề về phương chí Trung Hoa đã được trình bày tổng quan và in trên một tuần san trước đây¹, khảo luận này được phát triển trên cơ sở ấy,

¹ Bài viết “Tây Sa và Nam Sa chưa từng được ghi nhận trong lịch sử phương chí Trung Hoa”, Tuổi Trẻ Cuối Tuần, số 42 - 2010, ngày 24/10/2010.

với hai mục đích. Thứ nhất, nhằm tìm hiểu về một loại hình trữ tác rất đặc biệt trong kho thư tịch cổ Trung Hoa; thứ hai, nhằm vào việc sưu tập và nghiên cứu các tư liệu cổ liên quan đến biển Đông.

Xét về giá trị, phương chí là loại sách lịch sử địa lý tối trọng yếu trong kho tàng văn hiến Trung Hoa, thường được biên soạn công phu, in ấn với số lượng rất hạn chế và bị mất mát cũng khá nhiều, các nước phương Tây và Nhật xem loại sách này như là những tài liệu cơ bản để nghiên cứu địa - chính trị cổ đại. Thống kê năm 1958 của Chu Sĩ Gia trong *Trung Quốc địa phương chí tổng lục* cho thấy 41 thư viện lớn ở đại lục giữ được 7.413 tựa (109.143 quyển), phần lớn tập trung ở Bắc Kinh², việc thu thập phương chí cổ vẫn duy trì và đến năm 1985, tổng số tăng thêm với khoảng 8.200 tựa³. Những năm chiến tranh cuối Thanh đầu Dân Quốc, khoảng hai phần ba số sách phương chí cổ đã về tay người nước ngoài. Theo những số liệu thống kê trước năm 1980, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ giữ 3.750 tựa (khoảng 60.000 quyển), Thư viện Viện Yên Kinh Đại học Harvard giữ 3.525 tựa, Thư viện Viễn Đông Đại học Chicago giữ 2.700 tựa, thư viện các đại học Anh Quốc giữ 2.516 tựa, thư viện các đại học Nhật Bản giữ 2.866 tựa, thư viện các đại học châu Âu giữ 2.590 tựa⁴,... Trước đây, ông Joseph Needham⁵, một chuyên gia về lịch sử văn minh Trung Hoa, Hội trưởng Hiệp hội tìm hiểu Anh - Trung tại Anh Quốc nói: “Nền văn hóa cổ đại của Hy Lạp cho đến cận đại của Anh Quốc đều không để lại được trong kho tàng văn hiến của mình một loại hình trữ tác tương tự như phương chí Trung Quốc”⁶.

Trong kho tàng thư tịch cổ Trung Hoa, các chuyên mục địa lý chí trong chính sử tuy liên tục và có hệ thống, nhưng chỉ chú trọng địa lý

² Dẫn lại Trần Chính Tường 陳正祥, *Trung Quốc phương chí đích địa lý học giá trị*, [中國方志的地理學價值 / Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih], Luận văn Tiến sĩ, Hương Cảng Trung văn đại học, 17/2/1965, (chú thích 4, tr.3).

³ Theo *Trung Quốc Địa phương chí liên hợp mục lục*, Trung Hoa Thư cục, Bắc Kinh, 1985.

⁴ Theo Chu Sĩ Gia, *Mỹ Quốc Quốc hội Đồ thư quán tàng Trung Quốc phương chí mục lục*, 1942; Viện Nghiên cứu Phương Đông và Châu Phi Đại học Luân Đôn, *Anh Quốc các đồ thư quán sở tàng địa phương chí tổng mục lục*, 1979; Nhật Bản Quốc hội Đồ thư quán, *Nhật Bản chủ yếu Đồ thư quán, Nghiên cứu sở tàng Trung Quốc địa phương chí tổng hợp mục lục*, 1969; Ngô Đức Minh, *Áu châu các quốc đồ thư quán sở tàng Trung Quốc địa phương chí mục lục*, 1957.

⁵ Tác giả *Lịch sử Khoa học kỹ thuật Trung Quốc* (5 quyển), *Science and Civilisation in China*, Cambridge University Press, 1956.

⁶ Dịch từ bản Trung văn, theo Lâm Diển Kinh, *Trung Quốc địa phương chí*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1996. [林衍經. 中國地方志. 上海古籍出版社].

hành chính⁷, muốn tìm hiểu cặn kẽ và chi tiết về hiện trạng tự nhiên và nhiều mặt hoạt động của những địa phương thì phải tìm đến phương chí. Phương chí là nơi chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, về núi sông thành trấn, đường sá thuỷ bộ, dữ liệu kinh tế, tình hình văn hoá, nhân vật..., với những đặc tính mang nhiều ưu điểm như vậy, phương chí cũng được xem là sách lịch sử địa phương. Loại hình phương chí ra đời sau chính sử [địa lý chí], sau các chuyên thư về địa lý – du ký và sau việc soạn vẽ địa đồ, và do phối hợp, phát triển từ các loại hình này cộng thêm việc ghi chép chi tiết về tình hình xã hội, kinh tế và văn hoá nên dần dần nó trở thành loại sách công cụ để các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương theo dõi tình hình đất đai, nhân sự, công sở, binh bị, giao thông, văn hóa, kinh tế, sản vật...thuộc địa bàn được đề cập.

Trong khảo luận này, tôi sẽ giới thiệu tổng quan về các bộ phương chí được thực hiện do sự chỉ đạo của hoàng đế các triều đại Trung Hoa, cùng với những phương chí tư tuyền nhưng được triều đình thừa nhận và được học giới đề cao. Về *tổng chí* sẽ khảo sát các bộ qua các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh; về *thông chí* sẽ khảo sát các bộ thuộc địa bàn Quảng Đông; về *địa phương chí* sẽ khảo sát bộ viết về đảo Quỳnh Châu. Bên cạnh phần tổng quan là phần trích dịch các phần/mục có liên quan đến cương giới biển phía cực nam Trung Hoa. Do đặc tính kế thừa trong việc biên soạn phương chí, nhiều nội dung bị trùng lặp sẽ chỉ chọn dịch mẫu đại diện.

2. Khái niệm và đặc tính phương chí

Phương chí 方志 [誌], với nghĩa *chép rõ về một nơi*, là thuật ngữ để gọi chung cho loại sách lịch sử địa lý mang tính đặc thù của Trung Quốc. Tên gọi phương chí được biết đến sớm nhất qua sách Chu Lễ 周禮, thiên Địa Quan 地官 trong sách này cho biết chức quan Thổ Huấn 土訓 coi về địa đồ, chức quan Tụng Huấn 誦訓 coi về phương chí, trong bối cảnh thời nhà Chu, phương chí được hiểu giới hạn trong việc thu thập thông tin về sông núi, phong tục, vật sản, ngôn ngữ bốn phương gần xa, ở triều đình, quan Tụng Huấn có nhiệm vụ giải đáp thắc mắc cho Hoàng đế trong lĩnh vực này, khi Hoàng đế đi tuần, quan Thổ Huấn và quan Tụng Huấn đi hầu bên xe⁸. Phương Tây cũng có loại hình trí tác gần giống với phương

⁷ Phạm Hoàng Quân, *Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1, 2011 [trang 44- 88].

⁸ Chu Lễ, Địa Quan, Tụng Huấn, *Thập tam kinh chú sớ*, cuốn Thượng, *Chu Lễ chú sớ*, tr.747. Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, 1979.

chí Trung Hoa là loại sách nghiên cứu khu vực [regional study], tuy nhiên việc phân bố đề mục và tiêu chí thu thập tư liệu giữa hai loại có nhiều điểm khác biệt. Do không có thuật ngữ tương đương nên trong Anh ngữ, từ phương chí thường được chuyển ngữ theo hình thức nắm bắt tính chất, có khi là gazetteer [trong hệ thống thư mục của Harvard-Yenching, 1975], hoặc local topography [Joseph Needham, 1959; Oxford, A.S. Hornby, 1977], hoặc local records [Chinese-English Dictionary, CPI, 2007], hoặc local gazetteer [Chen, Hong Kong, 1965]⁹, hoặc the economic development and geographical changes [Chen, W. Germany, 1962]¹⁰. Trong tiếng Việt, xưa dùng các từ dư địa chí, chí, nay thông dụng từ địa chí, các từ này có thể xem là tương ứng với phương chí.

Về đại thể, có thể chia phương chí làm 3 loại: 1/ tổng chí總志(chép về cả nước); 2/ thông chí通志(chép về một tỉnh); 3/ địa phương chí地方志(chép về phủ, sảnh, châu, huyện, hương, trấn...). Phần nhiều các bộ tổng chí và thông chí được tiến hành qua chỉ dụ của hoàng đế, được thực hiện bởi sự chỉ đạo và tham gia trực tiếp của các đại thần và quan đứng đầu địa phương. Các địa phương chí thì được thực hiện tự phát, thường là bởi các vị quan trấn nhậm tài giỏi có tinh thần chú trọng thực học, họ biên soạn địa phương chí với nhu cầu đào luyện và phát huy kiến thức, khi hoàn thành, đa số các công trình này được dâng lên hoàng đế coi xét, những bộ địa phương chí tốt sẽ được sử dụng như là tài liệu tham khảo cho hoàng đế và đình thần, một mặt cũng làm cơ sở dữ liệu cho việc biên soạn tổng chí hoặc thông chí và tác giả của chúng được xem là người cai trị nắm bắt sâu sát tình hình địa phương với sự ưu ái hơn trong việc đề bạt thăng tiến.

Tổng chí tương đối hoàn chỉnh [*Nguyên Hòa Quận huyện đồ chí*, năm 813] xuất hiện sau loại hình chính sử [*Sử ký*, ~ năm 100 tr.cn] gần một ngàn năm. Thông chí khá hoàn chỉnh của một số tỉnh được thực hiện thời Minh, cho khắp các tỉnh toàn Trung Hoa được lệnh thực hiện năm 1729 [Thanh, Ung Chính năm thứ 7], nhiều bộ thông chí được soạn nối thêm [tục tu, trùng tu] đến 5, 6 lần.

Trong thư mục truyền thống [kinh-sử-tử-tập], phương chí các loại thuộc Sử bộ, Địa lý loại; tổng chí xếp vào Địa lý loại - Tổng chí, thông

⁹ Xem chú thích 2. Trong tiêu đề luận văn của mình, Trần Chính Tường [Cheng-siang Chen] không chuyển nghĩa từ phương chí sang Anh ngữ mà dùng cách phiên âm [fang-chih], riêng trong bài tóm tắt bằng Anh ngữ ở cuối luận văn, ông viết rằng “có thể gọi phương chí là local gazetteer” (tr. 45).

¹⁰ Xem thêm chú thích 2 & 8, Trần Chính Tường, *Đài Loan địa chí*, Đài Bắc 1959, 1960, 1961. Bản Anh ngữ 1962.

chí và địa phương chí xếp vào Địa lý loại- Đô hội quận huyện¹¹. Thư viện Đại học Thanh Hoa phối hợp phương pháp phân loại thập tiến Dewey với phương pháp phân loại truyền thống kinh-sử-tử-tập, xếp loại sách phương chí thuộc Sử bộ, tổng chí vào nhóm mã số 300, thông chí và địa phương chí vào nhóm mã số 310. Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ xếp phương chí vào nhóm Địa lý và Nhân loại học [nhóm ký hiệu G.]¹². Thư viện Quốc hội và các đại học Nhật Bản xếp phương chí vào nhóm Sử [nhóm VII], loại Dư địa [loại 5]¹³.

3. Tổng chí

Dựa vào tính chất và thể lệ trong nội dung thiên Vũ Cống sách *Thượng Thư*¹⁴ đã số học giả cho rằng đây là mô thức sơ khởi của loại hình tổng chí. Vũ Cống xuất hiện trong bối cảnh nhà Hạ (2205 tr.cn-1766 tr.cn), nội dung viết rằng sau khi làm xong công việc trị thủy, “vua Vũ chia đất làm chín châu, dựa theo thể núi, dẫn cây làm dấu, định các núi cao sông lớn”¹⁵. Chín châu được phân chép cụ thể gồm: 1/ Ký châu 冀州, nay ở khoảng tỉnh Sơn Tây, 2/ Duyện Châu 兗州, khoảng Sơn Đông, 3/ Thanh châu 青州, khoảng Sơn Đông, 4/ Từ châu 徐州, khoảng Giang Nam, 5/ Dương châu 揚州, khoảng Giang Nam, 6/ Kinh châu 荊州, khoảng Hồ Nam và Hồ Bắc, 7/ Dự châu 豫州, khoảng Hà Nam, 8/ Lương châu 梁州, khoảng Tứ Xuyên, 9/ Ung châu 雍州, khoảng Thiểm Tây và Cam Túc. Mỗi châu chép về các đối tượng: mạch núi lớn, dòng chảy sông lớn, thổ nhưỡng, sản vật, thuế ruộng đất, giao thông và các tộc dân. Nhà Hạ trong lịch sử Trung Hoa thuộc vào thời đại nửa truyền

¹¹ Theo *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục*, (Thanh) Vĩnh Dung chủ biên, Tào Diệp Sơn Phòng thạch ấn bản, 1919.

¹² Du Sáng Mê, *Đồ thư quán học thông luận*, Chính Trung thư cục, Đài Bắc, 1953. Chương 15, Đồ thư đích phân loại, tr.108-132. [俞爽迷. 圖書館學通論. 正中書局印行, 臺北, 1953].

¹³ *Hán tịch từng thư sở tại mục lục*, Đông Dương văn khố, 1965. [漢籍叢書所在目錄, 東洋文庫 等, 東京都, 昭和41].

¹⁴ Còn gọi là *Kinh Thư*, một trong năm kinh của Nho gia. Sách này, về thời điểm xuất hiện có nhiều giả thuyết, và mặt khác, trong nội dung của nó nhất là địa bàn chín châu đề cập trong thiên Vũ Cống cũng có nhiều ý kiến khác nhau về sự tương ứng với các vùng đất hiện nay, trong khảo luận này tôi tạm chấp nhận theo cách diễn giải mà số đông trong học giới Trung Quốc đang chấp nhận.

¹⁵ “禹敷土隨山刊木奠高山大川” 禹貢, 夏書 - 尚書 [十三經注疏, 尚書正義卷六, 頁34], nguyên văn, trích Vũ Cống, phần Hạ Thư, sách *Thượng Thư* [trong *Thập tam kinh chú sớ, Thượng Thư chính nghĩa*, quyển 6, tờ 34. Bản Trung Hoa thư cục 1979, quyển Thượng, tr.146].

thuyết nửa tín sử, và sách *Thượng Thư* chỉ được biết đến vào thời Hán, tức chép lại sự việc lưu truyền từ hai ngàn năm trước, vì vậy chỉ nên xem *Thượng Thư* là nơi bày tỏ thế giới quan của người thời Tần, Hán. Tên gọi “Vũ Công” với nghĩa “việc nộp cống thời vua Vũ”, qua việc phân hoạch vùng miền để áp định mức thuế, nội dung phần viết này gián tiếp diễn tả sơ lược nhưng có hệ thống tình hình địa lý tự nhiên và nhân văn của nước Trung Hoa thời nhà Hạ. Lời văn trong thiên Vũ Công ngắn gọn, việc phân bố đất đai thành chín **châu** được coi là mô thức để các triều đại sau này phân cấp **bộ**, **châu**, **đạo** và hiện nay gọi là **tỉnh**, các ghi chép phản ánh tình hình của từng châu như được tuân thủ theo một đề cương nhất quán, tạm đủ để người sau dựa vào đó mà triển khai thành mô hình tổng chí.

Từ Hán đến Tùy, các ghi chép theo mô hình tổng chí đều không còn, trong bộ chính sử *Tùy thư*, phần Kinh tịch chí còn lưu vài tên sách và trong lời bạt cho tiểu mục sử bộ - địa lý loại cũng dẫn hai bộ tổng chí tiêu biểu đương thời là *Khu vũ đồ chí* và *Chư Châu đồ kinh*¹⁶. Năm Đại Nghiệp thứ năm (609), Thôi Trách nhận chiếu thực hiện *Khu vũ đồ chí* 區宇圖志, 250 quyển, khi hoàn thành, Tùy Dạng đế cho là chưa đạt, lại lệnh cho Ngu Thế Cơ 虞世基 và Hứa Thiện Tâm 許善心 soạn thêm, tăng lên thành 600 quyển¹⁷. *Khu vũ đồ chí* nay không còn, các ghi chép về nó như tên tác giả, số quyển cũng bất nhất, người thời Thanh là Vương Mô trong *Hán Đường địa lý thư sao* viết một đoạn văn mô tả *Khu vũ đồ chí* và chỉ sưu tập được 3 điều từ sách này do *Thái Bình ngự lãm* trích lục và 3 điều do *Thái Bình hoàn vũ ký* trích lục¹⁸. *Chư Châu đồ kinh* 諸州圖經 hay còn gọi là *Tùy châu quận đồ kinh*, 100 quyển 隋州郡圖經一百卷 của Lang Úy Chi 郎蔚之 còn lưu lại được phần nội dung khá hơn *Khu vũ đồ chí*, trong *Thái Bình ngự lãm* giữ được 120 điều, *Thái Bình hoàn vũ ký* giữ được 128 điều và *Dư địa quảng ký* giữ được 9 điều, *Sự văn loại tự* giữ được 1 điều, cộng chung trong 62 trang bản in khắc¹⁹. Các điều còn sót lại từ *Chư châu đồ kinh* lẻ lẻ, không trọn vẹn cho châu, quận nào, có nhiều chi tiết cho thấy do người thời Đường

¹⁶ *Tùy thư*, quyển 33, Chí 28, Kinh tịch 2. Bản THPTC, cuốn 4, tr.987.

¹⁷ *Tùy thư*, quyển 77, Liệt truyện thứ 42, Truyện Thôi Khuếch 崔廓 và con là Thôi Trách. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 6, tr.1757. Truyện Thôi Trách chép *Khu vũ đồ chí* 250 quyển, nhưng ở quyển 33, Nghệ văn chí [coi chú thích 16] cũng chép tên sách *Khu vũ đồ chí* nhưng số quyển thì chép chỉ có 129.

¹⁸ Tham khảo *Hán Đường địa lý thư sao*, (Thanh) Vương Mô, Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, Bắc Kinh, 1961. Tr. 206, *Ngũ Mậu -Tùy - Khu vũ đồ chí*. Trong sưu tập của Vương Mô, tác giả *Khu vũ đồ chí* được chép là Ngũ Mậu [tức Ngũ Thế Cơ], tức là người biên soạn lại lần sau.

¹⁹ *Hán Đường địa lý thư sao*, sđd, tr.207-223.

chép thêm vào²⁰ và không có điều mục liên quan đến cương giới cực nam.

Thời Đường, tổng chí khá hoàn chỉnh đầu tiên được biên soạn vào đời Đường Hiến Tông 唐憲宗, do Tể tướng Lý Cát Phủ 李吉甫, làm xong năm 813, nhằm năm Nguyên Hòa thứ 8, nhân đó gọi tên *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*²¹. Lý Cát Phủ (758- 814) tự Hoằng Hiến 弘憲, người huyện Tân Hoàng đạo Hà Bắc. Từng giữ các chức Thái thường bác sĩ, Trung thư thị lang, nhiều năm trấn nhậm địa phương, hai lần giữ chức Tể tướng [vào năm Nguyên Hoà thứ 2 và thứ 6], Đại học sĩ Tập Hiền viện, Giám tu quốc sử.

Nguyên Hòa quận huyện đồ chí 元和郡縣圖志 là tên gọi ban đầu, theo lời tựa của Lý Cát Phủ thì sách này có các địa đồ đính kèm, nên tên sách có chữ đồ, về sau, phần địa đồ không còn, nên tiêu đề trong mục lục “Tứ khố toàn thư - Sử bộ” viết là *Nguyên Hòa quận huyện chí*. Phần đề yếu sách này trong Tứ khố cũng cho biết “trước đây có 47 bức địa đồ ở đầu phần viết về các trấn, đến thời Tống thì mất”. Đây là bộ tổng chí được liệt hạng xưa nhất, gồm 40 quyển (nay chỉ còn 34 quyển), phản ánh cơ cấu hành chính 10 **đạo** đã thiết lập năm đầu Trinh Quán (627) và việc chuẩn định phân cấp **phủ, châu, huyện** vào năm Trinh Quán thứ mười ba (639). Bộ cục sách lấy đơn vị hành chính cấp Đạo, Phủ làm cương, mô tả tổng quan lịch sử diên cách, địa giới hiện tại [tứ chí bát đảo], tổng số hộ, thuế thu bằng sản vật; kế đến là phân chép về từng Châu, Huyện, trong mỗi châu/ huyện phân mục chép về khoảng cách đến lý sở chủ quản, dặm đường đến bốn nơi xung quanh, lịch sử diên cách, sông núi, thành trấn, di tích, vật sản. Bắt đầu là Kinh Triệu phủ 京兆府 [đế đô, Tây An] thuộc Quan Nội đạo 關內道 chép lần lượt các đạo, đến cuối cùng là Lũng Hữu đạo 隴右道. Lĩnh Nam đạo 嶺南道 phân chép trong 5 quyển [từ quyển 34 đến 38], Lĩnh Nam đạo 2 (quyển 35) nằm trong số 6 quyển đã mất, chỉ còn lưu được mục lục tên các châu, qua danh mục 15 châu này thấy có 5 châu Nhai 崖, Quỳnh 瓊, Chấn 振, Đàm 儋, Vạn An

²⁰ *Hán Đường địa lý thư sao*, sđd, tr.209, *Tùy châu quận đồ kinh* có đoạn viết: “Năm thứ 3 niên hiệu Hiến Khánh (nhà Đường), cắt 30 dặm Đương Châu, nơi giáp giới huyện Tả Phong với đất Đường Xuyên, nhân đó có tên Đường Châu.”, đồng thời có nhiều đoạn khác đề cập việc dựng đặt của nhà Đường sau này, cho thấy sưu tập này không thuần là sách thời Tùy.

²¹ *Nguyên Hòa Quận Huyện Đồ Chí*, Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880), [元和郡縣圖志, 三十四卷 - 金陵書局校刊, 光緒六年工竣], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. Ⅱ 5- 136 [34 quyển, đóng thành 8 cuốn]. Độc giả cũng có thể tham khảo bản in chụp từ bản Văn Uyên Các [thuộc Tứ Khố Toàn Thư], Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1983. Hoặc bản in của Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1983 [trong *Tùng san Trung Quốc cổ đại địa lý tổng chí*].

萬安 là nằm trên phần đất đảo Hải Nam, so với Địa lý chí trong *Cựu Đường thư* thì số châu tương đồng²².

Vài học giả thời Thanh đã tham khảo các tài liệu xuất hiện trước sau thời Đường để viết thêm bộ *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí* 元和郡縣補志²³ [viết tắt *Bổ chí*] nhằm phục dựng 6 quyển đã mất trong *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*. *Bổ chí* hoàn thành năm Càn Long thứ 40 (1775) do hai cha con Nghiêm Quan 嚴觀, Nghiêm Tiến Phủ 嚴進甫 kế thừa sơ cáo của Uông Sĩ Hoành 汪士鋐²⁴. *Bổ chí* cho thấy đảo Quỳnh [Hải Nam ngày nay] vào đời Đường gồm 5 châu Nhai, Quỳnh, Chấn, Đam, Vạn An, đều thuộc đạo Lĩnh Nam.

Trích dịch:

Trích mục lục *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí*

Lĩnh Nam đạo.....

Nhai Châu, [3 huyện] Xá Thành, Trùng Mại, Văn Xương.

Quỳnh Châu, [5 huyện] Quỳnh Sơn, Lâm Cao, Tăng Khẩu, Lạc Hội, Nhan La.

Chấn Châu, [5 huyện] Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn.

Đam Châu, [5 huyện] Nghĩa Luân, Xương Hoá, Cẩm Ân, Lạc Trường, Phú La.

Vạn An Châu, [4 huyện] Vạn An, Lăng Thủy, Phú Vân, Bác Liêu.

[嶺南道...崖州：舍城，澄邁，文昌。瓊州：瓊山，臨高，曾口，樂會，顏羅。振州：寧遠，延德，吉陽，臨川，落屯。儋州：義倫，昌化，感恩，洛場，富羅。萬安州：萬安，陵水，富雲，博遼。]²⁵

Trích dịch phần viết về châu Chấn [châu ở cực nam đảo Quỳnh]

Châu Chấn [Chấn châu], 819 hộ. (án)²⁶, Đất này với quận Châu Nhai cùng thuộc quận Lâm Chấn trong đời Tuỳ Đại Nghiệp, lại gọi quận Ninh

²² Tham khảo *Cựu Đường Thư*, quyển 38, Chí 18, Địa Lý 1, Tổng luận. Bản THTC cuốn 5, tr.1384,1385.

²³ *Nguyên Hòa Quận Huyện bổ chí*, bản in khắc Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882). [元和郡縣補志，九卷 - 光緒八年二月，金陵書局刊行]，tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 几 5- 136 - 9.

²⁴ Theo lời tựa của Lu Văn Siêu 盧文弢 trong *Nguyên Hòa Quận Huyện bổ chí*, sđd.

²⁵ Trích *Bổ chí*, sđd, phần Lĩnh Nam đạo, tờ 1.

Viễn. [nhà Đường] Năm Võ Đức thứ năm [622] đặt châu Chấn, năm đầu Thiên Bảo [742] đổi làm quận Lâm Chấn, năm đầu Càn Nguyên [758] đặt trở lại là châu Chấn.

Địa giới, tám nơi đến:

Bắc đến Thượng Đô²⁷ 8.606 dặm

Bắc đến Đông Đô²⁸ 7.797 dặm

Đông đến châu Vạn An 160 dặm

Nam đến biển lớn 7 dặm

Tây đến châu Đam 420 dặm

Bắc đến châu Quỳnh 450 dặm

Đông nam đến biển lớn 27 dặm

Tây nam đến biển lớn 10 dặm

Tây bắc đến huyện Diên Đức 90 dặm

Đông bắc đến châu Quỳnh 450 dặm

Thuế nộp: vàng, mâm [nia] mây 5 màu, vải dệt sợi mộc miên [hoa gạo] để bày thức ăn.

Quản lý 5 huyện : Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn.

Huyện Ninh Viễn. (án), Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên đều là đất huyện Lâm Trần thuộc quận Uất Lâm thời Hán, thời Tùy có đặt diêm [trường] ở huyện này.

Sông Ninh Viễn đến huyện trị 1 dặm (nguyên văn)²⁹.

Huyện Diên Đức, phía tây đến châu trị 70 dặm.

(án), huyện này đặt thời Tùy, thuộc châu Nhai; thời Đường thuộc châu Chấn.

Sông Diên Đức đến huyện trị 1 dặm (nguyên văn)

Huyện Cát Dương, đông bắc đến châu trị 90 dặm.

²⁶ Phần viết sau chữ (án) trong nguyên tác là lời xét của người soạn tập, tức của Nghiêm Quan hoặc Nghiêm Tiễn Phủ.

²⁷ Thượng Đô, tức phủ Kinh Triệu, nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây.

²⁸ Đông Đô, tức phủ Hà Nam, nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam.

²⁹ Phần được viết trước chữ (nguyên văn) tức là phần còn sót lại từ *Nguyên Hòa Quận Huyện đồ chí*, được các tác giả *Bổ chí* giữ nguyên.

Năm Trinh Quán thứ hai [628] đặt làm huyện, tách từ Ninh Viễn (nguyên văn)

Huyện Lâm Xuyên, đông nam đến châu trị 80 dặm.

(án), huyện đặt thời Tùy, thuộc châu Nhai. Vốn xưa là huyện Lâm Trần. Năm [Tùy] Khai Hoàng thứ mười [590] lấy huyện này ban cho Tiền Phu nhân ở Cao châu làm ấp thang mộc, sau bỏ [lệnh ấy], trong niên hiệu Đại Nghiệp [605-617] lại đặt làm huyện. Thời Đường đổi tên huyện là Lâm Xuyên.

Huyện Lạc Đôn, đông bắc đến châu trị 200 dặm.

(án), huyện này đặt sau niên hiệu Thiên Bảo [742-756].

[振州, 戶八百一十九. 案

土地所屬與珠崖郡同隋大業中爲臨振郡又曰寧遠郡.

武德五年置振州, 天寶元年仍爲臨振郡, 乾元元年復爲振州

州境, 八到

北至上都八千六百六里

北至東都七千七百九十七里

東至萬安州百六十里

南至大海七里

西至儋州四百二十里

北至瓊州四百五十里

東南至大海二十七里

西南至大海十里

西北至延德縣九十里

東北至瓊州四百五十里

貢賦, 貢: 金, 五色藤盤, 斑布食單

管縣五: 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川, 落屯

寧遠縣, 案寧遠, 延德, 吉陽, 臨川皆漢臨塵縣地屬鬱林郡, 此縣隋置有鹽

寧遠水去縣一里 原文

延德縣, 西至州七十里. 案隋置縣屬崖州唐屬振州

延德水去縣一里 原文

吉陽縣, 東北至州九十里. 貞觀二年析寧遠置 原文

臨川縣, 東南至州八十里, 案

縣隋置屬崖州本臨塵故縣也開皇十年以縣賜高涼* [州]

洗夫人爲湯沐邑後廢大業中又置唐改名臨川

落屯縣, 東北至州二百里. 案 天寶後置]

[元和郡縣補志, 卷八, 嶺南道, 頁21,22]³⁰

Cũng trong thời Đường, trước niên hiệu Nguyên Hoà đã có ba bộ tổng chí. Bộ thứ nhất là *Quát địa chí* do Lý Thái chủ biên [李泰, 括地志], hoàn thành năm Trinh Quán thứ mười sáu (642), bộ này mất gần hết, nguyên tác 550 quyển nay chỉ còn 8 quyển. Bộ thứ hai là *Thập đạo thuật* của Tể tướng Giả Đam [賈耽, 十道述], làm xong trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-804), cũng bị mất gần hết, những ghi chép tàn sót được tập hợp bởi Vương Mô trong *Hán Đường địa lý thư sao*, với tiêu đề *Giả Đam quận quốc huyện đạo ký* [賈耽郡國縣道記]. Bộ thứ ba biết được qua tài liệu Đôn Hoàng, phần văn thư, số hiệu 518, bộ phận Địa chí tàn sót có một xấp ghi chép mang hình thức tổng chí, các nhà khảo cổ xác định tài liệu này được làm ra trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-755), do đã mất phần tên sách, nên tài liệu này được học giả Hương Đạt 向達 – người đầu tiên khảo sát - đặt tên là *Đường Thiên Bảo sơ tàn địa chí*³¹. Một khảo thích cận kề của Vương Trọng Lạc về nhiều tài liệu phương chí tìm được ở động Đôn Hoàng được xuất bản năm 1993, trong đó *Đường Thiên Bảo sơ tàn địa chí* được gọi là *Đường Thiên Bảo sơ niên địa chí tàn quyển khảo thích*³², đoạn tư liệu liên quan đến châu Chấn chỉ còn 35 chữ, gồm tên châu Chấn, quận Diên Đức, 4 huyện Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương và La Xuyên [viết sai từ Lâm Xuyên], số hương và số thuế thu. Trích dịch đoạn dưới đây gồm nguyên văn gõ lại từ bản Đôn Hoàng và phần hiệu điểm, khảo thích của Vương Trọng Lạc:

“Khảo thích tài liệu địa chí tàn sót những năm đầu niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường.

...

³⁰ Trích *Bổ chí*, sđd, phần Lĩnh Nam đạo, quyển 8, tờ 21, 22.

³¹ Nguyên văn tiêu đề “唐天寶初殘地志” có nghĩa là “Địa chí còn sót thời đầu niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường”. [và tiêu đề này còn vài cách gọi khác nữa].

³² 敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲華 著- 鄭宜秀 整理, 上海古籍出版社, 1993. *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, Trung Hoa học thuật tùng thư, Vương Trọng Lạc trứ- Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1993. Sách này tập hợp 14 sách phương chí- địa lý tàn khuyết, phần *Đường Thiên Bảo sơ niên địa chí tàn quyển khảo thích* 75 trang.

Quận Diên Đức, như chuẩn [hạng hạ] của châu Chấn trước đây, Ninh Viễn [hạng trung] có hai hương, 270 hộ, Diên Đức [hạng hạ], hai hương, 357 hộ, Cát Dương [hạng hạ], hai hương, 250 hộ, La* Xuyên [hạng hạ], một hương, 260 hộ (nguyên văn).

Khảo thích, Châu Chấn đặt trị sở tại Ninh Viễn, nay là Thị trấn Nhai Thành ở phía tây huyện Nhai đảo Hải Nam; Diên Đức đặt trị sở ở gần Thị trấn Phạt La phía tây nam huyện Lạc Đông đảo Hải Nam ngày nay; Cát Dương đặt trị sở gần Thị trấn Đằng Kiều, phía đông bắc huyện Nhai đảo Hải Nam ngày nay; La* Xuyên, các sách địa chí đều viết là Lâm Xuyên, nay là huyện Nhai tỉnh Quảng Đông. Châu Chấn lãnh 4 huyện, gồm 7 hương.

唐天寶初年地志殘卷考釋

.....

延德 [郡] 振 [州] [下] 准前 寧遠 [中] 二 [鄉] 二百七十 [千] 延德 [下] 二 [鄉] 三百五十七 [千] 吉陽 [下] 二 [鄉] 二百五十 [千] 羅川 [下] 一 [鄉] 二百六十 [千]. (原文)

考釋曰： 振州治寧遠， 今海南島崖縣西崖城鎮。
延德治今海南島樂東縣西南佛羅鎮附近。
吉陽治今海南島崖縣東北籐橋鎮附近。羅川諸志作臨川，今廣東崖縣。
振州領四縣凡七鄉。

[敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲榮 著- 鄭宜秀 整理, 上海古籍出版社, 1993. (頁57)]³³

Nhận xét,

Trên nguyên tắc sử liệu, tổng chỉ thời Đường là Nguyên Hòa Quận huyện đồ chỉ khuyết phần viết về vùng đất cuối cùng phía biển nam. Tên gọi của 5 đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh còn lưu được ở phần Mục lục trùng khớp với biên chép trong chính sử, qua đó có thể dựa vào Cựu – Tân Đường thư để kết luận về cương giới nhà Đường về phía biển cực

³³ Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích, sđd, trang 57. Trong đoạn văn này có hai điểm cần lưu ý: 1/ các chữ hạ, trung trong ngoặc vuông [下] [中], chỉ thứ hạng của châu, huyện xem chú thích số 57 (bên dưới), 2/ các chữ thiên trong ngoặc vuông [千] ngờ là sai từ chữ hộ 戶, hoặc viết đúng nhưng thuộc một quy ước hành chính nào đó mà tôi chưa hiểu tới, xét thấy tổng số hộ này chênh lệch [nhiều hơn] một ít so với số hộ trong niên hiệu Khai Nguyên mà sau này Thái Bình hoàn vũ ký ghi nhận, tạm dịch là hộ, chờ xét thêm.

nam³⁴, hai bộ chính sử này cho thấy hai huyện Ninh Viễn và Lâm Xuyên thuộc châu Chấn ở phía cực nam, không ghi nhận về nhóm đảo hoặc đảo nào về phía biển nam.

Bổ chí thời Thanh thu thập tư liệu từ các phương chí thời Đường và hai bộ chính sử để phục dựng phần khuyết về đảo Quỳnh, nên cũng không cho tư nào mới lạ. Bổ chí chép về phía cực nam đảo Quỳnh là hai huyện Ninh Viễn và Lâm Xuyên thuộc châu Chấn, không ghi nhận về nhóm đảo hoặc đảo nào về phía biển nam.

Tổng chí trong thời Thiên Bảo chép về số liệu thuế thu có vẻ chi tiết, nhưng không còn lưu được phần chép về địa giới nên cũng không nhận định được gì thêm.

Thời Tống, nhiều bộ tổng chí được triều đình tổ chức biên soạn, lấy tiêu chí chính thống làm chuẩn thì đáng kể trước là các sách *Nguyên Phong Cửu vực chí* của Vương Tồn [王存, 元豐九域志], *Cửu khâu tổng yếu* của Vương Nhật Hưu [王日休, 九丘總要], *Hoàng triều quận huyện chí* của Phạm Tử Trường [范子長, 皇朝郡縣志], *Hoàng triều phương vực chí* của Vương Hy Tiên [王希先, 皇朝方域志], *Tường Phù châu huyện đồ kinh* của Lý Tông Ngạc và Vương Tăng [李宗諤 - 王曾, 祥符州縣圖經]. Trong các bộ kể trên, chỉ có *Nguyên Phong Cửu vực chí* là còn toàn vẹn, *Tường Phù châu huyện đồ kinh* với quy mô lớn, đến 1.566 quyển, làm xong năm Đại Trung Tường Phù thứ ba (1010), nay chỉ còn vài quyển lẻ mề, mấy bộ còn lại chỉ thấy chép tên sách trong các sách thư mục thời Tống.

*Nguyên Phong Cửu vực chí*³⁵, làm xong năm Nguyên Phong thứ ba (1080), do Nghị Lang đồng tu Quốc sử quán Vương Tồn nhận sắc chỉ biên soạn. Vương Tồn (1023-1101) tự Chính Trọng 正仲, người huyện Đan Dương (Giang Tô), đỗ tiến sĩ năm Khánh Lịch thứ sáu (1046), làm quan trải qua các chức Trứ tác tá lang bí thư Tỉnh, Tri thái thường Lễ viện, Thượng thư tả thừa. Sách *Nguyên Phong Cửu vực chí* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

³⁴ Phạm Hoàng Quân, *Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1, 2011, [trang 44- 88].

³⁵ *Nguyên Phong Cửu vực chí*, 10 quyển, bản in Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882), [元豐九域志, 十卷, 光緒八年五月, 金陵書局刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. JL 5- 135 [10 quyển, đóng thành 4 cuốn]. Độc giả cũng có thể tham khảo bản in chụp từ bản Văn Uyên Các [thuộc Tứ Khố Toàn Thư], Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1983. Hoặc bản in của Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1984, bản này bổ thêm bộ phận *Tân định Cửu vực chí*, gồm các điều mục về Cổ tích.

Tên sách này phối hợp niên hiệu biên soạn [Nguyễn Phong] và từ cửu vực mà thành, cửu vực thoát từ khái niệm “cửu châu phong vực [chia bờ cõi chín châu]” trong thiên Vũ Công, đây là hình thức dụng điển để đặt tên sách, ngoài ra, cũng cần lưu ý thêm các từ khác như cửu nguyên 九原, cửu khâu 九丘 cửu hữu 九圉 [有] cũng đồng nghĩa cửu châu. *Nguyễn Phong Cửu vực chí* có thể được hiểu là “tổng chí biên soạn trong niên hiệu Nguyễn Phong”. Tổng chí này tuy ra đời sau sách *Nguyễn Hòa quận huyện đồ chí* nhưng quy mô kém hơn, chỉ có 10 quyển [*Nguyễn Hoà* 40 quyển], với tổng số chữ ước gần phân nửa *Nguyễn Hòa quận huyện đồ chí*.

Theo bài Biểu dâng sách của Vương Tồn thì *Nguyễn Phong Cửu vực chí* chép về các đơn vị hành chính từ trung ương đến cấp huyện tổng cộng gồm 23 lộ, 4 kinh phủ [phủ trực thuộc trung ương], 10 thứ phủ [phủ thuộc lộ], 242 châu, 37 quân, 4 giám, 1.235 huyện³⁶. Có điểm cần lưu ý về con số các lộ trong *Nguyễn Phong Cửu vực chí*, bài biểu của Vương Tồn cho biết có 23 lộ, nhưng ở mục lục sách thấy chép 24 lộ, [cùng 4 kinh, các châu hoá ngoại, các châu ki mi]³⁷. Con số 24 lộ phù hợp với *Tống sử*, bài Tổng luận mục Địa lý chí trong *Tống sử* viết: “trong niên hiệu Nguyễn Phong [1078-1085] chia toàn quốc thành 24 lộ. Năm Tuyên Hoà thứ 4 [1122] phân làm 26 lộ, 4 phủ thuộc trung ương, 30 phủ, 254 châu, 63 giám, 1234 huyện”³⁸. Tuy nhiên, vấn đề trong niên hiệu Nguyễn Phong, toàn Trung Hoa gồm 24 lộ, hay 23 lộ phải tạm gác lại cho đề tài nghiên cứu khác.

Các đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh đều thuộc lộ Tây Quảng Nam 廣南西路 [lộ này gồm 23 châu, 3 quân, 64 huyện], gồm châu Quỳnh 瓊州, quân Xương Hoá 昌化軍, quân Vạn An 萬安軍, quân Châu Nhai 珠崖軍, nơi cực nam của đảo này là trấn Lâm Xuyên thuộc quân Châu Nhai.

Trích dịch phần quân Châu Nhai:

“Quân Châu Nhai, thời Đường là quận Diên Đức thuộc châu Chấn, triều Tống năm Khai Bảo thứ năm [972] đổi làm châu Nhai, năm Hi Ninh thứ sáu [1073] bỏ châu, đặt làm quân.

³⁶ *Nguyễn Phong Cửu vực chí*, sdd, tờ 1. bản Kim Lăng. Trong bản Văn Uyên Các, không có bài biểu dâng sách của Vương Tồn, tuy nhiên nhóm Kỳ Quân [tổng tài Tử khố toàn thư] có dẫn lại bài biểu này trong phần *Đề yếu Nguyễn Phong Cửu vực chí*.

³⁷ *Nguyễn Phong Cửu vực chí*, sdd, phần Mục lục, tờ 1- 3, bản Kim Lăng. Trong bản Văn Uyên Các không có phần mục lục.

³⁸ *Tống Sử*, quyển 85, Chí 38, Địa lý 1. Bản THPT cuốn 7, tr.2043-2045. Lược thuật theo bài “Tổng luận Địa lý chí”.

Địa lý, cách Đông Kinh 7.685 dặm; đông, từ trị sở đến địa giới 245 dặm, từ đầu địa giới đến quân Vạn An 170 dặm; tây, từ trị sở đến địa giới 120 dặm, từ đầu địa giới đến quân Xương Hoá 384 dặm; nam, từ trị sở đến biển 10 dặm; bắc, từ trị sở đến động Lê 50 dặm; đông nam đến biển 40 dặm; tây nam đến biển 215 dặm [thù]³⁹; đông bắc đến Hải Sải lĩnh 250 dặm [thù]⁴⁰; tây bắc đến núi quân Xương Hoá 120 dặm.

Hộ, dân bản địa 240 [thù]⁴¹, nơi khác đến 11

Thổ sản phải nộp, cỏ cao lương 5 cân [một năm]⁴².

Trần, 2, năm Hi Ninh thứ sáu [1073] nhập 2 huyện Cát Dương, Ninh Viễn làm thành trấn:

[trấn] Lâm Xuyên, cách về phía đông trị sở quân 80 dặm

[trấn] Đăng Kiều, cách về phía đông trị sở quân 100 dặm, có 2 hương [bản họ Tiền chép là 1 hương]⁴³

{Cổ tích, trong niên hiệu Khai Bảo, sắc chuẩn đổi tên như hiện nay [?]⁴⁴, bản Các}⁴⁵.

³⁹ Nguyên văn chép nhất thù nhị, [một đáng là hai], chữ nhị theo dưới chữ thù lại khác kiểu đặc biệt, gồm chữ nhị + bản [二本], chữ Nhị này không có trong bộ gõ Hanosoft 3.0, nên ở phần nguyên văn tôi thay bằng chữ 弌. Như tình hình đã nêu, con số “115 dặm” ngay dưới đã chỉnh đổi [thù] là “215 dặm”. Đây là những cái đổi của Phùng Tập Ngô, cho biết có bản đã chép khác, và nhóm thực hiện bản in Kim Lăng đã giữ lại. Đề bản dịch Việt văn rõ và tiện đọc, tôi chỉ dựa vào con số đã chỉnh đổi. [xem thêm chú thích 43, dưới].

⁴⁰ Theo đổi chú thích trên, nguyên văn tam thù nhị bách ngũ thập lý, dịch là: 250 dặm.

⁴¹ Theo đổi chú thích trên, nguyên văn tam thù nhị bách tứ thập, dịch là: 240 (hộ)

⁴² Nguyên văn viết “Cao lương khương”, là tên một loại cây thân thảo, sống lâu năm, rễ cây này gần giống củ gừng [khương], dai, chắc, dùng để bện mũ trụ. Không rõ số thuế 5 cân này tính trên mỗi hộ hay mỗi nhân khẩu.

⁴³ Phần hiệu khám cuối quyển 9 viết “Tiền bản tác nhất hương” [bản của họ Tiền chép là 1 hương], Tiền bản tức bản in *Nguyên Phong Cửu vực chí* thời Tống còn giữ tại thư viện tư gia Tiền Tuân Vương 錢遵王, nhóm Ngô Lan Đình 吳蘭庭 khi tổ chức thực hiện bản in Kim Lăng đã dựa theo bản của Phùng Tập Ngô 馮集梧 bổ sung và hiệu khám [đã in vào năm 1788], Phùng Tập Ngô đã sử dụng bản nhà họ Tiền và nhiều bản khác để đối chiếu.

⁴⁴ Câu văn này xét thấy thiếu chủ ngữ, không rõ di tích nào được đổi tên.

⁴⁵ Bản in Kim Lăng không chép mục Cổ tích, đây là tôi thêm vô dựa vào bản Văn Uyên Các [v.t. bản Các], quyển 9, tờ 59. So sánh bản Kim Lăng và bản Các, thấy bản Các không chép phần lịch sử diên cách sau Châu Nhai quân và Trần nhị [lưu ý ở bản dịch bằng dấu (*) cuối câu], không có chữ [thù] mà chép

[*Nguyên Phong Cửu vực chí*, quyển 9, tờ 30]

珠崖軍 唐振州延德郡皇朝開寶五年改崖州熙寧六年廢爲軍(*)

地理東京七千六百八十五里東至本軍界二百四十五里自界首至萬安軍一百七十里西至本軍界一百二十里自界首至昌化軍三百八十四里南至海一十里北至黎峒五十里東南至海四十里西南至海一 [讎] 式十五里東北至猴豺嶺三 [讎] 式百五十里西北至昌化軍山一百二十里

戶主三 [讎] 式百四十客一十一

土貢高良薑五斤

鎮二 熙寧六年省吉陽寧遠二縣爲鎮(*)

臨川軍東八十里

藤橋軍東一百里二鄉 [錢本作一鄉]

{古跡開寶中准敕改今名, 闕本}

[元豐九域志, 卷九, 頁三十]⁴⁶

Trong thời Tống còn có bộ tổng chí được học giới đánh giá rất cao là *Thái Bình hoàn vũ ký* (976-983), và ba bộ được đánh giá cao là *Dư địa quảng ký* (1111- 1117), *Dư địa ký thắng* (1221) và *Phương dư thắng lãm* (1239).

Thái Bình hoàn vũ ký 太平寰宇記⁴⁷ nguyên tác 200 quyển, mục lục 2 quyển, hiện chỉ còn 193 quyển⁴⁸. Sách do Nhạc Sử 樂史 soạn, làm xong

thắng con số giống như bản dịch Việt văn, bản Các thêm mục Cổ tích [nhưng không hoàn chỉnh].

⁴⁶ Nguyên văn gõ lại theo bản in Kim Lăng, *Nguyên Phong Cửu vực chí*, quyển 9, tờ 30. Trong bài viết trước đây đăng trên Tuổi trẻ cuối tuần ngày 24/10/2010 [chú thích 1, trên], tôi đã khảo sát nhằm một chi tiết ở quyển 10, tờ 3-4, nội dung này cũng viết về châu Nhai nhưng lại nói về 3 huyện bị cắt nhập vào châu Quỳnh, đưa đến việc nêu sai tên huyện cực nam, là Mạ Viễn, đúng phải là trấn Lâm Xuyên. Nhân qua bài viết này, tôi xin đính chính chi tiết bị sai trên báo Tuổi trẻ và cáo lỗi với độc giả.

⁴⁷ *Thái Bình hoàn vũ ký* có nhiều bản in, trong bài viết này tôi căn cứ vào hai bản, 1/ bản in của Vạn Đình Lan 萬廷蘭 với lời tựa của Hồng Lượng Cát 洪亮吉 viết năm Gia Khánh thứ tám (1803), lời Tựa của Trần Lan Sâm 陳蘭森 viết năm Càn Long quý sửu (1793), lời Phạm lệ của Vạn Đình Lan, bài Biểu dâng sách của Triều tán đại phu Hành chức phương viên ngoại lang Trục

trong khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976- 983). Nhạc Sứ (930-1007) tự Tử Chính 子正, người huyện Nghi Hoàng, châu Vũ, đạo Giang Tây, đỗ tiến sĩ trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, soạn sách do sở thích, làm xong mới dâng lên, tuy là sách tư tuyền nhưng nội dung hoàn bị, vượt xa *Nguyên Phong Cửu vực chí*. Nhạc Sứ kế thừa thành quả các tổng chí của Giả Đam, Lý Cát Phủ thời Đường, các phần Địa lý chí trong chính sử, tổng hợp và bổ sung dữ liệu đương thời để làm thành sách *Thái Bình hoàn vũ ký*. Các tổng chí trước Nhạc Sứ phân mục nội dung cơ bản gồm: sự diên cách [của kinh, phủ, châu, quân], địa giới, hộ, thuế thu, núi sông, thành ấp, quan tãi, huyện hoá ngoại [không trực tiếp quản lý], *Thái Bình hoàn vũ ký* mở rộng thêm các mục: phong tục, nhân vật, tính thị [hộ], vật sản, nghệ văn, tứ di [quan hệ quốc tế]. Với cách thu thập tư liệu phong phú, liên quan đến các lĩnh vực xã hội, kinh tế và văn hoá, đặt tiền lệ cho mô hình ghi chép toàn diện về địa phương, trong lịch sử phương chí học, công trình của Nhạc Sứ được xem là đã tạo một bước ngoặt lớn. Sách *Thái Bình hoàn vũ ký* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

Thái Bình hoàn vũ ký phân chép về 13 đạo, mỗi đạo phân chép theo cấp phủ, châu, quân, giám. Bắt đầu từ Đông Kinh nằm trên địa bàn đạo Hà Nam và sau cùng là châu Long Vũ thuộc đạo Lĩnh Nam và dành riêng phần cuối [28 quyển] chép về tứ Di. Đến đây có hai điểm cần phải lưu ý, một là việc phân đạo và lộ thời Tống, thời gian biên soạn *Thái Bình hoàn vũ ký* vốn trước *Nguyên Phong Cửu vực chí*, lúc này nhà Tống vẫn chưa cải tổ toàn diện việc phân cấp quản lý, vẫn giữ cơ cấu 15 đạo cuối thời Đường, chỉnh sửa còn 13 đạo, sau niên hiệu Thái Bình, đến năm Chí Đạo thứ ba (997) lại đổi thành 15 lộ, đến năm đầu Thiên Thánh (1023) chia làm 18 lộ, và đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) thì mới chia 24 lộ như *Nguyên Phong Cửu vực chí* mô tả⁴⁹. Vì vậy địa lý hành chính khoảng 100 năm đầu thời Tống có nét gần giống địa lý hành

sử quán Thượng trụ quốc Nhạc Sứ, lời Hậu tự của Vạn Đình Lan viết năm 1793, trong số các lời / tựa trên, riêng có lời tựa của Hồng Lượng Cát mang tiêu đề “Trùng hiệu san Thái Bình hoàn vũ ký tự / 重校刊太平寰宇記序”, cuối bài đề năm Gia Khánh thứ tám, có thể dựa vào đây tạm xác định bản này in năm 1803. (gọi bản này là bản Vạn); 2/ bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882) [光緒八年五月金陵書局刊行] (gọi là bản Kim Lăng). Ngoài ra, độc giả có thể tham khảo bản in năm 1983 của Đài Loan Thương vụ ấn thư quán [ấn bản từ bản Văn Uyên Các (thuộc Tứ khố toàn thư)]. Còn nữa, Thư viện Viện nghiên cứu Hán-Nôm Việt Nam [Hà Nội] có một bản chép tay *Thái Bình hoàn vũ ký*, ở dạng trích lục, ký hiệu VHv -1282.

⁴⁸ Phần đề yếu về *Thái Bình hoàn vũ ký* trong Tứ khố toàn thư ghi theo số quyển hiện còn là 193 quyển. Các quyển từ 113 đến 119 bị mất, chép về một phần đạo Tây Giang Nam. Trong nội dung 193 quyển hiện còn cũng có nhiều chi tiết sứt mẻ.

⁴⁹ *Tống sử*, quyển 85, Chí 38, Địa lý 1, Lời dẫn. Bản THPTC, cuốn 7, tr.2094.

chánh cuối thời Đường. Hai là, trong phần viết về đạo Lĩnh Nam, Nhạc Sử đã chép lại các ghi chép hồi thời Đường, Ngũ Đại về 19 châu từ châu Giao và châu Phong trở về nam [quyển 170, 171] mà không chú thích rõ về niên điểm tồn tại của hai châu này, dễ gây nhầm lẫn về phạm vi bờ cõi của nhà Tống và chủ quyền đã xác lập trên hai châu Giao, Phong⁵⁰, để nhận biết các châu này không thuộc cương vực nhà Tống, nên lưu ý kỹ mục lịch sử diễn cách các châu, huyện, mục lịch sử diễn cách 19 châu này dùng ở thời Đường, khác với các châu khác cũng thuộc đạo Lĩnh Nam được cập nhật tên gọi mới đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc.

Thái Bình hoàn vũ ký từ quyển 157 đến quyển 171 chép về đạo Lĩnh Nam, quyển 169, Lĩnh Nam đạo 13, chép 6 đơn vị là quận Thái Bình, châu Lô, châu Đam, châu Quỳnh, châu Nhai, châu Vạn An. Trong 6 đơn vị trên, quận Thái Bình và châu Lô thuộc phần đất bán đảo, 4 châu Đam, Quỳnh, Nhai, Vạn An nằm trên đảo Quỳnh, châu Nhai là nơi cực nam.

Trích dịch phần châu Nhai:

“Châu Nhai mới⁵¹

Châu Nhai vốn là châu Chấn, tức nay là nơi quận Lâm Chấn thời Tùy, cũng gọi quận Diên Đức. Thời Đường, năm Võ Đức thứ năm [622] đặt châu Chấn, năm đầu Thiên Bảo [742] đổi làm quận Lâm Chấn, năm đầu Càn Nguyên [758] đặt lại làm châu Chấn, trị sở châu đặt tại huyện Ninh Viễn, đất đai cũng như quận Châu Nhai. Nhà Tống, năm Khai Bảo thứ sáu [973], cắt đất châu Nhai cũ cho thuộc vào châu Quỳnh, lại đổi châu Chấn làm châu Nhai.

Lãnh năm huyện: Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn

Địa giới châu:

Đông tây, khuyết [*mắt chữ*]; Nam bắc, khuyết [*mắt chữ*]

Tứ chí bát đảo:

Bắc đến Đông Kinh 7.685 dặm

Bắc đến Tây Kinh 7.797 dặm

⁵⁰ Đạo Lĩnh Nam 14, gồm các châu : Giao, Phong; Đạo Lĩnh Nam 15, gồm các châu: Ái, Hoan, Lục, Phước Lộc, Trường, Vũ Nga, Việt, Chi, Thang, Diễn, Lâm, Cảnh, Lung, Hoàn, Đức Hoá, Lang Mang, Long Vũ. [第七十, 嶺南道十四 : 交州, 峯州 - 第七十一, 嶺南道十五 : 愛州, 驩州, 陸州, 福祿州, 長州, 武峩州, 粵州, 芝州, 湯州, 濱州, 林州, 景州, 籠州, 環州, 德化州, 郎茫州, 龍武州.]

⁵¹ Chép châu Nhai mới để phân biệt với châu Nhai cũ vốn có địa bàn rộng hơn, đã cắt 3 huyện Xá Thành, Trùng Mai, Văn Xương cho thuộc vào châu Quỳnh.[xem bản Kim Lăng, quyển 169, tờ 12, Cựu Nhai châu.]

Bắc đến Trường An 8.606 dặm
 Đông đến châu Quỳnh 450 dặm
 Tây nam đến biển lớn 15 dặm
 Nam đến biển lớn 27 dặm
 Tây đến châu Đam 420 dặm
 Đông đến huyện Lăng Thủy châu Vạn An 160 dặm Hộ
 Thời Đường niên hiệu Khai Nguyên [713-741] có 819 hộ
 Hiện thời có 340 hộ bản xứ, 11 hộ nơi khác đến.
 Phong tục, giống như châu Quỳnh⁵².
 Thổ sản, nộp cống: Vàng

Huyện Ninh Viễn, có hai hương, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Tuỳ đặt làm nơi trị sở của châu.

Huyện Diên Đức, cách phía tây trị sở châu 40 dặm, có hai hương, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Tuỳ đặt huyện.

Huyện Cát Dương, cách phía đông bắc trị sở châu 90 dặm, có hai hương, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Đường năm Trinh Quán thứ hai [628], chia ra từ huyện Diên Đức, đặt huyện.

Huyện Lâm Xuyên, cách phía đông nam trị sở châu 80 dặm, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Tuỳ đặt huyện.

Huyện Lạc Đôn, cách phía đông bắc trị sở châu 20 dặm, có hai hương,

Núi Lạc Điều, bãi chăn nuôi Trùng Lăng, núi Lạc Trùng, sông Lê dưới núi Chúc Đảo, núi Lạc Viên, dãy Chung Diên, các nơi này đều là núi sông của quận ấp.

新崖州

崖州本振州也即今隋臨振郡又曰延德郡唐*武德五年置振州天寶元年改爲臨振郡乾元元年復爲振州理寧遠縣土地與珠崖郡同皇朝開寶六年割舊崖州之地隸瓊州卻改振州爲崖州

領縣五 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川*, 落屯,

州境

東西 缺* 南北 缺*

⁵² Phong tục chép ở phần châu Quỳnh khá dài, đọc thấy không có điểm liên quan đến chủ đề này, tôi sẽ dịch vào dịp khác.

四至八到

北至東京七千六百八十五里

北至西京七千七百九十七里

北至長安八千六百六里

東至瓊州四百五十里

西南至大海一十五里

南至大海二十七里

西至儋州四百二十里

東至萬安州陵水縣一百六十里

戶

唐開元戶八百一十九

皇朝戶主三百四十客一十一

風俗 同瓊州

土產, 貢金

寧遠縣 二鄉 漢臨振縣地隋置州所理

延德縣 西四十里 二鄉 漢臨振縣地隋置

吉陽縣 東北九十里 二鄉 漢臨振縣地唐貞觀二年分延德縣置

臨川*縣 東南八十里 漢臨振縣地隋置

落屯縣 東北二十里 二鄉 落鳥山, 澄浪牧, 落澄山, 織島山下有黎水, 落猿山, 鐘延嶺以上皆郡邑之山水⁵³*****

[太平寰宇記, 卷之一百六十九, 嶺南道十三, 頁15-17]⁵⁴

Dư địa quảng ký 輿地廣記 38 quyển⁵⁵, do Âu Dương Văn 歐陽忞 soạn trong niên hiệu Chính Hoà (1111-1117). Theo học giả thời

⁵³ Các chữ có dấu sao (*) gồm 5 chữ, do tôi hiệu khám nội dung nguyên văn, so với bản Kim Lăng, bản Vạn (1803) thiếu chữ Đường 唐, Lâm Xuyên臨川 viết sai là Lâm Cơ臨機, không có 2 chữ Khuyết缺

⁵⁴ Nguyên văn gõ lại theo bản Kim Lăng, quyển 169, tờ 15-17.

⁵⁵ *Dư địa quảng ký 38 quyển*, Kim Lăng thư cục hiệu san năm Quang Tự thứ sáu (1880) [輿地廣記, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu JL5 - 137 [38 quyển, đóng thành 4 cuốn], bản này phần đầu sách có lời Tựa của tác giả Âu Dương Văn đề năm Chính Hoà, lời

Bắc Tống Triệu Công Vũ 晁公武 viết trong *Quận Trai độc thư chí* 郡齋讀書志 thì Âu Dương Văn là tên giả của một người ẩn danh, còn theo học giả thời Nam Tống Trần Chân Tôn 陳振孫 viết trong *Trực Trai thư lục giải đề* 直齋書錄解題 thì Âu Dương Văn là cháu của văn gia-sử học gia trứ danh Âu Dương Tu 歐陽修⁵⁶. Sách *Dur địa quảng ký* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

Dur địa quảng ký dành 3 quyển đầu trình bày cương yếu về sự biến đổi cương vực trong lịch sử và tổng thể quá trình diên cách địa lý hành chính Trung Hoa từ thời nhà Chu đến nhà Đường- Ngũ Đại. Bộ phận này được sắp xếp khá khoa học, tạo sự tiện lợi trong việc tra cứu nhanh, từ 9 châu thời nhà Hạ, đến 14 quận thời nhà Tần, 13 quận thời nhà Hán, 19 đạo thời nhà Tấn, 15 đạo thời Đường cho đến các châu thời Ngũ Đại, đây là điểm mới so với các tổng chí đương thời. Từ quyển 4 đến quyển 38 chép về cương vực nhà Tống, phân chép về 4 kinh, 23 lộ, dân xuống các cấp phủ, châu, quân, huyện. *Dur địa quảng ký* không chép về tứ chí, đường sá, hộ khẩu, phong tục, thổ sản như các sách tổng chí đương thời, nhưng lại chép rất kỹ về sự thay đổi địa danh và sự phân chia cắt nhập của các vùng đất cho đến cấp huyện.

Bối cảnh *Dur địa quảng ký* thuộc cuối thời Bắc Tống, các đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh cơ bản tương đồng với ghi chép trong *Nguyên Phong Cửu vực chí*, gồm 1 châu [Quỳnh] và 3 quân [Xuong Hoá, Vạn An, Châu Nhai], trích dịch về quân Châu Nhai:

[ngang với châu cấp thấp]⁵⁷ Quân Châu Nhai, thời Tuỳ là đất quận Châu Nhai ; thời Đường năm Võ Đức thứ năm [622] lập quận Lâm Chấn

tựa cho lần khắc in năm Gia Khánh nhâm thân (1812) của Hoàng Phi Liệt 黃丕烈, theo Hoàng Phi Liệt thì đây là bản truyền từ thời Tống. Thuần Hựu canh tuất (1250). Được biết sau này còn có bản in *Dur địa quảng ký* do Tôn Tinh Hoa 孫星華 hiệu khám, Quảng Nhã thư cục xuất bản năm Quang Tự thứ hai mươi lăm (1899), ngoài ra còn nhiều bản *Dur địa quảng ký* in chung trong các tùng thư Tứ khố toàn thư, Võ Anh Điện tự trân bản thư (Thanh), Tùng thư tập thành sơ biên, Quốc học cơ bản tùng thư (Dân Quốc).

⁵⁶ Theo Phan Tông Chu 潘宗周, *Bảo Lễ Đường Tống bản thư lục* – Sử bộ 寶禮堂宋本書錄- 史部, tr. 216 [Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 2007]. Và theo khảo sát của Hách Thụy Bình 郝瑞平 trong *Trung Quốc đại thư điển* (1994), trang 466.

⁵⁷ Nguyên văn viết “Đồng hạ châu” trước khi chép tên quân Châu Nhai, đây là quy ước về quản lý hành chính thời Đường Tống, là dấu hiệu cho biết tình hình đất đai, dân số và kinh tế của phủ, châu, quân, giám, huyện. Thời Đường chia huyện 7 bậc: Xích 赤, Kỳ 畿, Vọng 望, Khẩn 緊, Thượng 上, Trung 中, Hạ 下, trong đó Xích để gọi huyện ngay nơi đặt kinh đô, Kỳ để gọi các huyện quanh kinh đô, 5 bậc còn lại là đẳng cấp ứng dụng cho các huyện toàn quốc. Đại khái, có lúc quy định huyện có hơn 3000 hộ thì ghi chữ Vọng, sau lại tăng lên là hơn

thuộc châu Chấn, lại gọi là quận Ninh Viễn, năm đầu Thiên Bảo [742] gọi là quận Diên Đức; thời Ngũ Đại thuộc nhà Nam Hán. Nhà Tống năm Khai Bảo thứ năm [972] đổi làm châu Nhai, năm Hi Ninh thứ sáu [1073] bỏ châu, đặt làm quân Châu Nhai, nay có 2 trấn,

Trấn Lâm Xuyên, vốn là huyện Lâm Xuyên đặt hồi cuối nhà Tùy.

Trấn Đằng Kiều, đầu thời Đường là châu Chấn, lãnh 5 huyện Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn; thời Nam Hán lược bớt 3 huyện Diên Đức, Lâm Xuyên, Lạc Đôn; nhà Tống năm Hi Ninh thứ sáu lược bớt 2 huyện Ninh Viễn, Cát Dương, làm thành 2 trấn Lâm Xuyên, Đằng Kiều.

[Quyển 37, tờ 8, Quảng Nam tây lộ, hạ]

同下州

朱崖軍

隋珠崖郡地唐武德五年立振州臨振郡又曰寧遠郡天寶元年曰延德郡五代爲南漢所有皇朝開寶五年改爲崖州熙寧六年廢州爲朱崖軍今鎮二

臨川鎮本臨川縣隋末置

藤橋鎮初唐振州領寧遠延德吉陽臨川落屯五縣南漢時省延德臨川落屯三縣熙寧六年省寧遠吉陽二縣爲臨川藤橋二鎮焉

[輿地廣記, 卷三十七, 廣南西路下, 頁八⁵⁸

Dư địa kỷ thắng 輿地紀勝⁵⁹, nguyên tác 200 quyển, do Vương Tượng Chi 王象之 soạn xong năm 1221 (Gia Định thứ 14, nhà Nam Tống). Vương Tượng Chi tự Nghi Phụ 儀父, hiệu Đông Dương 東陽, người trấn Kim Hoa châu Vụ (Chiết Giang), đỗ tiến sĩ năm Khánh Nguyên thứ hai

4000 hộ, từ cơ sở bậc Vọng hạ dần xuống bậc Hạ. Quân Châu Nhai trước đây là châu đổi thành quân, quân tuy đẳng cấp thấp hơn châu nhưng cả hai đều trực thuộc lộ, về tình hình chung, quân này thuộc đẳng cấp “ngang với châu cấp thấp [nhất]”.

⁵⁸ *Dư địa quảng ký* sđd, quyển 37, lộ Tây Quảng Nam, tờ 8.

⁵⁹ *Dư địa kỷ thắng*, mục lục 200 quyển, hiện còn 169 quyển. Bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tống của Văn Tuyên Lô, năm Đạo Quang thứ 29 (1849) [輿地紀勝, 道光二十九年秋八月懼盈齋刊板文選樓影宋鈔本], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu JL5 – 3386 [200 quyển đóng thành 64 cuốn], bản này phần đầu sách có lời Tựa của Đại học sĩ Nguyễn Nguyên 阮元 đề năm Đạo Quang kỷ dậu (1849), lời Tựa của Lý Thực 李埴 đề năm Tống- Bảo Khánh đình hội (1227), lời Tựa của tác giả Vương Tượng Chi đề năm Gia Định tân tỵ (1221) và trích lục một số nhận xét về *Dư địa kỷ thắng* từ các sách khác. Ngoài ra, được biết có bản ảnh ấn *Dư địa kỷ thắng* từ bản Việt Nhã Đường từng thư do Văn Hải xuất bản xã, Đài Bắc, 1971.

(1196), quan chỉ đến chức Tri huyện [huyện Phân Ninh, huyện Giang Ninh], sở trường về địa lý học, tương truyền có bộ *Dur địa đồ 16 quyển* phụ theo bộ *Dur địa ký thắng*, nhưng toàn bộ 16 quyển địa đồ đã mất hồi thời Nguyên, riêng *Dur địa ký thắng* bị mất hẳn 31 quyển và 16 quyển bị mất một số tờ.

Dur địa ký thắng chép tường tận về 16 lộ thuộc cương vực Nam Tống, các phủ, châu, quân, giám cộng 166 đơn vị. Phân mục về diên cách châu, huyện thu thập rộng các biên chép trước đó, đề cương thống nhất gồm : diên cách, phong tục, hình thắng, cảnh vật thượng, cảnh vật hạ, cổ tích, quan lại, nhân vật, tiên thích, bi ký, thi, tứ lục [văn]. So với các tổng chí trước đây, *Dur địa ký thắng* có phần phong phú hơn về tư liệu lịch sử diên cách, chú trọng hơn về thắng tích và văn học.

Phần chép về lộ Tây Quảng Nam từ quyển 103 đến quyển 127, các quyển và số tờ đều còn đủ. Mở đầu quyển 103 là lời tổng luận về diên cách toàn lộ, kế đến là chép về 25 đơn vị gồm : 1 phủ [phủ Tĩnh Giang, trị sở lộ], 21 châu, 3 quân. Các đơn vị trên đảo Quỳnh gồm 1 châu [Quỳnh] và 3 quân [Xương Hoá, Vạn An, Cát Dương]. Quân Châu Nhai thời Bắc Tống đến đây đổi gọi là quân Cát Dương,

“Quân Cát Dương, hình thắng

Quỳnh quân chí⁶⁰ viết : ‘ngoài là các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng⁶¹, cùng đối ngang với Chiêm Thành ; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, trên dưới mờ mịt, ngàn dặm một màu, thuyền bè qua lại, chim bay gần bên đầu bên cổ mà không thấy sợ.

[quyển 127, Quảng Nam Tây lộ, Cát Dương quân, tờ 2-3]

吉陽軍. 形勝,

其外則烏里,蘇密,吉浪 之洲, 而與占城相對, 西則真臘交趾, 東則千里長沙萬里石塘, 上下渺茫, 千里一色, 舟船往來, 飛鳥附其顛頸而不驚, 瓊管志 ”

⁶⁰ *Quỳnh quân chí* được dẫn trong *Dur địa ký thắng* hiện không còn, theo tên sách, chữ Quỳnh quân được viết tắt từ tên cơ quan “Quỳnh quân an phủ đô giám”, cơ quan này thấy được đề cập trong *Dur địa ký thắng*, mục diên cách châu Quỳnh [quyển 124, tờ 3], đoạn văn này viết là năm Tuyên Hoà thứ năm (1123), đổi cơ quan “Thủy lục chuyển vận sự” của 3 châu Đam Nhai, Vạn An thành “Quỳnh quân an phủ đô giám”, quản lý 3 quân Xương Hoá, Vạn An, Cát Dương. Qua chi tiết này có thể phỏng định *Quỳnh quân chí* được viết trước *Dur địa ký thắng* gần 100 năm.

⁶¹ Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng, những địa danh này có lẽ được phiên âm từ tên các đảo Burias [nay phiên là Bồ Lý Á Tư], Sulu [nay phiên là Tô Lộ], Kota Baru [nay phiên là Cát Lan Đan].

[輿地紀勝, 卷一百二十七, 廣南西路, 吉陽軍, 頁二, 三]⁶²

Phụ khảo, *Dur địa kỷ thắng*, quyển 124, Quỳnh Châu, Cảnh vật hạ, [Quỳnh Sơn huyện, Văn Xương huyện], Thất Tinh Sơn. Đoạn văn dưới đây chép về một địa danh, nơi này tuy không nằm ở phía cực nam đảo Quỳnh nhưng về sau địa danh này sẽ được tổng chí nhà Thanh trích dẫn để liên kết với các tư liệu liên quan khác, vì vậy, có thể xem đây là tư liệu nguồn liên quan đến địa danh Thất Tinh Sơn - Thất Châu Dương.

“Thất Tinh Sơn, tại phía đông huyện Quỳnh Sơn, nơi giáp giới bờ biển huyện Văn Xương, trông như bảy vì sao.

Thất Tinh Lĩnh, ở gần bờ biển huyện Văn Xương, thế như chuỗi ngọc.

七星山在瓊山縣東之文昌界海濱狀如七星

七星嶺在文昌縣近海岸其勢如連珠”

[輿地紀勝, 卷一百二十四, 廣南西路, 瓊州, 景物下, 頁九]⁶³

Phương dư thắng lãm 方輿勝覽⁶⁴, nguyên tác 70 quyển, do Chúc Mục 祝穆 soạn, hoàn thành năm Gia Hy thứ ba (1239). Bộ tổng chí này được đánh giá là phong phú tư liệu văn học. Các mục về diên cách địa danh, địa giới phần nhiều sao chép lại từ *Dur địa kỷ thắng*, phần viết về Quỳnh Châu thuộc quyển 43, điều liên quan đến vùng biển nam trong mục “Cát Dương quân, Hình thắng” cũng trích lại câu trong *Quỳnh quân chí* như *Dur địa kỷ thắng* đã trích [đã dịch ở trên]. Sách *Phương dư thắng lãm* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

Nhận xét, Tổng chí thời Tống như đã điếm qua, nhìn chung được viết trong hai thời kỳ, với những đặc trưng khá rõ của hai thời Bắc Tống và Nam Tống. Tổng chí thời Bắc Tống với Thái Bình hoàn vũ ký hoàn thành lúc nhà Tống mới lập triều đại, ghi chép về cương vực và địa lý hành chính còn phảng phất cơ chế nhà Đường. Tư liệu về số hộ dân chép trong Thái Bình hoàn vũ ký cho thấy châu Nhai với 5 huyện mà chỉ hơn 350 hộ [gần bằng phân nửa thời Đường], chứng tỏ vùng đất cực nam này rất hoang vu. Cho đến những năm Nguyên Phong là lúc tình

⁶² *Dur địa kỷ thắng*, sđd, quyển 127, Quảng Nam Tây lộ, Cát Dương quân, tờ 1-2

⁶³ *Dur địa kỷ thắng*, sđd, quyển 124, Quảng Nam Tây lộ, Quỳnh châu, Cảnh vật hạ, tờ 9.

⁶⁴ *Phương dư thắng lãm*, độc giả có thể tham khảo các bản in: *Phương dư thắng lãm*, Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, ảnh ấn từ bản Văn Uyên Các [Tứ khố], 1983, tái bản 1991; *Tổng bản Phương dư thắng lãm*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, ảnh ấn bản Tống (Hàm Thuận), 1986.

hành chính trị, kinh tế nhà Tống đã ổn định, Nguyên Phong cứu vực chỉ cho thấy châu Nhai đã hạ xuống cấp quân, số hộ giảm, chỉ còn hơn 250 hộ, 5 huyện chỉ nhập còn 2 trấn. Cơ cấu quản lý hành chính của lộ Tây Quảng Nam suốt thời Nam Tống gồm nhiều châu và 3 quân, cả 3 quân này đều trên đảo Quỳnh, và luôn ở bậc “hạ”, tức bậc 5, là những địa phương thấp nhất về kinh tế. Yếu tố về kinh tế có lẽ cũng là một lý do khiến nhà Tống không mấy quan tâm đến hòn đảo này. Cương vực nhà Tống về phía biển nam không vượt quá châu Nhai, việc phát hiện hoặc khai thác, quản lý nơi xa hơn châu Nhai [quân Châu Nhai, quân Cát Dương] về phía biển nam không thấy các tổng chỉ ghi nhận.

Tổng chỉ thời Nam Tống có điểm mới là các biên chép liên đới rộng với các nơi bên ngoài. Qua sách *Dư địa kỷ thắng*, có thể nhận định bộ địa phương chỉ đầu tiên là Quỳnh quân chỉ là sách đã đề cập đến sự tiếp giáp giữa đảo Quỳnh với các nơi xa về phía nam, cách ghi chép trong Quỳnh quân chỉ cho thấy rõ những nơi được đề cập như các châu Ô Lý, Tô Mộc Cát Lãng hoặc các nước Chân Lạp, Giao Chỉ và các vùng đảo Thiên lý trường sa, Vạn lý thạch đường đều là những nơi xung quanh, chúng được ghi nhận với ý nghĩa thể hiện sự tương tiếp về không gian địa lý rộng, hoàn toàn không biểu lộ rằng nơi nào trong các nơi ấy thuộc địa hạt Quỳnh Châu.

Thời Nguyên, *Đại Nguyên đại nhất thống chí* 大元大一統志⁶⁵, gọi tắt là *Nguyên nhất thống chí* 元一統志 nguyên tác 1300 quyển, làm xong năm Đại Đức thứ bảy (1303), do Trát Mã Lạt Đinh 札馬剌丁, Ngu Ứng Long 虞應龍, Bột Lan Phán 孛蘭盼 và Nhạc Huyền 岳鉉 chủ biên, bắt đầu soạn từ năm 1284 theo sắc chỉ của Hốt Tất Liệt. Bộ tổng chí với quy mô rất lớn này đã thất tán trong thời Minh, nay chỉ còn hơn 30 quyển, các quyển này thuộc phần chép về 6 châu ở phía bắc Trung Hoa nên không khảo sát cương vực tổng thể được. Bộ tổng chí này bắt đầu định danh tổng chí toàn quốc là *Nhất thống chí* và cách gọi này đã trở thành tiền lệ cho các triều Minh, Thanh.

Thời Minh, *Đại Minh nhất thống chí* 大明一統志⁶⁶ là tên do Chu Kỳ Trấn (Anh Tông) đặt cho bộ tổng chí có tên gốc là *Thiên hạ nhất*

⁶⁵ Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, quyển 10, phần Sử bộ, quyển 5, tờ 5a [bản in Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1991].

⁶⁶ *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461). [天下一統志, 天順五年, 萬壽堂刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu JL5 – 2698. Quyển đầu gồm Tựa/ biểu, địa đồ và mục lục, mở đầu là lời Tựa của Chu Kỳ Trấn (Anh Tông)/ Ngự chế Thiên hạ nhất thống chí tự”, bài biểu dâng sách của Lý Hiên đề năm Thiên Thuận thứ năm (1461). Được biết cùng một bộ này có 5 bản in, đều trong thời Minh: 1/ Nội phủ khắc bản, Thiên Thuận thứ 5 (1461); 2/ Thận Độ Thư Trai khắc bản, Hồng Trị thứ 18 (1505); 3/ Thư Lâm Dương thị Quy Nhân Trai khắc bản, Gia Tĩnh thứ 38

thống chí, do Thượng thư bộ Lại, Đại học sĩ Lý Hiền 李賢 làm Tổng tài (chủ biên), làm xong năm 1461, gồm 91 quyển, khắc in cùng năm. Lý Hiền (1408-1466) tự Nguyên Đức 原德, người huyện Trịnh tỉnh Hà Nam, đỗ tiến sĩ triều Tuyên Đức, làm quan trải các chức vụ Tả thị lang bộ Lại, Thượng thư bộ Lại, Hàn lâm học sĩ, Đại học sĩ điện Hoa Cái, tước Thiếu Bảo. Năm Thiên Thuận thứ hai (1458) nhận sắc biên soạn *Minh nhất thống chí*. Tiêu đề trong Tứ khố toàn thư – Sử bộ đề tên sách là *Minh nhất thống chí*.

Quyển đầu của bộ *tổng chí* này gồm lời tựa của hoàng đế, bài biểu dâng sách của Lý Hiền, sắc chỉ bổ nhiệm các chức vụ biên soạn, mục lục, và 16 bức địa đồ, gồm 1 bức toàn quốc, 1 bức Bắc Kinh, 1 bức Nam Kinh và 13 bức của 13 Ty Bộ chánh. Phần nội dung chính phân chép theo từng khu vực hành chính, từ quyển 1 đến quyển 5 chép về Kinh Sư, từ quyển 6 đến quyển 18 chép về Nam Kinh, từ quyển 19 đến quyển 88 chép về 13 ty Bộ chánh, quyển 89,90 chép về các nước bên ngoài. Trong mỗi Ty Bộ chánh, đầu tiên chép tổng quan về sự thay đổi mô hình quản lý qua các thời, sau đó phân chép từng phủ, trong mỗi phủ phân chép các mục: kiến trí diên cách, các huyện, tên quận xưa, hình thắng, phong tục, sơn xuyên, thổ sản, công thự, học hiệu, thư viện, cung thất, quan ải cầu đồ, chùa miếu, lăng mộ, cổ tích, quan lớn qua các thời, nhân vật có tiếng qua các thời.

Bức địa đồ toàn quốc mang tên “Thiên hạ nhất thống chi đồ” và địa đồ Ty Bộ chánh Quảng Đông với tên “Quảng Đông địa lý chi đồ”, hai bức này cho thấy cực nam cương vực nhà Minh chỉ đến hết phủ Quỳnh Châu⁶⁷.

Ty Bộ chánh Quảng Đông chép trong 4 quyển [quyển 79 – 82], phủ Quỳnh Châu thuộc quyển 82, phủ này lãnh 3 châu [Đam, Nhai, Vạn], 10 huyện. Cực nam phủ Quỳnh Châu là châu Nhai, trích dịch phần chép về châu Nhai,

“Châu Nhai, cách về phía nam trị sở phủ [Quỳnh Châu] 1110 dặm, vốn là đất quận Châu Nhai thời Hán; thời Tùy đặt quận Lâm Chân; thời Đường đổi làm châu Chân, đặt trị sở tại huyện Ninh Viễn, năm đầu Thiên Bảo đổi làm quận Diên Đức, lại đổi là quận Ninh Viễn, năm đầu Càn Nguyên đặt trở lại là châu Chân; thời Tống đổi là châu Nhai, trong những năm Hi Ninh đổi là quân Châu Nhai, trong những năm Thiệu Hưng phế bỏ rồi đặt trở lại là quân Cát Dương; nhà Nguyên vẫn theo đó; triều ta trong những năm đầu Hồng Võ đặt trở lại là châu Nhai, trong

(1559); 4/ Dương thị Quy Nhân Trai khắc bản, Vạn Lịch thứ 16 (1588); 5/ bản Vạn Thọ Đường mà chúng tôi khảo sát. Ngoài ra, còn một bản khắc in tại Nhật Bản vào năm Nguyên Lộc 元禄 thứ 12 (1699).

⁶⁷ *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, sđd, quyển thủ, phần địa đồ.

những năm Chính Thống lấy huyện Ninh Viễn nhập vào, 1 dặm có 14 hộ dân, lãnh 1 huyện là Cẩm Ân.

崖州在府城南一千一百一十里本漢珠崖郡地隋置臨振郡唐改爲振州治寧遠縣天寶初改爲延德郡又改寧遠郡乾元初復爲振州宋改崖州熙寧中改朱崖軍紹興中口廢尋復置改吉陽軍元因之本朝洪武初復爲崖州正統間以寧遠縣省入編戶一十四里領縣一感恩縣...”

[大明一統志, 廣東布政司, 瓊州, 卷八十二, 頁十七]⁶⁸

Trong phần viết về phủ Quỳnh Châu nói chung, qua các mục “Kiến trí diên cách”, “Hình thắng” và “Sơn xuyên” không thấy ghi chép gì liên quan đến phía biển nam. Ở về phía đông phủ này, trong mục “Sơn xuyên” có chép về địa danh Thất Tinh Sơn tương tự như quyển 124 sách *Dur địa kỷ thắng* đã chép, trích dịch dưới đây,

“Thất Tinh Sơn, ở gần bờ biển phía đông huyện Văn Xương, núi có bảy ngọn, trông như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn.

七星山在文昌縣東濱海山有七峯狀如七星連珠亦名七州洋山”

[大明一統志, 廣東布政司, 瓊州, 卷八十二, 頁十九]⁶⁹

Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu 皇明一統紀要, 15 quyển, Cổ Sung 顧充 soạn, Diệp Cận Sơn 葉近山 san hành⁷⁰, làm xong và khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), 15 quyển phân chép về 15 khu vực hành chánh gồm Bắc trực lệ, Nam trực lệ và 13 ty Bố chánh. Đầu quyển 1 là lời Tựa của Diệp Cận Sơn, kể đến là địa đồ hiện tại “Hoàng Minh đại nhất thống địa lý chi đồ” và địa đồ qua các thời kỳ Chu [Chu địa lý chi đồ], Hán [Hán địa lý chi đồ], Đường [Đường địa lý chi đồ], Tống [Tống địa lý chi đồ]. Phần chép về các khu vực, mỗi khu vực đều có 2 địa đồ, một bức tổng thể địa hình và một bức chép đủ tên các châu, huyện. Như nhan đề đã nêu, nội dung sách tinh gọn, chép giản lược mà khá khoa học, chú trọng về địa lý hành chánh. Các bức địa đồ cương vực

⁶⁸ *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, sđd, Quảng Đông Bộ chánh ty, quyển 79-82. Quỳnh Châu phủ, quyển 82, tờ 17.

⁶⁹ *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, sđd, Quảng Đông Bộ chánh ty, quyển 79-82. Quỳnh Châu phủ, quyển 82, tờ 19.

⁷⁰ *Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu* 皇明一統紀要, 15 quyển, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch, sách này khá hiếm, không thấy các sách thư mục Trung Quốc ghi nhận, tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu JL5 – 1328 [15 quyển đóng thành 14 cuốn].

tổng thể nhà Minh [quyển 1] và địa đồ ty Bộ chánh Quảng Đông [quyển 6] tương đồng với các địa đồ trong *Đại Minh nhất thống chí*.

Quảng dư ký 廣輿記, 24 quyển, Lục Ứng Dương 陸應陽 [hiệu Bá Sinh 伯生] soạn, làm xong và khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch, về sau, người thời Thanh là Sái Phương Bình 蔡芳炳 [tự Cửu Hà 九霞] tăng bổ và in lại năm Khang Hi bình dân (1686)⁷¹. Sách này tuy cũng đủ các đề mục như *Minh nhất thống chí* nhưng ghi chép vẫn tất giản lược, bản in thời Vạn Lịch chép thuần giai đoạn nhà Minh, còn bản in lại năm 1686 do Sái Phương Bình tăng bổ cập nhật thông tin về sự diên cách đến đầu nhà Thanh, vì vậy điểm được nét giao thời. Bản in 1686 mở đầu bằng quyển thủ với lời Tựa của họ Sái, phần “Lịch đại cương vực” cũng của họ Sái, mục lục sách, bộ địa đồ gồm 17 bức, trong đó gồm một bức toàn quốc “Quảng dư tổng đồ”, một bức Trục lệ, và 15 bức của 14 tỉnh [Thiểm Tây 2 bức]; phần nội dung chính từ quyển 1 đến quyển 24 là của Lục Ứng Dương soạn và Sái Phương Bình tăng bổ.

Sách này có giá trị ở bộ địa đồ trong quyển thủ, bút pháp thực hiện các địa đồ cho thấy không phải của cùng một người vẽ, có lẽ họ Sái sưu tập từ nhiều nguồn, bức “Quảng dư tổng đồ” thật ra đã đổi tên, in lại bức “Quảng dư đồ”⁷² do người thời Minh là La Hồng Tiên 羅洪先 tăng bổ từ bản gốc của người thời Nguyên là Chu Tư Bản 朱思本. Phần địa đồ các tỉnh được thực hiện khá chi tiết, có một bước tiến xa so với những địa đồ trong các bộ tổng chí trước. Tăng đính Quảng dư ký toàn đồ 1, tức “Quảng dư tổng đồ” và Tăng đính Quảng dư ký toàn đồ 14, tức “Quảng Đông tỉnh” cho thấy cương vực Trung Hoa về phía biển nam chỉ đến châu Nhai phủ Quỳnh Châu.

Nhận xét, *Tổng chí thời Minh tuy không nhiều như thời Tống nhưng nội dung hoàn thiện hơn, Đại Minh nhất thống chí bao quát tổng thể, ghi chép rất rõ và khá chi tiết về cương vực, Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu và Quảng dư ký có chung mục đích là trình bày các mặt theo hình thức giản yếu nhưng vẫn giữ trọng tâm ở phần cương vực và địa lý hành chánh, cơ quan hành chánh. Ưu điểm của tổng chí thời Minh có thể thấy rõ qua cả ba bộ là, cương vực tổng thể Trung Hoa và cương giới mỗi tỉnh đều được minh hoạ bằng các địa đồ. Đối với không gian về phía*

⁷¹ *Quảng dư ký*, 24 quyển và 1 quyển thủ, do chưa tìm được bản in Vạn Lịch, tôi tham khảo bản in năm Khang Hi bình dân (1686), bản này cũng có nơi đề tên sách là *Tăng đính Quảng dư ký*.

⁷² Quảng dư đồ 廣輿圖, được in 6 lần trong thời Minh, vào các năm 1558, 1561, 1564, 1566, 1572, 1579 và nhiều lần trong thời Thanh nên khá phổ biến. Địa đồ này do La Hồng Tiên (1504-1567) kế thừa thành quả của Chu Tư Bản (1273-1333). Tôi sẽ trình bày vấn đề này kỹ hơn trong chuyên khảo về tư liệu địa đồ cổ Trung Hoa.

biển nam, các ghi chép và địa đồ đều nhất quán, chứng cho thấy cương vực nhà Minh chỉ đến châu Nhai.

Thời Thanh, triều đình nhiều lần tổ chức biên soạn tổng chí⁷³, hiện lưu hành 3 bộ, thời gian biên soạn lần lượt như sau:

Đại Thanh Nhất Thống chí 大清一統志 356 quyển, do Đại học sĩ Tường Đình Tích 蔣廷錫, Vương An Quốc 王安國 chủ biên, theo sắc chỉ của Càn Long, làm xong năm Càn Long thứ tám (1743), bản in đầu do Nội phủ khắc năm 1744⁽⁷⁴⁾.

Khâm định Đại Thanh Nhất Thống chí 欽定大清一統志, 424 quyển⁷⁵, do Đại học sĩ Hòa Thân 和珅 nhận sắc trưng tu [soạn thêm vào bộ đã soạn năm 1743], làm xong năm Càn Long thứ hai mươi tám (1763). Nội phủ khắc toàn thư năm Càn Long thứ bốn mươi chín (1784).

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí 嘉慶重修一統志 560 quyển, do Đại học sĩ Tổng tài Quốc sử quán Mục Chương A 穆彰阿, Hàn Lâm viện biên tu Lý Tá Hiền 李佐賢 chủ biên, bộ này dựa vào bản Hoà Thân để soạn thêm, theo sắc chỉ của vua Gia Khánh, làm xong năm Đạo Quang thứ hai mươi hai (1842)⁷⁶.

⁷³ Trước các bộ đang lưu hành, có 9 bản cáo *Đại Thanh nhất thống chí*, không phân quyển mà phân theo tỉnh, do Tường Đình Tích và Vương An Quốc chủ trì thực hiện thời Càn Long, hiện tồn ở dạng bản chép tay, gọi là Nội phủ sao bản, 9 bản đều không hoàn chỉnh, không đủ số tỉnh trong toàn quốc.

⁷⁴ Bản *Đại Thanh nhất thống chí* 356 quyển này, theo khảo tả của Trương Cách Phi 張革非 là 342 quyển [*Trung Quốc đại thư điển*, tr.479]. Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục, sđđ* thì có 356 quyển, hiện có 2 bản in : 1/ Nội phủ khắc bản, Càn Long thứ 9 (1744); 2/ bản in chữ rời do Tiết Tử Du hiệu diễm, năm Đạo Quang thứ 29 (1849).

⁷⁵ *Khâm định Đại Thanh Nhất Thống chí*, 424 quyển, theo khảo tả của Trương Cách Phi 張革非 là 500 quyển [*Trung Quốc đại thư điển*, tr.479]. Bản in Hồng Bảo Trai trong niên hiệu Quang Tự (1875-1908) theo bản Võ Anh Điện mà tôi tham khảo chỉ có 424 quyển và 2 quyển mục lục, Quảng Đông tỉnh quyển 338-353, Quỳnh Châu phủ quyển 350. Ngoài bản Hồng Bảo Trai, bộ này còn 2 bản chép tay của Nội phủ triều Càn Long, và một bản khắc in của Nội phủ năm Càn Long thứ 55 (1790). Quảng Đông tỉnh quyển 338-353, Quỳnh Châu phủ quyển 350.

⁷⁶ *Gia Khánh trùng tu Đại Thanh nhất thống chí* hay còn gọi *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* 560 quyển, [Trương Cách Phi ghi sai là 650 quyển], tham khảo bản in của Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1966, [tái bản từ bản Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán 1934], đóng thành 11 cuốn, ảnh ấn từ bản Thượng Hải Hàm Phân Lâu, bản chép tay này được ghi là bản dùng để dâng lên vua, lưu trữ tại Thanh Sử quán. Có bài “Ngự chế *Đại Thanh nhất thống chí* tự” của hoàng đế Đạo Quang đề năm 1842, bài Biểu dâng sách của Tổng tài Quốc Sử

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí có nhiều đề mục và mỗi đề mục chép rộng nhiều chi tiết, thu tóm cả các ghi chép từ các tổng chí, thông chí và một số sách tư nhân trong quá khứ, nó được xem là bộ tổng chí hoàn bị bậc nhất của riêng triều Thanh và của cả các tổng chí Trung Hoa trong lịch sử.

Đầu sách và đầu phần chép về các tỉnh, phủ đều có địa đồ, mở đầu là “Hoàng dư toàn đồ” [cuốn 1, tr.8], mở đầu phần chép về Quảng Đông thống bộ là “Quảng Đông toàn đồ” [cuốn 9, tr. 5699], mở đầu phần chép về Quỳnh Châu phủ là “Quỳnh Châu phủ đồ” [cuốn 9, tr.5930]. Trong các tổng chí thời Thanh, *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* có tính cách bao quát, nên chỉ trích dịch ở bộ này một số điều liên quan dưới đây:

“Quảng Đông thống bộ- Hình thế

Nam giáp biển lớn, từ trị sở tỉnh đến đại dương chừng 300 dặm. Từ phía đông nam phủ Triều Châu cùng với phủ Chương Châu tỉnh Phúc Kiến tiếp liền với biển. Phía tây nam châu Khâm phủ Liêm Châu cùng tiếp liền biển Giao Chỉ, khoảng cách đông tây hơn 2400 dặm. Còn Quỳnh Châu bốn mặt trợ trợ, riêng trong vùng biển.

Tây tiếp An Nam, từ Khâm, Liêm về tây cùng An Nam phân giới, Khâm Châu còn là đường biên quan trọng.

[q.440, Quảng Đông thống bộ, tờ 4-5. Bản Đài Thương⁷⁷, c. 9, tr.5704]

廣東統部-形勢

南濱大海省治南去大洋僅三百里。自潮州府之東南。與福建之漳州洋接。廉州府欽州之西南。與交趾洋接。東西相距二千四百餘里。而瓊州四面孤懸。以海為境

西距安南欽廉以西。與安南分界。而欽州又當海道之衝”

[嘉慶重修一統志, 卷四百四十, 廣東統部, 頁四-五。
臺商本冊九頁5704]

“Quỳnh Châu phủ- Hình thế

Vùng đất giữa biển, ngang dọc ngàn dặm (theo *Hán thư*, truyện Giả Quyên Chi);

quán Đại học sĩ Mục Chương A. Ngoài bản in năm Đạo Quang thứ 22 (1842) đang lưu hành, theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục mô tả* còn có một bản chép; theo *Tăng đính Tứ khó giản minh mục lục tiêu chú* [Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương soạn thêm, Thượng Hải Cổ tịch xbx, 1959, 1963, 1979, 2000] mô tả thì còn một bản chép không đủ (chỉ có 230 quyển) của thư viện Mộc Trì Hiên nhà họ Lý.

⁷⁷ Đài Thương, viết tắt của Đài Loan Thương vụ ấn thư quán.

Vòng quanh hai ngàn dặm, đường thẳng bắc nam tám trăm dặm (theo sách *Thủy Kinh chú*);

Bốn châu, mỗi châu chiếm một góc đảo, quanh là biển lớn, giữa là động [người] Lê (theo sách *Quỳnh châu chí* thời Tống)

[q. 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 5. Bản Đài Thương, c.9, tr.5936]

瓊州府-形勢

海中洲居廣袤千里漢書賈捐之傳，周迴二千里徑度八百里水經注，四州各占島之一隅外環大海中盤黎峒宋瓊管志”

[嘉慶重修一統志，卷四百五十二瓊州府頁五.臺商本冊九頁5936]

“Quỳnh Châu phủ- Sơn Xuyên

Thất Tinh Sơn ở phía bắc huyện Văn Xương, sách *Dư địa ký* *thắng* chép rằng bờ biển nơi địa giới huyện Văn Xương [có 7 ngọn] như 7 vì sao làm thành chuỗi ngọc, *Minh thống chí* chép núi có 7 ngọn có tên là Thất Châu Dương Sơn, sách *Thông chí*⁷⁸ chép rằng núi này cách huyện lỵ Văn Xương về phía bắc 150 dặm [khoảng 75 km], ở ngoài biển khơi, trên có rừng cây tươi tốt, dưới có khe ngòi, là nơi người đi biển ghé lấy củi lấy nước. Khoảng những năm Thiên Khải thời Minh [1621-1627] có dựng tháp nơi ấy, ở [ngọn núi] mé đông có suối 7 dòng, ngày đêm ầm ào không dứt.

[q. 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 10. Bản Đài Thương, c.9, tr.5938]

瓊州府-山川

七星山在文昌縣北，

輿地紀勝在文昌縣界海濱狀如七星連珠，明統志山有七峯亦名七洲洋山，通志在縣北一百五十里大海中上多茂林下出溪泉航海者必於此取水採薪明天啓時建塔其上其東有泉七孔晝夜混混不涸”⁷⁹

[嘉慶重修一統志，卷四百五十二瓊州府頁十.臺商本冊九頁5938]

“Quỳnh Châu phủ- Sơn Xuyên

⁷⁸ *Thông chí*, chỉ *Quảng Đông thông chí*, sẽ đề cập ở phần viết về *Thông chí*.

⁷⁹ Nguyên văn đoạn này trong bản *Khâm định Đại Thanh Nhất Thống chí* 424 quyển [quyển 350, tờ 11] có khác vài chỗ, trích để đối chiếu tham khảo: “七星山，在文昌縣北，輿地紀勝在文昌縣有七峰亦名七洲洋山，通志在縣北一百五十里大海中上多茂林下出溪泉，航海者必於此取水採薪。明天啓時建塔其上，其東有泉七孔，晝夜混混不涸”。

Đại Mạo châu, ở châu Nhai có hai châu [bãi] lớn nhỏ, Đại Châu [bãi lớn] ở phía đông trị sở châu, giữa biển; Tiểu Châu [bãi nhỏ] ở phía tây trị sở châu, giữa biển. Lại có Song Châu Môn, cách phía đông trị sở châu tám dặm, hai bãi đứng đối nhau như hai cánh cửa.

[q. 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 23. Bản Đài Thương, c.9, tr.5945]

瓊州府-山川

玳瑁洲在崖州有大小二洲大洲在州東海中小洲在州西海中又有雙洲門在州東八里？雙洲對峙狀如兩扉”

[嘉慶重修一統志,

卷四百五十二瓊州府頁二十三.臺商本冊九頁5945]

Ngoài các bộ tổng chí quan tu kể trên, trong thời Thanh còn phải kể đến hai bộ rất nổi tiếng là *Độc sử phương dư kỷ yếu* 讀史方輿紀要 của Cố Tô Vũ 顧祖禹 và *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* 天下郡國利病書 của Cố Viêm Võ 顧炎武... Tuy nhiên, mặc dù cũng được một số sách thư mục xếp vào loại tổng chí nhưng về tính chất và phạm vi khảo cứu, hai bộ này thiên về hướng lịch sử địa lý học, khác hẳn các tổng chí đã điểm qua. Sẽ được khảo sát trong chuyên đề khác.

Nhận xét. Tổng chí thời Thanh kế thừa và phát huy truyền thống biên soạn tổng chí trong lịch sử, các triều đại nhà Thanh từng tổ chức điều tra thu thập các loại tư liệu trên diện rộng để phục vụ cho việc biên soạn thông chí các tỉnh và tổng chí toàn quốc.

Những đoạn trích dịch từ Gia Khánh trùng tu nhất thống chí phần nào cho thấy việc biên chép tường tận và rành mạch về những đối tượng trong từng đề mục, đoạn văn về hình thế tỉnh Quảng Đông cho thấy rõ cương vực và ranh giới của tỉnh này, đảo/ phủ Quỳnh Châu được ghi nhận là nơi trợ trợ, không thấy đề cập đến không gian biển về phía nam. Một chi tiết thuộc mục sơn xuyên phủ Quỳnh Châu đề cập đến Đại Mạo châu [cù lao Đại Mạo], cho thấy đây là thông tin được cập nhật mới và cụ thể, riêng về chi tiết mô tả hai cù lao ở vị trí cửa ngõ châu Nhai này, tổng chí chép chi tiết hơn cả địa phương chí⁸⁰, qua đây có thể khẳng định không gian vùng biển ngoài khơi châu Nhai. Gia Khánh trùng tu nhất thống chí đã biên chép lại một cách có hệ thống về Thất Châu

⁸⁰ Ghi chép cụ thể về các vùng đất nhỏ như bãi Đại Mạo thông thường địa phương chí chép chi tiết hơn tổng chí, nhưng trong *Quỳnh Châu phủ chí* lại chép vắn tắt hơn *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí*, độc giả có thể liên hệ chi tiết này với địa danh Đại Mạo châu trong một chi tiết về việc tuần tiễu của quan binh nhà Thanh quanh biển Quỳnh Châu [xem thêm bài viết “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông (Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu *Đại Nam thực lục*” của Phạm Hoàng Quân, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển số 2 (85).2011, trang 69.]

Dương, cho thấy rõ quá trình biến đổi tên gọi từ Thất Tinh Sơn hồi thời Tống, điều này sẽ tránh gây nhầm lẫn đối với các nghiên cứu gần đây cho rằng Thất Châu Dương là tên gọi trong thư tịch cổ nhằm chỉ quần đảo Tây Sa [Hoàng Sa].

Ba bức địa đồ có liên quan đến vùng biển phía nam in trong Gia Khánh trùng tu nhất thống chí nhất quán với các biên chép trong mục hình thế tỉnh Quảng Đông, trong mục hình thế và sơn xuyên phủ Quỳnh Châu, chúng cho thấy cương vực, không gian vùng biển về phía nam tỉnh này chỉ đến Đại Mạo Châu ngoài khơi châu Nhai.

4. Thông chí.

Những biên chép mang hình thức lịch sử địa lý / phong tục về một khu vực, một vùng miền xuất hiện rất sớm so với các sách thuộc loại hình tổng chí. *Hoa Dương quốc chí, 12 quyển* 華陽國志, 十二卷 của Thường Cừ 常璩 viết trong thời Đông Tấn (317- 420) được xem là sách tổ của loại hình thông chí và địa phương chí, bốn quyển đầu sách này lấy địa vực làm cương, phân chép về bốn nơi, gồm: Ba chí 巴志, Hán Trung chí 漢中志, Thục chí 蜀志, Nam Trung chí 南中志 ứng với ba châu Lương, Ích, Ninh thời Tấn [nay trong khoảng Thiểm Tây, Tứ Xuyên]. Mỗi quyển phân mục chép về lịch sử cương vực, khu hành chính, sông núi, đường sá, sản vật, dân tộc, phong tục, mỏ khoáng, cổ tích ..., qua bốn quyển này Thường Cừ được xem là người đặt ra thể lệ phân mục thông chí. Người sau cũng cho rằng Thường Cừ đã tổng kết lý luận biên soạn phương chí thời kỳ sơ khởi, với quan điểm “Thư kế ngũ thiện 書契五善 / nội dung tích hợp 5 điều tốt” trong lời Tựa, Thường Cừ cho rằng soạn thông chí phải chú ý để “đạt được đạo nghĩa, rõ ràng pháp luật, thông suốt xưa nay, tuyên dương người có công, tái tạo người hiền năng”⁸¹.

Những ghi chép riêng biệt về vùng châu Giao, châu Quảng cũng xuất hiện khá sớm, *Giao Quảng ký* 交廣記 [hoặc gọi *Thập tứ châu ký*] của Hoàng Cung 黃恭, *Quảng châu ký* 廣州記 của Bùi Uyên 裴淵 viết trong thời Tấn với những đoạn còn lại thường được các phương chí đời sau trích dẫn⁸². Cho đến thời Minh, loại hình Thông chí đạt tới mức hoàn thiện, phản ánh được toàn diện các hoạt động của một khu vực hành chính.

⁸¹ *Hoa Dương quốc chí, 12 quyển* (Đông Tấn) Thường Cừ soạn, bản in trong Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.

⁸² Vương Mô, *Hán Đường Địa lý thư sao*, phần sưu lục *Quảng Châu ký* của Bùi Uyên (tr. 366- 371); *Thập tứ châu ký* của Hoàng Cung. (tr. 151-152) , bản in chụp do Trung Hoa Thư Cục, 1961.

Liên quan trực tiếp đến vùng biển phía nam Trung Hoa là các bộ thông chí tỉnh Quảng Đông, trước sau có 8 bộ, đều do các quan chức cấp cao ở tỉnh chủ trì biên soạn.

Trong thời Minh có 4 bộ:

Quảng Đông Thông chí sơ cáo 廣東通志初稿 40 quyển, 1 quyển Thủ, do Ân sát Ngự sử Quảng Đông Đới Cảnh 戴璟 chủ biên, làm xong năm Gia Tĩnh thứ mười bốn (1535), khắc in trong niên hiệu Gia Tĩnh (1522-1566)⁸³.

Quảng Đông Thông chí 70 quyển, do Thiêm sự kiêm Thị giảng Học sĩ Hoàng Tá 黃佐 chủ biên, làm xong năm Gia Tĩnh thứ ba mươi sáu (1557), khắc in trong niên hiệu Gia Tĩnh⁸⁴.

Việt đại ký 粵大記 32 quyển, Quách Phi 郭棐 soạn, khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch. Chỉ còn 27 quyển, từ quyển 3 đến quyển 29⁽⁸⁵⁾.

Quảng Đông Thông chí 72 quyển, 1 quyển Thủ, Quang lộc tự khanh trí sĩ Quách Phi soạn, lời Tựa của Quách Phi đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch⁸⁶.

⁸³ Bộ *Quảng Đông Thông chí sơ cáo* này tôi chưa tìm được để khảo sát trực tiếp, ở đây ghi nhận theo lời Nguyễn Nguyên trong bài biểu dâng sách *Quảng Đông thông chí* 334 quyển đề năm Đạo Quang thứ hai (1822), trong bài biểu của lần biên soạn bộ thông chí tỉnh Quảng Đông sau cùng thời nhà Thanh này, Nguyễn Nguyên đã nhắc tới 5 bộ thông chí được biên soạn trước đó, [Quyển Thủ, Tự, tờ 3, bản in *Quảng Đông thông chí* 334 quyển, Nguyễn Nguyên, Đài Bắc 1959]; Bộ *Quảng Đông Thông chí sơ cáo* 41 quyển cũng thấy ghi tên sách trong *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 107.

⁸⁴ Theo Nguyễn Nguyên [chú thích 83, trên] và *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108. Trong *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên* (1988), nhóm Hàn Chân Hoa trích dẫn các điều mục liên quan trong bản in mộc bản năm Gia Tĩnh thứ ba mươi bảy (1558). Theo thư mục tham khảo của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* (1995) thấy có bản in năm Gia Tĩnh thứ bốn mươi (1561).

⁸⁵ Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108.

⁸⁶ Đây là bộ tôi trực tiếp khảo sát, bộ này nguyên của Thư viện tư gia họ Tá Bá [theo ấn “Tá Bá văn khố / 佐伯文庫” ở tờ đầu quyển Thủ], hiện nay được giữ tại Thư viện Đại học Waseda, KH : JL5- 1508 (71 quyển, đóng thành 32 cuốn). Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục* ghi nhận, thì bộ này 72 quyển, và hiện chỉ còn 10 quyển [là các quyển 23, 37-38, 45-47, 55-56, 68-69], sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108. Theo thư mục của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* (1995) thấy có bản khắc in năm Vạn Lịch thứ ba mươi (1602).

Trong thời Thanh có 4 bộ:

Quảng Đông Thông chí, 30 quyển, do Tuần phủ Quảng Đông Lưu Bình Quyền⁸⁷ 劉秉權 soạn, làm xong năm Khang Hi thứ mười hai (1673)⁸⁸.

Quảng Đông Thông chí [không rõ số quyển] do Tổng đốc Lương Quảng Kim Quang Tổ 金光祖⁸⁹ soạn, làm xong năm 1675, khắc in năm Khang Hi thứ ba mươi sáu (1697)⁹⁰.

Quảng Đông Thông chí, 64 quyển, do Tổng Đốc Quảng Đông Hách Ngọc Lâm 郝玉麟⁹¹ chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ chín (1731). Đây là bộ thông chí được thực hiện theo sắc lệnh ban bố năm Ung Chính thứ bảy về việc tổ chức soạn tu thông chí cho các tỉnh toàn Trung Hoa. Bộ này cũng là bộ thông chí Quảng Đông duy nhất được nhập Tứ khố toàn thư⁹².

⁸⁷ Lưu Bình Quyền, Tuần phủ Quảng Đông từ năm Khang Hi thứ bảy (1668), đến năm Khang Hi thứ mười bốn (1675) mất tại nhiệm sở. [theo *Thanh sử cảo*, quyển 201, Niên biểu các quan ở biên cương 5, Biểu 41. Bản in Trung Hoa thư cục (THTC) cuốn 25, tr.7521].

⁸⁸ Theo Nguyễn Nguyên [chú thích 83, trên], bộ này chỉ thấy Nguyễn Nguyên nhắc đến, không thấy các tác giả hiện đại dẫn, cũng không thấy tên sách trong *Trung Quốc Cô tịch thiện bản thư mục*, cũng không thấy tên sách trong *Tăng đính tứ khố giản minh mục lục tiêu chú* [sdd].

⁸⁹ Kim Quang Tổ, Tuần phủ Quảng Tây từ năm Khang Hi thứ tư (1665) đến năm Khang Hi thứ chín (1670) [*Thanh sử cảo* sdd, Biểu 41], từ năm 1670 thăng Tổng đốc Lương Quảng đến năm Khang Hi thứ hai mươi (1681) [*Thanh sử cảo*, quyển 197, Biểu 37. Bản THTC, cuốn 24, tr.7114].

⁹⁰ Nhóm Hàn Chấn Hoa, nhóm Trần Sử Kiên [trong *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên*, 1987] đều có trích dẫn, cũng thấy trong thư mục tham khảo của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ [trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập*]. Lời Tựa của Nguyễn Nguyên không nhắc bộ này.

⁹¹ Hách Ngọc Lâm, Tổng đốc Quảng Đông từ tháng 3 năm Ung Chính thứ bảy (1729) đến tháng 2 năm Ung Chính thứ mười (1732) [Thanh sử cảo, quyển 197, Biểu 37. Bản THTC. cuốn 24, tr.7174]. Mục “Đề yếu Quảng Đông thông chí 64 quyển” trong *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục* (1919) và *Tăng đính tứ khố giản minh mục lục tiêu chú* [sdd] viết Hách Ngọc Lâm là Tuần phủ. Tuy nhiên, trong quyển Thủ của bộ *Quảng Đông thông chí* này, mục Danh sách quan viên tu soạn chép là “Tổng tài, Quảng Đông Tổng đốc, thần, Hách Ngọc Lâm”, trong lời Căn án khi đưa bộ này vào “Tứ khố toàn thư”, nhóm Kỳ Quân cũng viết “Quốc triều Tổng đốc Quảng Đông”.

⁹² Đây là bộ tôi dùng để khảo sát, nguồn từ bản Văn Uyên Các Tứ khố toàn thư.

*Quảng Đông thông chí, 334 quyển*⁹³ do Thái tử thiếu bảo Binh bộ thượng thư Đô sát viện Hữu đô ngự sử Lương Quảng Tổng đốc Nguyễn Nguyên 阮元 giám tu, Trần Xương Tề 陳昌齊 tổng toản, làm xong và khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ hai (1822)⁹⁴.

Ngoài tám bộ nêu trên, còn hai bộ thông chí Quảng Đông khác được viết trong thời Minh, một bộ của Tạ Triệu Chiết 謝肇淛 và một bộ của Trương Vân Dực 張雲翼. Hai tác giả này thấy được nhắc đến trong lời “Cẩn án Hách Ngọc Lân Quảng Đông thông chí 64 quyển” của nhóm Kỷ Quân⁹⁵, nhưng chưa thấy các bộ thông chí, phủ chí về sau trích dẫn, cũng không thấy các sách thư mục nêu tên.

Những bộ thông chí Quảng Đông trên đây được biên soạn nối nhau trong khoảng thời gian gần ba trăm năm [từ năm 1535 đến năm 1822]. Đại thể các bộ tương đồng về nội dung, phân bố chuyên đề có vài điểm khác nhau, dữ liệu cơ bản của mỗi bộ phản ánh rõ không khí sinh hoạt đương thời, thông tin về tiền triều được chép có hệ thống và giản lược, thông tin về bản triều đầy đủ chi tiết. Dưới đây là bảng “Mục lục đối chiếu 2 bộ thông chí Quảng Đông tiêu biểu của 2 triều Minh- Thanh”⁹⁶, nhằm để tổng lãm về cơ cấu tổ chức trong việc biên soạn và nắm đại cương về các chuyên đề và bố cục các chuyên đề trong thông chí.

[Bảng 1] **Mục lục đối chiếu 2 bộ thông chí Quảng Đông tiêu biểu của 2 triều Minh- Thanh:**

Mục lục	Quảng Đông thông chí 72 quyển + quyển Thủ, (1602), Quách Phi (Minh)	Quảng Đông thông chí 64 quyển + quyển Thủ (1731), Hách Ngọc Lân (Thanh)	Ghi chú
(q)	[sẽ viết tắt là <i>Quách chí</i>]	[sẽ viết tắt là <i>Hách chí</i>]	Thuộc phần Quách Phi viết tắt [Q]; thuộc Hách Ngọc Lân viết tắt [H]

⁹³ *Tăng đính tứ khổ giản minh mục lục tiêu chú* [sdd] ghi sai là 330 quyển.(tr.297).

⁹⁴ Về sau bộ này lại được khắc in vào năm Đồng Trị thứ ba (1864), năm Dân Quốc 23 (1934) Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán in chụp lại từ bản Đồng Trị, năm 1959 Đài Loan Thương vụ ấn thư quán tái bản.

⁹⁵ Khi nhập một bộ sách nào đó vào “Tứ khổ toàn thư”, các quan Tổng Toản quán và Tổng hiệu phải viết lời Đề yếu hoặc Cẩn án. Lời Cẩn án cho bộ Hách Ngọc Lân có nhắc đến bốn bộ thông chí Quảng Đông thời Minh, gồm của : Đới Cảnh, Quách Phi, Tạ Triệu Chiết và Trương Vân Dực. [bản Văn Uyên Các, quyển thủ, tờ 9].

⁹⁶ Vì chỉ tập trung cho chủ đề bài viết, nên trong bảng Mục lục đối chiếu này tôi không chép phân mục cho nhiều quyển, trông mất cân đối, sẽ bỏ túc vào một dịp khác.

Th ủ	<p>* “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序”</p> <p>Lời Tựa của Đới Diệu 戴燿, Khâm sai Tổng đốc Lưỡng Quảng Quân vụ Đô sát viện Hữu đô ngự sử Bình bộ Hữu thị lang⁽ⁱ⁾. (không đề năm)</p> <p>* “Việt Đông thông chí tự / 粵東通志敘”</p> <p>Lời Tựa của Lý Thời Hoa 李時華, Tuần phủ Quảng Đông Giám sát ngự sử, đề năm Vạn Lịch tân sử (1601)</p> <p>* “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序”</p> <p>Lời Tựa của Trần Tính Học 陳性學, Bộ chánh sử ty Quảng Đông, đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602)</p> <p>* “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序”</p> <p>Lời Tựa của Viên Mậu Anh 袁茂英, Đề Hình án sát ty Đề đốc Học hiệu phó sứ (Quảng Đông)</p> <p>Không đề năm.</p> <p>* “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序”</p> <p>Lời Tựa của Quách Phi, Quang Lộc tự khanh, trí sĩ, Đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602)</p> <p>* “Quảng Đông thông chí sơ cáo tự /</p>	<p>Khâm định Tứ khổ toàn thư, Sử bộ, Quảng Đông thông chí.</p> <p>*Biểu dâng sách, Hách Ngọc Lân</p> <p>* Phạm lệ, Gồm 30 điều.</p> <p>* Danh sách quan viên tham gia soạn tu :</p> <p>Tổng tài, 6 người,</p> <p>.Hách Ngọc Lân 郝玉麟, Tổng đốc Quảng Đông</p> <p>.Phó Thái 傅泰, nguyên Thụ Tuần phủ Quảng Đông</p> <p>.Ngạc Di Đạt 鄂彌達, Tuần phủ Quảng Đông</p> <p>.Tiêu Kỳ Niên 焦祈年, Quan phong chính tặc sứ (QĐ)</p> <p>.Đặng Chung Nhạc 鄧鍾岳, Đề đốc học chính Quảng Châu, Thiều Châu (QĐ)</p> <p>.Trần Đức Hoa 陳德華, Đề đốc học chính Triệu Khánh, Cao Châu (QĐ)</p> <p>Đề điều kiêm Hiệp biện, 3 người,</p> <p>Vương Sĩ Tuấn 王士俊, Bộ chánh sứ QĐ</p> <p>Hoàng Văn Vĩ 黃文煒, Án sát sứ QĐ</p> <p>Đào Chính Trung 陶正中, Lương dịch đạo QĐ</p> <p>Tổng tập 1 người</p>	<p>[Q.] ⁽ⁱ⁾ Qua lời Đới Diệu biết thêm những người cộng tác với Quách Phi để thực hiện thông chí này là Vương Học Tăng 王學會, Viên Xương Tộ 袁昌祚, cùng nhiều trí thức khác.</p> <p>[Q.] ⁽ⁱⁱ⁾ Trích lục toàn văn Lời Tựa</p>
---------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>廣東通志初稿序”⁽ⁱⁱ⁾</p> <p>Lời Tựa của Đới Cảnh</p> <p>* “Quảng Đông cựu thông chí tự / 廣東舊通志序”⁽ⁱⁱⁱ⁾</p> <p>Lời Tựa của Hoàng Tá</p> <p>* Phạm lệ, Gồm 27 điều.</p> <p>* Quảng Đông thông chí tổng mục</p> <p>Gồm 72 quyển, số quyển 1 đến 72 ứng với số chữ trong Thiên Tự văn ^(iv), (xem mục lục, dưới)</p>	<p>Lỗ Tăng Dục 魯曾煜, Hàn lâm Thứ cát sĩ Triết Giang</p> <p>Phân toàn, 6 người,</p> <p>Hà Thâm 何深, Tiến sĩ, nguyên Tri huyện Trường Sa (Hồ Quảng)</p> <p>Hứa Toại 許遂, Cử nhân, nguyên Tri huyện Thanh Hà (Giang Nam)</p> <p>Lý Thiệu Tổ 李紹祖, Cử nhân, nguyên Tri huyện Vĩnh Tân (Giang Tây)</p> <p>Trương Trần Điển 張陳典, Cử nhân</p> <p>Dư Tích Thuần 余錫純, Huấn đạo huyện Dương Giang (QĐ)</p> <p>La Học Tứ 羅學泗, Sinh viên Huyện học h. Sơn Âm (Triết Giang)</p> <p>Giám khắc, 1 người,</p> <p>Triệu 弘文 趙弘文, Kinh lịch Bó chánh ty</p> <p>*Mục lục</p> <p>Gồm 64 quyển (xem dưới)</p> <p>*Lời Căn án của nhóm chủ trì Tứ khổ toàn thư^(a),</p> <p>Đề năm Càn Long thứ bốn mươi sáu (1781)^(b).</p>	<p>của Đới Cảnh (1535)</p> <p>[Q.] ⁽ⁱⁱⁱ⁾ Trích lục toàn văn Lời Tựa của Hoàng Tá (1557)</p> <p>[Q.] ^(iv) từ chữ Thiên (thiên địa huyền hoàng 天地玄黃)... đến chữ Dương (luật lữ điều dương 律呂調陽)</p> <p>[H.] ^(a) Tổng toàn Kỳ Quân 紀昀, Lục Tích Hùng 陸錫熊, Tôn Sĩ Nghị 孫士毅; Tổng hiệu Lục Phí Tri 陸費墀</p> <p>[H.] ^(b) Tức 50 năm sau, công trình này nhập Tứ khổ toàn thư</p>
1-13	<p>Phiên tỉnh chí 藩省志</p> <p>Q.1. Dư đồ,</p>	<p>Quyển 1</p>	

<p>Tổng thuyết về cương vực, kèm 2 bức địa đồ^(v), phân dã, phân tỉnh, phân độ, chiêm tinh khảo chứng, diên cách, hình thặng, khí hậu.</p> <p>Q.2- Q.6. Sự kỳ</p> <p>Trích lục tư liệu lịch sử về Quảng Đông, bắt đầu từ thiên “Nghieu điển” sách <i>Thượng thư</i>^(vi), dừng tại năm Long Khánh thứ sáu (1572)^(vii)</p> <p>Q.7. Công thự</p> <p>Ghi chép về các công sở hành chánh, học hiệu^(viii), thuế ruộng, hộ khẩu, đồn điền, thuế muối, tình hình sản xuất mua bán muối, thuế khoá các loại^(ix),</p> <p>Q.8- Q.9. Binh phòng</p> <p>Chức vụ trong quân, nội quy kỷ luật, vũ khí, lương thực hậu cần, đồn điền, quân bản cung, dân quân, địa phương quân, chế độ trợ cấp binh lính, nơi ở của các cấp chỉ huy, kỵ binh, chiến thuyền^(x)</p> <p>Q.10. Trật quan</p> <p>Các ngạch trật quan lại trong tỉnh.</p> <p>Q.11-Q.13. Danh hoạn</p> <p>Tiểu sử các quan lớn có công với địa phương, có</p>	<p>Diên mô chí / 典謨志</p> <p>Sưu lục các bài Ngự chế, chỉ dụ về việc tổ chức và quản lý hành chánh của 3 triều Thuận Trị, Khang Hi, Ung Chính :</p> <p>- Thanh Thế tông, “Ngự chế Đại Thanh luật tự / 御制大清律序”, đề năm Thuận Trị thứ ba (1646)</p> <p>- Thanh Thế tông, “Ngự chế Nhân thần cảnh tâm lục tự / 御制人臣儆心錄序”, đề năm Thuận Trị thứ mười hai (1655)</p> <p>- Thanh Thế tông, “Ban thị Phú dịch toàn thư tự / 頒示賦役全書序”, đề năm Thuận Trị thứ mười bốn (1657)</p> <p>- Thanh Thánh tổ, “Thượng dụ thập lục điều / 上諭十六條”, đề năm Khang Hi thứ mười tám (1679)</p> <p>- Thanh Thánh tổ, “Ngự chế Chí thánh tiên sư Khổng Tử tán - tịnh tự / 御制至聖先師孔子贊-并序”, đề năm Khang Hi thứ hai mươi lăm (1686)</p> <p>- Thanh Thánh tổ, “Ngự chế Nhan Tử tán / 御制顏子贊”, đề năm Khang Hi thứ hai mươi tám (1689)</p> <p>- Thanh Thánh tổ, “Bình định sóc mạc cáo thành Thái học bi /</p>	<p>[Q.]^(v) “Quảng Đông toàn đồ” và “Quảng Đông tỉnh thành đồ (lỵ sở)”</p> <p>[Q.]^(vi) trích câu “堯命羲叔宅南交 /</p> <p>Nghieu mệnh Hy Thúc trạch Nam giao”.</p> <p>[Q.]^(vii) Tháng 11, Đề đốc Chính Mậu cử đại binh dẹp sơn khấu Lĩnh Đông.</p> <p>[Q.]^(viii) phân mục: thư viện, học xã, học cung, nghi lễ tế thánh ở học cung</p> <p>[Q.]^(ix) lương thực, gia súc, nội ngoại thương, thủy hải sản, khai khoáng...</p> <p>[Q.]^(x) Phụ thêm phần kỹ thuật đóng thuyền</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>danh ở triều đình trong lịch sử^(xi).</p>	<p>平定朔漠告成太學碑 ” , đề năm Khang Hi thứ ba mươi sáu (1697)</p> <p>- Thanh Thánh tở, “Ngự chế Huấn sức sĩ tử văn /御制訓飭士子文 ” , đề năm Khang Hi thứ bốn mươi một (1702)</p> <p>- Nhiều chi dụ quan trọng về quản lý hành chánh, học chánh, binh bị trong triều Ung Chính^(c)...</p>	<p>[Q.]^(xi) Từ quyển 1 đến quyển 13 chép chung các sự việc trong toàn tỉnh, lấy chuyên đề làm ương, địa phương làm mục</p> <p>[H]^(c) Chép lại chính lệnh của triều đình có ảnh hưởng tới địa phương, là điểm mới so với các thông chí thời Minh.</p>
14 - 62	<p>Quận huyện chí / 郡縣志^(xii)</p> <p>Phân chép về 10 phủ, 1 châu:</p> <p>Q.14- Q.26. Quảng Châu phủ / 廣州府</p> <p>Gồm các mục: Dư đồ, diên cách, sơn xuyên, phong tục, thành trì, công thự, học hiệu, phường đồ, dịch trạm, cầu đồ, thủy lợi, hộ khẩu, thuế khoá, sở muối, đàn miếu, cỗ tích, mộ cỗ, thổ sản, chức quan, tuyên cử, quan lớn, lưu ngụ, nhân vật^(xiii).</p> <p>Q.27-Q.31, Thiều Châu phủ / 韶州府</p> <p>Q.32-Q.33, Nam Hùng phủ / 南雄府</p> <p>Q.34-Q.38, Huệ Châu phủ / 惠州府</p>	<p>Quyển 2.</p> <p>Tinh dã chí / 星野志</p> <p>Lý thuyết về thiên văn, bức đồ hình phân vị trí và độ số các vì sao, quy ước chòm sao [Tinh] tương ứng với vùng đất [Dã], bức đồ hình Đẩu Ngu Nữ, lý thuyết^(d), đồ hình Dục Chân, lý thuyết, đồ hình Thiên Thị Đàn, lý thuyết, đồ hình Tam Thai Bắc Đẩu, lý thuyết, đồ hình Lão Nhân Tinh, lý thuyết, tinh dã của từng phủ^(e)</p> <p>Quyển 3.</p> <p>Dư đồ chí / 輿圖志</p> <p>Một bức địa đồ toàn tỉnh “Quảng Đông toàn tỉnh tổng đồ”, địa đồ 10 phủ, 2 châu^(f) [các phủ / châu đều 2 bức, “...ương vực đồ” và “...thành quách đồ”], địa đồ phòng vệ biển “Quảng Đông hải phòng đồ”^(g), địa đồ</p>	<p>[Q.]^(xii) Từ quyển 14 đến 62 (49 quyển) phân chép về 10 phủ và 1 châu. Lấy địa phương làm ương, chuyên đề làm mục</p> <p>[H.]^(d) sưu lục các ghi chép liên quan trong cổ thư</p> <p>[H]^(e) phân chép về phủ Quỳnh Châu phụ thêm vĩ độ Nam Hải [15 độ], sao lục mục Lịch chí trong <i>Nguyên sử</i>.</p> <p>[Q.]^(xiii) Phủ Quảng Châu là nơi đặt lỵ sở của tỉnh, tích tụ văn hoá lâu đời nên các đề mục nhiều hơn những phủ khác</p>

	<p>Q.39-Q.44, Triều Châu phủ / 潮州府</p> <p>Q.45-Q.50, Triệu Khánh phủ / 肇慶府</p> <p>Q.51- 52, Cao Châu phủ / 高州府</p> <p>Q.53-Q54, Liêm Châu phủ / 廉州府</p> <p>Q.55-Q.56, Lôi Châu phủ / 雷州府</p> <p>Q.57-Q.61, Quỳnh Châu phủ / 瓊州府</p> <p>Dư đồ ^(xiv), phong tục, thành trì, thủy lợi, hộ khẩu, thổ sản, chức quan, tuyển cử, danh hoạn, nhân vật.</p> <p>Q.62, La Định châu / 羅定州 ^(xv)</p>	<p>núi Mai Lĩnh, địa đồ Áo Môn, địa đồ Hồ Môn.</p> <p>Quyển 4</p> <p>Cương vực chí / 疆域志</p> <p>Lời tiểu dẫn,</p> <p>Cương vực, hình thắg toàn tỉnh,</p> <p>Phân chép về 10 phủ 2 châu,</p> <p>Cương vực, Hình thắg, mỗi phủ/châu</p> <p>Quan ái, Biên hộ [số hộ], phân chép theo từng huyện,</p> <p>Quyển 5</p> <p>Diên cách chí / 沿革志</p> <p>Tiểu dẫn,</p> <p>Biểu đồ diên cách từ thượng cổ [Đường Ngu, Tam Đại] đến thời Minh, lược biên sự diên cách từ đầu Thanh đến năm Ung Chính thứ tám (1730)</p> <p>Biểu đồ diên cách 10 phủ, 2 châu ^(h)</p>	<p>[H ^(f)] số phủ như thời Minh, châu tăng thêm 1[Liên Châu, giáp Quảng Tây]</p> <p>[H ^(g)] địa đồ liên hoàn gồm 16 tờ [32 trang], bắt đầu từ bờ biển Quỳnh Châu vòng theo hướng tây nam qua bờ biển Liêm Châu, theo đường ven biển đến hải giới tỉnh Phúc Kiến.</p> <p>[Q.] ^(xv) Dư đồ phân mục : Địa đồ toàn phủ, Đô kinh (luận về địa đồ, cương vực), diên cách, sơn xuyên,</p> <p>[H ^(h)] sau mỗi phủ lại có biểu đồ diên cách của từng huyện</p> <p>[Q.] ^(xv) Châu miền núi, giáp Quảng Tây, trực</p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			thuộc tỉnh,
63 - 65	Nghệ văn chí / 藝文志 (xvi) Thư mục, Bi ký, Thi phú.	Quyển 6 Biên niên chí 1 / 編年志 (一) Sự kiện lịch sử từ thượng cổ đến hết nhà Minh. Quyển 7 Biên niên chí 2 / 編年志 (二) Sự kiện lịch sử thời Thanh, từ năm Thuận Trị nguyên niên (1644) đến tháng Chạp năm Ung Chính thứ tám (1730) ⁽ⁱ⁾	[Q.] ^(xvi) Từ quyển 63 đến quyển 72 trở lại cách chép 13 quyển đầu, gồm chung các sự việc trong toàn tỉnh, lấy chuyên đề làm ương , địa phương làm mục [H] ⁽ⁱ⁾ Biên niên chí (quyển 6-7) tương đương với Sự ký (q.2 -q. 6) trong <i>Quách chí</i>
	Quyển 63 Nghệ văn chí, thượng Thư mục ^(xvii)	Quyển 8 Lễ Nhạc chí / 禮樂志	[Q] ^(xvii) danh mục xếp theo bộ Kinh, sử, tử, tập, gồm các trứ tác của tác giả trong tỉnh và của các tác giả khác viết về vùng Giao Quảng, đã mất và hiện còn, từ xưa đến đương thời.
	Quyển 64 Nghệ văn chí, trung Bi ký	Quyển 9 Hải phòng chí / 海防志 ^(k) Tiểu dẫn, Liệt kê các Vệ, Sở, Tuần kiểm ty ven biển các cửa cảng, hải đảo. Trích lục các lệnh cấm. Trích lục các kế sách phòng vệ biển trong các	[H] ^(k) Sau một quyển riêng về Hải phòng, <i>Hách chí</i> còn chép thêm việc phòng vệ biển vào mục Binh phòng (q. 23), <i>Quách chí</i> chép sơ lược về hải phòng và các loại binh thuyền vào phần Binh

		sách <i>Trù hải đồ biên, Địa đồ tổng yếu, Ký hiệu tân thư, Việt đại ký</i> và phủ chí các phủ ven biển ... Bình thuyền ⁽¹⁾ Phụ lục, Lịch triều hải khẩu [các đàng cướp biển lớn qua các thời]	phòng (q.9- q.10) [H] ⁽¹⁾ Ghi chép sơ lược về 11 loại thuyền binh : Quảng Hải, Khai Lăng, Thương Sơn, Bát Tương, Ngư, Lưỡng Đầu, Ngô Công, Sa, Chiến, Việt, Dương.
	Quyển 65 Nghệ văn chí, hạ Thị phủ	Quyển 10 – quyển 13 Sơn Xuyên chí /山川志 Tiểu dẫn Phân chép núi sông cảng, đảo từng phủ, huyện.	
66 - 72	Ngoại chí / 外志 Đạo sĩ sư sãi, chùa Phật đạo tràng, tội phạm, quan tham/ ác, phiên Di, các tộc dân, tạp lục	Quyển 14 Thành trì chí / 城池志 Tiểu dẫn Phân chép thành trì các phủ	
	Quyển 66 Ngoại chí 1 Tiên Thích	Quyển 15 Thủy lợi chí / 水利志	
	Quyển 67 Ngoại chí 2 Tự quán	Quyển 16 Học hiệu chí / 學校志	
	Quyển 68 Ngoại chí 3 Tội phóng, Tham khốc	Quyển 17 Công thự chí / 公署志	

	<p>Quyển 69</p> <p>Ngoại chí 4</p> <p>Phiên Di</p> <p>An Nam, Chiêm Thành, Xiêm La, Trảo Oa, Tam Phật Tề, Mãn Lạt Gia, Chân Lạp, Tô Môn Đáp Lạt, Tích Lan Sơn, Phật Lang Cơ, Hồng Mao,</p>	<p>Quyển 18</p> <p>Phường đô chí / 坊都志^(m)</p>	<p>[H]^(m) danh sách các khu dân cư do huyện quản lý, gồm Sương, Phường, Hương, Đô, Bảo, Thị. Trong <i>Quách chí</i> Phường đô là tiểu mục chép trong mục Thành trì, gồm Hương, Sương, Đô, Thị.</p>
	<p>Quyển 70</p> <p>Ngoại chí 5</p> <p>Các dân tộc^(xviii)</p>	<p>Quyển 19- quyển 22</p> <p>Công phú chí / 貢賦志</p> <p>[thuế khoá các loại]</p>	<p>[Q]^(xviii) “Dao Đổng 獠獠 [người Choang], Lý Hộ 俚戶 [người Lê], Tạp Man 雜蠻, Nuy di 倭夷 [người Nhật”</p>
	<p>Quyển 71</p> <p>Ngoại chí 6</p> <p>Tạp lục, thượng</p>	<p>Quyển 23</p> <p>Bình phòng chí / 兵防志</p> <p>Tiểu dẫn</p> <p>Lịch đại binh phòng⁽ⁿ⁾</p> <p>Bình phòng các phủ, huyện</p>	<p>[H]⁽ⁿ⁾ Chép chung về lục quân và thủy quân, bắt đầu từ nhà Tần, chép kỹ việc binh phòng nhà Minh, việc nhà Thanh dừng ở năm Ung Chính thứ 8</p>
	<p>Quyển 72</p> <p>Ngoại chí 7</p> <p>Tạp lục, hạ</p>	<p>Quyển 24</p> <p>Đồn điền chí / 屯田志</p> <p>Tiểu dẫn</p> <p>Lịch đại đồn điền^(o)</p> <p>Quy chế đồn điền nhà Thanh.</p> <p>Đồn điền các phủ, vệ,^(p)</p>	<p>[H]^(o) Việc thiết lập đồn điền qua các thời Hán, Tống, Nguyên, Minh.</p> <p>[H]^(p) địa điểm, diện tích, sản lượng.</p>
		<p>Quyển 25</p> <p>Diêm pháp chí / 鹽法志</p>	

		Quyển 26 – 30 Chức quan chí / 職官志	
		Quyển 31 – 36 Tuyển cử chí / 選舉志	
		Quyển 37 Phong âm chí / 封廕志	
		Quyển 38 – 42 Danh hoạn chí / 名宦志	
		Quyển 43 Trích hoạn chí / 謫宦志	
		Quyển 44 – 48 Nhân vật chí / 人物志	
		Quyển 49 - 50 Liệt nữ chí / 列女志	
		Quyển 51 Phong tục chí / 風俗志	
		Quyển 52 Vật sản chí / 物產志	
		Quyển 53 Cổ tích chí / 古蹟志	
		Quyển 54 Đàn từ chí / 壇祠志	
		Quyển 55 Doanh mộ chí / 塋墓志	
		Quyển 56	

		Tiên thích chí / 仙釋志	
		<p>Quyển 57</p> <p>Lĩnh Man chí / 嶺蠻志</p> <p>Tiểu dẫn, Dao Đòng, Lý Hộ, Đông Liêu, Đản Hộ, Tạt Man^(q)</p>	<p>[H]^(q) Chép về các tộc dân Dao, Đòng, Lê, Lão, Đản, và các tộc khác, chi tiết hơn <i>Quách chí</i></p>
		<p>Quyển 58</p> <p>Ngoại Phiên chí / 外番志</p> <p>Tiểu dẫn</p> <p>Lịch sử quan hệ với các nơi bên ngoài^(r)</p> <p>Lược sử một số nước và sự giao lưu với 33 nước: Xiêm La, Tây Dương, Hà Lan, An Nam, Lưu Cầu, Tô Lộc, Chiêm Thành, Chân Lạp, Qua Oa, Tam Phật Tề, Mãn Lạt Gia, Tô Môn Đáp Lạt, Tích Lan Sơn, Kha Chi, Lự Sơn Dương, Đại Tiểu Cát Lan, Diệc Tư Bả Hãn, Tiểu Lạt Oa, Hốt Lô Mô Tư, Lạt Tát, A Đan, Phật Lang Cơ, Nhật Bản, Lữ Tống, Cổ Ma Lạt, Tô Pháp Nhi, Bách Hoa, Lâm Bang, Bột Nê, Đạm Ba, A Lỗ, Mộc Cốt Đô Thúc, Thiên Phương.^(s)</p>	<p>[H]^(r) từ thượng cổ đến thời Minh</p> <p>[H]^(s) Tên gốc trong nguyên văn: 暹羅, 西洋, 荷蘭, 安南, 琉球, 蘇祿, 占城, 真臘, 瓜哇, 三佛齊, 滿刺加, 蘇門答刺, 錫蘭山, 柯枝, 溜山洋, 大小葛蘭, 亦思把罕, 小刺哇, 忽魯謨斯, 刺撒, 阿丹, 佛郎機, 日本, 呂宋, 古麻刺, 祖法兒, 百花, 覽邦, 渤泥, 淡巴, 阿魯, 木骨都束, 天方.</p> <p>Trong đó có một số nước chép kỹ như Xiêm La [hon 16 trang], An Nam [21 trang], Chiêm Thành [8 trang], 13 nước chi chép mỗi nước</p>

			khoảng 2 hàng. Tên các nước hải âm Hán, tương tự trong <i>Minh Sử</i> , <i>Minh Thực Lục</i> và <i>Thanh Sử Cáo</i> , tôi sẽ chú giải và đối chiếu tên hiện nay của các nước này trong một chuyên đề khác.
		Quyển 59 – 63 Nghệ văn chí / 藝文志	
		Quyển 64 Tập sự chí / 雜事志 Các việc lạ, linh dị, truyền thuyết... ⁽¹⁾	[H] ⁽¹⁾ Thần Nam Hải, Thần Đổng Cổ [phụ khảo về trống đồng], Đổng trụ, Thiên Hậu...
	Tổng thể bố cục Chia ba phần, phần đầu [quyển 1- quyển 13] lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục ; phần hai [quyển 14- quyển 62] lấy địa phương làm cương, chuyên đề làm mục ; phần ba [quyển 63- quyển 72] lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục.	Tổng thể bố cục Lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục.	

Quy ước về địa danh khi dịch sang Việt văn.

Các địa danh có chữ “Châu” đi kèm, thường gặp trong bài viết này nằm trong 3 trường hợp:

Địa danh có âm vận “Châu / 州”, như Quỳnh Châu, Quảng Châu, Triều Châu, Cao Châu, Lô Châu, Liêm Châu, Khâm Châu... Chữ “Châu” trong những địa danh này chỉ nơi có nguồn gốc từng là đơn vị hành chính [khu vực cai trị] cấp châu thời Đường Tống, sang thời Minh Thanh các đơn vị này nâng lên làm phủ, hoặc hạ xuống làm huyện [trường hợp Khâm Châu], chữ châu được giữ làm một thành tố trong tên riêng. Trong tiếng Việt, đối với các văn bản

thuộc bối cảnh thời Minh Thanh, các địa danh này phải viết đủ [là Quỳnh Châu ...], thêm hoặc không thêm tên đơn vị hành chính phủ / huyện phía trước [phủ Quỳnh Châu, huyện Khâm Châu]. Không viết châu Khâm [có thể viết tắt là : huyện Khâm] ; không viết ba châu Cao, Lô, Liêm [có thể viết tắt : ba phủ Cao, Lô, Liêm (nhiều bản dịch sai điêm này)].

Địa danh đi kèm tên đơn vị hành chính cấp “châu / 州 ”, như Đam châu, Nhai châu, Vạn châu. Trong một số trường hợp có thể giữ nguyên cấu trúc như trong văn bản Hán, nhưng để phân biệt, không viết hoa chữ châu ; viết theo tiếng Việt là châu Đam, châu Nhai, châu Vạn. Ngày nay, đơn vị hành chính châu Nhai đổi gọi thị trấn Nhai Thành, châu Vạn đổi gọi thành phố Vạn Ninh [không giữ chữ châu làm thành tố như trường hợp 1] ; Nhai châu/ châu Nhai được giữ làm tên vịnh biển, nên viết vịnh Nhai Châu, chữ châu trong châu Đam vẫn giữ, là thành phố Đam Châu [2 trường hợp này viết hoa chữ Châu].

Địa danh đi kèm với chữ “châu / 洲 ” [có bộ thủy, nghĩa : cồn bãi, đảo, đại lục] như Vi Châu, Đại Mạo Châu... Đây là trường hợp khá phức tạp, địa đồ cổ viết Vi châu [cồn Vi], bản đồ mới viết Vi Châu đảo [đảo Vi Châu], Đại Mạo Châu có khi viết Đông Châu, các ghi chép này có xu hướng biến chữ châu làm thành tố cho địa danh [như các trường hợp Sa, Sơn, Nham, Lĩnh, Phong, Thạch...]. Tôi sẽ trở lại vấn đề này bằng một chuyên luận, trước mắt các địa danh loại này sẽ linh động theo văn cảnh và hầu hết giữ theo cấu trúc nguyên văn.

Trong các bản dịch đã công bố trước đây, vì chưa kịp hệ thống tư liệu nên người viết bài này có đôi chỗ sơ suất, xin độc giả điều chỉnh giúp các sai lầm nêu gặp phải.

Khảo sát và trích dịch

Những khảo sát về địa đồ và trích dịch các điều liên quan đến vùng biển phía nam Trung Hoa sau đây sẽ căn cứ chủ yếu vào *Quách chí* và *Hách chí*.

Khảo sát địa đồ

Quách chí, địa đồ toàn tỉnh đặt đầu quyển 1, địa đồ các phủ đặt đầu phần viết về mỗi phủ, rải trong phần Quận huyện chí (từ quyển 14 đến quyển 62)

Địa đồ toàn tỉnh Quảng Đông không có tiêu đề (quyển 1, tờ 1b-2a), trước địa đồ là lời dẫn có tiêu đề “Dư đồ”. Cực bắc là Mai Quan 梅關 và Đại Dữ Lĩnh 大庾嶺, cực nam là châu Nhai 崖 thuộc phủ Quỳnh Châu 瓊州, cực đông là huyện Nhiêu Bình 饒平 thuộc phủ Triều Châu 潮州, cực tây là Phân Mao Lĩnh 分茅嶺.

Địa đồ phủ Quỳnh Châu không có tiêu đề (quyển 57, tờ 1b-2a), trước địa đồ là lời dẫn có tiêu đề “Dư đồ”, địa đồ thể hiện bốn bên là biển, cực nam là Tuần ty Thông Viễn 通遠巡司 thuộc địa bàn châu Nhai. Sau địa đồ là mục “Đồ kinh”, tức phần văn phụ thuyết cho địa đồ, phần viết về châu Nhai có câu : “崖州南有鼇山其巖曰大小洞天” (quyển 57, tờ 3b) [xem phần trích dịch, dưới].

Hách chí, địa đồ toàn tỉnh và các phủ, địa đồ phòng vệ biển ... in chung trong quyển 3 [xem Bảng 1]

“Quảng Đông toàn tỉnh tổng đồ / 廣東全省總圖” (quyển 3, tờ 2a-3b). Cực bắc là Mai Quan 梅關 và Đại Dữu Lĩnh 大庾嶺, cực nam là châu Nhai 崖 thuộc phủ Quỳnh Châu 瓊州, cực đông là huyện Nhiêu Bình 饒平 thuộc phủ Triều Châu 潮州, cực tây là cột mốc Phân Mao Lĩnh 分茅嶺.

“Quỳnh Châu phủ cương vực đồ” (quyển 3, tờ 21b-22a) , thực tế ở góc trên phải tờ 21b thiếu [không có] tiêu đề “Quỳnh Châu phủ cương vực đồ” như địa đồ các phủ khác [lỗi bản khắc], ở góc trên trái tờ 22a là hàng chữ “瓊四面環海不載八至 / Quỳnh tứ diện hoàn hải bất tải bát chí” [Quỳnh, biển vòng quanh bốn mặt, không chép tám nơi đến], cực nam là Tuần ty Thông Viễn 通遠巡司 thuộc địa bàn châu Nhai.

“Quảng Đông hải phòng đồ / 廣東海防圖” được thực hiện trên 32 trang (16 tờ, từ tờ 27b - 43a), địa đồ này trình bày theo phép liên hoàn, bờ biển thuộc địa phận Quảng Đông nối nhau theo hình chữ Nhất [一], tổng đồ bố cục trên là biển dưới là đất liền, không định hướng. Nếu địa thể tương đối ổn định nam là biển, bắc là đất liền [như từ Trạm Giang đến Nam Áo] thì trên địa đồ sẽ đảo ngược dưới bắc trên nam, đoạn từ Trạm Giang đến Khâm Châu biển vòng ba mặt, phương hướng trên địa đồ có nhiều thay đổi. Bắt đầu từ vùng biển Quỳnh Châu (tờ 27b-28a), châu Nhai được đặt ở phần trên phải tờ 28a [trông giống như ở vào hướng bắc], cực nam trên thực địa [cực bắc trên địa đồ] là hai nơi được tiêu danh Tiểu Động Thiên 小洞天 và Đại Động Thiên 大洞天, hai nơi này cũng được ghi nhận trong “Hải phòng chí”: Đại Động Thiên là địa giới châu Nhai; Tiểu Động Thiên là địa giới châu Nhai⁹⁷. [Quân án, Địa đồ hải phòng này được trình bày trên không gian rộng rãi nhưng tiêu

⁹⁷ Xem nguyên văn ở phần trích dịch *Hách chí* quyển 9, quyển 13 ; Quách chí, quyển 57, mục Sơn xuyên, Nhai châu, viết: “về phía nam châu 20 dặm là Điều Đài Sơn, trên đỉnh có phiến đá như chiếc thuyền dài hơn một trượng, bên trong rộng bốn thước, có vệt như nhát kiếm, hang này gọi là Đại Tiểu Động Thiên.

danh thừa thốt, so với “Vạn lý hải phòng đồ” của Trịnh Nhượng Tăng hồi 200 năm trước đó, địa đồ hải phòng trong *Hách chí* có vẻ kém hơn.]⁹⁸

Trích dịch các điều mục liên quan,

Trích:

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 4a. Hình thắng toàn tỉnh

“形勝

粵東封域東南環海也東自閩之詔安縣界轉而南踰瓊州至西南爲安南界則四千里而盈西北皆山也西南自安南銅柱界繞而西爲西粵界”

[郝志- 卷之四, 疆域志, 第四頁前]

Châm câu và điểm địa danh [qua phiên âm]⁹⁹ :

“Hình thắng

Việt Đông phong vực, đông nam hoàn hải dã, đông tự Mân chi Chiếu An huyện giới chuyên nam du Quỳnh Châu, chí tây nam vi An Nam giới tắc tứ thiên lý ; nhi doanh tây bắc giai sơn dã, tây nam tự An Nam Đồng trụ giới nhiều nhi tây vi Tây Việt giới.”

Dịch:

“Hình thắng

Bờ cõi tỉnh Quảng Đông, biên ôm vòng phía đông nam, hướng đông từ địa giới huyện Chiếu An tỉnh Phúc Kiến chuyên sang hướng nam qua phủ Quỳnh Châu đến nơi địa giới An Nam ở phía tây nam là bốn ngàn dặm ; tiếp qua phía tây bắc đều là núi, từ chỗ trụ đồng địa giới An Nam vòng qua phía tây nam là địa giới tỉnh Quảng Tây.”

Phân tích :

Việt Đông tức Quảng Đông, phong vực tức cương vực/ lãnh địa, Mân tức Phúc Kiến, Tây Việt [hoặc Việt Tây] tức Quảng Tây. Đoạn văn này khái quát bờ cõi toàn tỉnh Quảng Đông, về phía bờ biển, ước tổng chiều dài tính từ nơi giáp Phúc Kiến vòng qua đảo Hải Nam vào huyện Khâm Châu nơi giáp biên giới Việt Nam khoảng hai ngàn cây số.

⁹⁸ “Vạn lý hải phòng đồ” in trong *Vạn lý hải phòng đồ luận* do Trịnh Nhượng Tăng soạn vẽ, trong thời Minh Gia Tĩnh (1522-1566), phần biển Quảng Đông 11 tờ (22 trang), tuy số trang ít hơn địa đồ *Hách chí* nhưng tiêu danh nhiều hơn, nhất là khu vực Quỳnh Châu. Xem *Trịnh Khai Dương tạp trí 11 quyển*, bản Văn Uyên Các Tứ khổ toàn thư.

⁹⁹ Nguyên văn hầu hết các sách phương chí mà tôi tham khảo đều không châm câu, không điểm danh từ riêng, nên đối với những đoạn quan trọng tôi châm câu và điểm danh qua phiên âm, mong độc giả trợ giúp kiểm tra bản dịch và góp ý để hiệu chỉnh.

Có thể xảy ra trường hợp chắm câu sai, hoặc trích ngang đoạn, lấy địa danh Quỳnh Châu làm chủ ngữ “ Quỳnh Châu chí tây nam vi An Nam giới tắc tứ thiên lý ”, khi rơi vào trường hợp này, không gian mặt biển và hải giới sẽ được diễn giải sai.

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 65b - 66b. Cương vực phủ Quỳnh Châu.

Trích:

“瓊州府

疆域

瓊州府至省城一千七百里地居海中廣九百七十里袤九百七十五里自雷渡海一日可至瓊為都繪會居島之北儋居西陞* [君按: 原本作郵 誤] 崖居南陞*萬居東陞*內包黎峒萬山峻拔外匝大海遠接外島諸國瓊管*[君按:原本作筭 同音義]古志云外匝大海接烏里蘇密吉浪之州南則占城西則真臘交趾東則千里長沙萬里石塘北至雷州府徐聞縣東至萬州海岸四百九十里西至儋州海岸四百八十里 南至崖州海岸九百六十五里北至環海鋪十里東北至文昌縣海岸一百六十里西南至感恩縣海岸八百一十里西北至臨高縣海岸二百八十里 東南至陵水縣海岸五百四十里上至京師九千七百一十五里外路由裏海順風五六日達廣州大海放洋者三四日可至東至福建則七八日浙江十三日西至廣州四日自儋州西行二日可達交趾萬寧縣三日可抵斷山雲屯縣崖州南行二日接占城國 ”

[郝志- 卷之四, 疆域志, 第六十五頁後至六十六頁後]

Chấm câu:

“Quỳnh Châu phủ

Cương vực

Quỳnh Châu phủ chí tinh thành nhất thiên thất bách lý, địa cư hải trung, quảng cửu bách thất thập lý, mậu cửu bách thất thập ngũ lý. Tự Lô độ hải nhất nhật khả chí. Quỳnh vi đô hội cư đảo chi bắc, Đam cư tây thủy [Quân án : nguyên bản viết bưu, ngộ]¹⁰⁰, Nhai cư nam thủy, Vạn cư đông thủy, nội bao Lê động, vạn sơn tuần bạt, ngoại tạp đại hải, viễn tiếp ngoại đảo chư quốc, Quỳnh quản [Quân án: nguyên bản viết quản, đồng âm/ nghĩa]¹⁰¹ cố chí vân: ngoại tạp đại hải, tiếp Ô Lý, Tô Mật, Cát Lăng

¹⁰⁰ Nguyên văn viết Bưu 郵, do sai từ bộ Phụ ra bộ Ấp, Quỳnh Châu phủ chí viết là Thủy 陞, xét thấy đúng nghĩa, căn cứ phủ chí đổi là Thủy.

¹⁰¹ Quản 管 và Quản 筭 đồng âm đồng nghĩa, Dư địa kỷ thắng và Gia Khánh trùng tu nhất thống chí đều viết 管.

chi châu; nam tắc Chân Lạp, Giao Chi; đông tắc Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc chí Lôi Châu phủ Từ Văn huyện. Đông chí Vạn Châu hải ngàn tứ bách cửu thập lý, tây chí Đam Châu hải ngàn tứ bách bát thập lý, nam chí Nhai Châu hải ngàn cửu bách lục thập ngũ lý, bắc chí Hoàn Hải Phố thập lý, đông bắc chí Văn Xương huyện hải ngàn nhất bách lục thập lý, tây nam chí Cẩm Ân huyện hải ngàn bát bách nhất thập lý, tây bắc chí Lâm Cao huyện hải ngàn nhị bách bát thập lý, đông nam chí Lăng Thủy huyện hải ngàn ngũ bách tứ thập lý, thượng chí Kinh sư cửu thiên thất bách nhất thập ngũ lý. Ngoại lộ do lý hải thuận phong ngũ lục nhật đạt Quảng Châu, đại hải phóng dương giả tam tứ nhật khả chí, đông chí Phúc Kiến tắc thất bát nhật, Triết Giang thập tam nhật, tây chí Quảng Châu tứ nhật. Tự Đam Châu tây hành nhị nhật khả đạt Giao Chi Vạn Ninh huyện, tam nhật khả để Đoán Sơn Vân Đồn huyện. Nhai Châu nam hành nhị nhật tiếp Chiêm Thành quốc”

Dịch:

“Cương vực

Phủ Quỳnh Châu đến tỉnh thành [Quảng Châu] 1.700 dặm, ở trong biển, từ đông sang tây 970 dặm, từ bắc xuống nam 975 dặm. Từ phủ Lôi Châu qua biển một ngày thì tới. Quỳnh Châu là nơi đô hội ở phía bắc đảo, châu Đam ở rìa tây, châu Nhai ở rìa nam, châu Vạn ở rìa đông, ôm động Lê ở giữa, núi non trùng điệp hùng vĩ, biển lớn vòng bên ngoài, phía xa tiếp giới những đảo ngoài của các nước. Sách *Quỳnh quản chí* xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Mộc, Cát Lãng; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chi; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lôi Châu. [Từ phủ lý] đông đến bờ biển châu Vạn 490 dặm, tây đến bờ biển châu Đam 480 dặm, nam đến bờ biển châu Nhai 965 dặm¹⁰², bắc đến Hoàn Hải Phố 10 dặm; [Từ phủ lý] phía đông bắc đến bờ biển huyện Văn Xương 160 dặm, phía tây nam đến bờ biển huyện Cẩm Ân 810 dặm, phía tây bắc đến bờ biển huyện Lâm Cao 280 dặm, phía đông nam đến bờ biển huyện Lăng Thủy 540 dặm, lên Kinh sư 9.715 dặm. Đường bên ngoài phủ: theo đường biển bên trong gặp gió thuận 5, 6 ngày tới Quảng Châu còn băng qua biển lớn bên ngoài thì 3, 4 ngày có thể tới; theo hướng đông 7, 8 ngày tới Phúc Kiến, 13 ngày tới Triết Giang; theo hướng tây 4 ngày tới Quảng Châu. Từ châu Đam theo hướng tây 2 ngày tới huyện Vạn Ninh [nước] Giao Chi, 3 ngày tới Đoán [Đoạn] Sơn huyện Vân Đồn. Từ châu Nhai theo hướng nam 2 ngày tiếp giới nước Chiêm Thành.

¹⁰² *Đại Minh nhất thống chí* chép: “từ phủ lý Quỳnh Châu về nam 1110 dặm đến lý sở châu Nhai”, hai con số lệch khá xa. *Hách chí* chép đoạn đường từ phủ lý đến tận bờ biển cực nam, tức vượt qua lý sở châu Nhai thêm 20 dặm, mà con số chỉ có 965 dặm. Hai sách chép lệch nhau 165 dặm

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 71a – 72a. Hình thắng phủ Quỳnh Châu.

Trích:

“瓊州府

形勝

瓊以海為界地饒食貨黎峒介峙郡邑環之瓊山都會之區土壤平衍前瞰清流後連碧海...萬州三曲水環泮宮六連山障州治千里長沙萬里石塘煙波隱見陵水週錄為禱雨之嶺雙女成迴瀾之渝嶼海波洶湧響答聲山...”

[郝志- 卷之四, 疆域志, 第七十一頁前至七十二頁前]

Châm câu:

“Quỳnh Châu phủ

Hình thắng

Quỳnh dĩ hải vi giới, địa nhiều thực hoá, Lê động giới trĩ, quận áp hoàn chi. Quỳnh Sơn đô hội chi khu, thổ nhượng bình điền, tiền khám thanh lưu, hậu liên bích hải... Vạn Châu Tam Khúc Thủy hoàn phán cung, Lục Liên Sơn chướng châu trị, thiên lý Trường sa, vạn lý Thạch đường, yên ba ẩn kiến. Lăng Thủy Chu Lục vi đảo vũ chi lĩnh, Song Nữ thành hồi lan chi du dư, hải ba hung dũng, hưởng đáp Thanh Sơn...”

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu

Hình thắng

Quỳnh Châu lấy biển làm biên, được đất tốt làm nền kinh tế, động Lê riêng cõi, thành trấn vây quanh. Huyện Quỳnh Sơn là nơi đô hội, địa thế bằng phẳng, trước nhìn xuống dòng xanh, sau dựa vào biển biếc... Vạn Châu sông Tam Khúc lượn quanh nhà học, núi Lục Liên che chắn nha môn, Trường Sa ngàn dặm, Thạch Đường vạn dặm, ẩn hiện trong khói sóng. Huyện Lăng Thủy có núi Châu Lục là nơi cầu mưa, hòn Song Nữ sóng vờn quanh quần, biển cả âm ào, đáp tiếng vọng từ đảo Thanh Sơn...”

Phân tích:

Đây là đoạn văn trích từ bài Tán mở đầu cho mục Hình thắng, thể biên ngẫu, nặng chất văn, nhằm ca tụng quang cảnh thiên nhiên, hàm nghĩa “tổng quát Quỳnh quận biệt khai tuyệt đảo”. Hầu hết các danh thắng được nói đến đều là những nơi đến được, thấy được, Tam Khúc Thủy còn gọi Nam Độ Khê hoặc gọi Đại Khê Thủy cách phía nam trị sở Vạn Châu 7 dặm, là một nhánh của Thích Dung Hà 踢容河, núi Lục Liên cách

phía bắc châu trị 60 dặm làm nơi tựa lưng cho phủ thành ; núi Chu Lục cách huyện lý Lăng Thủy 10 dặm về phía đông, gần cảng Thủy Khẩu, hòn Song Nữ ở ngoài khơi cửa cảng, hòn Thanh Sơn xa ra biển 30 dặm. Riêng hai nơi được gọi Thiên Lý Trường Sa và Vạn Lý Thạch Đường trong đoạn văn này hình như chỉ mang tính văn liệu nhằm tạo chất giọng hoành tráng hỗ trợ cho các danh thắng khác. Nếu thực có bãi cát, ngấn đá “ ần hiện trong khơi sóng” thuộc vùng biển Vạn Châu, thì đó là những nơi gần bờ biển, trong tầm mắt và chúng đang được diễn tả bằng mỹ từ ước lệ.

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 61b. Châu Vạn

Trích:

“萬州 - 山川

長沙海石塘海俱在城東海外洋古志云萬州有千里長沙萬里石塘然俱在外海莫稽其實”

[郝志- 卷之十三, 山川志 -四,第六十一頁後]

Châm câu:

“Vạn Châu

Sơn xuyên

Trường Sa hải - Thạch Đường hải, câu tại thành đông, hải ngoại dương, cổ chí vân: ‘Vạn Châu hữu Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhiên câu tại ngoại hải, mạc kê kỳ thực”

Dịch:

“Châu Vạn

Núi sông

Biển Trường Sa – biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng : ‘ Châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”

Phân tích:

Trong mục Sơn xuyên, phần châu Vạn, riêng vùng châu trị [không kể các huyện] điếm qua 20 danh sơn, 5 dòng sông lớn, 3 cửa cảng, 1 vịnh biển, khoảng cách và phương hướng từ châu trị đến các nơi ấy đều cụ thể. Trường hợp “biển Trường Sa – biển Thạch Đường” được chép sau cùng, như chỉ nhằm lưu giữ một truyền thuyết, kết luận của những người biên soạn Hách chí cho thấy đến thời điểm 1730, biển Trường Sa – biển Thạch Đường vẫn là nơi “biển ngoài / ngoại hải” và cũng nằm ngoài sự hiểu biết của họ. Cũng cần nói thêm về thông lệ biên soạn phương chí,

thường các tác giả biên soạn sau sẽ trích dẫn những thông tin từ các sách trước, kể đến là cập nhật thêm thông tin đương thời hoặc đính chính các sai lầm của người trước về đối tượng được đề cập, thí dụ [cùng nguồn, cùng viết về châu Vạn]: “ Nam cảng, cách trị sở châu 30 dặm về phía đông nam. Thông chí cũ viết là cách 150 dặm về phía đông, lầm”.

Hách chí, quyển 9, Hải phòng chí, tờ 4a-4b,

Trích:

“ 海防 - 形勢

衝要 自瓊州樂會縣接安南界起

大洞天 崖州界 .

小洞天 崖州界

雙洲門 陵水縣界

潤洲 錦囊所界

...[君注, 全目共載六十二處, 摘錄四處]*

共計五千里抵福建”

[郝志- 卷之九, 海防志, 第一頁前至六頁前]

Dịch:

“Hải phòng – Hình thảng

[Các nơi] Xung yếu, bắt đầu từ huyện Lạc Hội Quỳnh Châu nơi tiếp giới An Nam, [gồm các nơi]

Đại Động Thiên, giáp giới Nhai Châu [với An Nam]

Tiểu Động Thiên, giáp giới Nhai Châu [với An Nam]

Song Châu Môn, giáp giới huyện Lăng Thủy [với An Nam]

Vi Châu, giáp giới sở Cẩm Nang [với An Nam]

... [Quân chú, toàn mục cộng chép 62 nơi, trích lục 4 nơi]...

Tính chung năm ngàn dặm đến Phúc Kiến.”

Phân tích:

Trong “Hải phòng chí” mục Hình thảng trích dịch trên đây gồm 2 phần nội dung, phần đầu mô tả hải lộ với ba đường Đông lộ, Trung lộ, Tây lộ lấy điểm mốc từ Quảng Châu ra biển; phần sau là liệt kê 62 nơi xung yếu trên vùng biển thuộc Quảng Đông, từ nơi giáp giới biển An

Nam đến địa giới tỉnh Phúc Kiến. Trong 62 nơi này có 4 nơi giáp giới An Nam [đã trích dịch], chúng đều được tiêu danh trên địa đồ “Quảng Đông hải phòng đồ” (quyển 3, tờ 27b-43a) [xem phần Khảo sát địa đồ, trên]. Đại, Tiểu Động Thiên trên đỉnh núi Thi Kiếm Phong ven biển. Song Châu Môn cách trị sở Nhai Châu về phía đông 80 dặm, ngoài biển, qua phía đông giáp giới huyện Lăng Thủy và châu Nhai, xuống phía nam giáp giới biển An Nam. Đảo Vi Châu 瀛洲, còn gọi Đại Bồng Lai 大蓬萊, [nay thuộc Quảng Tây] ở phía nam phủ Liêm Châu, phía tây phủ Lô Châu, trong khoảng 109 độ kinh đông, 21 độ vĩ bắc. Về hệ thống quân sự, Vi Châu là địa bàn trú đóng thủy quân của sở Cẩm Nang, một trong năm sở [đôn biên phòng] thuộc vệ Lô Châu.

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 64b - 66b. Châu Nhai

Trích:

“崖州 -山川

南山嶺在城南十里亦名南山高二丈元王士熙名曰鰲*[君按:各志作鰲]山上有萬仞泉泉出石穴清冷可掬

試劔峰在城南二十里海濱山有巨石高二丈餘宋毛奎題小洞天三字刻石上南有石臨海題曰釣臺又東為大洞天有石室題曰海山奇觀旁有石題曰仙梯

雙洲門在城東八十里雙洲對峙狀如兩扉

大小玳瑁洲大洲在東海中小洲在西海中”

[郝志- 卷之十三, 山川志 -四, 第六十四頁後至六十六頁後]

Dịch:

“Châu Nhai – Núi sông

Nam Sơn Lĩnh cách phía nam trị sở châu 10 dặm, còn gọi Nam Sơn, cao 20 trượng. Vương Sĩ Hi thời Nguyên đặt tên Ngao Sơn [Quân chú, các chí viết Ngao bộ Mãnh 龍, Hách chí viết Ngao bộ Ngư 魚], trên có thác Vạn Nhận, thác bung ra từ hang đá, nước trong mát có thể vốc [uống]

Vạn Nhận Phong cách phía nam trị sở châu 20 dặm, sát biển, núi này có khối đá lớn cao hơn 2 trượng, người thời Tống là Mao Khuê viết ba chữ “Tiểu Động Thiên” khắc lên đó, phía nam có khối đá vươn ra biển viết chữ “Điều Đài” [chỗ ngồi câu], lại phía đông là Đại Động Thiên có khối đá viết chữ “Hải Sơn Kỳ Quan”, bên cạnh có khối đá viết chữ “Tiên Thê” [thang tiên]

Song Châu Môn cách phía đông trị sở châu 80 dặm, hai bãi đối nhau giống như hai cánh cửa.

Đại Tiểu Đại Mạo Châu, Đại Châu ở phía đông, trong biển, Tiểu Châu ở phía tây, trong biển.”

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 3b.

Trích:

“瓊州府- 圖經

崖州南有龍山其巖曰大小洞天”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 第四十四, 第三頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu - Đồ kinh

Phía nam châu Nhai có Ngao Sơn, có hang gọi Đại Tiểu Động Thiên.”

Phân tích:

Đồ kinh trong Quách chí nhằm lẫn, Ngao Sơn tức Nam Sơn, từ đây về phía nam thêm 10 dặm mới đến vùng núi Thí Kiếm Phong [Vạn Nhận Phong, Điều Đài Sơn] nơi có hang Đại Tiểu Động Thiên.

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 18a-b.

Trích:

“瓊州府- 山川

崖州 南十里曰南山其上有萬仞泉 壁立海偏為洲屏障石穴出清冷可掬
二十里曰釣臺山
峯頂有石船長丈餘中闊四尺中有試劍峯其巖曰大小洞天”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 第四十四, 第十八頁]

Dịch:

“Quỳnh Châu phủ - Sơn xuyên

Châu Nhai, cách về phía nam 10 dặm là Nam Sơn, trên có thác Vạn Nhận, như bức vách bên bờ biển, làm bình phong cho châu, có hang đá bung ra dòng nước trong mát có thể vốc uống, cách về phía nam 20 dặm là Điều Đài Sơn, đỉnh có phiến đá hình thuyền dài hơn trượng, trong rộng bốn thước, trong là Thí Kiếm Phong có hang gọi Đại Tiểu Động Thiên.”

Phân tích:

Đoạn này Quách chí chép đúng về vị trí Đại Tiểu Động Thiên, tức đã chép khác đi so với mục Đồ kinh

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 14b. Quỳnh Châu phủ

Trích :

“瓊州府- 山川

文昌縣北一百五十里曰七星山其下七星之泉出焉

在大海中峯連有七一名七洲洋山下出淡泉航海者必於取水採薪其東七星泉
晝夜混混不涸”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 第四十四, 第十四頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu – Núi sông

Huyện Văn Xương, cách về phía bắc huyện lỵ 150 dặm là Thất Tinh Sơn, dưới là nơi bung ra thác Thất Tinh, ở trong biển lớn, bảy ngọn liên nhau, còn có một tên là Thất Châu Dương Sơn, dưới có suối nước ngọt, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước, ở phía đông, thác Thất Tinh đồ ầm ào ngày đêm không dứt.”

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 41b. Huyện Văn Xương

Trích:

“文昌縣 -山川

七星山在城西北一百五十里各舊志在城東誤臨海高五百丈七峰如七星
連珠亦名七洲洋山明天啓時建塔於上”

[郝志- 卷之十三, 山川志 -四,第四十一頁後]

Dịch:

“Huyện Văn Xương – Núi sông

Thất Tinh Sơn cách phía tây bắc huyện lỵ 150 dặm, các thông chí cũ nói ở phía đông huyện lỵ, lằm, ra ngoài biển, cao 500 trượng, bảy ngọn như bảy vì sao liên như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn, trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, dựng tháp trên đó.”

Quách chí, quyển 72, Ngoại chí 7, Tạp lục- hạ, tờ 27a.

Trích:

“瓊州府

極外

交廣二州記珠崖在大海中南極之外吳時復置太守住徐聞縣遙撫之”

[郭志, 卷之七十二, 外志七, 雜錄下, 第二十七頁前]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu

Xứ ngoài cùng, sách *Giao Quảng nhị châu ký* [viết]¹⁰³ : Châu Nhai ở trong biển, ngoài cùng phía nam, thời Ngô đặt lại chức Thái Thú [nhưng] trú ở huyện Từ Văn mà quản lý từ xa.”

Nhận xét

Trai qua hai thời Minh- Thanh, hai bộ thông chí tiêu biểu đã cho thấy các địa đồ thể hiện cương vực tỉnh Quảng Đông về phía biển nam chỉ đến hết phần đất châu Nhai. Các địa danh nơi địa đầu được ghi nhận có chỗ giản lược có chỗ chi tiết, nhưng đều có sự tương quan và bổ túc cho nhau. Phối hợp các ghi chép về cương vực, hình thặng và sơn xuyên có thể thấy rằng núi cao ven biển cực nam là Thi Kiếm Phong/Điếu Đài Sơn, nơi có kỳ quan Đại Tiểu Động Thiên cách châu trị 20 dặm về phía nam, đảo ngoài khơi là Đại, Tiểu Đại Mạo Châu và Song Châu Môn cách châu trị không xa lắm về phía nam, với những con số dặm đường khá cụ thể. Phối hợp quan sát thêm “Vạn lý hải phòng đồ” của Trịnh Nhượng Tăng thời Minh Gia Tĩnh hồi hơn 100 năm trước và “Quảng Đông dư địa tổng đồ”¹⁰⁴ trong thông chí của Nguyễn Nguyên gần 100 năm sau – thời điểm hai bộ thông chí đang xét - sẽ thấy rằng cương vực tổng thể tỉnh Quảng Đông trong 400 năm không có gì thay đổi.

Xuyên suốt các thông chí, địa danh Thất Tinh Sơn hoặc gọi Thất Châu Dương Sơn đều được xác định là nơi ở biển phía đông hoặc tây bắc huyện Văn Xương, cách huyện lỵ khoảng hơn 50 cây số hoặc 75 cây số, tùy theo cách chép của từng chí.

Biển Trường Sa, biển Thạch Đường hay Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường được nhắc đến với lời kết luận rất rõ của những người biên soạn thông chí rằng, đó là nơi có ghi trong cổ chí nhưng trên thực tế không biết chúng ở nơi nào.

5. Địa phương chí

Địa phương chí liên quan trực tiếp đến vùng biển nam Trung Hoa là các phủ chí Quỳnh Châu. Theo biên chép trong *Dư địa kỷ thắng* (1221) thì vùng đảo này đã có chuyên thư về địa lý khá sớm, sách *Quỳnh quản chí* mà Vương Tượng Chi trích lục chí ít cũng ra đời sớm hơn *Dư địa kỷ*

¹⁰³ *Giao Quảng nhị châu ký*, còn gọi *Giao Quảng nhị châu xuân thu*, Vương Phạm 王範 soạn, đã mất, *Quách chí* có lưu tên sách này trong quyển 63 –Nghệ văn chí. *Thái Bình ngự lãm* [Tổng] còn lưu được một số điều mục từ sách này.

¹⁰⁴ Trung Hoa Tùng Thư *Quảng Đông Thông Chí*, (4 cuốn), Trung Hoa Tùng thư Biên thẩm ủy viên hội xuất bản, in chụp từ bản Nguyễn Nguyên *Quảng Đông Thông chí*, 334 quyển, Đài Bắc, 1959. Địa đồ “Quảng Đông Dư địa tổng đồ”, quyển 83, Dư địa lược 1, trang 1434-1435.

tháng vài mươi năm, cơ quan “Quỳnh quản an phủ đô giám” được thiết lập vào năm Tuyên Hoà thứ năm (1123) và tên sách được đặt theo tên cơ quan này¹⁰⁵.

Trong *Quảng Đông thông chí*, quyển 63- Nghệ văn chí, thấy Quách Phi chép tên ba bộ, một bộ viết trong thời Nguyên là *Quỳnh Hải phương dư chí 瓊海方輿志* của Sái Vi 蔡微; hai bộ thời Minh là *Quỳnh Đài ngoại kỷ, 5 quyển 瓊臺外紀 五卷* của Vương Tá 王佐¹⁰⁶ và *Quỳnh Đài chí 瓊臺志* của Đường Trạ 唐胄¹⁰⁷.

Trong thời Thanh, phủ chí Quỳnh Châu được biên soạn và bổ biên nhiều lần. Dựa vào bộ *Quỳnh Châu phủ chí, 44 quyển*, do Long Bản bổ san năm 1890- qua các lời Tựa được sưu tập trong bộ này - cho thấy trước Long Bản đã có các bộ của Ngưu Thiên Túc (1676), Giả Đường (1706), Tiêu Ứng Thực (1774), Minh Nghị (1836), Trương Nhạc Tung (1841) và một người bổ biên khuyết danh (1866)¹⁰⁸. Các trích đoạn khảo sát trong phần này dựa vào bản Long Bản¹⁰⁹.

[Bảng 2] **Mục lục Quỳnh Châu phủ chí:**

Mục lục <i>Quỳnh Châu phủ chí</i> 44 quyển và quyển Thù, Long Bản, 1890	瓊州府志目錄 四十四卷, 首一卷
-------------------------------------------------------------------------------	---------------------

¹⁰⁵ Xem chú thích 60, trên.

¹⁰⁶ *Quỳnh Hải phương dư chí* và *Quỳnh Đài ngoại kỷ* đã mất, còn lưu một số điều do các phương chí sau này trích lục.

¹⁰⁷ *Quỳnh Đài chí* được khắc in trong niên hiệu Chính Đức (1506-1521) nên các sách thư mục gọi là *Chính Đức Quỳnh Đài chí*, 44 quyển, hiện còn 40 quyển, mất các quyển 22,23,43,44 [theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd]. Được biết sách này đã xuất bản, do Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã năm 1964 (ảnh ấn theo bản Ninh Ba Thiên Nhất Các)

¹⁰⁸ Trong số các bộ này, *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục* (sdd) chỉ ghi nhận 2 bộ: 1/ *Quỳnh Châu phủ chí, 10 quyển*, Ngưu Thiên Túc, Chu Tử Hư 朱子虛 và ntg, khắc in trong niên hiệu Khang Hi; 2/ *Quỳnh Châu phủ chí, 10 quyển*, Tiêu Ứng Thực, Trần Cảnh Huân 陳景墳 soạn tu, khắc in trong niên hiệu Càn Long.

¹⁰⁹ *Quỳnh Châu phủ chí, 44 quyển và quyển Thù*, Lữ Đài Hải Nam Đồng Hương Hội ảnh ấn bản, không ghi năm, đóng thành 5 cuốn, đánh thêm số trang Arab liên tục cho 5 cuốn [2.324 trang], mục lục ghi có địa đồ nhưng trên sách không thấy.

<p>Quyển Thủ</p> <p>Lời Tựa, Địa đồ, Bảng biểu</p> <p>Lời Tựa, gồm các bài:</p> <p>“Lời tựa soạn tiếp QCPC” của Minh Nghị, tiến sĩ, Binh bị hai đạo Lôi Châu, Quỳnh Châu, Tri phủ Quỳnh Châu, không đề năm. [<i>Quỳnh Châu phủ chí</i> viết tắt QCPC].</p> <p>“Lời tựa soạn tiếp QCPC” của Trương Nhạc Tung, đề năm Đạo Quang Tân Sửu [1841].</p> <p>“Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hi thứ mười lăm [1676]” của Ngưu Thiên Túc, tiến sĩ, Tri phủ.</p> <p>“Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hi thứ bốn mươi lăm [1706]” của Giả Đường, Sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ.</p> <p>“Lời tựa soạn tiếp năm Càn Long thứ ba mươi chín [1774]” của Tiêu Ứng Thực, Sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ.</p> <p>“Lời tựa cho lần khắc in thêm QCPC” của Long Bản, Thụ tri phủ Quỳnh Châu, đề năm Đạo Quang thứ mười sáu [1890].</p> <p>Địa đồ, khuyết</p> <p>Bảng biểu, biểu diễn cách qua các đời.</p>	<p>卷首 序 圖 表</p> <p>序 :</p> <p>續修瓊州府志序 , 明誼進士, 廣東雷瓊兵備道知瓊州府事</p> <p>續修瓊州府志序 , 張岳崧道光辛丑</p> <p>康熙十五年重修志序, 牛天宿進士, 郡守</p> <p>康熙四十五年重修志序, 賈棠歲貢, 郡守</p> <p>乾隆三十九年續修志序, 蕭應植拔貢, 郡守</p> <p>補刊瓊州府志板序, 隆斌署瓊州府事, 光緒十六年</p> <p>圖 : [缺]</p> <p>表 : 歷代沿革表</p>
<p>Q. 1, Dư địa chí</p> <p>Thay đổi hành chánh, địa giới qua các đời</p>	<p>卷之一 輿地志</p> <p>歷代沿革</p>
<p>Q.2 , Dư địa chí</p> <p>Không gian tương ứng giữa các chòm sao và vùng đất</p> <p>Khí hậu, phụ chép về Thủy triều</p>	<p>卷之二 輿地志</p> <p>星野 ,</p> <p>氣候 潮汐 附</p>
<p>Q.3, Dư địa chí</p> <p>Bờ cõi [phân chép Tứ chí bát đảo các châu / huyện]</p> <p>Phong tục</p>	<p>卷之三 輿地志</p> <p>疆域</p> <p>風俗</p>

Q.4, Dư địa chí Núi sông, phụ chép Hang, động, giếng, thác Thuỷ lợi	卷之四 輿地志 山川 巖洞 井泉 附 水利
Q.5, Dư địa chí Sản vật	卷之五 輿地志 物產
Q.6, Kiến trí chí [Kiến trúc, xây dựng] Thành trì, phụ chép các công sở	卷之六 建置志 城池 公署 附
Q.7, Kiến trí chí Trường học [trường Nho học công lập ở phủ, châu, huyện] Thư viện [di tích thư viện danh nhân, các trường học tư và trường hương học]	卷之七 建置志 學校 書院
Q.8, Kiến trí chí Các nơi hành lễ và đền thờ [công cộng]	卷之八 建置志 壇廟
Q.9, Kiến trí chí Các khu dân cư, chợ Cầu cống, bến đò	卷之九 建置志 都市 橋渡
Q.10, Kiến trí chí Kho chứa lương thực Cổng tam quan, nhà bia kỷ niệm	卷之十 建置志 倉儲 坊表
Q.11, Kiến trí chí Di tích xưa, Khu mộ cổ Cơ sở từ thiện	卷之十一 建置志 古蹟 塋墓 養濟
Q.12, Kinh chính chí [Kinh tế, Hành	卷之十二 經政志

chánh] Tuyển cử, đề bạt Lương bổng, phụ thêm quy chế tiền tệ	銓選 祿餉錢法附
Q.13, Kinh chính chí Hộ khẩu Ruộng đất, phụ thêm đất tịch điền Đồn điền Phân loại đất trồng trọt Thuế khoá, phụ thêm việc nộp thổ sản	卷之十三 經政志 戶口 土田籍田附 屯田 科則 賦役土貢附
Q.14, Kinh chính chí Sản xuất muối Thuế chăn nuôi, tiểu thủ công, thương nghiệp, dịch vụ...Phụ thêm quy chế giảm thuế	卷之十四 經政志 鹽法 權稅豁除積弊附
Q.15, Kinh chính chí Quy chế tế tự Nho giáo [lễ hội công] Nơi thờ Phật	卷之十五 經政志 祀典 釋奠
Q.16, Kinh chính chí Quy chế giáo dục	卷之十六 經政志 學制
1) Q.17, Kinh chính chí Chế độ, cơ cấu quân đội Bưu chính Quy chế quản lý tàu bè	卷之十七 經政志 兵制 郵政 船政
Q.18, Hải Lê chí [việc biển và người Lê] Việc phòng vệ biển	卷之十八 海黎志 海防

Khí tượng, thủy văn	風潮
Q.19, Hải Lê chí Cướp biển Các kiến nghị về phòng vệ biển	卷之十九 海黎志 海寇 防海條議
Q.20, Hải Lê chí Tình hình người Lê Thôn động [người Lê]	卷之二十 海黎志 黎情 村峒
Q.21, Hải Lê chí Cửa quan, cửa ải	卷之二十一 海黎志 關隘
Q.22, Hải Lê chí Canh phòng người Lê, phụ, các đợt trấn áp người Lê	卷之二十二 海黎志 防黎 撫黎附
Q.22 – 25, Chức quan chí Cơ cấu quan lại	卷之二十三 至 卷之二十五 職官志
Q.26 – 28, Tuyển cử chí Người tài được tiến cử , Tiến sĩ , Cử nhân, Võ khoa, Sinh viên Quốc tử giám, Viên chức, Võ quan, Phong tặng cho con cháu danh thần công thần, Chức tước thế tập	卷之二十六 至 卷之二十八 選舉志 徵辟, 進士, 舉人, 武科, 貢選, 吏員, 營弁, 封贈,
Q.29 – 32, Hoạn Sư chí Quan từ Kinh đô điều đến [qua các thời, Hán đến Nguyên sơ lược, Minh Thanh chép kỹ]	卷之二十九 至 卷之三十二 宦師志

Thành tích chiến đấu Quan bị đày đến Người có danh từ nơi khác đến ở	宦績明, 國朝 武功, 謫宦 流寓
Q.33 – 37, Nhân vật chí Người hiền [Tống, Nguyên, Minh, Thanh] Trung nghĩa, con tốt bạn tốt, có học, có tên trên văn đàn, kiên định, sáng suốt, ở ẩn, sống lâu chết đẹp, các bậc thầy [y, lý, số, khoa kỹ], đạo sĩ sư sãi, đàn bà con gái tiết hạnh	卷之三十三 至 卷之三十七 人物志 名賢 宋,元,明, 國朝 忠義,孝友,儒林,文苑,篤行,卓行, 隱逸,耆舊旋壽附,方伎,仙釋,列女
Q.38 – 41, Nghệ văn chí Sắc, biểu, sớ, ký, tự, truyện, thư, nghị, bát, minh, tạp văn, tế văn, phú, thi. [suru tập]	卷之三十八 至 卷之四十一 藝文志 勅, 表, 疏, 記, 序, 傳, 書, 議, 跋, 銘, 雜文, 祭文, 賦, 詩.
Q.42 – 44, Tạp chí Sự kiện [biên niên sự kiện trích từ chính sử và phương chí từ Hán đến Thanh] Thư mục có liên quan qua các thời, [phân Kinh, sử, tử, tập] Chép lại văn khắc trên đồng trên đá Truyện kể dân gian Chuyện lạ kỳ	卷之四十二 至 卷之四十四 雜志 事紀, 藝文書目, 金石, 遺事, 紀異.
Toàn bộ phân thành 10 chí	全部分十志

Trích dịch

Trích :

Q.1, Dư địa chí 1, Diên cách, tờ 9b [cuốn 1, tr.86]

“瓊州府本古雕題離耳二國漢武帝平南越遣軍往漲海洲上畧得之始置珠崖儋耳二郡督於交州 黃佐廣東通志圖經”

[瓊州府志,卷之一,輿地志-沿革, 第九頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu vốn xưa là hai nước Điêu Đề, Ly Nhĩ, lúc Hán Võ đế dẹp yên Nam Việt sai quân vượt các châu trên Trường Hải mà lấy được, bắt đầu đặt hai quận Châu Nhai, Đàm Nhĩ, cho thuộc Giao Châu, theo Hoàng Tá, *Quảng Đông thông chí*- Đồ kinh.”

Trích:

Q.2, Dư địa chí 3, Triều tịch, tờ 8a [cuốn 1, tr.121]

“謝承後漢書曰交趾七郡貢獻皆從漲海出入則瓊之海其漲海乎澄邁志 . 南溟者天池也地極燠故曰炎海水恒溢故曰漲海沸海 文昌志”

[瓊州府志,卷之二,輿地志-潮汐, 第八頁後]

Dịch:

“Trong *Hậu Hán thư*, Tạ Thừa¹¹⁰ nói rằng ‘ bảy quận Giao Chỉ đến triều cống đều ra vào theo ngã Trường Hải’, tất biển Quỳnh Châu là Trường Hải vậy’ theo Trưng Mại huyện chí.

Biển nam là ao trời, nơi rất nóng gọi là viêm hải, nơi nước dâng rất cao gọi là trường hải, phí hải. theo Văn Xương huyện chí.”

Phân tích:

Ba đoạn trích dịch trên đây đề cập đến tên gọi Trường Hải, do Quỳnh Châu phủ chí trích lục từ ba nguồn. Một, từ mục Đồ kinh trong Quảng Đông thông chí của Hoàng Tá (Minh); hai, từ huyện chí huyện Trưng Mại; ba, từ huyện chí huyện Văn Xương.

Cả ba đoạn đều có liên quan đến tên gọi Trường Hải, hai đoạn xác định Trường Hải là vùng biển Quỳnh Châu. Trưng Mại là huyện nằm phía tây bắc Quỳnh Châu, vùng biển Trưng Mại giáp vùng biển bán đảo Lôi Châu và vùng biển vịnh Bắc Bộ [Việt Nam], huyện chí Trưng Mại viết về địa bàn bản huyện, việc huyện chí trích lục Tạ Thừa cũng do yếu tố liên quan nguồn gốc lịch sử của địa danh.

¹¹⁰ *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa khác với bộ chính sử *Hậu Hán thư* của Phạm Diệp-Tư Mã Bưu. Viết về thời Đông Hán, ngoài bộ Chính sử còn có 7 bộ khác [xếp vào loại Biệt sử], của Tạ Thừa là một. Người thời Thanh là Ưng Văn Đài 汪文臺 gom bảy bộ làm thành một sách, đề tên là *Thất gia Hậu Hán thư*, 21 quyển.

Văn Xương là huyện phía đông bắc Quỳnh Châu, huyện này nhìn ra vùng biển rộng lớn hơn so với huyện Trùng Mai, huyện chỉ huyện Văn Xương nhắc đến trường hải với hàm nghĩa là một tỉnh từ [không phải địa danh].

Trích:

Q.3, Dư địa chí 4, Cương vực, tờ 1a [cuốn 1, tr.125]

“瓊州地居海中東西距九百七十里南北距九百七十五里自徐聞渡海半日可至瓊爲都會居島之北儋居西陲崖居南陲萬居東陲內包黎峒萬山峻拔外匝大海遠接島夷諸國瓊筦古志云外匝大海接烏里蘇吉浪*[君按: 各志作‘蘇木吉浪’]之州南則占城西則眞臘交阯*[君按: 各志作‘趾’]東則千里長沙萬里石塘北接雷州府徐聞縣蕭志東至萬州烏魚場海岸四百九十里南至崖州小洞天海岸一千一百三十里西至儋州羊浦海四百八十里北至環海舖十里 牛志”

[瓊州府志,卷之三,輿地志-疆域,第一頁前]

Dịch:

“Quỳnh Châu ở trong biển, khoảng cách đông tây 970 dặm, nam bắc 975 dặm, từ huyện Từ Văn qua biển nửa ngày thì tới. [phủ] Quỳnh Châu là nơi đô hội, ở phía bắc đảo, châu Đam ở rìa tây, châu Nhai ở rìa nam, châu Vạn ở rìa đông, [bốn nơi này] bao bọc động Lê. Núi non trùng điệp hùng vĩ, biển lớn vòng bên ngoài, phía xa tiếp giới hải đảo các nước. Sách *Quỳnh quản chí* xưa viết rằng : biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Cát Lãng⁽¹¹¹⁾ ; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chi⁽¹¹²⁾; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lô Châu, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực. [từ phủ lý] Phía đông đến bờ biển bãi Ô Ngư châu Vạn 490 dặm, phía nam đến bờ biển nơi Tiểu Động Thiên châu Nhai 1130 dặm¹¹³, phía tây đến biển Dương Phố châu Đam 480 dặm, bắc đến Hoàn Hải Phố 10 dặm, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Ngưu Thiên Túc.”

Trích:

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 15b [cuốn 1, tr.180]

“文昌縣

¹¹¹ Nguyên văn địa danh này trong *Dư địa ký* thẳng qua các trích lục khác thấy viết là “Tô Mộc, Cát Lãng”, *Quỳnh Châu Phủ chí* trích lục thiếu chữ Mộc.

¹¹² Chữ Chi bộ Phụ 隸, xét cách viết chữ Chi [tên nước Giao Chi] trong các tổng chí và thông chí qua các đoạn đã trích hầu hết thấy viết chữ Chi bộ Túc 趾.

¹¹³ Ngưu Thiên Túc lấy con số dặm đường theo *Đại Minh nhất thống chí*, tức từ phủ lý Quỳnh Châu đến lý sở châu Nhai 1110 dặm [xem chú 102], cộng thêm 20 dặm đến Tiểu Động Thiên.

七洲洋山在縣東百餘里大海中七峯連峙與銅鼓山相屬俱有石門上有山下有泉航海者皆於此樵汲元劉深追宋端宗獲俞如圭於此縣志[文昌]

[瓊州府志,卷之四,輿地志-山川,第十五頁後]

Dịch:

“Văn Xương huyện,

Thất Châu Dương Sơn ở trong biển lớn, cách phía đông huyện lỵ hơn trăm dặm, bảy ngọn nối nhau cùng với núi Đồng Cổ tiếp liền như công đá, trên có núi dưới có thác/ suối, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước. Thời Nguyên, Lưu Thâm đuổi Tống Đoan tông, bắt Du Như Khuê ở chỗ này, theo Huyện chí [Văn Xương].”¹¹⁴

Phân tích:

Tống Đoan tông tức Cát vương Triệu Thị, quân chủ cuối cùng nhà Tống, trong những tháng găng gượng của triều đại này, Triệu Thị đóng hành cung tại vùng Quảng Châu. Tống sử chép: Năm [Nguyên] Chí Nguyên thứ 14 (1277), tháng 11, [Tả thừa] Tháp Xuất vây Quảng Châu. Ngày canh dãn Trương Chấn Tôn đem thành đầu hàng. Nguyên soái Lưu Thâm đem thuyền đuổi Thị đến Thiển Loan, Thị chạy ra Tú Sơn. Trần Nghi Trung chạy vào đất Chiêm Thành, cuối cùng không về được.

Ngày binh tỵ tháng 12, Thị đến Tinh Áo, gió bão to khiến nhiều thuyền vỡ chìm, Thị sanh bệnh. Hơn mười ngày thì quan binh mới dần tụ lại, mười phần chết hết bốn, năm. Ngày định sữu, Lưu Thâm đuổi Thị đến Thất Châu Dương, bắt Du Như Khuê rồi quay về.”

Huyện chí huyện Văn Xương đã tham khảo Tống sử, bổ sung sự kiện lịch sử vào thực địa, là điểm mới so với các ghi chép khác về Thất Châu Dương.

[Bảng 3] **Diễn biến các ghi chép về Thất Châu Dương:**

<p><i>Dư địa ký</i> <i>thắng,</i> Vương Tượng Chi 1221</p>	<p>Q.124, Quỳnh Châu- Cảnh vật hạ</p> <p>Thất Tinh Sơn, tại phía đông huyện Quỳnh Sơn, nơi giáp giới bờ biển huyện Văn Xương, trông như bảy vì sao.</p> <p>Thất Tinh Lĩnh, ở gần bờ biển huyện Văn Xương, thế như chuỗi ngọc.</p>
-----------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

¹¹⁴ *Tống Sử*, quyển 47, Bản kỷ 47, Doanh Quốc công, phụ Nhị vương. Bản in THHC cuốn 3, tr. 939, 943-944. Xem nguyên văn tại *Tống sử* hoặc xem Phạm Hoàng Quân “ Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1, 2011 [trang 66].

<p><i>Minh Nhất Thống Chí</i> Lý Hiền 1461</p>	<p>Q.82, Quảng Đông Bổ chánh ty Thất Tinh Sơn, ở gần bờ biển phía đông huyện Văn Xương, núi có bảy ngọn, trông như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn.</p>
<p><i>Quảng Đông thông chí</i>, Quách Phi 1602</p>	<p>Q.57, Quận huyện chí Phủ Quỳnh Châu – Núi sông Huyện Văn Xương, cách về phía bắc huyện lỵ 150 dặm là Thất Tinh Sơn, dưới là nơi bung ra thác Thất Tinh, ở trong biển lớn, bảy ngọn liền nhau, còn có một tên là Thất Châu Dương Sơn, dưới có suối nước ngọt, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước, ở phía đông, thác Thất Tinh đổ ào ào ngày đêm không dứt.</p>
<p><i>Quảng Đông thông chí</i>, Hách Ngọc Lân 1731</p>	<p>Q.13, Sơn xuyên chí Huyện Văn Xương Thất Tinh Sơn cách phía tây bắc huyện lỵ 150 dặm, các thông chí cũ nói ở phía đông huyện lỵ, lằm, ra ngoài biển, cao 500 trượng, bảy ngọn như bảy vì sao liền như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn, trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, dựng tháp trên đó.</p>
<p><i>Gia Khánh trù tu nhất thống chí</i>, Mục Chương A 1842</p>	<p>Q. 452. Quỳnh Châu phủ- Sơn Xuyên Thất Tinh Sơn ở phía bắc huyện Văn Xương, sách <i>Dư địa ký thảng</i> chép rằng bờ biển nơi địa giới huyện Văn Xương [có 7 ngọn] như 7 vì sao làm thành chuỗi ngọc, <i>Minh thống chí</i> chép núi có 7 ngọn có tên là Thất Châu Dương Sơn, sách <i>Thông chí</i> chép rằng núi này cách huyện lỵ Văn Xương về phía bắc 150 dặm, ở ngoài biển khơi, trên có rừng cây tươi tốt, dưới có khe ngòi, là nơi người đi biển ghé lấy củi lấy nước. Khoảng những năm Thiên Khải thời Minh [1621-1627] có dựng tháp nơi ấy, ở [ngọn núi] mé đông có suối 7 dòng, ngày đêm ào ào không dứt.</p>
<p><i>Quỳnh Châu phủ chí</i> Long Bân 1890</p>	<p>Q.4, Dư địa chí- Sơn xuyên Huyện Văn Xương, Thất Châu Dương Sơn ở trong biển lớn, cách phía đông huyện lỵ hơn trăm dặm, bảy ngọn nối nhau cùng với núi Đồng Cổ tiếp liền như công đá, trên có núi dưới có thác/ suối, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước. Thời Nguyễn, Lưu Thâm đuổi Tổng Đoàn tông, bắt Du Như Khuê ở chỗ này.</p>

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 32b [cuốn 1, tr.214]

“萬州

長沙海石塘海俱在城東外洋古志云萬州有千里長沙萬里石塘然俱在外海海舟觸沙立碎入港多無出者人不敢近莫稽其實¹¹⁵ 蕭志”

[瓊州府志,卷之四,輿地志-山川, 第三十二頁後]

Dịch:

“Châu Vạn,

Biển Trường Sa, biển Thạch Đường đều phía đông lý sở châu, trong đại dương bên ngoài. Phương chí xưa viết rằng: ‘châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’ nhưng đều ở biển ngoài, thuyền đi biển vướng cát ắt vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần [nên] không xét rõ sự thật được, theo *Quyển Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực”

Phân tích:

Hách chí đã viết: “*Biển Trường Sa – biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được’.* *Quyển Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực [mà Long Bản dẫn] soạn xong sau *Hách chí* 44 năm, thêm vào một đoạn: “*thuyền đi biển vướng cát ắt vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần*”, ghi chép này có thể gọi là thêm hư vào hư. Bắt đầu từ thời Tống cho đến gần cuối thời Thanh, Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường vẫn mang tính truyền thuyết.

[Bảng 4] **Diễn biến các ghi chép về Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường:**

Dư địa kỷ thắng, Vương Tượng Chi 1221, dẫn <i>Quyển quán chí</i> [~ 1140]	<i>Quảng Đông thông chí</i> , Hách Ngọc Lâm 1731	<i>Quảng Đông thông chí</i> , Hách Ngọc Lâm 1731	<i>Quyển Châu phủ chí</i> Long Bản 1891, dẫn Tiêu Ứng Thực [1774]
Q. 127 “Cát Dương quân, Hình thắng	Q. 4, Cương vực chí “Phủ Quỳnh	Q. 13, Sơn xuyên chí “ Vạn châu [châu	Q. 4, Dư địa chí

¹¹⁵ Trong bản in tôi tham khảo, đoạn văn này “沙立碎入港多無出者人不敢近莫稽其實” có dấu cắt rập từ bản thảo trước khi in, đây cũng là nội dung được chen vào một đoạn “沙立碎入港多無出者人不敢近” so với bản *Hách chí*.

<p>Quỳnh quân chí viết : ‘ngoài là các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng, cùng đối ngang với Chiêm Thành ; tây là Chân Lạp, Giao Chi ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, trên dưới mờ mịt, ngàn dặm một màu, thuyền bè qua lại, chim bay gần bên đầu bên cổ mà không thấy sợ.</p>	<p>Châu, Sách <i>Quỳnh quân chí</i> xưa viết rằng : biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chi; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lôi Châu.</p>	<p>Vạn] Biển Trường Sa, biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng : ‘ Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”</p>	<p>“Vạn châu, Biển Trường Sa, biển Thạch Đường đều phía đông ly sở châu, trong đại dương bên ngoài. Phương chí xưa viết rằng: ‘Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’ nhưng đều ở biển ngoài, thuyền đi biển vương cát ất vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần [nên] không xét rõ sự thật được,</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 36b, 37b [cuốn 1, tr.222, 224]

“崖州

試劍峰在城南二十里海濱山有巨石高二丈餘宋毛奎題小洞天三字刻石上南有一石臨海題曰釣臺東爲大洞天有石室題曰海山奇觀旁有一石題曰仙梯下有靈應泉禱雨多應 蕭志”

“大小玳瑁洲大洲在東海中小洲在西海中蕭志”

[瓊州府志,卷之四,輿地志-山川, 第三十六頁後-三十七頁後]

Dịch:

“Châu Nhai,

Thí Kiếm Phong cách phía nam trị sở châu 20 dặm, sát biển, núi này có khối đá lớn cao hơn 2 trượng, người thời Tống là Mao Khuê viết ba chữ “Tiêu Động Thiên” khắc lên đó, phía nam có khối đá vuron ra biển viết chữ “Điếu Đài”, phía đông là Đại Động Thiên có hang đá viết chữ “Hải Sơn Kỳ Quan”, bên cạnh có một tảng đá viết chữ “Tiên Thế”, dưới là suối Linh Ân, cầu mưa rất ứng nghiệm, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực.

Đại Tiêu Đại Mạo Châu, Đại Châu ở phía đông, trong biển, Tiêu Châu ở phía tây, trong biển, theo *Quyển Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực”

Phân tích:

Đoạn này Tiêu Ứng Thực chép lại gần như trọn vẹn nội dung từ Hách chí, chỉ khác cách dùng tên núi đặt ở đầu mục, Hách chí đề đầu mục là Vạn Nhận Phong, Tiêu chí đề Thí Kiếm Phong, hai địa danh này ở cùng một vùng núi nên không sai, Tiêu bổ sung thêm suối Linh Ân và vụ cầu mưa.

Q.18, Hải Lê chí 1, Hải phòng, tờ 3a-3b [cuốn 3, tr.937]

Trích:

“崖州協水師營分管洋面東自萬州東澳港起西至昌化縣四更沙止共巡洋面一千里南面直接暹邏占城夷洋西接儋州營洋界東接海口營洋界”

[瓊州府志,卷之十八,海黎志-海防, 第三頁]

Dịch:

“Hiệp Thủy sư doanh châu Nhai quản lý phần mặt biển: phía đông bắt đầu từ cảng Đông Áo châu Vạn đến phía tây nơi Tứ Canh Sa huyện Xương Hoá thì dừng, mặt biển tuần tra cộng một ngàn dặm. Mặt phía nam thẳng tiếp biển Di, Xiêm La, Chiêm Thành, tây tiếp ranh giới biển doanh Đam Châu, đông tiếp ranh giới biển doanh Hải Khâu.”

Phân tích:

Theo tuyến đường biển vận tải ngày nay, từ cảng Tam Á đến cảng Đông Áo [110°20' E – 18°40' N, thuộc thành phố Vạn Ninh] khoảng 150 km, từ cảng Tam Á đến Tứ Canh Sa [108°35' E – 19°20' N, khoảng giữa cảng Bát Sở và cảng Bắc Lê] khoảng 250 km, cộng 2 tuyến 400 km. Dặm Thanh = 576 m, 1000 dặm Thanh = 576 km. Con số vôi ra 167 km ứng với các đoạn đường quanh co trong công tác tuần tra.

Q.18, Hải Lê chí 1, Hải phòng, tờ 8a [cuốn 3, tr.947]

Trích:

“崖州海防

...大蠶港東一百里有三亞港可泊大船十*[君按: 原本作大, 誤]餘隻遇北風多於此下碇港內有崖州協水師汛防及砲臺南距二十里曰東玳瑁洲曰螞蝗洲均不可泊船”

[瓊州府志,卷之十八,海黎志-海防, 第八頁前]

Dịch:

...Phía đông cảng Đại Đản 100 dặm là cảng Tam Á, [nơi này] có thể đậu hơn 10 thuyền lớn¹¹⁶, gặp gió đông bắc thổi mạnh phần lớn [các thuyền] bỏ neo ở đây, trong cảng là nơi trú đóng và đặt pháo đài của Hiệp thủy sư châu Nhai, cách về phía nam 20 dặm là Đông Đại Mạo Châu là Mã Hoàng Châu, [hai nơi này] đều không thể đậu thuyền.

Nhận xét

Như nhiều địa phương chí khác, Quỳnh Châu phủ chí có giá trị đặc biệt bởi tính chuyên nhất và sâu sát thực địa về một địa bàn nhỏ. Các biên chép không mâu thuẫn với tổng chí và thông chí mà chúng chỉ mở rộng hơn các thông tin vốn được ghi nhận giản lược bởi các nhóm biên soạn từ xa.

Pủ chí Quỳnh Châu trích tuyển ba điều về vùng biển mang tên Trương Hải, ba điều này nói rõ được về lịch sử địa danh, vị trí và tính chất của Trương Hải. Điểm này có thể làm cơ sở để cải chính các kết luận sai lạc về không gian vùng biển Trương Hải trong nhiều nghiên cứu gần đây.

Ghi chép về Thất Châu Dương rõ ràng, vị trí địa lý thống nhất với tổng chí và thông chí.

Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường được ghi chép với tính cách lưu giữ truyền thuyết, không xác định vị trí và cũng không gợi ý phỏng đoán.

Ra đời vào thời điểm cuối nhà Thanh, phủ chí Quỳnh Châu góp phần củng cố các nhận định, xác định về cương giới biển mà Nhất thống chí thời Gia Khánh và các thông chí qua hai triều Minh Thanh đã đề cập. Do được biên soạn sau cùng, phủ chí cho thấy rằng, không có thay đổi nào đáng kể về phạm vi quản lý hành chính, cũng không thấy ghi chép về hoạt động dân sự mở mang khai thác hoặc thủy quân hoạt động tuần tra đối với các hải đảo xa hơn Đại Mạo Châu phía cực nam châu Nhai.

6. Tổng Luận

[Bảng 5] Danh mục các phương chí chủ yếu đã khảo sát, trích dịch.

	Tên sách	Tác giả	Năm thành sách	Loại
1	Nguyên Hoà quận huyện chí	Lý Cát Phủ	813	Tổng chí,

¹¹⁶ Nguyên văn viết: “khả bạc đại thuyền đại dư chích / 可泊大船大餘隻”, có lẽ chữ **đại** bị sai từ chữ **thập**.

	Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Tổng chí			Sắc tuyền
2	Nguyên Hoà quận huyện đồ chí	Nghiêm Quan, Nghiêm Tiến Phủ	1775 [Đặc cách] ¹¹⁷	Bổ tống chí, tư tuyền
3	Thái Bình hoàn vũ ký Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Tổng chí	Nhạc Sử	976-983	Tống chí, tư tuyền
4	Nguyên Phong cứu vực chí Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Tổng chí	Vương Tồn	1080	Tống chí, Sắc tuyền
5	Dư địa quảng ký Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Tổng chí	Âu Dương Văn	1111-1117	Tống chí, tư tuyền
6	Dư địa kỷ thắng	Vương Tượng Chi	1221	Tống chí, tư tuyền
7	Đại Minh nhất thống chí Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Tổng chí	Lý Hiền	1461	Tống chí, Sắc tuyền
8	Quảng Đông thông chí	Quách Phi	1602	Thông chí, Quan tu
9	Quảng Đông thông chí Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Đồ hội quận huyện	Hách Ngọc Lân	1731	Thông chí, Sắc tuyền
10	Khâm định Đại Thanh nhất thống chí Nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Tổng chí	Hoà Thân,	1763	Tống chí, Sắc tuyền

¹¹⁷ Bộ này đáng lẽ phải phải nằm ở số thứ tự 10 trong bảng biểu [theo năm thành sách], nhưng vì có quan hệ gắn kết với *Nguyên Hoà quận huyện đồ chí* nên đặt làm ngoại lệ

11	Quảng Đông thông chí	Nguyễn Nguyên, Trần Xương Tề	1822	Thông chí, Sắc tuyền
12	Gia Khánh trùng tu Đại Thanh nhất thống chí	Mục Chương A, Lý Tá Hiền	1842	Tổng chí, Sắc tuyền
13	Quyển Châu phủ chí	Long Bản	1890	Địa phương chí, quan tu

Theo trình tự lịch đại, khảo luận này trải dài trong hơn một ngàn năm, với địa bàn nghiên cứu trọng tâm là vùng biển cực nam Trung Hoa. Những phương chí đã khảo sát có quy mô và hình thức ký tải khác nhau, từ những ghi chép đơn sơ thời Đường Tống, dữ liệu về các vùng địa lý, các vị trí địa lý được cập nhật dần, cho đến cuối Thanh thì diện mạo tổng quan và những đặc thù từng nơi đạt đến độ hoàn chỉnh.

Trong phạm vi học thuật, qua phần đề yếu 13 bộ chính và gần mười bộ hữu quan khác, phối hợp với các mục lục phương chí tiêu biểu đã trích lục trọn vẹn [bảng 1& 2], chúng ta có thể hình dung được tiến trình từ sơ khởi đến hoàn thiện của loại hình phương chí Trung Hoa. Đến sau thế kỷ XV, phương chí dần chuyển theo hướng tập trung dữ liệu hỗn hợp và điều này đã khiến chúng trở thành nơi cất chứa nhiều sử liệu quý, có giá trị nhiều mặt trong việc tìm hiểu lịch sử các mô hình chính trị, các hoạt động xã hội và những đặc trưng văn hoá trong từng triều đại. Đối với thông chí Quảng Đông - ngoài những dữ liệu được thu thập theo tiêu chí chung như những tỉnh khác - do điều kiện địa lý và quan hệ giao thương, nó còn bổ sung cho chính sử nhiều tư liệu mang tính thực địa về mối tương quan với các nước lân cận và xa phía biển ngoài. Quyển Châu nằm ở thế “trong Lê ngoài biển”, tình trạng sắc tộc, vấn đề biển cả với sóng và cướp là mối lo ngại triền miên của triều đình và các quan trấn nhậm hiện rõ trong *Quyển Châu phủ chí*, ngoài những biên chép tập trung trong năm quyển Hải Lê chí, chúng còn phân tán trong nhiều chí nhiều quyển khác. Các đặc trưng về văn hoá biển, văn hoá sắc tộc, tâm lý quan lại... ẩn chứa trong các tư liệu thông chí Quảng Đông và phủ chí Quyển Châu có thể là một đề tài nghiên cứu hấp dẫn.

Các ghi chép trong phương chí thể hiện tính liên kết, các điều mục được trích lục đan xen bởi ba loại phương chí, việc phân 3 loại chỉ trên hình thức nhằm tạo sự thuận lợi trong việc hệ thống hoá các dữ liệu. Qua đối chiếu những ghi chép trong nhiều phương chí về cùng một đối tượng địa lý, kết quả cho thấy các ghi chép chỉ khác đôi chút về cách diễn đạt,

nội dung thông tin phần lớn được giữ vẹn, tuy có trường hợp một mẫu thông tin bị chia hoặc bị cắt nhưng việc chia cắt đã không làm hiểu sai vấn đề. Trên cùng một địa bàn, dữ liệu được sử dụng trong ba loại phương chí không tách rời, nguồn thông tin được dẫn dắt qua lại, bổ túc cho nhau và tạo thành một khối tư liệu nhiều mặt về một địa bàn, một vị trí cụ thể nào đó [bảng 3 & 4].

Cũng phải kể đến tính kế thừa, chuyển tiếp tư liệu trong tinh thần nghiêm túc của các tác giả phương chí, các trích dẫn của những nhóm biên soạn về sau đa số đều lưu giữ nguồn thông tin trước, các ghi chép cập nhật được tách biệt. Ưu điểm này đã giúp cho khối tư liệu tích lũy lâu đời càng dày dặn mà không lẫn lộn, vừa bảo lưu được bề dày văn hiến vừa tạo thuận lợi cho việc xác minh, kiểm chứng của người sau. Qua bộ *Quyển Châu phủ chí 1891*, người ta không chỉ biết đến khoảng hai mươi bộ phương chí trước đó, bốn mươi bộ sử thư có liên quan mà còn đọc được nguyên văn trích từ các sách ấy, lúc này, nó như là nơi gián tiếp đưa người đọc đến với dữ liệu gốc. Có thể xem đây là một hình thức hệ thống hoá tư liệu, qua đó thấy được trình tự diễn biến tư liệu, và cũng thấy được những điểm sai lầm của phương chí trước qua phần đính chính của các phương chí sau. Ưu điểm này không riêng trong loại hình phương chí Trung Hoa, mà còn là đặc điểm nổi bật trong sử học và nhiều ngành học thuật cổ truyền khác.

Có mối liên thông với chính sử nên phương chí được mệnh danh là địa phương sử / khu vực sử. Trên đại thể, phương chí lấy đất đai làm cương, theo dõi những hoạt động trên một khu vực hành chính. Chính sử lấy sự kiện làm cương, địa phương nào có việc nổi bật hoặc can hệ đến quốc sự thì mới được nhắc đến, do Tổng Đồn tổng trên đường bồn tẩu ghé qua mà Thất Châu Dương được chép tên vào *Tổng sử*. Chính sử lập chuyên đề cho cả nước nên việc biên chép về một nơi nào đó vừa phân tán vừa sơ lược, Thiên văn chí và Luật lịch chí trong *Nguyên Sử* chép về sự ứng hợp chòm sao với đất đai [phân dã] Quyển Châu, về vĩ độ bắc Nam Hải ...khó thể tường tận và chính xác hơn phủ chí. Khác với chính sử, với lợi thế là những ghi chép thực địa, ghi nhận đương thời, phương chí là nguồn tư liệu tham khảo tin cậy cho các nhà làm sử.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý đất đai, con người và tài sản, phương chí loại tổng chí được xem là loại sách phục vụ chính trị, nó gắn liền với sự ổn định hoặc những biến động cương vực trong suốt quá trình cai trị của một triều đại. Thông chí và địa phương chí được thực hiện vừa nhằm phục vụ yêu cầu quản lý hành chính tại chỗ vừa để gởi về triều đình như một báo cáo tổng hợp về tình hình địa phương. Đặc điểm này khiến các nhà nghiên cứu địa – chính trị hiện đại xếp hạng phương chí vào loại có giá trị rất cao.

Như mục đích nghiên cứu đã nêu ở lời Đề dẫn, các tư liệu được trích dịch trong khảo luận này nhằm vào việc sưu tập tư liệu liên quan

đến vùng biển phía nam Trung Hoa và biển Đông Việt Nam. Những Phân tích: cần thiết đã trình bày sau mỗi đoạn văn bản. Dưới đây là mấy điểm xuyên suốt và nổi bật cần được nhắc lại để đi đến kết luận:

Địa danh Trường Hải, được *Quyển Châu phủ chí* xác định là vùng biển Quỳnh Châu, hoặc chỉ là một danh từ chung để chỉ nơi nước biển dâng rất cao

Địa danh loại đảo danh/ hải danh Thất Tinh Sơn, Thất Châu Dương Sơn, Thất Châu Dương, được ghi nhận liên tục từ Tống đến cuối Thanh qua nhiều bộ tổng chí, thông chí và địa phương chí, cho thấy quá trình chuyển biến tên gọi và xác định là nơi phía đông bắc huyện Văn Xương, nay là quần đảo Taya.

Địa danh Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, đầu tiên được nhắc đến vào thời Tống, để chỉ những nơi xung quanh, với ý nghĩa thể hiện sự tương tiếp về không gian địa lý rộng, nhưng chỉ qua lời kể, không xác định được vị trí. Sau nhiều đời, thông tin được chép lại có biến đổi, chuyển thành hải danh Trường Sa Hải, Thạch Đường Hải, cho đến cuối Thanh, *Quyển Châu phủ chí* vẫn cho là “nơi không biết rõ sự thật được”

Điểm cực nam Trung Hoa, các tổng chí, thông chí và địa phương chí thống nhất xác định địa phương cực nam Trung Hoa là châu Nhai thuộc phủ Quỳnh Châu ; vùng đất địa đầu về phía cực nam là núi Thí Kiếm Phong [Vạn Nhận Phong] nơi kỳ quan Đại Tiểu Động Thiên, cách lý sở châu Nhai khoảng hai mươi dặm về phía nam ; vùng đảo/ bãi xa bờ là Đại Đại Mạo Châu [Đông Đại Mạo Châu, Đông Châu], cách lý sở châu Nhai hai mươi dặm về phía đông¹¹⁸.

¹¹⁸ Vài liên hệ mở rộng để tham khảo thêm về địa điểm cực nam Trung Hoa, trên phương diện học thuật - tương ứng bối cảnh cuối nhà Thanh và đồng thể loại phương chí – có thể tham khảo *Thanh quốc địa chí* (1881) của học giả người Nhật Ngạn Điền Ngâm Hương 岸田吟香 [Kishida Ginko], trong bài “Thanh quốc dư địa tổng thuyết”, điểm tận cùng cực nam nước Thanh được xác định là châu Nhai với vị trí 18 độ 13 phút. [bản in năm Minh Trị tân ty, Đông Kinh Lạc Thiện Đường, 3 cuốn]. Trên cơ sở chính thống nhà Thanh, có thể tham khảo *Hoàng triều Trung Ngoại nhất thống dư đồ*, [bản tâm sách đề *Đại Thanh nhất thống dư đồ*] quyển Thủ, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc. Quốc sử quán Biên tu Hồ Lâm Dực 胡林翼 soạn, Binh bộ thị lang Nghiêm Thụ Sâm bổ đính. Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc Phủ thụ Cảnh Hoàn Lâu khắc in và giữ bản khắc [皇朝中外壹統輿圖 - 三十一卷首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓]; hoặc *Càn Long phủ sảnh châu huyện đồ chí*, 50 quyển, (1788) Hàn lâm học sĩ Quốc sử quán Toàn tu Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879) Thọ Kinh Đường trùng san. [乾隆府廳州縣圖志-五十卷, 國史館纂修洪亮吉撰, 光緒五年授經堂重刊].

Gia Định, tháng 7 năm 2011

Tài liệu tham khảo

Đồ tịch cổ đại

Thập Tam Kinh Chú Số, phụ Hiệu khám ký, 416 quyển, (Thanh) Nguyễn Nguyên hiệu khắc, Trung Hoa Thư cục ảnh ấn bản, 1979. (2 cuốn)

十三經注疏 附校勘記 四百十六卷, (清) 阮元 校刻, 中華書局影印 1979 (上下二巨册)

Nguyên Hòa Quận Huyện Đồ Chí, 34 quyển, (Đường) Lý Cát Phủ soạn, bản Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880)

元和郡縣圖志, 三十四卷 (唐)李吉甫 撰-金陵書局校刊, 光緒六年工竣.

Nguyên Hòa Quận Huyện Đồ Chí, 9 quyển, (Thanh) Nghiêm Quan- Nghiêm Tiên Phủ tục soạn, bản in Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882).

元和郡縣補志, 九卷 - (清) 嚴觀 - 嚴進甫 撰, 光緒八年二月, 金陵書局刊行

Thái Bình Hoàn Vũ Ký, 193 quyển, (Tống) Nhạc Sử soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882); bản in Vạn Đình Lan, Gia Khánh bát niên (1803).

太平寰宇記 一百九十三卷, (宋) 樂史 撰, 光緒八年五月金陵書局刊行; 萬廷蘭本, 嘉慶八年.

Nguyên Phong Cửu Vực Chí, 10 quyển, (Tống) Vương Tồn soạn, bản in Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882).

元豐九域志, 十卷, (宋) 王存 撰, 光緒八年五月, 金陵書局刊行.

Dư Địa Quảng Ký, 38 quyển, (Tống) Âu Dương Văn soạn, Kim Lăng thư cục hiệu san năm Quang Tự thứ sáu (1880).

輿地廣記, 三十八卷, (宋) 歐陽忞 撰, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.

Dư Địa Ký Thắng, 169 quyển, (Tống) Vương Tượng Chi soạn, bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tống của Văn Tuyên Lô, năm Đạo Quang thứ 29 (1849).

輿地紀勝, 一百六十九卷, (宋) 王象之 撰, 道光二十九年秋八月, 懼盈齋刊板 文選樓影宋鈔本.

Phương Dư Thắng Lãm, 70 quyển, (Tống) Chúc Mục soạn, bản Văn Uyên Các Tứ khổ toàn thư, Càn Long bốn mươi ba (1778).

方輿勝覽 七十卷, (宋) 祝穆撰, 四庫全書文淵閣本 [乾隆四十三年進入].

Thiên Hạ Nhất Thống Chí, 91 quyển, (Minh) Lý Hiền chủ biên, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461).

天下一統志, 九十一卷, (明) 李賢等撰 天順五年, 萬壽堂刊行.

Quảng Đông Thông Chí, 72 quyển, 1 quyển Thủ, (Minh) Quách Phi soạn, lời Tựa đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619)

廣東通志 七十二卷首一卷, (明) 郭斐撰, 序題萬曆壬寅, 萬曆間刊行.

Hoàng Minh Nhất Thống Kỷ Yếu, 15 quyển, (Minh) Cổ Sung soạn, Diệp Cận Sơn san hành, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619)

皇明一統紀要, 十五卷, (明) 顧充撰, 葉近山刊行, 萬曆新科.

Quảng Dư Ký, 25 quyển, (Minh) Lục Ứng Dương soạn – (Thanh) Sái Phương Bính tăng bổ, bản in năm Khang Hi bình dân (1686).

廣輿記 二十五卷, (明) 陸應陽撰- (清) 蔡芳炳 曾補, 康熙丙寅刊版

Quảng Đông Thông Chí, 64 quyển, 1 quyển thủ, (Thanh) Hách Ngọc Lân chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ chín (1731). Nhập Tứ khổ toàn thư năm Càn Long bốn mươi sáu (1781).

廣東通志 六十四卷首一卷, (清) 郝玉麟 監修, 雍正九年成, 乾隆四十六年 進入書四庫全書.

Khâm Định Đại Thanh Nhất Thống Chí, 424 quyển, mục lục 2 quyển, (Thanh) Hoà Thân chủ biên (1763), bản Văn Uyên Các - Tứ khổ toàn thư (1784)

欽定大清一統志, 四百二十四卷, 和 珅 監修 (乾隆二十八年) 四庫全書文淵閣本 (乾隆四十九年).

Gia Khánh Trưng Tu Nhất Thống Chí, 560 quyển, Mục Chương A - Lý Tá Hiền chủ biên, Đạo Quang thứ hai mươi hai (1842). Bản ảnh ấn Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1966 (11 cuốn) [tái bản từ bản Thương Hải Thương vụ ấn thư quán 1934, chụp từ nguyên bản do Thanh Sử Quán lưu trữ]

嘉慶重修一統志, 五百六十卷, 穆彰阿 - 李佐賢 監修, 道光二十二年. 臺灣商務印書館影印本, 1966 (11 巨冊).

Quảng Đông Thông Chí, 334 quyển Nguyễn Nguyên giám tu, Trần Xương Tề tổng toàn, khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ hai (1822). Đài Loan Trung Hoa Thư cục, 1959 (4 cuốn).

廣東通志 三百三十四卷 (清) 阮元 監修 陳昌齊 總纂, 道光二年一次刻版, 臺灣中華書局印行, 1959 (四冊).

Quỳnh Châu Phủ Chí, 44 quyển, Long Bân bổ san (1891), Lữ Đài Hải Nam Đồng hương hội ảnh ấn bản, không ghi năm.(5 cuốn)

瓊州府志 (四十四卷), 隆斌 補刊, 光緒十六年, 旅臺海南同鄉會影印版 (五册).

Hán Đường Địa Lý Thư Sao, (Thanh) Vương Mô tập, Trung Hoa thư cục ảnh ấn, Bắc Kinh, 1961.

漢唐地理書鈔, (清) 王謨 輯, 中華書局影印, 北京, 1961.

Đôn Hoàng Thạch Thất Địa Chí Tàn Quyển Khảo Thích, Trung Hoa học thuật tùng thư, Vương Trọng Lạc trứ- Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1993.

敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲華著 - 鄭宜秀整理, 上海古籍出版社, 1993.

Hoa Dương Quốc Chí, 12 quyển, (Tân) Thường Cừ soạn, bản in Tứ Bộ Bị Yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.

華陽國志 十二卷, (晉) 常璩 撰, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.

Võ Bị Chí, 240 quyển, (Minh) Mao Nguyên Nghi soạn, bản in Đại Bản thư phòng (Nhật Bản) trong niên hiệu Khoan Chính (1789-1800). [Tham khảo các quyển 189-203 Phương dư, quyển 209-218 Hải phòng].

武備志, 二百四十卷, 明 茅元儀 輯, 日本 寬政重脩, 大阪書坊印版.

Lĩnh Hải Dư Đồ, (Minh) Diêu Ngu soạn, Thương Vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1937. [Lĩnh Hải là biệt danh của Quảng Đông]

嶺海輿圖, (明) 姚虞 撰, 商務印書館, 上海, 1937.

Quảng Đông Tân Ngữ, 28 quyển, (Thanh) Khuất Đại Quân soạn, bản in Mộc Thiên Các năm Khang Hi ba mươi chín (1700)

廣東新語 二十八卷, (清初) 屈大均 撰, 潘耒序題康熙庚辰, 木天閣刻本(1700).

Quảng Đông Khảo Cổ Tập Yếu, 46 quyển, (Thanh) Châu Quảng - Trịnh Nghiệp Hoàng - Trịnh Nghiệp Sùng - Ngụy Hằng tập, Hoàn Độc Thư Ốc san hành, Quang Tự thứ mười chín (1893)

廣東攷古輯要 四十六卷, (清)周廣-鄭業煌-鄭業崇-魏恆 同輯, 光緒十九年癸巳歲春開雕, 藏板還讀書屋.

Trịnh Khai Dương Tật Trứ, 11 quyển, (Minh) Trịnh Nhược Tăng soạn, bản Văn Uyên Các Tứ khổ toàn thư, Càn Long bốn mươi sáu (1781)

鄭開陽雜著十一卷, (明) 鄭若曾 撰, 四庫全書文淵閣本 (乾隆四十六年).

Lịch Đại Châu Vực Hình Thế, 9 quyển, (Thanh) Cố Tô Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973.

歷代州域形勢 九卷, (清)顧祖禹 撰, 樂天出版社, 臺北, 1973.

Độc Sử Phương Dư Kỳ Yếu, 130 quyển, Dư Đồ Yếu Lâm 4 quyển, (Thanh) Cố Tô Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973. (6 cuốn)

讀史方輿紀要一百三十卷-輿圖要覽四卷, (清)顧祖禹 撰, 樂天出版社, 臺北, 1973 (六冊).

Lịch Đại Diên Cách Đồ, (Thanh) Mã Trung Lân, bản in Kim Lăng Hoài Ninh Phương Nguyệt Thư, Đồng Trị thứ 11 (1872).

歷代沿革圖, (清)馬徵麟 撰, 同治十季刻于金陵懷寧方玥署檢.

Hoàng Triều Trung Ngoại Nhất Thống Dư Đồ, [bản tâm sách đề *Đại Thanh nhất thống dư đồ*] quyển Thủ, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc. Nghiêm Thụ Sâm soạn. Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc Phủ thự Cảnh Hoàn Lôu khắc in và giữ bản khắc.

皇朝中外壹統輿圖 - 三十一卷首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓.

Càn Long Phủ Sảnh Châu Huyện Đồ Chí, 50 quyển, (1788) Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879) Thọ Kinh Đường trùng san.

乾隆府廳州縣圖志 五十卷, (清)洪亮吉 撰, 道光緒五季春授經堂重刊.

Lịch Đại Cương Vực Biểu, (Thanh) Đoàn Trường Cơ, trong Tứ Bộ Bị Yếu, Đài Loan Trung Hoa Thư cục, 1965.

歷代疆域表 (清)段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局 -1965

Lịch Đại Diên Cách Biểu, (Thanh) Đoàn Trường Cơ, trong Tứ Bộ Bị Yếu, Đài Loan Trung Hoa Thư cục, 1965.

歷代沿革表 (清)段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局 -1965

Quảng Châu Lịch Sử Địa Đồ Tỉnh Túy, Trung Quốc đệ nhất lịch sử đáng án quán- Quảng Châu thị đáng án cục - Quảng Châu thị Việt Tú khu Nhân Dân Chính Phủ biên soạn, Trâu Ái Liên, Tiêu Kính Vinh chủ biên, Trung Quốc Đại bách khoa toàn thư xuất bản xã, Bắc Kinh, 2003.

廣州歷史地圖精粹 - 中國第一歷史檔案館, 廣州市檔案局, 廣州市越秀區人民政府 編著 - 鄒愛蓮, 肖敬榮 主編 - 中國大百科全書出版社 - 北京, 2003.

Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành - Địa Đồ [cuốn 101], (Thanh) Trần Mộng Lô-Tường Đình Tích chủ biên (1706). Văn Tinh thư điểm ảnh ấn, Đài Bắc, 1964.

古今圖書集成-地圖 [第一百〇一卷, (清)陳夢雷 - 蔣廷錫 重撰, 成書康熙 四十五年. 文星書店出版, 臺北, 1964.

Ngọc Hải, 204 quyển, (Tống) Vương Ứng Lân soạn, Đài Loan Hoa Văn thư cục ảnh ấn [theo bản in thời Nguyên cất tại Quốc lập Trung ương Đồ thư quán (Đài Bắc)], 1964.

玉海 二百〇四卷, (宋) 王應麟 撰, 臺灣華文書局影印國立中央圖書館藏元刊本 (1964).

Tứ Khố Toàn Thư Giản Minh Mục Lục, (Thanh) Vĩnh Dung chủ biên, Tào Diệp Sơn Phòng thạch ấn bản, 1919.

四庫全書簡明目錄 清 乾隆四十七年 永瑢 總裁, 民國八年掃葉山房校刊

Thư tịch hiện đại

Cát Bộ Luân biên tập - Cát Tuân Lễ hiệu đính, **Địa Lý Khái Luận**, 5 quyển, Thượng Hải Hội Văn Đường xuất bản, Dân Quốc lục niên (1917).

葛陸綸 編輯- 葛遵禮 校訂, **地理概論**, 五卷,上海會文堂出版, 民國六年 [四年首次出版]

Vương Dung, **Trung Quốc Địa Lý Đồ Tịch Tùng Khảo**, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1947

王庸, **中國地理圖籍叢考**, 商務印書館, 上海, 1947.

Hà Mẫn Cầu- Trần Nhĩ Thọ- Trình Lộ, **Trung Quốc Địa Lý Khái Luận**, Chính Trung thư cục, Đài Bắc, 1954.

何敏求 - 陳爾壽- 程潞, **中國地理概論**, 正中書局, 臺北, 1954

Trần Chính Tường “**Trung Quốc Phương Chí Dịch Địa Lý Học Giá Trị**” Luận văn Tiến sĩ, 17/2/1965, Hương Cảng Trung văn đại học.

[陳正祥] , **中國方志的地理學價值** , 香港中文大學地理學講座教授陳正祥 博士就職講演, 17/2/1965 , 香港中文大學出版.

Cheng-siang Chen “Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih”, Inaugural Address delivered by Prof. C. S. Chen, D.Sc. at the City Hall, February 17, 1965, under the Chairmanship of Dr. C. M. Li, Vice-Chancellor of the University.

Sa Học Tuấn, **Địa Lý Học Luận Văn Tập**, Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1972.

沙學浚, **地理學論文集**, 臺灣商務印書館發行, 1972

Lâm Diển Kinh, **Trung Quốc Địa Phương Chí**, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1996.

林衍經. **中國地方志** , 上海古籍出版社, 1996.

Phương Thi Minh, **Trung Quốc Lịch Sử Kỹ Niên Biểu**, Thượng Hải Từ thư xbx, 1980.

方詩銘, **中國歷史紀年表**, 上海辭書出版社, 1980.

Trần Khánh Kỳ, **Trung Quốc Đại Sự Niên Biểu**, Thương vụ ấn thư quán, Hương Cảng, 1964. [tái bản từ bản in lần đầu năm 1934]

陳慶麒, **中國大事年表** , 商務印書館 - 香港 , 1964. [首次出版 1934].

Lưu Hoàng Huyền, **Trung Quốc Cương Vực Sử**, Vô Hán xuất bản xã, 1995.

劉宏煊, **中國疆域史**, 武漢出版社, 1995.

Trình Quang Dũ - Từ Thánh Mô, **Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập**, Trung Hoa Văn hoá xuất bản sự nghiệp uỷ viên hội, Đài Bắc, 1955 (2 cuốn).

程光裕 - 徐聖謨, **中國歷史地圖集**, 中華文化出版事業委員會出版, 臺北, 1955 (二冊).

Quách Mạt Nhược chủ biên, **Trung Quốc Sử Cảo Địa Đồ Tập**, Địa Đồ xuất bản xã, Thượng Hải, 1980 (2 cuốn).

郭沫若主編, **中國史稿地圖集**, 地圖出版社, 上海, 1980 (二冊).

Đàm Kỳ Tương chủ biên, **Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập**, Địa Đồ xb, Thượng Hải, 1982 (8 cuốn).

譚其驤主編, **中國歷史地圖集**, 地圖出版社, 上海, 1982 (八冊).

Tư Đồ Thượng Kỳ chủ biên, **Quảng Đông Lịch Sử Địa Đồ Tập**, Quảng Đông lịch sử địa đồ tập biên uỷ hội, Quảng Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã, Quảng Châu, 1995.

司徒尚紀 主編, **廣東歷史地圖集**, 廣東歷史地圖集編委會, 廣東省地圖出版社, 廣州, 1995.

Nhóm tác giả, **Trung Quốc Tri Thức Địa Đồ Sách**, Sơn Đông tỉnh địa đồ xb, Tế Nam, 2009.

中國知識地圖冊, 山東省地圖出版社, 濟南, 2009.

Tang Lê Hoà và ntg, **Trung Quốc Cổ Kim Địa Danh Đại Từ Điển**, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1944.

臧勵蘇 等編, **中國古今地名大辭典**, 商務印書館, 上海, 1944.

Trình Thiên Đỉnh - Ngô Trạch - Dương Chí Cửu chủ biên, **Trung Quốc Lịch Sử Đại Từ Điển**, Thượng Hải Từ thư xb, 2000.

鄭天挺 - 吳澤 - 楊志玖 主編, **中國歷史大辭典**, 上海辭書出版社, 2000.

Đàm Kỳ Tương chủ biên, **Trung Quốc Lịch Sử Đại Từ Điển- Lịch sử Địa lý**, Thượng Hải Từ thư xb, 1997.

譚其驤 主編, **中國歷史大辭典 - 歷史地理**, 上海辭書出版社, 1997.

Hạ Chinh Nông chủ biên, **Đại Từ Hải- Trung Quốc Cổ Đại Sử quyển**, Thượng Hải Từ thư xuất bản xã, 2008.

夏征農 主編, **大辭海-- 中國古代史卷**, 上海辭書出版社, 2008

Trung Quốc Cổ Tích Thiện Bản Thư Mục Biên Tập Uỷ Viên Hội Biên, **Trung Quốc Cổ Tích Thiện Bản Thư Mục, Sử Bộ 10 quyển**, Thượng Hải Cổ tịch xb, 1991.

中國古籍善本書目, 史部 十卷, 上海古籍出版社, 1991

Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương bổ, **Tăng Định Tứ Khố Giản Minh Mục Lục Tiêu Chú**, Thượng Hải Cổ tịch xbx, 1959, 1963, 1979, 2000.

邵懿辰撰 - 邵章續錄, 增訂四庫簡明目錄標注, 上海古籍出版社, 1959, 1963, 1979, 2000.

Tư liệu ngoài Trung Hoa

Kishida Ginko [Ngạn Điền Ngâm Hương (Quốc Hoa)], **Thanh Quốc Địa Chí** (Hoà văn), bản in Minh Trị tân ty (1881), Đông Kinh Lạc Thiện Đường (3 cuốn).

清國地志, 岸田吟香 (國華), 明治辛巳刻於東京樂善堂(上, 中, 下 三册).

Naito Konan [Nội Đẳng Hồ Nam (Hồ Thứ Lang)], **Trung Quốc Sử Thông Luận**, nguyên tác Hoà văn (1920-1930), [bản Trung Văn do Hạ Ứng Nguyên giám dịch, Xã Hội Khoa Học Văn Hiến xuất bản, Bắc Kinh, 2002 /

中國史通論, 內藤湖南 (虎次郎) 和文. 夏應元中文監譯, 社會科學文獻出版社, 北京, 2002]

Joseph Needham, **Science and Civilisation in China - 3**, Cambridge at the University Press, 1959.

Joseph Needham - Colin A. Ronan, **The Shorter Science and Civilisation in China -2**, Cambridge at the University Press, 1986.

[李约瑟 原著 - 柯林 罗南 改编, **中华科学文明史**, 上海交通大学科学史系译, 江晓原 策划 (鈕卫星, 郑燕, 商偉明 译, 关曾建 校), 上海人民出版社, 2002]

Albert Herrmann, **An historical atlas of China**, Aldine Publishing Company Chicago, Netherlands - 1966.

Jonathan D. Spence, **The Search for Modern China**, Copyright Notice exactly in USA Edition, 1999. [史景遷 著, **追尋現代中國**, 溫洽湓 譯 時報文化出版, 臺北, 2001]

Phạm Kim Hùng “Đi tìm sự thật về lịch sử hai quần đảo ở biển Đông”; “Một số nhận xét về sách và bản đồ cổ Trung Quốc”,

[www. biengioilanhtho.gov.vn](http://www.biengioilanhtho.gov.vn)

Phạm Hoàng Quân “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sứ Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1 (84). 2011, [trang 44- 88]

Phạm Hoàng Quân “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông(Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu *Đại Nam thực lục*”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sứ Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 2 (85).2011, [trang 49-74]

Việt Nam và vấn đề sử dụng người tài trong giai đoạn hiện nay

Nguyễn Trung

Tóm tắt: Hơn ba thập niên sau khi giành lại độc lập và thống nhất đất nước, Việt Nam hoàn tất giai đoạn phát triển đầu tiên của mình, có tên gọi là “đổi mới”. Đất nước phải chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, trong một bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới cũng như trong khu vực Đông Nam Á này có nhiều thay đổi sâu sắc, nhất là hiện tượng “siêu cường Trung Quốc”. Tất cả đặt ra cho Việt Nam thách thức như một định mệnh: Phải thay đổi tất cả, phải duy tân đất nước để có thể trụ được và phát triển trong thế giới quyết liệt ngày nay. Cải cách thể chế chính trị trở thành đòi hỏi tiên quyết. Khép lại quá khứ, không ngoái lại quá khứ để thực hiện hòa hợp hòa giải đoàn kết dân tộc trên nền tảng của dân chủ, tạo ra cho đất nước sức mạnh triệu người như một là bước đi đầu tiên của cải cách và duy tân. Trí tuệ và hiền tài của đất nước phải được phát huy vì sự nghiệp này. Song sự tha hóa ngày càng gia tăng của thể chế chính trị là trở lực chủ yếu kìm hãm sự phát triển của đất nước. Góp phần tìm hiểu trở lực này và thách thức mang tính định mệnh đối với đất nước là mục đích của bài này

Từ khóa: Việt Nam, Trung Quốc, Đổi mới, Hiền tài, Đảng.

© 2011 Thời Đại Mới

I. Tầm vóc câu hỏi đặt ra

Tham gia nghiên cứu vấn đề sử dụng người tài ở Việt Nam, tôi được yêu cầu nêu lên những suy nghĩ của mình chung quanh câu hỏi: “Vì sao Việt Nam hiện nay không sử dụng được người tài?”

Đây là một câu hỏi khó và nhạy cảm.

Câu hỏi nêu trên hàm ý rõ ràng: Chế độ chính trị Việt Nam đã một thời phát huy cao độ vai trò vô cùng quan trọng của người tài, thể hiện rõ nhất trong Cách mạng Tháng Tám và trong 4 cuộc chiến tranh ái quốc. Nhưng sau khi đã hoàn thành sự nghiệp giành lại độc lập thống nhất

quốc gia để đi vào thời kỳ xây dựng đất nước, chế độ chính trị Việt Nam ngày càng có nhiều bất cập trong việc sử dụng người tài.

Vậy sẽ phải hỏi thêm: Tại sao cùng trong một chế độ chính trị, mà lại có hai thời kỳ khác nhau như vậy?

Thiết nghĩ rất đáng huy động trí tuệ và ý chí của cả nước trả lời những câu hỏi này. Bởi vì làm được việc này, sẽ có thể mang lại cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước một cách nhìn khác, và sẽ có thể đẩy lên một sức sống mới của cả nước. Người viết bài này mới chỉ đủ khả năng xới xáo một vài vấn đề thô thiển từ cảm nhận trực quan, rất mong trí tuệ và lương tri cả nước suy nghĩ rót ráo vấn đề hệ trọng này.

I.1 Thực trạng Việt Nam hiện nay

Đo đếm lại chặng đường đầu tiên của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong thời bình, tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của Việt Nam (GDP p.c.)¹ sau 25 năm đổi mới tăng khoảng 5-6 lần (từ 180 USD năm 1986, đạt 1115 USD năm 2010). Ta hôm nay sống tốt hơn so với ta trước đổi mới là rất đáng mừng. Nhưng ta so với thế giới quanh ta hôm nay và so với những thách thức đang đặt ra cho Việt Nam ngay trước mắt thì vẫn là đáng lo.

Hãy xem xét, để nâng cao gấp 5- 6 lần tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người (GDP p.c.) như vừa trình bày, Việt Nam cần 25 năm. Song trước đây (cũng tính từ điểm xuất phát có mức GDP p.c khoảng trên dưới 200 USD), các nước như Trung Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia..., chỉ cần một khoảng thời gian từ 10 đến 15 năm hoặc ít hơn để hoàn thành chặng đường như thế (đạt GDP p.c. khoảng 1000 USD). Quan trọng hơn nữa là chặng đường đạt “GDP p.c. 1000 USD”² ấy của những quốc gia này mở ra cho họ sự phát triển rất năng động cho chặng đường tiếp theo. Còn ở Việt Nam từ vài năm nay bắt đầu đi vào khủng hoảng kinh tế mang tính cơ cấu, đang phải tìm lối ra.

Một cách so sánh nữa: Năm 1995 GDP p.c của Việt Nam kém Trung Quốc (tính theo số tròn) 600 USD, kém Thái Lan 2400 USD, kém Hàn Quốc 9600 USD, kém Đài Loan 12.000 USD. Sau 15 năm (năm 2010),

¹ GDP p.c: Gross Domestic Product per capita: Tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người.

² Thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt mức 1000 Đô-la Mỹ.

các chỉ số này lần lượt là: 3208 USD, 3818 USD, 19.417 USD và 17.284 USD³. Rõ ràng Việt Nam ngày càng tụt hậu xa.

Riêng từ năm 2007 đến nay (ngoại trừ năm 2009) lạm phát liên tục ở mức hai con số. Năm 2011 tiếp tục lạm phát hai con số ở mức cao hơn, tăng trưởng kinh tế chậm lại và đình đốn (stagflation)⁴. Hiệu quả kinh tế ngày càng thấp so với tiền của và công sức bỏ ra, thể hiện rõ nét nhất ở chỉ số ICOR⁵ từ nhiều năm nay là trên 6 (trong khi đó các nước trong khu vực chỉ số này là 2-3!). Kinh tế hiện nay tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư mới, lao động chất lượng thấp, khai thác đến cạn kiệt tài nguyên và môi trường, tổn thất và thất thoát nhiều.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay làm xong nhiệm vụ tạo ra sự phát triển khởi đầu cho một quốc gia trong thế giới ngày nay, bây giờ không còn phù hợp cho việc đi vào giai đoạn phát triển mới.

Quan trọng hơn nữa, tình hình thế giới hiện nay có bốn đặc điểm là: (a) cấu trúc kinh tế thế giới đang thay đổi sâu sắc với nhiều biến động mới khó lường, (b) sự suy yếu tương đối của Mỹ và phương Tây, (c) sự xuất hiện của Trung Quốc trên con đường trở thành siêu cường, đồng thời Nga và Ấn Độ ngày càng khẳng định xu thế đang lên của mình, (d) trên thế giới xuất hiện nhiều biến động chính trị sâu sắc với tính cách là hệ quả tất yếu của ba đặc điểm trên. Đó chính là khủng hoảng kinh tế và chính trị rất sâu sắc của thế giới, một mặt làm thay đổi xu thế phát triển của quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, mặt khác đẩy nhanh hơn nữa quá trình phân cực và liên kết mới trên bàn cờ thế giới; trào lưu thế giới

³ Xem Wikipedia.

⁴ Ở Việt Nam hiện nay, đó là hiện tượng: Lạm phát cao, cả năm 2011 ước khoảng 22%; tăng trưởng GDP thấp, ước khoảng 5 – 6%; hàng hóa thừa ế vì sức mua giảm và kinh tế không phát triển, vốn chết nhiều nhưng lại thiếu vốn cho những vấn đề “chữa cháy”... Cuộc khủng hoảng kinh tế của Việt Nam hiện nay khó tới mức các công cụ xử lý khủng hoảng như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và nhiều biện pháp khác ở tầm vĩ mô hay vi mô đang ngày càng kém hiệu lực hoặc thậm chí triệt tiêu nhau; ví dụ: lãi xuất quá cao (vào loại nhất nhì thế giới) khiến kinh doanh không hiệu quả, nhưng giảm lãi xuất thì tăng nguy cơ lạm phát; phải thắt chặt chính sách tiền tệ (nhất là việc cung tiền) để giảm lạm phát, song lại tăng nguy cơ thiếu vốn và đình đốn; vân vân... Nguyên nhân chủ yếu là vì khủng hoảng kéo dài nhiều năm, nên “du địa” trong nền kinh tế cho mỗi công cụ xử lý khủng hoảng có thể hoạt động không còn lại bao nhiêu. Tất cả nói lên tính chất trầm trọng của khủng hoảng cơ cấu kinh tế.

⁵ Incremental Capital - Output Ratio: Hệ số sử dụng vốn.

vì hòa bình, dân chủ, nhân quyền và bảo vệ môi trường trở thành một xu thế chính trị - xã hội ngày càng mạnh. Trên thế giới xuất hiện nhiều thách thức mới và cơ hội mới chưa từng có.

Trong bối cảnh quốc tế mới như vậy, nếu Việt Nam tiếp tục con đường phát triển như hiện nay, chiến lược công nghiệp hóa – hiện đại hóa đến năm 2020 của Việt Nam chắc chắn thất bại, vì khả năng cạnh tranh thua kém, và vì không thể thích nghi được với tình hình mới. Chiến lược đối ngoại Việt Nam hiện nay đang theo đuổi (gồm cả kinh tế đối ngoại) không còn phù hợp với những thay đổi trong xu thế phát triển của quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, đồng thời cũng khó thích nghi được với quá trình phân cực và liên kết mới đang diễn ra trong bàn cờ thế giới. Cùng với sự tụt hậu của thể chế chính trị so với đòi hỏi phát triển của đất nước cũng như so với trào lưu tiên bộ trên thế giới, tiếp tục chiến lược phát triển đất nước như hiện nay, về đối nội cũng như đối ngoại, Việt Nam sẽ khó tránh khỏi bế tắc và đổ vỡ. Việt Nam phải tìm một chiến lược mới, với cách nhìn hoàn toàn mới.

Sự thật là sau mấy chục năm phát triển kinh tế đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thành tích đạt được, đã và đang nảy sinh ngày càng nhiều hiện tượng nguy hiểm có tính chất loại bỏ tiêu chí *dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*. Đó là những hiện tượng tham nhũng, tiêu cực xảy ra trên các phương diện quan trọng như: (a) hình thái tích tụ / phân bổ của cải trong xã hội, (b) hình thái chiếm hữu/ sử dụng tài nguyên quý báu nhất của quốc gia là ruộng đất, (c) hệ thống luật pháp và năng lực thực thi pháp luật., (d) thực thi các quyền tự do dân chủ của nhân dân, vân vân... Rất đáng lo ngại là sự xuất hiện các nhóm lợi ích và các nhóm quyền lực đang lũng đoạn pháp luật, sự xuất hiện những giai tầng mới đang trở thành nguồn gốc của những bất công mới trong xã hội..., tất yếu dẫn tới hệ quả tích tụ ngày càng nhiều những mâu thuẫn mới trong xã hội – bao gồm cả những mâu thuẫn lúc này lúc khác giữa nhân dân và chính quyền...

Từ nhiều năm nay Việt Nam sống trong một nghịch lý: Tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người càng cao, song những ách tắc, bất cập, tham nhũng và các vấn nạn xã hội ngày càng tăng, chất lượng cuộc sống của nhân dân xuống cấp, niềm tin của nhân dân giảm sút! Đó chính là những biểu hiện phát triển của chủ nghĩa tư bản hoang dã. Đường lối của Đảng không chủ trương như vậy, nhưng từ nghị quyết đi đến cuộc sống nó lại hình thành ra như vậy. Tình hình này không đáng lo hay sao?

Thử lấy vài ví dụ:

I.1.1. Trong lĩnh vực giáo dục: Có thể nói người Việt Nam vốn hiếu học, thuộc loại đứng đầu thế giới trong việc thắt lưng buộc bụng chi cho

giáo dục so với thu nhập của mình, thế nhưng so sánh dưới góc độ *kết quả/chi phí bỏ ra* thì phải nói: (a) kết quả và chất lượng nền giáo dục Việt Nam đạt được thời chiến tốt hơn thời bình, (b) nền giáo dục Việt Nam hôm nay về cơ bản vẫn là một nền giáo dục lạc hậu trên thế giới, thậm chí so với nhiều nước trong khu vực. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam còn thấp so với khả năng cho phép, chưa xây dựng được và chưa phát huy được con người của tự do, của sáng tạo. Lao động cơ bắp và lao động trình độ thấp, tâm lý làm thuê... vẫn là nét chủ yếu của nguồn nhân lực Việt Nam. Đây là nguyên nhân cơ bản khiến Việt Nam lạc hậu mãi như hôm nay. Với thực trạng kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội như hiện nay của đất nước, nền giáo dục của Việt Nam tự nó cũng đang góp phần xứng đáng của nó vào việc làm hỏng đất nước với nhiều hệ quả lâu dài, chưa biết sẽ làm sao khắc phục được. Vì sao như vậy?

1.1.2. Từ bắt đầu đổi mới năm 1986 đến nay có hiện tượng: Bộ máy ngày càng phình to, nhưng chất lượng Đảng, hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước, phẩm chất cán bộ, cứ sau mỗi Đại hội Đảng lại xuống cấp một ít, xuống cấp so với chính nó ở Đại hội trước, và càng xuống cấp rõ hơn so với tình hình phát triển của đất nước đòi hỏi. Ở đây chẳng những Đảng, hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước có những vấn đề bất cập, mà còn có nhiều vấn đề thực sự là “lực bất tòng tâm”, bởi vì nhiều cái đúng, cái tốt đã viết ra được, đã trở thành đường lối, nghị quyết và luật pháp, thế nhưng thực thi không được bao nhiêu, hoặc thậm chí không hiếm trường hợp chỉ còn lại là các văn kiện, văn bản – nghĩa là nằm trên giấy... Cứ nhìn vào tình hình đất nước 10 năm vừa qua so với 10 năm trước đó sẽ rõ...

1.1.3. Hiến pháp Việt Nam ghi rõ ràng: Nhà nước của ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Bất chấp mọi nỗ lực tiền của, thời gian, chất xám bỏ ra rất rất nhiều cho xây dựng một nhà nước như thế, *nhưng tại sao cho đến hôm nay cái chất của dân, do dân, vì dân của nó vẫn rất thấp?* Thấp so với công sức bỏ ra đã đành, càng thấp hơn so với đòi hỏi phát triển của đất nước. Có thể thấy ngay cái thấp, cái bất cập này ở sự phát triển hầu như không thể kiểm soát nổi của nạn tham nhũng, ở môi trường tự nhiên đang bị tàn phá và môi trường xã hội đang xuống cấp trầm trọng, ở những ách tắc và bất cập ngay trong phát triển kinh tế, cũng như trong xử lý những vấn đề của phát triển như y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, trong thực thi luật pháp; nhiều quyền tự do dân chủ của nhân dân đã ghi trong Hiến pháp bị xâm phạm nghiêm trọng... Cái thấp này còn thấy rất rõ ở mức độ nền dân chủ và sự công khai minh bạch của Việt Nam rất thấp so với những nước có GDP p.c. tương tự như Việt Nam – ví dụ như Ấn Độ... *Vì sao vậy?*

1.1.4. Mới đây nhất tại Hà Nội (18-07-2011) xảy ra hiện tượng công an bắt và đập vào mặt người đi biểu tình bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông. Cùng với cách xử vụ án Cù Huy Hà Vũ, sự việc này là diễn tiến mới của quá trình chế độ chính trị Việt Nam sử dụng công cụ chuyên chính trực tiếp đàn áp việc làm yêu nước, phản ánh một xu thế phát triển nguy hiểm cho mối quan hệ giữa nhân dân và chế độ chính trị. Đáng lo hơn nữa là sự im lặng gần như điếc hần của toàn bộ khoảng 700 báo giấy và các mạng truyền thông của cả nước về các cuộc biểu tình liên tiếp trong nước và của nhiều người Việt đang sống tại nhiều nơi trên thế giới.

Đặt sự “*im lặng*” nêu trên bên cạnh việc cơ quan quản lý nhà nước ở Lạng Sơn, ở Nghệ An phê bỏ những tấm bia của lịch sử yêu nước, chúng ta nghĩ gì?⁶...

1.1.5. Gần đây nhiều người không sao hiểu nổi chuyện xuất hiện “*Trường Thành*” dài khoảng 300m với dòng chữ “*Bát đáo Trường Thành phi đáo Hán*” ngay tại Đà Lạt... Đặc biệt kết quả đau lòng của môn sử trong kỳ thi đại học năm nay (2011) làm cho những ai quan tâm đến nền giáo dục nước nhà không thể bình tâm⁷. Tình hình chính trị - văn hóa - xã hội của Việt Nam như thế này thì nguy quá!

1.1.6. Sau bốn cuộc kháng chiến tự vệ đẫm máu, nhân dân ta rất thiết tha với hòa bình, mong muốn làm bạn với mọi người, càng không muốn gây gổ với ai..., thế mà hôm nay Việt Nam vẫn bị chèn ép nhiều bề, chưa dành được vị thế quốc tế đáng có và cần phải có cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Trí tuệ nào và bản lĩnh nào mà lại để cho đất nước rơi vào tình thế như vậy? Trên bàn cờ quốc tế, thật khó mà nói được ta đã trở thành bạn tin cậy của ai, dù là ta muốn lắm; và cũng khó nói lắm ai là bạn tin cậy của ta, dù là ta cần lắm. Đến hôm nay, ta vẫn chưa thể nói được là đã thành phường thành hội với ai trên thị trường thế giới, đây là bạn kinh tế. Bạn chính trị càng mong manh hơn nữa. Vì sao?

1.1.7. Chưa hết, còn một vấn đề vô cùng quan trọng, chi phối và sẽ quyết định mãi mãi số phận của đất nước, đó là: Sau 36 năm độc lập thông nhất, xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời bình, vết thương dân

⁶ Tấm bia ghi nhớ chiến công của sư đoàn 337 đánh thắng quân xâm lược Trung Quốc 2-1979 tại núi Khánh Khê, Lạng Sơn; tấm bia tại đền thờ vua Quang Trung ở núi Dũng Quyết, thành phố Vinh ghi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh ca ngợi vua Quang Trung đại thắng quân Thanh...

⁷ Thế nhưng bộ trưởng Phạm Vũ Luận lại cho rằng nên coi việc hàng nghìn thí sinh đạt điểm “0” cho môn thi này là chuyện “*bình thường... và không nên coi đây là một thảm họa*” thì thật là không còn trời đất nào nữa!

tộc từ hai cuộc kháng chiến đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám đến nay vẫn tiếp tục rỉ máu; sự nghiệp thu phục nhân tâm về một mối vì sự yên ổn và cường thịnh của Tổ quốc vẫn còn xa vời phía trước. Không hàn gắn được vết thương dân tộc vẫn đang rỉ máu này, mục tiêu của Cách mạng Tháng Tám và của 3 cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc sẽ không còn mấy ý nghĩa.

Ở đây không phải chỉ có những hệ quả không sao tránh khỏi thuộc vấn đề Nam-Bắc do hai cuộc kháng chiến để lại, và cho đến nay cả khoa học và chính trị chính thống của chế độ chính trị Việt Nam đều tìm cách lẩn tránh. Trên bàn thờ của hàng triệu hàng triệu gia đình người Việt ta từ Bắc chí Nam, bên này hay bên kia, năm này qua năm khác vẫn nghi ngút khói hương của đau thương, mất mát. Điều này có nghĩa còn lẩn tránh, thì vấn đề này vẫn còn đây, tương lai đất nước sẽ còn nhiều trắc trở, không thời gian nào xóa được. Đơn giản vì lịch sử chẳng quên điều gì, mỗi chúng ta cũng không được phép quên điều gì. Hơn nữa, xin đừng lúc nào quên hơn 3 triệu người Việt hiện đang sống ở nước ngoài là máu thịt của cộng đồng dân tộc Việt Nam ta, trong quá khứ, trong hiện tại và trong tương lai mãi mãi là máu thịt của cộng đồng dân tộc Việt Nam ta, với tất cả mọi ký ức đau thương không gì xóa được.

Lịch sử quốc gia không chỉ là những việc đã xảy ra không làm lại khác được, mà còn để lại những hệ quả. Hiện tại và tương lai của Việt Nam trong bối cảnh thế giới quyết liệt ngày nay phụ thuộc sâu sắc vào việc chúng ta khắc phục những hệ quả này như thế nào. Đây là thực tế khách quan, không có cách gì phủ nhận hay tránh né được.

Bàn về sự thống nhất dân tộc, ở đây còn phải nói đến tình trạng khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn đang không ngừng làm sâu sắc những phân hóa mới ngay trong lòng xã hội Việt Nam. Lại thêm sự hoành hành của tham nhũng, của các nhóm đặc quyền đặc lợi, sự xuất hiện các giai tầng xã hội mới với những bất công mới... Tất cả những hiện tượng này khiến lòng dân không yên. Khẩu hiệu Đảng đưa ra “*Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội*”, “*Chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn của nhân dân ta!*” trong bối cảnh cuộc sống thực như đã trình bày trên làm sao thuyết phục được nhân dân? Làm sao gắn bó được nhân dân lại triệu người như một?

Cho nên, thu nhân tâm về một mối, thực hiện hòa hợp hòa giải đoàn kết dân tộc, để không bao giờ tái diễn cảnh nòi da xáo thịt, để mãi mãi toàn dân tộc chung sức chung lòng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, dứt khoát không thể thực hiện được chỉ bằng khẩu hiệu hay các việc nửa vời. Chính vì lý do này, đất nước đã thống nhất, nhưng cho đến hôm nay vẫn chưa thể nói được lòng người đã thống nhất! Cuộc sống cũng chỉ ra: *Nhiệm vụ trọng đại thu nhân tâm về một mối trước hết là*

vấn đề của thực hiện dân chủ: Thực hiện quyền làm chủ đất nước của người dân trong toàn thể cộng đồng dân tộc ta⁸. Hòa hợp hòa giải đoàn kết dân tộc với tinh thần như vậy là điều kiện tiên quyết mãi mãi cho một Việt nam hạnh phúc và cường thịnh.

Trở lại câu chuyện hiền tài, không thể không đặt ra câu hỏi: Đã 36 năm rồi, Việt Nam đang đứng ở đâu trong việc thực hiện điều kiện tiên quyết này? Trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam để ở đâu mà đến nay vẫn chưa thực hiện được bao nhiêu nhiệm vụ thu nhân tâm về một mối như vậy? Chẳng lẽ dân tộc ta chỉ có khả năng thống nhất khi chống ngoại xâm, nhưng không thể có thống nhất trong thời bình vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc?⁹

Bức tranh tổng thể ngày nay của đất nước là: Làm ăn thu được kết quả không tương xứng với công sức bỏ ra, không tương xứng với những cái giá phải trả; thành tích nhiều và tăng trưởng nhiều nhưng không bền vững và chất lượng thấp, bước phát triển trước thường không chuẩn bị tốt được mà có khi gây thêm khó khăn cho bước phát triển sau. So với thiên hạ, Việt Nam vẫn thua em kém chị nhiều mặt, khiến cho Việt Nam

⁸ Xin đừng quên một khẩu hiệu đấu tranh có ý nghĩa quyết định tạo nên thắng lợi rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám là: “Nước Việt Nam là của người Việt Nam!”

⁹ Một ví dụ để tham khảo: Mọi so sánh dù khập khiễng thế nào, cũng vẫn có thể gợi ý ra đôi điều phải suy nghĩ; ở đây tôi muốn nói về lịch sử nước Mỹ tính cách là một quốc gia (không bàn tới ở đây về nước Mỹ với tính cách là một đế chế). 85 năm sau khi ra đời với Bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ, nước Mỹ rơi vào cuộc nội chiến Bắc/Nam kéo dài 4 năm (1861-1865). So với số dân nước Mỹ hồi đó, khoảng 10% trai tráng của cả nước Mỹ dù các màu da đã tham chiến, khoảng 8% trai tráng Mỹ da trắng (tuổi khoảng 15 đến 43) đã bị giết (chưa tìm được những số liệu thương vong khác), sự thiệt hại về vật chất rất lớn... Đây là cuộc nội chiến rất đẫm máu, vì 11 tiểu bang nông nghiệp phía Nam kiên quyết đòi duy trì chế độ chiếm hữu nô lệ, tiến hành chiến tranh chống lại 21 tiểu bang phía Bắc. Phải mất thêm nhiều năm sau đó nước Mỹ mới hàn gắn xong vết thương nội chiến về tinh thần, bằng cách xây dựng nên thiết chế dân chủ cho toàn nước Mỹ trên nền móng có sẵn trước đó trong Tuyên ngôn Độc lập (04-07-1776) và trong Hiến pháp Mỹ (17-09-1787). Thiết chế pháp lý dân chủ là cơ sở cho thực hiện cho hòa hợp hòa giải dân tộc thời ấy của nước Mỹ theo tinh thần: *Cùng nhau chia sẻ tổn thất, làm nhục một người Mỹ cũng là làm nhục nước Mỹ*. Nói ngắn gọn, không có thiết chế dân chủ này, không thể hàn gắn mọi mặt vết thương nội chiến Mỹ, cũng có nghĩa không thể có nước Mỹ phát triển bỏ châu Âu tụt lại phía sau. Giai đoạn lịch sử này của nước Mỹ có thể mang lại cho chúng ta thông điệp gì? Lịch sử thế giới đương đại cũng có nhiều ví dụ tương tự như thế.

đến nay vẫn chưa có được chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng quốc tế. Nhìn về thời cơ và thách thức đang đặt ra cho đất nước thì còn đau đầu hơn nữa... Trong những cái đạt được có không ít cái giả dối, cái phô diễn, cái hình thức, chẳng những gây tốn kém, mà còn mằm mống cho những khó khăn mới. Chính những cái “giả, diễn, hão” này đang trở thành nguồn sống của tất cả những kỹ sinh làm hao mòn sức sống của đất nước¹⁰. Chế độ chính trị tha hóa tới mức đang cản trở sự phát triển năng động của đất nước¹¹.

Tình trạng tha hóa của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước đến mức phải rút ra kết luận: *Tham nhũng là kẻ bóc lột ghê tởm nhất trong chế độ ta, băng hoại mọi giá trị và đạo đức xã hội, làm nhụt nhuệ khí của nhân dân, một mặt tìm cách thu tóm quyền lực, mặt khác lại tạo trận địa cho bàn tay của bên ngoài lũng đoạn. Có thể nói, ngày nay tham nhũng đang làm cho đất nước nghèo đi và yếu hèn, đối kháng quyết liệt đối với mọi nỗ lực vì dân chủ và tiến bộ xã hội, có nguy cơ cướp mất cơ hội phát triển mới của đất nước. Vì những lẽ này, tham nhũng trở thành kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta!*

I.2.. Việt Nam đang đứng trước một bước ngoặt quyết định

1.2.1. Đứng cạnh Trung Quốc đang trở thành siêu cường

Là nước láng giềng có vị trí địa lý nằm án ngữ con đường độc đạo của Trung Quốc đang ngoi lên thành siêu cường, *tạo hóa* ác ý biến Việt Nam ta thành chướng ngại vật số một mà Trung Quốc cần khuất phục bằng mọi cách, hòa bình hay không hòa bình. Tự thân cuộc sống đặt ra cho Việt Nam vấn đề sống còn như thế, không quan tâm đến việc Việt

¹⁰ Ví dụ: Khi được mời bàn về nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, tôi đề nghị liệt kê ra từ hàng trăm đề tài nghiên cứu cấp nhà nước “KX” tốn kém không biết bao nhiêu tỷ đồng và công sức trong hàng chục năm nay, xem có những kiến giải nào đúng và đem lại lợi ích thiết thực cho đất nước. Đề nghị này được quan tâm, nhưng thất bại, phải bỏ cách làm này, vì nhóm nghiên cứu chúng tôi hầu như chẳng lựa chọn thống nhất được với nhau đề tài nào hay kiến giải nào. Tôi rùng mình tự hỏi: Chẳng nhẽ có nhiều cái “hão” đến thế hay sao? Không biết cả nước năm này qua năm khác có biết bao nhiêu cái “hão” đáng sợ như vậy!?

¹¹ Xem “*Kiến nghị về bảo vệ và phát triển đất nước trong tình hình hiện nay*” của trí thức cả nước, Hà Nội, ngày 10-07-2011.

Nam chấp nhận đối mặt hay chạy trốn¹². Trung Quốc quyết liệt như thế nào để trở thành siêu cường, thì mức độ đối xử của họ đối với cái *chương ngại vật tự nhiên* có tên gọi là Việt Nam này sẽ quyết liệt như thế, dù ta có quỳ xuống van xin để được yên thân cũng không thoát. Thực tế này là một áp đặt bất khả kháng, không cho Việt Nam lựa chọn, mà chỉ đặt ra câu hỏi quyết liệt như một định mệnh:

Là láng giềng sát nách một siêu cường Trung Quốc đang lên như thế, Việt Nam lựa chọn cho mình một chiến lược thích nghi và phát triển như thế nào để vẫn giữ được độc lập chủ quyền quốc gia, đồng thời là một đối tác được tôn trọng?

Thật ra bây giờ mới đặt ra cho cả nước, cho toàn dân tộc câu hỏi này là quá muộn, bởi lẽ tham vọng trở thành siêu cường của Trung Quốc không phải do người Trung Quốc đem hôm qua quá chén chột nghĩ ra. Nếu quan tâm đến những ý kiến cảnh báo của cố Tổng bí thư Lê Duẩn, đặt ra câu hỏi này trước và sau ngày 30 Tháng Tư năm 1975 cũng không phải là sớm¹³. Nhưng cho đến hôm nay, thực sự Việt Nam vẫn chưa có câu trả lời.

Ngày nay, chừng nào Việt Nam – từ người lãnh đạo cao nhất đến từng người dân – còn chưa nghiêm túc đặt ra cho mình câu hỏi nêu trên thì vẫn chưa thể có câu trả lời.

Trung Quốc bây giờ không còn chỉ *nói* nữa, họ đang leo thang trong *hành động*. Gần đây nhất, sau sự kiện Bình Minh 02 và sự kiện Vicking II, ngày 16-06-2011 Trung Quốc lại cử tàu tuần tra, thực chất là một chiến hạm, mang tên Haisun số 31, có trọng tải 3000 tấn và mang theo trực thăng, nhằm đơn phương xác quyết *đường lưỡi bò 9 vạch*, kết hợp với đi thăm chính thức Singapore! Đồng thời hiện nay Trung Quốc vẫn tiếp tục đuổi bắt thuyền đánh cá của ngư dân ta, tiến hành những hoạt động xâm phạm vùng biển Việt Nam. Mọi kịch bản “xử lý” cái *chương ngại vật* này từ thấp đến cao đã được soạn thảo. Trên báo chí tiếp tục ngôn ngữ bá chủ, trấn an, mặt sát, xuyên tạc Việt Nam... Mọi phương án đã sẵn sàng!

Nếu chúng ta theo dõi chặt chẽ những động thái xảy ra trong đời sống hàng ngày ở khắp mọi miền đất Việt Nam, qua đó xem xét cận kề sự thâm nhập, sự lũng đoạn của quyền lực mềm Trung Quốc vào toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam, vào các vấn đề

¹² Nguyễn Trung, “*Tô-tem sói*” ngày nay là con sói ngày càng hung dữ, Tạp chí Thời Đại Mới, số 21, tháng 5/2011.

¹³ Tham khảo các ý kiến của cố Tổng bí thư Lê Duẩn về quan hệ Việt – Trung.

có liên quan đến an ninh và quốc phòng của ta..., có thể nhận định: *Tình hình rất nguy hiểm, Trung Quốc đã đi được những bước quan trọng trên con đường theo đuổi ý đồ chiến lược là tạo ra một Việt Nam lệ thuộc, èo uột, để dễ bề khuất phục*¹⁴.

Lại một lần nữa liên quan đến câu hỏi “*Vì sao..?*”: Trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam hôm nay ứng xử ra sao trước những thách thức như thế của siêu cường Trung Quốc đang lên? Chúng ta ngày nay đã và đang làm gì so với tổ tiên và các bậc tiền bối của chúng ta trong suốt lịch sử hơn 2000 năm dựng nước và giữ nước?

Toàn bộ câu chuyện được trình bày trong phần mở đầu này của bài viết đã phác họa ra bối cảnh của đất nước và tâm vóc những bức xúc đặt ra cho câu hỏi: “*Vì sao chế độ chính trị hiện nay không sử dụng được người tài?*”

Hy vọng là thế.

Bởi vì trả lời hai chữ “*vì sao..?*” hóc búa này, chúng ta không thể tùy tiện tư duy theo nhận thức chủ quan hay ước vọng của chúng ta trong một thế giới hư không được, mà phải bám sát những vấn đề, những thách thức phía trước đang đặt ra cho đất Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hôm nay.

I.2.2. Đòi hỏi duy tân đất nước

Có thể khái quát như sau:

(a) Kinh tế Việt Nam đã trải qua thời kỳ phát triển ban đầu, hiện nay đang đứng trước yêu cầu nhất thiết phải chuyển đổi cơ cấu để đi vào thời kỳ phát triển bền vững. Vì đòi hỏi khách quan này không đáp ứng được, nên sau khi các biện pháp của đổi mới đã làm xong nhiệm vụ của nó và hết đà, kinh tế Việt Nam từ năm 2008 lâm vào cuộc khủng hoảng kéo dài và sâu sắc nhất kể từ khi tiến hành đổi mới. Nguyên nhân từ bên ngoài đến sau và tác động thêm vào.

(b) Đồng thời Việt Nam phải đối mặt với cục diện quốc tế đầy những thách thức mới do xuất hiện một Trung Quốc đang ngoi lên thành siêu cường, lại trong bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới đang có nhiều biến động lớn.

¹⁴ Nguyễn Trung, “*Tô-tem sói*” ngày nay là con sói ngày càng hung dữ, trong đó phân tích đại ý: Duy trì một Việt Nam là một láng giềng èo uột, lệ thuộc là thượng sách trong chiến lược xâm chiếm Biển Đông của Trung Quốc.

(c) Thể chế chính trị Việt Nam ngày càng tụt hậu so với sự phát triển của đất nước cũng như so với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong bối cảnh quốc tế mới. Thực tế này đòi hỏi phải cải cách triệt để thể chế chính trị Việt Nam để có thể đáp ứng được những nhiệm vụ mới đã nêu trong hai điểm (a) và (b) nói trên.

Ba vấn đề vừa nêu cho thấy: *Những biện pháp trong tiến hành đổi mới như vừa qua đã thực hiện xong, nhưng bây giờ là không đủ, và trước bước ngoặt định mệnh của đất nước hôm nay là không còn thích hợp nữa! Tất cả phải xem lại, phải thay đổi, để mở ra cho đất nước một thời kỳ phát triển mới.*

Trong cục diện mới của thế giới với Trung Quốc đang ngoi lên thành siêu cường, sự tồn tại và phát triển của Việt Nam đặt ra đòi hỏi khách quan là phải tìm ra một con đường mới, một chiến lược phát triển mới thích nghi được với cục diện mới này. Đây là vấn đề chiến lược có ý nghĩa sinh tử đối với đất nước, nêu ra bây giờ đã là muộn nhưng chưa phải là quá muộn. Cốt lõi của vấn đề này là làm sao tạo ra được cho Việt Nam *sức mạnh kinh tế, nội trị và đối ngoại* để có thể “trụ” được - với nghĩa là không đánh mất mình - và phát triển được bên cạnh một siêu cường đang “nóng” như thế.

Câu trả lời chỉ có thể là: Phải có một thể chế chính trị có khả năng phát huy được nguồn lực lớn nhất của đất nước là con người Việt Nam, để xây dựng và thực hiện được một chiến lược phát triển *kinh tế, nội trị và đối ngoại* tạo ra cho Việt Nam có sức mạnh thích nghi với cục diện mới của thế giới.

Có thể nói tới mức: Đặt vấn đề như vậy, có nghĩa là chúng ta phải thay đổi tất cả, từ tư duy đến hành động, từ chiến lược mới phải đề ra cho đến mục tiêu phải đạt được... Xem xét như vậy, có thể nói ngay: Chiến lược công nghiệp hóa – hiện đại hóa đến năm 2020 như đang tiến hành chẳng những sẽ là không thực hiện được mà còn trở nên lỗi thời, thậm chí sẽ phá sản bên cạnh “*cái công xưởng của thế giới*” là siêu cường TQ đang lên như vậy – đơn giản vì không cạnh tranh nổi, và ngày càng lệ thuộc. Xem xét các lĩnh vực khác cũng phải rút ra những nhận xét tương tự... Hơn nữa, cục diện chính trị thế giới đang thay đổi sâu sắc trong quá trình phân cực mới.

Khi đất nước bị xâm lược, tất cả phải tập trung vào nhiệm vụ đánh giặc cứu nước. Bây giờ đất nước đứng trước bước ngoặt quyết liệt như một định mệnh, tất cả phải vì sự nghiệp duy tân đất nước.

Vì vậy, tất cả phải được nhìn nhận lại. Tất cả phải thay đổi! Đòi hỏi này đã quá chín muồi, cần được nêu ra cho toàn thể cộng đồng dân tộc Việt Nam ta xem xét và quyết định – một nhiệm vụ vô cùng quan trọng

không thể thoái thác của Đảng Cộng sản Việt Nam với tính cách là đảng lãnh đạo, trừ phi Đảng Cộng sản Việt Nam muốn tự hạ thấp mình xuống đảng cầm quyền hay đảng cai trị!

Hiển nhiên, dấy lên một phong trào duy tân đất nước ngày nay trở thành lẽ sống còn.

Ba đòi hỏi vừa nêu trên cho thấy mỗi người dân Việt ta phải sớm rũ bỏ mọi yếu kém và các thói hư tật xấu, phải gạt sang một bên mọi giáo điều, để tìm ra bằng được câu trả lời phải có cho đất nước trước bước ngoặt định mệnh này. Cả nước cần một lòng, một ý chí tạo dựng nên một nước Việt Nam là một đối tác đứng được trên đôi chân của mình và được cả thế giới tôn trọng.

Tôi chưa tìm ra được tên gọi vừa với ý mình cho đoạn đường mới phía trước đất nước phải vạch ra do bước ngoặt này. Nhưng tôi cảm nhận được sự bức súc: Để Việt Nam tiếp tục đi lên trong thế giới ngày nay có siêu cường Trung Quốc sát nách đang xuất hiện, lại trong một thế giới đang diễn ra nhiều thay đổi quyết liệt, Việt Nam rất cần một *phong trào duy tân, duy tân triệt để*, đại thể có tầm vóc vực dậy đất nước đứng lên khỏi trạng thái ẻo uột và bị uy hiếp như hiện nay, một sự nghiệp vực dậy như đã từng diễn ra và làm nên cường quốc kinh tế Nhật Bản hôm nay sau chiến tranh thế giới II, hay đại thể như đã từng diễn ra ở Nam Triều Tiên sau chiến tranh để từ đó làm nên nước công nghiệp Hàn Quốc có nền kinh tế hiện nay đứng thứ 9 thứ 10 thế giới... Thiết nghĩ đòi hỏi duy tân đất nước ngày nay có lẽ còn thúc bách hơn nhiều lần so với thời Phan Châu Trinh – vì đòi hỏi phát triển của chính Việt Nam, vì yêu cầu phải cùng với cả cộng đồng các quốc gia trên thế giới dần thân cho hòa bình, dân chủ, quyền con người và bảo vệ môi trường. Song ngày nay sự nghiệp duy tân đất Việt Nam cũng hiện thực hơn trước nhiều lần.

Một thời kỳ *phát triển duy tân* như thế cho đất nước sẽ được hình dung, được phác thảo như thế nào, xin dành cho những dịp khác khi được bàn tới. Nhưng ngay trong bài viết này tôi muốn nhấn mạnh: Một đòi hỏi về *duy tân đất nước* như thế, thiết nghĩ nó phải được cảm nhận sâu sắc trong hơi thở, trong ý nghĩ, trong mọi câu trả lời cho mọi câu hỏi đất nước đang đặt ra cho chúng ta hôm nay. *Một nền dân chủ đích thực cho đất nước, một nền giáo dục tiên tiến, sàng lọc và rèn luyện để tạo lập nên một tầng lớp tinh hoa lèo lái con thuyền quốc gia trong đại dương thế giới hôm nay* – thiết nghĩ đây là 3 mục tiêu cụ thể của phong trào duy tân này, cần thực hiện bằng được.

Ba mục tiêu này có lẽ sẽ mãi mãi là 3 *cột trụ* của sự phát triển bền vững cho một Việt Nam hạnh phúc, cường thịnh. Bởi vì Việt Nam không thể vươn ra đại dương thế giới bằng con tàu ọp ẹp do thiếu vắng nền dân

chủ đích thực và nền giáo dục tiên tiến. Con tàu Việt Nam không thể thiếu vắng đội ngũ tinh hoa tiên tiến của dân tộc vận hành nó trên đại dương đầy sóng gió. Ba cột trụ này của sự phát triển là những điều kiện tiên quyết để xây dựng thành công cấu trúc giương cột của một quốc gia phát triển dựa trên kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự. Tôi tin vững chắc vào điều này.

Hãy mở đầu việc phấn đấu thực hiện phong trào duy tân này bằng thực hiện sự công khai minh bạch trong mọi lĩnh vực của cuộc sống đất nước, trước hết thực hiện sự công khai minh bạch mang lại sự thuyết phục cao nhất và sự đồng tâm nhất trí cao nhất về đòi hỏi tất yếu phải xây dựng bằng được 3 cột trụ này của sự phát triển cho đất nước chúng ta. Tôi hy vọng đã diễn tả được những ước muốn khát khao của mình về một phong trào duy tân cần đẩy lên cho đất Việt Nam.

Tự đáy lòng mình, tôi thực sự muốn nói: Cả dân tộc Việt Nam ta lúc này hơn bao giờ hết cần mau chóng thức dậy khỏi cơn mê muội đất nước èo uột hiện nay, vì sự nghiệp duy tân này! Toàn thể dân tộc ta cần xả thân cho sự nghiệp duy tân này – với tinh thần: *Sống hay là chết!* Trí tuệ và người tài của đất nước cần đi đầu dẫn thân cho phong trào duy tân này, với tất cả tinh thần: *Sống hay là chết!*

Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay nếu muốn tiếp tục vai trò lãnh đạo đang giữ trong tay và nếu muốn đi hẳn với dân tộc, nhất thiết phải bằng mọi giá tạo ra cho mình phẩm chất và khả năng đẩy lên và đi đầu một phong trào duy tân đất nước như thể của dân tộc. Quyết định này đối với Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ ít cũng đầy đủ ý nghĩa với tất cả sự quyết liệt: *Sống hay là chết! Còn hay không còn sự tồn tại của Đảng Cộng sản Việt Nam với tính cách là một đảng cách mạng – đảng lãnh đạo!* Không có bất kỳ duy ý chí nào buộc Đảng Cộng sản Việt Nam phải làm như vậy, mà chỉ có bước ngoặt định mệnh phía trước của đất nước áp đặt lên Đảng phải lựa chọn quyết định sống còn này mà thôi¹⁵. Lẽ dĩ nhiên, chỉ có đảng cầm quyền, đảng cai trị thì chẳng cần và cũng chẳng muốn sự lựa chọn này!

¹⁵ Nhân đây xin nêu lên giới nghiên cứu nước ngoài đánh giá: *So sánh Đảng Cộng sản Trung Quốc với Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, người ta thấy lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc có tầm nhìn xa hơn và giác ngộ hơn lợi ích quốc gia của họ so với lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam! Đáng chú ý hơn nữa, lâu nay Đảng Cộng sản Việt Nam hình như chỉ bước theo sau những bước cải cách của Đảng Cộng sản Trung Quốc, mà không dám bứt lên có những bước đi trước như Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng làm khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới...*

II. Đánh vật với câu hỏi “Vì sao?”: Một chế độ chính trị đồng nghĩa với quốc gia

Khi nhóm nghiên cứu giúp cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt (lúc này đồng chí Võ Văn Kiệt đã nghỉ hưu) bàn về vấn đề đổi mới công tác xây dựng Đảng, tìm hiểu những nguyên nhân nào dẫn đến sự thành công của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Cách mạng Tháng Tám và trong bốn cuộc chiến tranh ái quốc, người viết bài này cho rằng có bốn nguyên nhân chính:

- Đảng giác ngộ được sâu sắc sự nghiệp giành lại độc lập thống nhất đất nước.
- Đề ra được chủ trương đường lối và những quyết sách thực hiện được sự nghiệp này.
- Đảng phát huy được sức mạnh của nhân dân thực hiện sự nghiệp này và tranh thủ được sự hậu thuẫn của trào lưu thế giới tiên bộ.
- Đảng viên và toàn bộ hệ thống chính trị của Đảng đi đầu hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp này.

Trong 4 nguyên nhân nêu trên, hiển nhiên trí tuệ và ý chí là yếu tố nổi bật, là nền tảng của đạo đức cách mạng, là chính phẩm chất cách mạng.

Tôi chủ định không viện dẫn bất kỳ chủ nghĩa hay tư tưởng nào trong 4 nguyên nhân nêu trên, vì cho rằng mọi thứ chủ nghĩa hay tư tưởng nếu đúng và nếu được thực hiện đúng, thì cũng chỉ là phương tiện thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của sự nghiệp giành lại độc lập thống nhất đất nước trong từng thời kỳ và trong bối cảnh nhất định, và cũng chỉ đem lại một số kết quả nhất định mà thôi. Không nên biến những thứ này thành kinh thánh, hoặc quy luật cho muôn đời. Đây là chưa nói đến những thứ chủ nghĩa và tư tưởng này trong những phương diện và hoàn cảnh nhất định đã gây ra không ít tác hại cho đất Việt Nam trên con đường đấu tranh tự giải phóng mình và vươn lên. Vì thế còn phải nói: Không có 4 nguyên nhân này, nói khái quát hơn nữa, không có phẩm chất này, chủ nghĩa hay tư tưởng nào cũng không dùng được.

Nếu có gì đáng nói về ý thức hệ, hay gọi một cách suy nghĩ nào đó là ý thức hệ phải tuyệt đối trung thành, thì đó chỉ có thể là ý thức và tinh thần: *Tổ quốc Việt Nam trên hết! Lợi ích quốc gia Việt Nam trên hết!*

Suy nghĩ như vậy, người viết này cho rằng: Ý thức hệ này của Việt Nam nói chung ngày nay còn nhiều mặt yếu kém so với đòi hỏi khách quan của thế giới. Ở những người nắm trong tay địa vị lãnh đạo, yếu kém này càng lớn so với trách nhiệm của họ đối với đất nước – dù họ là ai, bên này hay bên kia; bởi vì lợi ích quốc gia, sự tôn nghiêm và danh dự

của đất nước chỉ có một sự phán xét chung không phân biệt đối xử dành cho mọi công dân của quốc gia ấy! Đặc điểm lớn nhất của yếu kém này có lẽ là những hạn chế trong xác lập tầm nhìn thế giới cho phép định vị chính xác chỗ đứng phải lựa chọn và lợi ích của quốc gia mình trong mọi tình huống biến động của thế giới.

Sự yếu kém này có lẽ là nguyên nhân chủ yếu, hoặc là một trong những nguyên nhân chủ yếu, *khiến cho về đối nội* đã góp phần không nhỏ đẩy đất nước rơi vào nhiều vòng đau thương, và cho đến hôm nay vẫn chưa tạo ra được sự đồng thuận và sự thống nhất ý chí dân tộc mà vận mệnh và sự nghiệp của đất nước luôn luôn đòi hỏi. *Về đối ngoại*, yếu kém này không ít lần xô đẩy đất nước, hoặc không cứu được đất nước ra khỏi sự xô đẩy của các cơn bão trên bàn cờ quốc tế. Là một nước nhỏ cạnh nước lớn “rất nóng”, lại là một nước luôn luôn có vị trí địa chính trị là nơi tranh chấp của các lực lượng khác nhau trên thế giới, ý thức hệ này – nói chuẩn xác hơn là *sự giác ngộ này về chỗ đứng đất nước phải lựa chọn và về lợi ích quốc gia trong bối cảnh quốc tế* – là đòi hỏi sống còn giữ cho đất nước thoát khỏi cảnh *trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết*, là không thể thiếu để chủ động làm thất bại mọi ý đồ muốn biến đất Việt Nam thành một bình phong hay một quân tốt trên một bàn cờ nào đó.

Trên hết cả, là một đất nước luôn luôn phải đứng chính diện trên điểm nóng bỏng thường trực của địa kinh tế và địa chính trị thế giới gần 2 thế kỷ nay, sự giác ngộ này *về chỗ đứng đất nước phải lựa chọn và về lợi ích quốc gia trong bối cảnh quốc tế* là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có ý chí và có khả năng tạo ra được cho mình con đường giành lấy vị thế quốc tế xứng đáng.

Không phải ngẫu nhiên trong giới nghiên cứu đã có người phải kêu lên: *Việt Nam luôn luôn là nạn nhân của sự tàn bạo của địa lý! Việt Nam mắc phải “lời nguyền” địa lý...* Hiển nhiên không một thứ “*chủ nghĩa*” hay “*tư tưởng*” nào có thể giúp Việt Nam thay đổi tình huống này. Thử hỏi, chính người Việt chúng ta ngày nay đã giác ngộ đầy đủ thực tế địa lý bạo ngược này áp đặt lên đất Việt Nam? Xin hãy tỉnh lại đi! Chúng ta phải tỉnh lại để dứt khoát dứt ra khỏi sự mê hoặc của bất kỳ cái gì gọi là “*chủ nghĩa*” và “*tư tưởng*”!

Giữa một bên là đòi hỏi của đất nước về sự giác ngộ này, một bên là trí tuệ và cái tâm của chúng ta, rõ ràng là có khoảng cách lớn. Trong thế giới quyết liệt ngày nay, sự giác ngộ này là điều mỗi người Việt Nam chúng ta đang cần nhất, để tự quyết định vận mệnh của mình và của đất nước. Nhìn chung trong cả nước, sự giác ngộ này còn đứng cách xa những đòi hỏi và thách thức của đất nước ngày nay.

Liên quan đến câu hỏi “*vì sao?*” trong bài viết này, phải chăng chính vì có phẩm chất như đã trình bày trên, nên chế độ chính trị Việt Nam suốt thời kỳ này – 1945-1975 – về cơ bản đã làm tốt được nhiệm vụ phát huy và sử dụng người tài?

Có rất nhiều dẫn chứng làm cơ sở cho nhận định trên. Chúng ta hẳn còn nhớ tiếng gọi của non sông đất nước hồi ấy đã thức tỉnh toàn dân đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám, toàn dân quyết tâm kháng chiến cứu nước với tất cả tinh thần ai có súng dùng súng, ai không có súng thì dùng gươm giáo gây gộc... Tiếng gọi non sông đất nước lúc ấy chính là tiếng gọi của Đảng hồi ấy. Các chiến sỹ tiên phong trong cuộc chiến đấu này chính là các đảng viên một lòng vì dân vì nước... Đảng lúc bấy giờ còn ít lắm, với chỉ khoảng 50 nghìn đảng viên, Đảng không thể có mặt ở khắp mọi nơi, nhưng Đảng là linh hồn của cuộc Cách mạng này, của kháng chiến... Đảng lúc ấy đã làm cho cuộc Cách mạng này, và cuộc kháng chiến sau đó trở thành sự nghiệp của toàn dân, do chính nhân dân thực hiện, vì khát vọng cao cả nhất của nhân dân: *Chấm dứt kiếp nô lệ, giành lại độc lập và quyền của người dân làm chủ đất nước...*

Sử dụng người tài trong thời kỳ này, ở góc độ bình dị nhất là phát huy tài năng, trí sáng tạo, quyết tâm của từng người dân tham gia kháng chiến. Rất dễ hiểu, đánh lại kẻ giặc mạnh hơn mình rất nhiều, với tay không, hoặc chỉ với vũ khí thô sơ, mà không có trí tuệ sáng tạo, không có những kỹ năng tối thiểu cần thiết, thì rõ ràng không thể giành thắng lợi.

Đáng lưu ý: Trong quá trình cách mạng này, có không biết bao nhiêu người dân bình thường – dù thuộc thành phần xã hội nào và ở trình độ trí thức nào, kể từ những người *khố rách áo ôm* với đúng nghĩa đen của cụm từ này, những người thất học, cho đến những người ở các tầng lớp xã hội khác, có học vấn cao thấp khác nhau, đã trở thành các tướng tài, các chỉ huy giỏi, các cán bộ kiệt xuất, là giương cột của sự nghiệp cách mạng... Thắng lợi của cách mạng, của kháng chiến không thể thiếu những tài năng và những người tài như thế. Cũng còn phải nói, cách mạng và kháng chiến đã làm nên những tài năng và những người tài như thế!

Sử dụng người tài trong thời kỳ này ở góc độ phát huy vai trò các nhân sỹ, nhân tài của dân tộc, lịch sử nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có biết bao nhiêu sự kiện lay động lòng người về đoàn kết hòa hợp dân tộc trên tinh thần dân chủ, và còn mãi mãi ấn tượng sâu sắc đến hôm nay và mai sau. Có lẽ chưa một thời kỳ nào có nhiều nhân sỹ và nhân tài tham gia Chính phủ lâm thời, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tham gia kháng chiến và tham gia chính sự đất nước như thời kỳ này, đóng góp vô cùng quan trọng vào thành công của Cách mạng – nhất là trong khi Cách mạng ở thời kỳ trứng nước và trong nhiều vấn đề quan trọng khác – ví dụ như sự nghiệp phát triển giáo dục, sự nghiệp phát triển

y tế, xây dựng nhà nước pháp quyền... Ngày nay mọi người còn nhắc đến “*thế hệ vàng*” là các trí thức và nhân sỹ lớn đã đem hết tâm huyết và trí tuệ phụng sự đất nước, góp phần làm nên những thành quả có tính cách đặt nền móng cho sự nghiệp phát triển các lĩnh vực khác nhau của đất nước sau này.

Vậy phải chăng có thể sơ bộ kết luận, suốt thời kỳ này người tài được trọng dụng và phát huy cao độ vì các lẽ:

1. Chế độ chính trị được lãnh đạo bởi tầng lớp có trí tuệ và ý chí cách mạng kiên định – tiêu biểu là các nhân vật lãnh đạo sự nghiệp cách mạng và công cuộc kháng chiến.
2. Hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước được xây dựng gồm những con người gắn bó với nhân dân, trung thành với sự nghiệp cách mạng, được rèn luyện và lựa chọn thông qua thử thách trong quá trình cách mạng.
3. Nhờ nguyên nhân 1 và 2 (cơ bản vẫn là những nguyên nhân con người, nguyên nhân có người tài¹⁶ trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước) hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước một mặt có khả năng lớn thực thi các nhiệm vụ cách mạng đề ra, nói được là làm được; mặt khác nó gắn bó mật thiết với nhân dân; bản thân hệ thống chính trị không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân và của sự nghiệp mạng.
4. Trong thời chiến không thể có thiết chế dân chủ giống như trong thời bình với mục đích tạo ra sự đồng thuận xã hội cao nhất cho mọi vấn đề, mọi nhiệm vụ đất nước đặt ra. Thế nhưng bản chất và khả năng của hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước thời ấy như đã nêu trong điểm 3 cho phép tạo ra sự đồng thuận lớn nhất của nhân dân cho nhiệm vụ cách mạng, tạo ra sức mạnh to lớn hoàn thành nhiệm vụ cách mạng (nghĩa là trong bối cảnh kháng chiến và vì nhiệm vụ chính trị là kháng chiến, có thể nói chế độ chính trị Việt Nam thời ấy là rất dân chủ).
5. Tuy các thiết chế luật pháp thời kỳ này còn rất sơ sài, song hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước cùng với những con người của nó chịu sự thử thách, sàng lọc rất nghiêm khắc của bản thân cuộc kháng chiến, của tinh thần tự giác cao ở từng con người phụng sự trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước, của cả xã hội kháng chiến cứu nước. Lẽ đơn giản bất kể sự tha hóa nào trong chiến tranh, dù là của tổ chức hay của cá nhân, đều ngay tức khắc gây ra thất bại và đều ngay tức khắc bị chiến tranh sát phạt nghiêm khắc, nhiều khi phải trả

¹⁶ Người tài ở đây và trong toàn bài viết này được hiểu bao gồm cả *đức*.

xương máu rất đắt. Thực tế này là cơ chế sàng lọc, đào thải không thương tiếc mọi tha hóa và bất cập của hệ thống cũng như của từng con người trong hệ thống, không dung tha chủ nghĩa cơ hội¹⁷.

6. Hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước – nói gọn là chế độ chính trị - của thời kỳ này phát huy được và tạo ra được những giá trị cao đẹp làm nền tảng vững chắc cho một môi trường xã hội lành mạnh của những đức tính cao quý: sống vì sự nghiệp chung, tự do phát huy hết khả năng mình cống hiến cho sự nghiệp chung, bình đẳng trong trách nhiệm và trong cống hiến... Sự bình đẳng ấy cũng có nghĩa là dân chủ. Đó là một môi trường giải phóng mọi khả năng cống hiến và không dung dưỡng mọi tha hóa. Đây cũng là tự do và dân chủ có thực chất trong bối cảnh thời chiến thiếu vắng các thiết chế chính quyền và pháp luật cần thiết cho tự do và dân chủ. Chính không khí tự do và dân chủ trong bối cảnh thời chiến như vậy, trong thước đo giá trị của toàn xã hội thời đó là như vậy, nên đã tạo ra và phát huy được người tài, trọng dụng người tài, tôn vinh người tài.

Nếu phải tóm tắt cả 6 nguyên nhân nêu trên trong một nhận xét khái quát, thì đó chính là *thời kỳ đất Việt Nam có được một chế độ chính trị đối với người dân gần như đồng nghĩa với tổ quốc*.

Diễn đạt nôm na: Người dân yêu chế độ chính trị này của đất nước mình, tự hào về nó, thấy đáng sống và đáng chết vì nó, sẵn sàng hy sinh chiến đấu bảo vệ nó như tổ quốc. Dưới chế độ chính trị này, nếu người dân không có được tự do và dân chủ trong bối cảnh thời chiến như vậy, không cảm nhận được sự đồng nghĩa của chế độ chính trị gần như đồng nghĩa với tổ quốc như vậy, làm sao người dân có thể tự giác đánh giặc cứu nước? Làm sao chế độ chính trị này có thể phát huy tinh thần, nghị lực sáng tạo và sức chiến đấu của họ?

Đó cũng là chế độ chính trị đã thu hẹp được đến mức tối đa – nghĩa là thu hẹp đến mức hầu như không còn khoảng cách phân biệt giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo, thời kỳ ý chí và quyền lợi của lãnh đạo và của bị lãnh đạo đồng nhất với nhau làm một: Tất cả cho kháng chiến thắng lợi! Và chính thực tế này đã phát huy cao độ tự do và dân chủ của lãnh đạo và của cả bị lãnh đạo trong bối cảnh của thời chiến - vì những mục đích chung, lãnh đạo và bị lãnh đạo đều cùng nhau chia sẻ, đều cùng nhau gánh vác, cùng nhau chịu trách nhiệm, để phụng sự sự nghiệp của cách mạng.

¹⁷ Ví dụ: Tình trạng tội phạm nghiêm trọng cực kỳ ít trong suốt 4 cuộc kháng chiến chứng minh điều này.

Nếu ôn lại không biết bao nhiêu cuộc chiến phải hy sinh đẫm máu của nhân dân để bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ cán bộ, bao nhiêu gương đấu tranh khác của nhân dân vì sự nghiệp cách mạng..., thì nhận xét khái quát này hoàn toàn thích hợp cả về ngôn ngữ cũng như về mặt tinh thần và nội dung. Chính trong bối cảnh ấy nhân tài rộ nở, được phát huy, được trọng dụng, được tôn vinh, được sản sinh thêm mãi.

Đến đây có lẽ được phép suy luận: *Chế độ chính trị hiện nay không sử dụng được người tài, bởi vì tính chất của nó “gần như đồng nghĩa với tổ quốc” trong quan hệ với người dân đang ngày càng sa sút hoặc thậm chí ngày nay đã bị đánh mất. Chế độ chính trị này mặc dù ngày nay có không ít các thiết chế luật pháp và hành chính dành cho tự do và dân chủ, song vì không thực thi được, nên nó chưa mang lại, hoặc không mang lại được bao nhiêu tự do và dân chủ có thực chất cho người dân. Về nhiều phương diện nó đang diễn biến thành chế độ cai trị!*

Phải chăng là như vậy?

Đây là chưa nói, sáng tạo đích thực bao giờ cũng là sản phẩm của giải phóng, là sản phẩm của tự do và dân chủ. Phát huy tài năng đích thực lại càng phải có tự do và dân chủ. Chế độ chính trị muốn dùng được nhân tài lại càng cần phải có tự do, dân chủ - đây chính là ách tắc mấu chốt trong chế độ chính trị Việt Nam ngày nay.

III. Tìm hiểu một số vấn đề học búa

III.1. Cơ chế “đảng hóa” ngày nay và hệ lụy

Cơ chế đề kháng tha hóa đã thiết lập được cho chế độ chính trị thời chiến ngày nay không còn hữu hiệu trong thời bình; hệ thống chính trị - xã hội và bộ máy nhà nước trong thời bình đang bị hiện tượng “đảng hóa”, hiện tượng “cơ cấu” biến tướng trầm trọng thành hệ thống “đảng trị”, mọi nỗ lực xây dựng nhà nước pháp quyền trên thực tế chỉ đang hình thành được nhà nước nhân trị, nhà nước “đảng trị”, với nhiều hệ quả nặng nề đầy nguy hiểm cho đất nước.

Có thể nói, với tính cách là đảng cầm quyền, cho đến hôm nay Đảng Cộng sản Việt Nam đã bỏ ra những nỗ lực rất lớn, để chuyển chế độ về cơ bản là chế độ chỉ huy cai quản đất nước trong thời chiến, sang chế độ pháp trị cai quản đất nước trong thời bình. Đảng cầm quyền đến hôm nay đã xây dựng nên được một hệ thống chính trị - xã hội và bộ máy nhà nước hoàn chỉnh, theo nghĩa là có đầy đủ đầu mình và chân tay của một hệ thống nhà nước pháp trị, có hệ thống kinh tế quốc doanh là chủ đạo làm nền tảng, có hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là mối liên hệ kết nối trong xã hội. Nhà nước mà Đảng xây dựng ra cho dân được ghi rõ

trong Hiến pháp là *nhà nước của dân, do dân, vì dân...* Tuy vậy, cái cốt lõi, cái linh hồn của hệ thống mới này hôm nay, về cơ bản vẫn là cái cốt lõi và cái linh hồn của hệ thống nhân trị của chế độ một đảng hôm qua trong thời chiến: *Đảng quyết định tất cả*. Hơn thế nữa, đảng cầm quyền hôm nay chủ yếu chỉ làm cái việc *Đảng quyết định tất cả, nhưng lại không chịu trách nhiệm về tất cả*, và không làm hay không còn làm được bao nhiêu nữa vai trò lãnh đạo với đúng nghĩa của khái niệm lãnh đạo.

Tình trạng mất dân chủ trong Đảng càng gia tăng, thì cái cốt lõi, cái linh hồn “cũ” thời cách mạng vinh quang đáng tự hào xưa bấy giờ ngày càng biến tướng, càng tha hóa trong thời bình. Hôm nay, cái tha hóa này nhẩy lên thống soái ngay trong Đảng, đồng thời nó thống soái mọi mặt phát triển và vận mệnh của đất nước. Chính thực trạng này đã và đang ngày càng làm méo mó hoặc vô hiệu hóa từng bộ phận cái chế độ nhà nước pháp trị mà Đảng đang ra sức xây dựng dưới cái tên *nhà nước pháp quyền định hướng xã hội chủ nghĩa*. Chính cái *tính thống soái* này – thể hiện dưới cái tên gọi chính thức của nó trong các văn kiện chính thức là “*tính quán triệt*” – đang trực tiếp và hàng ngày không ngừng xô đẩy Đảng từ vị thế người lãnh đạo trong thời chiến sang vị thế người cai trị trong thời bình. Ngày nay Đảng đang bước tiếp trên con đường: Kẻ thắng trở thành ông vua. Hiện tượng này rõ nét nhất ở chủ trương “*đảng hóa*”¹⁸ từ A đến Z toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội và bộ máy nhà nước, được thực hiện thông qua cái gọi là “*cơ cấu*” – nhân danh bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, nhân danh thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng. Cái *nhân danh* này đang sinh sôi nảy nở hiện tượng *cha truyền con nối tập thể*, với không ít phê phán ngay trong Đảng và trong nhân dân.

Cái “*đảng hóa*” này vận động chủ yếu theo kiểu *sống lâu lên lão làng, con vua thì lại làm vua, một người làm quan cả họ được nhờ*, được tiến hành theo cái gọi là chính sách *cơ cấu*. Đây là chính sách dùng người chủ yếu theo cơ cấu hay phân bổ cán bộ muốn đạt được, cán bộ có cương vị Đảng phân công gì cũng được... - nghĩa là không theo việc mà dùng người. Vì thế đặc tính này của hệ thống loại bỏ ngay từ đầu hoặc hạn chế nghiêm trọng khả năng *thay máu*, khả năng đưa vào hệ thống chính trị những sinh lực mới, chất xám mới, khả năng đưa vào hệ thống chính trị những nhân tài hoặc khả năng tuyển chọn nhân tài mới... Một hệ thống chính trị - xã hội và bộ máy nhà nước bị “*đảng hóa*” và “*cơ cấu*” như thế, chẳng những khiến nó không làm được chức năng được giao của

¹⁸ Khái niệm do đồng chí Võ Văn Kiệt đưa ra sử dụng để đặt tên cho thực trạng này.

nó – chức năng xây dựng và thực thi nhà nước pháp quyền, mà chính hiện tượng “đảng hóa” này lại trở thành *nguồn gốc mới, nguồn gốc quan trọng nhất trong thời bình* của mọi tha hóa và mọi tệ nạn quan liêu tham nhũng đang phát sinh.

Đồng thời, hiện tượng “đảng hóa” đẻ ra và thúc đẩy yêu cầu phải trang trí bộ mặt của nó – bộ mặt của hệ thống, để cho nó có vẻ dân chủ, có vẻ là nhà nước pháp quyền định hướng xã hội chủ nghĩa... Cho nên, trong những việc đã làm được, cái “giả”, cái “diễn” cứ liên tục phát triển, đẻ ra hàng loạt thứ “giả” thứ “diễn” tiếp theo trong mọi mặt của đời sống đất nước, những cái “hảo” trong đời sống đất nước vì thế sinh sôi nảy nở... Tiêu biểu nhất cho những cái “giả - diễn - hảo” này là nhiều quyền công dân đã được ghi trong Hiến pháp chỉ là lý thuyết hoặc không được thực thi nghiêm túc, không ít chủ trương chính sách đúng chỉ có giá trị là văn bản... Có lẽ hiện tượng “giả - diễn - hảo” này tồn tại trong Đảng giải thích rõ nét nhất vì sao Đảng ngày càng yếu đi ở Đại hội sau so với Đại hội trước, Đảng càng đông sức chiến đấu của Đảng càng giảm sút! Hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước ngày càng yếu kém song hành với các hiện tượng như số người có bằng cấp và học vị cao ngày càng gia tăng, hiện tượng “chạy ghế” ngày càng phổ biến, biên chế phình lên ngày càng lớn...

Nguy hiểm hơn nữa những cái “giả - diễn - hảo”, cái bung bít sự thật hay cái sự thật bị cắt xén, thoát đầu chỉ xuất phát từ yêu cầu trang trí, yêu cầu giữ gìn bộ mặt, giữ gìn thể diện, sự ổn định, yêu cầu an dân... Song đất nước càng phát triển lên nấc thang cao hơn, hệ thống chính trị này càng trở nên “quá tải”, tất yếu là bất cập và tha hóa càng trở nên trầm trọng. Hệ quả là đất nước đã và đang ngày một dần sâu vào một thực tế mới: Một bộ phận quan trọng những tha hóa này dần dần biến thành những quy ước, những luật không thành văn mạnh hơn những luật chính văn, kể cả trong sinh hoạt Đảng (ví dụ: những quy định không thành văn cản trở sự thực hiện dân chủ trong Đảng và có những việc sai cả với Điều lệ Đảng, đã được nhiều ý kiến phân tích xác đáng trong những đợt sinh hoạt chính trị chuẩn bị Đại hội Đảng...). Thậm chí cái không thành văn này có khi trở thành chính diện của cuộc sống (thể hiện rõ nét nhất là hiện tượng trong thực tế Đảng đứng trên Hiến pháp và luật pháp quyết định tất cả). Trên một số phương diện nhất định, những tha hóa này còn trở thành một nhu cầu không thể thiếu được cho khả năng sống sót (survival capability) và cho chính đời hỏi duy trì sự tồn tại của hệ thống. Qua đó cuộc sống mọi mặt của đất nước ngày càng nhiều cái ký sinh, cái tha hóa..., với hệ quả cái tốt ngày càng bị lấn át.

Một sự thật nghiêm trọng không thể bỏ qua là: *Trong toàn bộ hệ thống chính trị của đất nước, Đảng bị sự tha hóa này tấn công trực diện*

nhất, và Đảng cũng là người chịu tổn thất nặng nề nhất. Cho đến nay chưa có một lực lượng thù địch nào có thể từng bước cướp đi mối quan hệ gắn bó lịch sử giữa nhân dân và Đảng như đang xảy ra. Trong toàn bộ lịch sử và truyền thống cách mạng của Đảng, chưa có một thời kỳ nào sức tiên phong chiến đấu của Đảng bị tha hóa làm cho tê liệt như hôm nay. Chưa một thời kỳ nào tính tổ chức và tính đảng của toàn Đảng cũng như của đảng viên thấp như bây giờ, v. v...

Toàn bộ những cái “giả - diễn - hão” này, về bản chất tự nó đối kháng với Chân, Thiện, Mỹ; đối kháng với lẽ phải, trí tuệ; dẫn đến đối kháng và thải loại người tài – thậm chí không hiếm khi nhân danh kiên trì đường lối và quan điểm lập trường của Đảng, nhân danh giữ gìn sự trong sạch của Đảng... Điều này cắt nghĩa rõ nhất vì sao bỏ tiền của công sức bồi đắp cho hệ thống, cho tổ chức, cho phong trào bao nhiêu đi nữa, song năng lực và phẩm chất của hệ thống chính trị - xã hội, của bộ máy nhà nước và của đội ngũ cán bộ vẫn tiếp tục ngày càng yếu kém. Cái thực, cái thực lực, cái sức sống đích thực của đất nước không còn lại như mong đợi. Khả năng đề kháng trong Đảng, khả năng của đất nước vượt lên mọi khó khăn bé dần. Tiềm lực của nhân dân bị tiêu hao...

Cái “đảng hóa” như thế, với tất cả những hệ quả và các hiện tượng phái sinh “giả - diễn - hão” của nó như thế, ngày nay không còn là chuyện của một cá nhân, một tổ chức hay một địa phương riêng lẻ nữa. Tất cả những cái “giả - diễn - hão” này đang ngày càng trở thành một đặc thù, một phong cách, một bản chất, thậm chí như một thứ văn hóa... Hệ quả là cả nước hầu như 90 đến gần 100% địa phương có tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, có tổ dân phố hay thôn xóm đạt danh hiệu xây dựng nếp sống văn hóa. Nhưng tình hình thật của các địa phương lại không như thế, tệ nạn tham nhũng tiếp tục tràn lan, tệ nạn xã hội hầu như không kiểm soát được... Trong tình hình như vậy mà lại có lúc đề xướng “xây dựng văn hóa Đảng” nữa thì thật quả là điển hình của tha hóa.

“Đảng hóa”, và gắn liền hữu cơ với nó là hiện tượng “cơ cấu” như thế, tự nó cũng trở thành một hệ thống xuyên chéo nhau, giằng dặt với nhau giữa các con người (phần đông là liên quan đến chức, quyền, lợi ích), các tổ chức, các địa phương, các ngành, các cấp - từ cơ sở đến cao nhất... Bởi vì, muốn thực hiện được “đảng hóa” và thực hiện được “cơ cấu” ở người này, thì phải bắt đầu từ người kia, cấp này phải bắt đầu từ cấp kia... Tiến hành “Đảng hóa” hay “cơ cấu” trong quyền lực chính trị nhiều khi phải bắt đầu từ kinh tế, hoặc ngược lại, vân... vân... Tất cả phụ thuộc vào nhau, tất cả cùng tồn tại, tất cả cùng nhau bảo vệ “đảng hóa”, bảo vệ “cơ cấu”. Và cứ như thế, tất cả cùng nhau xây dựng cái thành lũy kiên cố cho cái “nhân danh Đảng” ở ngay trong Đảng cũng

như ở trong toàn xã hội, mặc dù tất cả không hiếm khi xung đột nhau quyết liệt. Hệ quả vô cùng nghiêm trọng là đất nước phải gánh chịu không biết bao nhiêu sai lầm, thất bại và tổn thất, nhưng hầu như không thể quy kết trách nhiệm cho ai, lại càng khó hơn trong việc tìm ra kế sách khắc phục tình trạng này. Trong khi đó *tư tưởng nhiệm kỳ* làm cho tình trạng này ngày càng trầm trọng thêm.

Trong một hệ thống “đảng hóa” và “cơ cấu” như thế, giả thử có cài cắm được người tài, giả thử người tài có lên chân vào được, thì anh ta hay chị ta sớm muộn cũng sẽ phải bật đi, hoặc phải tự hạ mình thành công cụ của hệ thống. Trong một hệ thống như thế thì làm sao trí tuệ và lẽ phải có tiếng nói mạnh mẽ được? Nói dối, ngu dân và bung bít trong xã hội đương nhiên trở nên vô cùng cần thiết cho hệ thống.

Một xã hội chịu tác động như thế ngày này qua ngày khác, cùng với nền giáo dục như đang được tiến hành, dần dà cũng tạo nên *một thứ văn hóa cần thiết cho sự tồn tại hàng ngày của chính xã hội ấy* – ví dụ đập vào mắt là “văn hóa phong bì, “văn hóa mua/bán quan hệ” – cho các phi vụ, cho chạy ghế, chạy án, chạy dự án, chạy bằng khen... và biết bao nhiêu thứ “chạy” khác. Tư tưởng nhiệm kỳ gắn liền với mọi cách làm ăn bóc ngắn cắn dài, vơ vét để bù lại cho tổn phí chạy chức chạy quyền, cục bộ, thân ai người nấy lo, v.v... Đến lượt nó, chính một xã hội chịu đựng những tác động như thế không phải lúc nào cũng thuận lợi cho những giá trị chân chính, cho lẽ phải, cho tài năng... Một xã hội chịu đựng mãi những tác động như thế, dần dần nản lòng bảo vệ cái tốt, giảm sút ý chí suy nghĩ cái lớn, cái lâu dài cho đất nước. Qua đó tâm lý “mỳ ăn liền”, tâm lý “múc” (vơ vét, cướp đoạt...) và những sản phẩm tương tự khác phát triển. Một xã hội như thế dễ dung túng, thỏa hiệp hay trở nên vô cảm, mũ ni che tai... Một xã hội như thế, thuận lợi cho những tiêu cực khác như đổ kị nhau, bảo thủ, dèm pha kìm hãm lẫn nhau, trâu buộc ghét trâu ăn... Một xã hội như thế cuối cùng dẫn đến người này níu kéo người kia, để tất cả cùng nhau chìm sâu vào nghèo nàn lạc hậu, manh mún, cò con... Trong đời sống xã hội hiện đang xảy ra quá nhiều hiện tượng làm tổn thương danh dự và lòng tự trọng của dân tộc, thể diện của quốc gia...

Như một sản phẩm tất yếu của thực trạng kinh tế và chính trị đất nước hiện nay, những thứ tiêu cực nói trên đang dần dần hình thành nên *một thứ văn hóa thấp kém* của đất nước, nhiều giá trị và thước đo mất thiêng, mê tín dị đoan gia tăng. Tình hình này chưa biết cần được khắc phục như thế nào và đến bao giờ mới khắc phục được! Sinh lực, nhuệ khí và ý chí của dân tộc bị bào mòn. Đất Việt Nam đang lâm vào một cuộc khủng hoảng tinh thần và giá trị sâu sắc nhất kể từ Cách mạng Tháng Tám đến nay... Không thể nói khác, tình trạng xuống cấp về văn hóa và đạo đức trong xã hội Việt Nam ngày nay như vậy thật đáng vô cùng lo

ngại – từ hành vi giao thông trên đường, đến cung cách ứng xử với nhau ở mọi chốn, mọi nơi, và biết bao nhiêu điều đau lòng khác nữa trong đời sống hàng ngày.

Rõ ràng là đất nước đang bị làm hỏng!.. Dứt khoát không thể đổ lỗi cho *nhân dân sa sút, vô cảm, cho dân trí thấp..*, mà phải quy kết về những nguyên nhân tạo ra tình trạng này.

Tôi muốn nói đến mức: Hiện tượng “đảng hóa” và “cơ cấu” đang xảy ra như thế khiến cho Đảng ta hôm nay dù đứng trên đỉnh cao nhất của quyền lực, nhưng sự thật là chưa bao giờ Đảng yếu kém như bây giờ. Đất Việt Nam đang trên đường và trên đà của phát triển, mà sao lại lâm vào tình trạng chưa bao giờ có nhiều vấn đề nan giải như bây giờ. Chế độ chính trị mang danh là định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng lại có quá nhiều thứ ngược lại¹⁹. Người tài vì vậy thui chột hoặc không thể sử dụng được. Đất cho nhân tài nảy nở bị ô nhiễm muôn phần. Chân lý và công lý trở nên xa vời.

Nhắm mắt hay mở mắt, sự thật đang là như vậy.

III.2. Lỗi ra: Đảng phải thôi làm vua

Lỗi ra ngày nay của Đảng cũng là đòi hỏi của dân tộc, đó là trách nhiệm của Đảng với tư cách là người lãnh đạo nhân dân kháng chiến thắng lợi và là người chiến thắng. *Đảng phải làm tròn trách nhiệm lịch sử của mình đối với dân tộc là lãnh đạo nhân dân xây dựng nên một thể chế dân chủ đích thực của dân, do dân, vì dân, để xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.*

Diễn đạt nôm na là: Đảng phải thôi làm vua, chịu sự chi phối của Hiến pháp và Luật pháp như mọi công dân khác, trả đất nước về cho dân làm chủ. Đảng nhất thiết phải phấn đấu vươn lên thành người lãnh đạo thành công của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời bình. Làm như thế, thực chất là tiến hành một cuộc cải cách triệt để hệ thống chính trị từ trên xuống và từ trong Đảng ra. Ngày nay, trước bước ngoặt định mệnh đang đặt ra cho đất nước, món nợ lịch sử

¹⁹ Sẽ không phải là vô ích, và chắc sẽ khó tránh khỏi giật mình, nếu làm một cuộc điều tra và so sánh nếp sống văn minh và thực trạng xã hội Việt Nam hiện nay với những nước chung quanh như Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanma, Philippines, Malaysia, Indonesia...

này của Đảng đối với dân tộc càng lớn, không thể thoái thác²⁰. Đây còn là kịch bản tối ưu nhất đối với Đảng và đất nước.

Xét về tính cố hữu của quyền lực, dù những đòi hỏi nêu trên đối với Đảng có thể được coi là ảo tưởng, song hiển nhiên đây là lối ra duy nhất của lí trí phải tính đến, trước hết là của tinh thần *Tổ quốc trên hết!* Chấp nhận hay không chấp nhận lối ra này, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay sẽ tự chứng tỏ trước nhân dân, trước đất nước, mình là ai!

Trong lịch sử thế giới đương đại, ít nhất tôi đã được thấy một lần, có một đảng, một lãnh tụ đã làm được cái việc sau khi giành được thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng giải phóng đất nước khỏi ách thống trị phân biệt chủng tộc a-pác-thai²¹ khét tiếng năm 1994, đảng ấy và lãnh tụ ấy đã trao lại đất nước Nam Phi cho toàn thể nhân dân Nam Phi đủ các sắc tộc khác nhau định đoạt. Ảo tưởng hay không ảo tưởng, đó chính là Đảng Quốc Đại của Nam Phi (African National Congress - ANC), có nhiều đảng viên cộng sản Nam Phi tham gia, và với lãnh tụ của ANC là Nelson Mandela. Khỏi phải nói chính thể ngày nay ở Nam Phi là của người dân các sắc tộc Nam Phi đúng với nghĩa là *của dân, do dân, vì dân*, nghĩa là của họ. Trong chính thể dân chủ Nam Phi không có chuyện ANC và Nelson Mandela lên làm vua, và vì thế Nam Phi cũng không phải bận tâm với câu chuyện “đảng hóa” và câu chuyện cha truyền con nối. Khỏi phải nói Nam Phi ngày nay (2010) có thu nhập tính theo đầu người là 10.498 USD, xếp thứ 77 trên thế giới, là nước châu Phi phát triển nhất, văn minh nhất, mặc dù quốc gia này chỉ có nông nghiệp là chủ yếu và không có dầu. Tôi không thể tránh được câu hỏi: *ANC đã làm được, Đảng Cộng sản Việt Nam có làm được không?*

Đảng có làm được trách nhiệm lịch sử này hay không, đó là việc Đảng phải tự quyết định, trước hết là những người lãnh đạo. Bước ngoặt của định mệnh phía trước đang đặt ra cho quốc gia không quan tâm đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam có muốn và có làm nổi trách nhiệm lịch sử này hay không; nhưng độc lập chủ quyền và sự tồn tại của quốc gia lại đặt ra cho Đảng Cộng sản Việt Nam: Lựa chọn như thế nào thì liên quan như thế đến vận mệnh và sự nghiệp của Đảng trên bước đường sắp tới.

Xin nhắc lại vấn đề cốt lõi:

²⁰ Nguyễn Trung, Trách nhiệm lịch sử, Tạp chí Thời Đại Mới, số 19, tháng 7/2010.

²¹ Apartheid: Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

- Nguyên nhân cơ bản làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và 4 cuộc chiến tranh ái quốc là Đảng Cộng sản Việt Nam đã giương cao được ngọn cờ dân tộc và dân chủ.
- Nguyên nhân cơ bản làm nên những thành tựu đổi mới của 25 năm qua, đảo ngược thế nguy của đất nước và mang lại cho đất nước vị thế hôm nay, cũng là do Đảng Cộng sản Việt Nam đã cởi trói cho nhân dân thoát khỏi cơ chế quan liêu bao cấp và phát huy được ở mức độ nhất định sức mạnh dân tộc, dân chủ.
- Nguyên nhân cơ bản tước đi vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, và ngày nay đang không ngừng xô đẩy Đảng Cộng sản Việt Nam sang vị thế đảng cai trị, là do Đảng Cộng sản Việt Nam đang đánh mất (hay vứt bỏ?) ngọn cờ dân tộc dân chủ.

Để phát huy sức mạnh dân tộc và tranh thủ được hậu thuẫn của thế giới tiến bộ cho việc đương đầu thắng lợi với bước ngoặt định mệnh đang đặt ra cho đất nước, nhất thiết phải thực hiện hòa hợp đoàn kết dân tộc để giương cao được ngọn cờ dân tộc và dân chủ.

Vậy Đảng lựa chọn gì?

Không phải ai khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết rất sớm: Mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo đều nhờ giương cao được ngọn cờ dân tộc - dân chủ, mọi thất bại đều gắn với tình trạng Đảng vứt bỏ ngọn cờ này.

Chân lý đơn giản, rõ ràng là thế, Đảng thôi làm vua để trở về phân đấu làm người lãnh đạo nhân dân dưới ngọn cờ dân tộc - dân chủ trên bước đường mới này của đất nước là *một tất yếu khách quan*.

Nhưng đúng là có nhiều câu hỏi khó trả lời, xoay quanh câu chuyện: *Đảng có muốn hay không? Đảng có làm nổi hay không? Đảng phải làm như thế nào?* Điều kiện tiên quyết để trả lời những câu hỏi xoay quanh chuyện này là phải xác định dứt khoát: Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ dũng khí cách mạng và tinh thần yêu nước để thừa nhận *tất yếu khách quan* nêu trên hay không? Toàn bộ câu chuyện này vượt quá khung khổ bài viết, xin được bàn vào một dịp khác khi có cơ hội.

Trở lại chủ đề *người tài* của bài viết này, ở đây xin nói ngay: Thừa nhận *tất yếu khách quan* nêu trên, Đảng Cộng sản Việt Nam tự mình sẽ đặt ra cho mình yêu cầu bức thiết phải tìm được trí tuệ và người tài, sẽ có ý chí sử dụng và sử dụng được trí tuệ và hiền tài để thực hiện. Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam chính mình sẽ tự mở ra không gian mệnh mông cho người tài dụng võ; sẽ làm cho trí tuệ và ý chí của cả nước trở thành động lực, thành sức mạnh làm nên một nước Việt Nam đúng với tinh thần duy tân như đã nói trên mà người Việt nào không khao khát?!

Nói một cách khác, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ có thể sử dụng được, phát huy được hiền tài khi sự lựa chọn của Đảng xuất phát từ đòi hỏi của đất nước, gắn liền với lợi ích và vận mệnh của đất nước, trân trọng và phát huy vai trò làm chủ đất nước của nhân dân. Không phải ngẫu nhiên trên tấm bia đầu tiên của Văn Miếu ghi câu nói của Thân Nhân Trung: “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và ngày càng lớn, nguyên khí suy thì nước yếu và ngày càng kém*”. Luận ra từ câu nói này: Có thể đo được phẩm chất của Đảng thông qua xem xét mối quan hệ giữa Đảng và trí tuệ, giữa Đảng và hiền tài; hơn thế nữa, qua đó còn có thể biết được vận nước đang thịnh hay đang suy! Thực tế đất nước hiện nay đang khẳng định như vậy.

III.3. Ngọn cờ dân tộc dân chủ

Đứng trước bước ngoặt định mệnh đặt ra cho đất nước hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam không nên, thậm chí không có quyền bỏ lỡ thời cơ giương cao ngọn cờ dân tộc – dân chủ.

Là lực lượng chính trị lớn nhất của cả nước, trong Đảng vẫn còn rất nhiều đảng viên chân chính yêu nước và có trí tuệ, mối quan hệ gắn bó của Đảng với nhân dân có bề dày lịch sử rất lớn. Như thế, Đảng Cộng sản Việt Nam rõ ràng là lực lượng chính trị có những điều kiện mạnh nhất trong tay so với cả nước, để giương cao thành công ngọn cờ dân tộc – dân chủ. Cái duy nhất mà Đảng hiện nay đang thiếu, trước hết là cái mà lãnh đạo Đảng bây giờ đang thiếu, đó chính là sự giác ngộ sâu sắc và ý chí giương cao ngọn cờ dân tộc – dân chủ trong giai đoạn cách mạng hiện nay! *Cần nhấn mạnh, đây chính là ngọn cờ thời đại chúng ta đang sống.*

Nên đề cho trí tuệ, ý chí và nguyện vọng trong toàn Đảng và trong cả nước trả lời câu hỏi “*Làm thế nào Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn thành được trách nhiệm lịch sử này?*”

Cũng xin nhắc lại như thế và xin dành cho một dịp khác việc bàn luận, phác thảo con đường đất nước sắp tới phải đi. Cho phép tôi tại đây nói ngay suy nghĩ của mình: Nhận thức được và chấp nhận được tất yếu khách quan đặt ra cho Đảng Cộng sản Việt Nam tại bước ngoặt lịch sử này, chắc chắn Đảng sẽ có cách hoàn thành được trách nhiệm lịch sử của mình.

Niềm tin nêu trên xuất phát từ suy nghĩ: *Khép lại quá khứ, không ngoái lại quá khứ, nhìn về phía trước với tinh thần đặt lợi ích quốc gia là trên hết, từng đảng viên làm như vậy, toàn Đảng làm như vậy, nhất định Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ hoàn thành được trách nhiệm lịch sử của mình. Bộ Chính trị làm được như vậy, chắc chắn toàn thể Đảng Cộng*

sản Việt Nam sẽ làm được như vậy; toàn dân chẳng những sẽ cổ vũ Đảng và cũng làm theo như vậy. Có lẽ lãnh đạo là thế!

Để tránh bằng được nguy cơ của thảm họa đổ vỡ trong cảnh nôi da xáo thịt, chắc chắn phải lựa chọn như thế!

Khép lại quá khứ, không ngoái lại quá khứ, nhìn về phía trước như vậy, sẽ có hòa giải hòa hợp và đoàn kết dân tộc trên nền tảng của dân chủ, và chính điều này chẳng những sẽ tạo ra khả năng sáng tạo và sức mạnh bất khả chiến bại của Việt Nam ta; mà còn phải nói: Chính điều này sẽ làm nên một dân tộc Việt Nam hoàn toàn mới, cho một nước Việt Nam duy tân.

III.4. Dân chủ - Điều kiện tiên quyết của hòa giải hòa hợp đoàn kết dân tộc

Đứng trước bước ngoặt do cục diện thế giới ngày nay đặt ra cho đất nước như một định mệnh, thực hiện hòa giải hòa hợp đoàn kết dân tộc là sự khởi đầu con đường sống của đất Việt Nam, là bước đi đầu tiên²² nhất thiết phải có của sự nghiệp xây dựng một Việt Nam phát triển bền vững và cường thịnh trên cơ sở một nền dân chủ đích thực, một nền giáo dục tiên tiến và do các tầng lớp tinh hoa của đất nước dẫn dắt.

Cần phải sớm tạo ra một thể chế dân chủ làm tiền đề, làm nền tảng gây dựng nên, phát triển, củng cố và hoàn thiện hòa giải hòa hợp đoàn kết dân tộc. Ngôn từ có thể là to tát như thế, song nói cho cụ thể là phải thực hiện đầy đủ các quyền tự do dân chủ của công dân đã ghi được trong Hiến pháp hiện hành; nhà nước phải được thiết kế lại sao cho có năng lực thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình theo hiến định và đúng với tinh thần là nhà nước “*của dân, do dân, vì dân*”, toàn bộ quyền lực của đất nước thuộc về dân; cả nước thượng tôn pháp luật như đã nêu lên được trong khẩu hiệu “*mọi người sống và làm việc theo pháp luật*”; nghiêm túc tiến hành sửa đổi Hiến pháp nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc những điều vừa trình bày, v.v... Từ một thể chế dân chủ đích thực như thế, tinh thần yêu nước sẽ lại được đẩy lên. Cả nước sẽ một lòng, một ý chí, tất cả đều vì một đất nước là của toàn thể dân tộc. Từ đây sẽ hình thành một dân tộc Việt Nam mới cho một nước Việt Nam duy tân!.. Tôi tin và khát khao như thế.

²² Đã 36 năm đất nước độc lập thống nhất rồi mà vẫn chưa thực hiện xong bước đi đầu tiên này để tiến tới một Việt Nam hạnh phúc, cường thịnh, thậm chí nguy cơ nô dịch của ách chur hầu kiêu mới đang cận kề. Vậy thì gần một nửa thế kỷ trước nhân dân ta đổ xương máu để làm gì?

Cục diện thế giới trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay đang mang lại cho đất Việt Nam cơ hội phát triển và thách thức chưa từng có, nhưng nguy cơ dân tộc ta để vượt mất cơ hội và bất lực trước mọi thách thức là rất lớn. Đứng trước bước ngoặt định mệnh của đất nước, chẳng lẽ dân tộc ta cam chịu bị khuất phục?

Cần tỉnh táo đánh giá chuẩn xác toàn bộ thực trạng nêu trên, chứ không mặt sát nhau hay đổ lỗi cho nhau – theo đúng tinh thần khép lại quá khứ, không ngoái lại quá khứ. Tất cả chỉ với mục đích nhìn ra sự thật, nhìn thẳng vào sự thật. Đồng thuận nhìn nhận được sự thật, sẽ đồng thuận nhìn nhận được lỗi ra, sẽ từng bước vạch ra được, và sẽ đồng thuận một lòng thực hiện được không gì có thể ngăn cản con đường đi lên của đất nước theo mệnh lệnh từ trong mỗi con tim chúng ta: “*Khép lại quá khứ, không ngoái lại quá khứ, cùng nhau thực hiện hòa hợp hòa giải đoàn kết dân tộc, tất cả vì Tổ quốc!*”

Chắc chắn tất cả chúng ta còn phải lao động cật lực cho việc trả lời câu hỏi “*Làm như thế nào?*” Nhưng tôi có niềm tin sâu sắc: Nhận thức được vấn đề, xác định được điểm khởi đầu, sẽ dần dần gỡ ra được tất cả, và từ đó nhất định sẽ trả lời được câu hỏi “*Làm như thế nào?*”

Nếu Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định không thôi làm vua thì sao?

Có nhiều câu trả lời lắm. Tôi ước gì có diễn đàn mở, để lắng nghe ý kiến và thu hút trí tuệ cả nước. Bàn về vận mệnh đất nước, nên chẳng ai được phép độc quyền chân lý, càng không thể độc quyền yêu nước.

Hơn nữa, công khai minh bạch, thúc đẩy sự đồng thuận xã hội theo tinh thần *khép lại quá khứ, không ngoái lại quá khứ, cùng nhau thực hiện hòa hợp hòa giải đoàn kết dân tộc, tất cả vì đất nước*, chắc chắn là điều kiện tiên quyết để sàng lọc, phát huy trí tuệ và người tài đang rất cần cho đất nước trước bước ngoặt của định mệnh đang tìm đường đi lên.

IV. Ba thách thức đương đại - Thay cho kết luận

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc đang đứng trước những đòi hỏi hoàn toàn mới, bắt buộc phải thay đổi hẳn chiến lược phát triển đất nước. Sự xuất hiện siêu cường Trung Quốc đang gây nên nhiều điều bất định cho chính bản thân Trung Quốc và cả thế giới – nhất là nước láng giềng như Việt Nam và các nước trong khu vực. Với khúc đạo đầu là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới 2007 – 2008, kinh tế thế giới bắt đầu đi vào một thời kỳ có nhiều biến động mới chưa có tiền lệ với nhiều hệ quả chính trị sẽ thay đổi sâu sắc trật tự thế giới hiện nay. Đây là ba thách thức đương đại Việt Nam phải đối mặt trong thập kỷ hiện nay

và trong vòng vài thập kỷ tới. Trong thế giới quyết liệt này, Việt Nam sẽ bị đắm chìm trong nghèo hèn và lệ thuộc, hay tìm được con đường vươn lên thành một quốc gia phát triển, tất cả chỉ phụ thuộc vào Việt Nam xử lý thất bại hay thành công ba thách thức đương đại này.

Ba thách thức đương đại này đòi hỏi Việt Nam phải mở ra một thời kỳ phát triển mới với nội dung:

- a) Chiến lược phát triển kinh tế phải thay đổi hẳn, để đi vào thời kỳ phát triển bền vững cho phép khai thác tối đa mọi ưu thế lớn nhất của Việt Nam là nguồn lực con người năng động, điều kiện đất đai khí hậu phong phú²³, và vị trí địa lý tự nhiên vô cùng thuận lợi nhưng cũng đầy thách thức, để phát triển những sản phẩm có nhiều lợi thế nhất trên thị trường dù cho kinh tế và chính trị thế giới cũng như trong khu vực Đông Nam Á phát triển và biến động như thế nào. Chắc chắn đó phải là một nền kinh tế có hàm lượng trí tuệ, tri thức, công nghệ và văn hóa ngày càng cao, trở thành một nền kinh tế có khả năng thích nghi với những thay đổi sâu sắc đang diễn ra trong kinh tế và chính trị thế giới, có khả năng hội nhập ngày càng sâu trên thị trường toàn cầu²⁴.
- b) Phải xây dựng và thực hiện một nền ngoại giao một mặt có khả năng tạo ra môi trường quốc tế và khu vực thuận lợi nhất cho việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam nêu trên [điểm (a)], mặt khác xây dựng Việt Nam trở thành một thành viên dân thân vì những lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, trở thành một đối tác, một cầu nối mà cộng đồng quốc tế và trào lưu tiến bộ trên thế giới đang cần - vì lợi ích của Việt Nam, và vì lợi ích của hòa bình, dân chủ, quyền con người, bảo vệ môi trường, và những tiến bộ khác của thế giới.

Phải xây dựng một nền nội trị làm nền tảng cho chế độ chính trị có khả năng thực hiện tốt nhất hai nhiệm vụ (a) và (b) nêu trên. Điều khác hẳn với giai đoạn từ khi tiến hành đổi mới đến nay và cần nhấn mạnh là:

²³ Xin đừng nhầm với “kinh tế khoáng sản” đang làm đất nước lụn bại và tàn phá môi trường.

²⁴ Chịu khó động não với tầm nhìn dài hạn, chắc chắn sẽ tìm ra được cho Việt Nam nhiều sản phẩm như thế. Chắc chắn những tư duy, quan điểm, triết lý về công nghiệp hóa – hiện đại hóa, về phát triển nông nghiệp và nông thôn, về khu vực dịch vụ... như đang thống soái nền kinh tế Việt Nam hiện nay đã trở nên lỗi thời và sự thật là đang kìm hãm sự phát triển của đất nước. Đã đến lúc phải xem lại tất cả. Rất đáng huy động trí tuệ trong ngoài nước tổ chức nghiên cứu chủ đề này.

Bước vào thời kỳ phát triển mới này, nhiệm vụ thứ ba này [nhiệm vụ (c)] phải có những bước đi trước, những bước đi tiên phong mở đường và làm *bà đỡ* cho quá trình triển khai nhiệm vụ (a) và nhiệm vụ (b). Ngày nay nhiệm vụ thứ ba này trở thành điều kiện tiên quyết cho thực hiện thành công hai nhiệm vụ trên. Có thể nói ngay, xây dựng một nền nội trị mới như thế chắc chắn là một quá trình không ít đau đớn – vì những sai lầm và hệ quả do quá khứ để lại, vì sẽ phải trả giá cho những thất bại mới lúc này lúc khác không thể tránh được trong quá trình đi vào thời kỳ phát triển mới. Cần ý thức đầy đủ con đường chông gai này.

Với vị trí hiện có của trí tuệ trong chế độ chính trị và trong xã hội Việt Nam; với hiện tượng “đảng hóa”, hiện tượng “tư tưởng nhiệm kỳ” như đang diễn ra trong hệ thống chính trị và trong đời sống hàng ngày; với những di sản và hệ quả của một quá trình dài đất nước bị cái “*giả, diễn, hão*” thao túng, thử hỏi: Hôm nay đất Việt Nam còn lại bao nhiêu dư địa cho tầm nhìn, cho ý thức trách nhiệm, cho khát vọng đào sâu suy nghĩ để hình thành một chiến lược như thế cho thời kỳ phát triển mới; còn lại bao nhiêu tiềm lực và nghị lực cho đầu tư vào việc mở ra cho đất nước một thời kỳ phát triển như thế; còn lại bao nhiêu bản lĩnh tự xem xét lại chính mình, để thay đổi, để vượt qua nỗi sợ của chính mình, để chấp nhận đi vào con đường của phát triển?

Ai là người phải trả lời những câu hỏi này? Đất nước không có nhiệm kỳ, mà chỉ có những vấn đề ngồn ngang trong hiện tại và những thách thức phía trước. Đất nước chỉ có sự lựa chọn thắng hay bại.

Tự trung lại, cả ba thách thức đương đại ngoạn cổ đặt Việt Nam trước ngã ba đường. Một ngã là tiếp tục trạng thái đất nước phát triển èo uột như hiện nay (cách nói văn hoa nhưng không chính xác là trạng thái *quốc gia “mắc vào cái bẫy có mức thu nhập trung bình”*), không thích nghi được với những biến động mới và lại một lần nữa tiếp tục lờ nhịp với sự phát triển của thế giới, khó tránh khỏi nguy cơ đổ vỡ đẫm máu. Một ngã dẫn đến con đường của một quốc gia phát triển²⁵. Đất nước sẽ chuyển mình đi vào ngã đường nào, tất cả tùy thuộc vào trí tuệ và ý chí mà nhân dân ta có thể trang bị được cho mình.

Sự lựa chọn nhất quyết phải lựa chọn thiết nghĩ là con đường duy tân đất nước! Kiên trì chịu đựng mọi hy sinh và khó khăn gian khổ để duy tân đất nước!

²⁵ Nguyễn Trung, *Ngã ba 2007*, Hà Nội, 11/2007.

Đã đến lúc mỗi lo chung về vận mệnh đất nước cần được từng người dân chúng ta chia sẻ, gánh vác theo tinh thần Diên Hồng. Quyền và nghĩa vụ này là bất khả xâm phạm! Tự do dân chủ sẽ là động lực phát huy tiềm năng của dân tộc ta ./.

Hà Nội, tháng 07-2011

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Trung, “Việt Nam trong thế giới thập kỷ thứ hai thế kỷ 21”, Tạp chí Thời Đại Mới, số 18, 3/2010.

Nguyễn Trung, “Trách nhiệm lịch sử”, Tạp chí Thời Đại Mới, số 19, 7/2010.

Nguyễn Trung, “Biển Đông – cái biển hay cái ao?”, Tạp chí Thời Đại Mới, số 20, 11/2010.

Nguyễn Trung, “*Tô-tem* sói ngày nay là con sói ngày càng hung dữ”, Tạp chí Thời Đại mới, số 21, 05/2011.

Nguyễn Trung, “Ngã ba 2007”, tạp chí *Tia Sáng* 12-2007 và 1-2008.